

MONIQUE BRINSON DEMERY

Mai Sơn dịch



Madam Nhu

TRẦN LÊ XUÂN

QUYỀN LỰC BÀ RỘNG



NXB Hội Nhà văn

Madam Nhu Trần Lệ Xuân Quyền Lực Bà Ròng

MoniqueBrinson Demery

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Chương 1

PARIS, 2005

Vào thời điểm tôi bắt đầu tìm hiểu bà Ngô Đình Nhu thì bà đã sống lưu vong hơn bốn chục năm rồi. Năm 1963, ở đỉnh cao danh vọng của bà, tờ New York Times gọi vị Đệ nhất Phu nhân miền Nam Việt Nam ba mươi chín tuổi này là người đàn bà "quyền lực nhất" ở châu Á và so sánh bà với Lucrezia Borgia. Nhưng chính cái tiếng tăm Rồng Cái của bà đã mang đến cho bà sự khác biệt đích thực. Khi các nhà sư tự thiêu trên đường phố Sài Gòn, phản ứng của bà Nhu là tàn bạo không thể tả: "Cứ để họ tự thiêu, rồi chúng ta sẽ vỗ tay", bà mỉm cười nói. "Nếu các Phật tử muốn có thêm một cuộc nướng thịt, tôi sẽ hân hoan cung cấp dầu xăng và một que diêm". Vẻ đẹp nguy hiểm, với đôi mắt đen nhanh chóng trở thành biểu tượng của mọi sai lầm cho sự can dự của Mỹ vào chiến tranh Việt Nam.

Bà Nhu biến dần khỏi đời sống công cộng sau tháng Mười Một năm 1963, khi chồng bà, Ngô Đình Nhu, và anh chồng bà, Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm, bị giết chết trong một cuộc đảo chính được chính quyền Mỹ bật đèn xanh ủng hộ. Như Tổng thống John F. Kennedy giải thích với người bạn thân của ông, Paul "Red" Fay, Hoa Kỳ phải loại trừ anh em họ Ngô một phần vì bà Nhu. "Con chó cái đó", ông nói với bạn, "nó gây ra hết... Con chó cái đó chĩa mũi vào và làm mọi thứ ở đó sôi sục lên hết".

Đã có nhiều cuốn sách mô tả biến cố tháng Mười Một năm 1963 và coi sự lật đổ anh em họ Ngô như yếu tố then chốt dẫn đến việc Mỹ leo thang chiến tranh ở Việt Nam. Nhưng những nghiên cứu lịch sử về vụ đảo chính phần lớn đã không nhìn ra vai trò của bà Nhu. Làm thế nào mà một người đàn bà thậm chí chưa tới bốn mươi tuổi - và cao chưa tới một mét sáu với giày cao gót - có thể thu hút sự chú ý hoàn toàn của một siêu cường như Mỹ, và lôi kéo nước Mỹ vào một cuộc xung đột sẽ kéo dài thêm một thập kỷ và lấy đi mạng sống của hàng triệu người?

Tôi đã ở Paris để tìm hiểu - mặc dù, tôi phải thừa nhận, tôi hơi lo lắng. Phóng viên hãng tin AP (Associated Press) Malcolm Browne, từng được giải Pulitzer, viết trong hồi ký của ông rằng, từ "kinh nghiệm cá nhân" ông biết bà Nhu "có thể là kẻ thù nguy hiểm nhất mà một người có thể gặp". Và đó chính là điều gây tò mò. Rồng Cái là hình ảnh tượng tượng kiểu Tây phương về một người Đông phương - dâm dục, suy đồi, và nguy hiểm. Cái khuôn mẫu độc ác này đã đúc ra những người đàn bà châu Á quyền lực trước bà Nhu, như bà Tống Mỹ Linh, vợ Tưởng Giới Thạch và Từ Hi Thái Hậu. Vụ án phản quốc Tokyo Rose, giọng nói nữ của chương trình phát thanh tuyên truyền Nhật Bản trong Thế chiến thứ hai, vẫn còn in đậm trong ký ức chung ở Mỹ khi bà Nhu buộc tội những người Mỹ ở Việt Nam đã hành động như "những tên lính đánh thuê". Hậu quả là hình ảnh Rồng Cái mà công chúng thấy ở bà Nhu là một chiêu, như một tên vô lại ria xoắn trong một kịch bản Hollywood tồi, mà như vậy thì hơi quá dễ dãi.

Mặc cho bạn nghĩ gì về bà, bà Nhu đã trực tiếp thò tay nhào nặn lịch sử. Nhưng bà đã im lặng trong mấy chục năm. Dù nổi tiếng là bộc trực, bản thân người đàn bà này đã cho thế giới biết rất ít về mình. Bà Nhu đã đuổi phóng viên New York Times cuối cùng tìm cách tiếp cận bà ra khỏi thêm nhà mình ở Ý vì quá ồn ào. Chuyện đó xảy ra vào năm 1986.

Dù gần hai mươi năm đã trôi qua, không có lý do gì cho thấy tôi sẽ có thêm chút may mắn nào, tôi tự nhủ khi nhìn lên tòa nhà bên kia đường. Cách chỉ vài trăm mét sau lưng tôi, tháp Eiffel vươn cao sừng sững. Tôi cố giữ kín đáo khi đếm các tầng của tòa nhà. "Một bà già gan lì", tôi nghĩ. Theo những gì mà nhiều người biết, trong đó có những người được gọi là chuyên gia mà tôi đã phỏng vấn, bà Nhu đang sống trong một biệt thự xập xệ tường vôi trắng, đầu đó ở ngoại ô Rome. Đã từng có những đồn đoán về việc bà còn sống hay đã chết.

Nhưng tôi có lý do để tin rằng bà ở đây, giữa Paris.

Việc tôi tìm hiểu bà Nhu bắt đầu đơn thuần vì tò mò. Tôi ra đời năm 1976, khoảng mười bảy tháng sau khi kết thúc chiến tranh [Việt Nam]. Như hầu hết những đứa trẻ lớn lên trong những năm 1980, những hiểu biết đầu tiên của tôi về Việt Nam đến từ phim ảnh; người lớn chắc chắn đã không nói nhiều về nó; nó là một tập âm của những cánh quạt máy bay trực thăng đập mạnh, những lều tranh bốc cháy, và những cánh rừng nhiệt đới bị bom na-pan tàn phá. Tôi giữ mãi ấn tượng đó cho đến năm thứ hai đại học, khi tôi ghi danh một học kỳ nước ngoài tại Đại học Quốc gia Việt Nam ở Hà Nội, mà tôi nghĩ chỉ học cho vui. Bộ Ngoại giao Mỹ khuyến cáo nên tiêm phòng bệnh thương hàn, uốn ván, và bệnh dại, cũng như mang theo thuốc chống muỗi và i-ốt. Cha tôi sùng sốt: "Cha đã trải qua những năm hai mươi tuổi tìm cách thoát ra khỏi Việt Nam, còn bây giờ thì con tìm cách bước vào đó!"

Đến trước năm 2003 tôi đã lấy được bằng thạc sĩ về châu Á học, đã sống ở Việt Nam hai lần, và nhận được học bổng của Bộ Giáo dục Mỹ, điều đó khiến tôi hết sức tự tin vào các kỹ năng tiếng Việt của mình - miễn là chỉ nói về những chuyện đơn giản, như thực đơn hay thời tiết. Nhưng khi nghĩ đến chuyện tìm một việc làm thực sự, tôi ước gì tôi đã làm nhiều hơn là lấy được chiếc bút CIA tuyệt đẹp tại hội chợ việc làm cho sinh viên.

Thay vì đối mặt với một tương lai bất trắc, tôi tìm thấy sự thoải mái ở nơi tôi luôn có - trong sách vở. Tôi không ngừng trở lại tầng hai Thư viện trung tâm của thành phố Boston, nơi lưu giữ những cuốn sách viết về Việt Nam. Bốn, năm người đàn ông trạc tuổi cha tôi mặc những cái áo choàng lơ cở và những cái quần lụng thụng, thường ngồi quanh những chiếc bàn đặt cạnh các giá sách. Mùi cà phê thiêu vương vẩn trong không khí chung quanh họ. Thật khó để tôi hòa giải một Việt Nam tôi biết từ năm 2004 - những gương mặt thân thiện, chợ búa nhộn nhịp và những thành phố hiện đại, với một xứ sở - và cuộc chiến - đã chôn vùi quá nhiều cuộc đời. Những người đàn ông này có thể đã là gì nếu không có cuộc chiến tranh ở Việt Nam?

"Cuộc đời đầy tình cờ", cha tôi thường nói, như một câu thần chú. Ông nói câu đó như để an ủi. Đó là cách ông xoa dịu cảm giác ngây thơ của tôi về bất công, và là cách ông hiểu thế giới này. Cha tôi nhận được lệnh gọi nhập ngũ qua bưu điện vào năm 1966, ngay sau khi tốt nghiệp đại học. Ông đã được nhận vào học sau đại học và được cấp lương của trợ giảng, nhưng ủy ban quân dịch đã bác đơn xin hoãn nhập ngũ của ông. Các thông số của cha tôi gần như bảo đảm ông vào bộ binh ở Việt Nam, nên giống như nhiều người cùng chung hoàn cảnh, ông nộp đơn vào trường Sĩ quan và được nhập ngũ. Ông gặp nhiều thuận lợi hơn, vì là sĩ quan tình nguyện, so với một anh lính quân dịch đi tuần.

Chỉ vài tuần trước khi đến hạn phải trình diện trại huấn luyện, cha đang xem truyền hình trong phòng khách ở nhà ông bà tôi. Tổng thống Lyndon Johnson xuất hiện trên màn hình và thông báo mở rộng diện hoãn thi hành quân dịch đối với các thầy giáo cao học. Cha nhảy cẫng lên khỏi ghế và ôm chầm lấy bà tôi; nhanh nhẹn và bình tĩnh, ông gọi cho ủy ban quân dịch địa phương, xác nhận hoãn nhập ngũ, rồi lấy quần áo trong các túi xách ra.

Ông bị các sĩ quan tuyển quân, những người nóng lòng muốn đạt chỉ tiêu, và Don bạn ông, trách móc.

Don và cha tôi cùng đi đến trường đại học mỗi ngày suốt bốn năm. Họ là lán giềng của nhau trong khu ngoại ô của người lao động ở Seattle, và sống ở nhà cha mẹ mình để tiết kiệm tiền phòng và tiền cơm tháng. Họ từng băn khoăn học vấn của họ sẽ thế nào khi xuất thân từ gia đình nghèo. Don cũng có một chỗ trong chương trình sau đại học. Ông lẽ ra có thể sử dụng quyền hoãn nhập ngũ như cha tôi.

Nhưng Don cho rằng hoãn dịch chẳng để làm gì. Ông thuyết phục cha tôi trở lại đăng ký, "Chỉ để cho xong quách cho rồi", ông lý luận. Họ sẽ thực hiện một chuyến đi nghỉ vụ ngắn ngủi ở Đông Nam Á trước khi sống phần đời còn lại của mình.

Hai tuần sau khi Don có mặt ở Việt Nam, chiếc máy bay trực thăng chở ông bị bắn rơi và ông thiệt mạng.

Khi còn là một cô gái, tôi thường nhón chân lên kệ sách trong phòng khách để lấy cuốn Time-Life bìa nâu nói về chiến tranh Việt Nam. Những tấm ảnh kinh khủng và hấp dẫn, gợi cho tôi nhiều câu hỏi mà người lớn khó có thể trả lời hết. Có một tấm ảnh chụp một cảnh sát người Nam Việt Nam bắn vỡ đầu một người đàn ông và một tấm chụp một cô bé trần truồng bỏng lửa đang chạy trên đường. Nó là một cuộc chiến tranh mà tôi sẽ không bao giờ tìm hiểu, tôi nghĩ vậy, nhưng thay vì gấp sách lại, tôi cứ thường xuyên mở ra đọc. Tấm ảnh tôi thích nhất là của Larry Burrows chụp bà Nhu năm 1962. Với những lọn tóc đen và móng tay sơn bóng nháng, bà nổi bật lên giữa đám đông mặc binh phục màu lục vàng thời chiến. Mặc chiếc áo dài truyền thống Việt Nam, màu trắng tinh khiết, và với cái eo nhỏ xíu, có thể nói bà là người đàn bà thanh nhã ngoại trừ khẩu súng lục màu đen mà bà giương lên, nhắm và sẵn sàng bắn. Có lần người anh chồng của bà, Tổng thống Ngô Đình Diệm, nghi ngờ sự kín đáo của cái áo vét vừa khít thân hình mảnh dẻ của bà Nhu, ý nói đến sự hở vai hở cổ của nó, nghe nói bà đã làm ông cứng họng bằng câu trả lời khinh thị: "Không phải cổ anh lòi ra mà là cổ tôi. Nên anh im đi giùm".

Sự tò mò về bà Nhu của một thiếu nữ như tôi dần dần chuyển thành sự nhìn nhận một vấn đề rất thời đại. Một người đàn bà ăn mặc hoàn hảo và chăm sóc vẻ ngoài sẽ luôn bị buộc tội là thiếu nghiêm túc về những chính sách xã hội đang thay đổi. Ngày nay, Michelle Obama bị chỉ trích vì hai bắp tay và tóc ngang trán, nhưng bà chỉ là Đệ nhất Phu nhân Hoa Kỳ gần nhất vật lộn với các câu hỏi về phong cách và quyền thế. Jacqueline Kennedy, người cùng thời với bà Nhu vào năm 1963, là một biểu tượng Mỹ về thời trang, sự thanh lịch, và yêu kiều. Lúc đó, bà cho rằng phụ nữ nên đứng ngoài chính trị vì "họ không phù hợp". Jackie tự hào về cuộc hôn nhân "châu Á" của mình và hoàn toàn không phản đối bà Nhu, kẻ "đam mê quyền lực một cách kỳ dị".

Việc thiếu những câu trả lời dễ dàng về bà Nhu bảo đảm rằng ý đồ của tôi vẫn còn cho đến khi tôi nhận ra mình ngồi trong thư viện hàng giờ không biết làm gì. Đi ngang qua những cái nhìn chăm chăm trống rỗng của các cựu chiến binh từng tham chiến ở Việt Nam, ngồi cùng tôi cạnh các giá sách, tôi bắt đầu ráp nối câu chuyện cuộc đời của người đàn bà mà mọi người nói là đã gây ra quá nhiều rắc rối.

Tôi vẫn chỉ có những nét phác thảo về câu chuyện bà Nhu khi tôi đặt chân xuống Paris hai năm sau. Tôi đã lần theo một dấu vết mờ nhạt dựa trên bài báo của một người mà tôi chưa từng nghe tiếng, đăng trên một trang web tiếng Việt ít người đọc. Tác giả nói đã phỏng vấn bà Nhu, người mà ai cũng biết là sống ẩn dật, trong căn hộ của bà ba năm trước, năm 2002. Tôi đã tính bác bỏ tuyên bố đó, nhưng tác giả đã nói chính xác về căn hộ tầng mười một có cửa sổ nhà bếp nhìn ra tháp Eiffel. Chi tiết mô tả đó nhắc tôi nhớ đến một chuyện.

Trong khi sục sạo đồng hồ sơ của Clare Boothe Luce ở thư viện Quốc hội vài tháng trước, tôi tìm thấy một lá thư của bà Nhu, đánh dấu bưu điện năm 1964. Luce từng là tác giả, nghị sĩ Mỹ, và, với tư cách một người ủng hộ kiên định những chính kiến cực bảo thủ của Đảng Cộng hòa ở Washington, bà có vẻ

là bạn của bà Nhu. Địa chỉ người gửi được viết nguệch ngoạc ở mặt sau bì thư cho tôi ấn tượng đầu tiên về lối viết chữ nét mảnh của bà Nhu. Khi tôi đọc đến chỗ nhà có khoảng không nhìn ra tháp Eiffel, tôi nhớ lại mình đã cẩn thận phỏng theo nét chữ ngoằn ngoèo của bà vào sổ tay: Đại lộ Charles Floquet. Tôi chưa từng nghĩ rằng bà có thể vẫn còn sống ở đó, nhưng giờ đây tôi tự hỏi, tại sao không?

Một cái liếc nhìn và tôi biết tôi sai. Tòa nhà tráng lệ trên đại lộ Charles Floquet nơi bà từng sống, trông như chỗ trú ẩn của một nhà độc tài bị truất phế cho đến khi nhả túi. Nhưng nó chỉ có tám tầng. Thậm chí khi xét đến thiên hướng châu Âu về thiết kế tầng lầu bên trên tầng trệt tầng thứ nhất, tòa nhà này vẫn còn thiếu tầng mười một mà lâu nay tôi tìm.

Tôi gần như bỏ cuộc ngay chỗ này. Ngay cả khi bài báo viết đúng và bà Nhu đang sống ở Paris, phải có đến hàng trăm tòa nhà kiêu hãnh với khoảng trời nhìn ra tháp Eiffel? Có thể bà ở cách đây một dặm mà vẫn nhìn thấy nó. Cái tháp này là vật duy nhất nổi bật giữa một thành phố bằng phẳng như thế. Đúng lúc tôi ngược nhìn đường chân trời để nguyên rửa cái mỹ học của thành phố đẹp nhất thế giới này, tôi chợt nghĩ một điều điên rồ. Tôi ngồi xuống băng ghế đá gần đó và nhìn quanh. Một thành phố thấp như thế đơn giản là không có nhiều tòa nhà mười một tầng - nhất là ở khu vực này của Paris. Tôi phải đi tiếp cho đến khi tìm ra một tòa nhà như vậy.

Tôi vừa qua khỏi một dãy nhà thì thấy chúng: ba tòa nhà giống nhau, một sai lầm nửa thế kỷ, gần đại lộ Suffren dọc bờ sông Seine. Tất cả đều là bê tông và những góc cạnh đã xiên lệch. Không sao - tôi choáng váng khi nhìn thấy chúng, vì mỗi tòa nhà cao đến mười hai tầng lộng lẫy. Tại tòa nhà đầu tiên, tôi thấy một gói nhỏ của một phụ nữ ăn mặc xuề xòa đang quét cầu thang. Tôi ngập ngừng tiến đến gần cô nói "Excusez moi" (tiếng Pháp: Xin lỗi bà) và hỏi tiếp, hết sức lịch sự, có một bà già người Việt sống trong tòa nhà của cô ở tầng mười một không. Cô ngừng tay đủ lâu để chỉ cái tòa nhà kế bên. "Tôi chắc là cô đang tìm người đàn bà ở số 24", cô vừa nói vừa cười mỉm và lắc đầu. Có thể tôi hoang tưởng, nhưng hình như cô ta đang cười cợt tôi.

Cô ta không phải là người đầu tiên nghi ngại tôi. Khi tôi thổ lộ với giáo sư cổ vấn cao học của mình rằng tôi đang đi tìm Ròng Cái, bà đã ném cho tôi cái nhìn trịch thượng - tôi nghĩ vậy, vì, như những người khác, bà cho rằng bà Nhu đơn giản chỉ là một chủ đề quá ngớ ngẩn. Tôi đã mất nhiều thời gian để hiểu rằng, vị giáo sư cổ vấn của mình, người đã sống ở Sài Gòn suốt thời kỳ tham chính của bà Nhu và nhìn thấy bạn học của mình bị cảnh sát Nam Việt Nam bắt giữ, đã không nghĩ bà Nhu là một đề tài đáng xem lại.

Nhưng bây giờ tôi gần đến nơi rồi. Phấn chấn bởi một cái gì đó như là sự tự tin, hoặc có lẽ là sự lạc quan ngây thơ, tôi bấm chuông chỗ người bảo vệ ở số 24 đại lộ Suffren, và khi bà xuất hiện, tôi toét miệng cười nhìn bà. Sau khi bà để tôi vào trong, tôi thả lên bàn cái phong bì mỏng màu xanh để tên Bà Ngô Đình Nhu.

"Cô muốn cái gì?" bà bảo vệ làu bàu hỏi. Bà hơi thiếu lịch sự thôi chứ không hằn thù, nhưng tôi không quan tâm. Bà khẳng định bà Nhu ở trên lầu.

"Xin bảo đảm bà ấy nhận được cái này giùm tôi", tôi nhẹ nhàng đáp. Bên trong phong thư là mẫu viết ngắn cẩn thận đề nghị một cuộc phỏng vấn và một trong những tám danh thiếp chạm nổi do tôi tự làm phòng khi cần tỏ ra mình chuyên nghiệp. Ngày mai, bà Nhu sẽ biết đích xác tôi là ai. Khi tôi đi ngược về ga tàu điện ngầm, tôi đã lướt qua trong đầu những gì tôi sẽ nói khi bà gọi cho tôi: Tôi rất muốn làm cho câu chuyện về bà sáng rõ, tôi rất hy vọng lấp đầy những khoảng trống của lịch sử, và tôi dám nghĩ rằng chúng ta có thể bảo lưu phần nào di sản của Ròng Cái. Tôi chưa bao giờ có ý nghĩ rằng bà ấy có thể có những kế hoạch của riêng mình.

Chương 2

NHỮNG NĂM MÒ BỊ BỎ QUÊN

Không ai nghe nói gì về bà Nhu kể từ mùa hè năm 1986 - mùa hè mà song thân bà, Trần Văn Chương và Thân Thị Nam Trân, bị sát hại.

Cha mẹ bà Nhu từng rất nổi tiếng trong giới ngoại giao, thậm chí có một giai đoạn ngắn họ nổi tiếng vì công khai từ chối đưa con gái Rồng Cái vào năm 1963. Ở Việt Nam, vợ chồng ông Chương thuộc dòng dõi quyền quý: Ông Chương là đại địa chủ và là luật sư Việt Nam đầu tiên có bằng tiến sĩ luật của Pháp; bà Nam Trân, là công chúa, con của Kiên Thái Vương (em vua Tự Đức). Họ sống một cuộc đời vương giả ở Việt Nam trước chiến tranh, với hai chục người hầu hạ từ đầu đến chân. Bà Chương bám chặt vào cảm giác vương quyền ngay cả khi giữ vai trò vợ của một nhà ngoại giao ở Washington, D.C. Khi tiếp khách, bà yêu cầu mọi người không được mặc y phục màu vàng, màu hoàng gia, ngoại trừ bà.

Vợ chồng ông Chương sống ở Washington khi ông được bổ nhiệm làm đại sứ Việt Nam Cộng hòa vào năm 1957. Hai người trở về Việt Nam qua những chuyến đi thăm ngắn ngủi vào những năm 1960, nhưng không bao giờ về nữa sau chiến thắng của những người Cộng sản năm 1975. Vợ chồng ông Chương về hưu đã lâu; ông tám mươi tám và bà bảy mươi sáu. Cặp vợ chồng già đang sống nhàn những ngày cuối đời trong khu ngoại ô vắng lặng của Washington, D.C, thì bị đứa con trai độc nhất giết chết tại nhà. Vụ sát hại đem câu chuyện gia đình bi thảm và kỳ quái của họ ra ánh sáng.

Bà Nhu không đến dự đám tang. Vào lúc đó, bản thân bà cũng đang già đi. Bà là người đàn bà ẩn dật sáu mươi tuổi đang sống trong một biệt thự xập xệ ở ngoại ô Rome với các con. Nghe đồn rằng bà Nhu đã vét sạch ngân khố Việt Nam Cộng hòa trước khi rời tổ quốc lần cuối, nhưng không còn nhiều dấu hiệu xa hoa bề ngoài nữa. Bà bán dần món của cải. Vài cây ô liu mọc um tùm và mấy con cừu đang nhai cỏ là tất cả những gì tách ngôi biệt thự mang cái tên ẩn tượng Serene Light (Ánh sáng Thanh bình) khỏi nội ô Rome lộn xộn. Những vật quý giá duy nhất của bà là những thứ bà xoay xở cất giữ khi rời Sài Gòn một mình, nữ trang và đồ lông thú bà đang mặc và những thứ bà nhét trong va li. Những thứ đó cũng sớm ra đi. Năm 1971, bà Nhu là nạn nhân của một vụ trộm nữ trang: bọn trộm đã cuồn đi vàng, ngọc bích, và đá quý trị giá 32.000 đô Mỹ¹. Bà Nhu có lẽ đã không đủ tiền để đi Washington, D.C, để thấy cha mẹ bà được chôn cất - chỉ ít là bà không đủ tiền để đi theo cách mà bà cho là thích hợp.

Khi bà Nhu đến Mỹ lần cuối cùng vào tháng Mười năm 1963, cha mẹ bà đã bỏ bà đứng trên thềm nhà họ ở Washington rồi đóng sầm cửa trước mặt bà. Cha bà gọi bà là kẻ "cuồng điên quyền lực" và nói "không muốn thấy mặt" bà nữa. Mẹ bà xúi mấy người Mỹ ném trứng và cà chua vào người bà.

Cãi lại là phá vỡ một giá trị Không giáo thiêng liêng nhất: lòng hiếu thảo. Con cái luôn phải tôn kính cha mẹ. Bà Nhu chỉ dám nói bóng gió rằng cha mẹ bà chắc là "bị say" rồi. Đó là một trong những luận điểm ưa thích của bà Nhu - bà dùng nó để chống lại cha mẹ bà, báo chí quốc tế, và thậm chí Tổng thống Mỹ John F. Kennedy. Nhưng ý nghĩa của nó trong tiếng Anh không hoàn toàn chính xác như bà nhầm tới. "Intoxicated" trong tiếng Pháp có nghĩa là bị đầu độc. Bà muốn bóng gió nói rằng những người Cộng sản đã đầu độc dư luận công chúng chống lại bà. Bà đang tìm cách ám chỉ rằng chiến thuật ghê gớm của Cộng sản đang có tác dụng - một chiến thuật nhằm làm cho người Mỹ xa lánh gia đình bà. Nhưng bà Nhu không lan truyền thông điệp đó. Thay vì vậy bà hay léo nhéo, buộc tội những ai bà

không thích là đang say. Sau vụ đảo chính 1963 ở Sài Gòn, báo chí tường thuật rằng bà Nhu đã giải hòa với cha. Ông Chương nói về sự giao hảo trở lại: "Trái tim tôi rất gần với trái tim con gái tôi".

Đối với hàng xóm, ông bà Chương chỉ là cặp vợ chồng già thân thiện, hay mỉm cười với trẻ con, cún con và mặc áo len ngay cả trong mùa hè. Ngôi nhà của họ, ở số 5601 đại lộ Western, là nhà gạch kiểu Georgia hai tầng với nội thất màu trắng. Rào giậu lúc nào cũng được cắt tỉa, lối đi trong vườn được quét tước sạch sẽ. Bác sĩ của ông Chương mô tả ông như một người đàn ông lịch sự vui vẻ, "rất thân thiện", vợ ông thì có hơi sôi nổi, luôn miệng cười. Không thể hình dung nổi đôi vợ chồng này đã sống qua ba cuộc chiến tranh, trốn thoát cảnh sát mật của thực dân, và đánh lừa được du kích Cộng sản chỉ để rồi thấy đoạn cuối của đời mình vào một đêm tháng Bảy tĩnh lặng trong sự an toàn của ngôi nhà riêng.

Báo cáo của cảnh sát mô tả chi tiết việc phát hiện hai thi thể. Bà Chương nằm trên người chồng. Cánh tay phải của bà vòng quanh ông, như thể bà chết trong lúc ôm hôn ông. Họ mặc pyjama sọc giống nhau, nhưng bộ quần áo của ông thấm đẫm nước tiểu. Mối trên của bà Chương bị dập, và dưới cằm có một vết trầy. Hai điểm đỏ xuất huyết trong mắt, khi máu rỉ ra từ các mạch máu li ti, một dấu hiệu rõ ràng cho thấy bị bóp cổ hoặc bóp mũi - trong trường hợp này có lẽ bằng một cái gối.

Mọi bằng chứng đều chỉ đến Trần Văn Khiêm, con trai duy nhất của ông bà Chương. Khiêm bị bỏ rơi lại Việt Nam năm 1963 và chịu nhiều đau khổ. Cho đến lúc đó Khiêm vẫn là đứa con dòng dõi của một gia đình quyền quý Việt Nam, từng không thiếu một cái gì trên đời. Khi chị của ông là Đệ nhất Phu nhân, ông được nhận một ghế trong Quốc hội của chính quyền Việt Nam Cộng hòa và những sứ mệnh ngoại giao ở nước ngoài. Khiêm chạy theo thời trang tay chơi điển hình, nhưng ông bị hấp dẫn vào những hoạt động chính trị ngầm, nhất là những âm mưu. Khiêm tung tin đồn ông là người đứng đầu lực lượng an ninh mật. Ông nói với nhà báo Úc Denis Warner rằng ông có một danh sách các nhân vật Mỹ sẽ bị giết ở Sài Gòn, bao gồm nhân viên đại sứ quán và quân sự. Chồng bà Nhu không thích ông lắm; ông cho rằng ông Khiêm không chín chắn và ương ngạnh. Nên khi Khiêm đến dinh thự thăm chị, bà Nhu nhất định phải đóng cửa dẫn đến phòng khách hoặc sử dụng phòng ngủ. Ông Nhu và ông Diệm sẽ không biết ông ta ở đó. Thực ra việc anh em họ Ngô thích hay không thích ông Khiêm không thành vấn đề. Ông ta là người của gia đình, và chiếc ô của chế độ đủ rộng để che chở ông. Không ai hăm hại được ông khi anh em họ Ngô vẫn nắm giữ quyền lực.²

Nhưng sau đó, khi bà Nhu đi lưu vong, ông Khiêm một mình ở Nam Việt Nam. Hội đồng quân nhân mới ở Sài Gòn bắt giam ông. Từ Washington, mẹ ông tìm cách can thiệp. Bà gọi điện cho Roger Hilsman ở Bộ Ngoại giao Mỹ, nài ông làm một điều gì đó để cứu đứa con trai duy nhất của bà. Ông nhớ lại rằng bà Chương rất quẫn trí, nhưng ngay cả trong lúc bị kích động, vẫn vô cảm và thực dụng. Ông Khiêm "chỉ là một thằng bé ngu ngốc", bà Chương van vỉ. Ông ta vô hại, chỉ là một kẻ đồ đốn "xuân ngốc vì chịu tác động của chị ông" là bà Nhu.

Những lời khẩn nài của bà Chương không được ai đếm xỉa tới. Đại sứ Mỹ Henry Cabot Lodge lẽ ra có thể giúp đỡ nhưng ông tỏ ra thờ ơ. Ông coi ông Khiêm là "kẻ rất đáng chỉ trích" và sẽ không can thiệp vào cái mà ông nói không chút mỉa mai là "sự thực thi công lý" của hội đồng quân nhân.³ Ông Khiêm bị giam trong một nhà lao cũ của Pháp ở Sài Gòn. Nhớ lại những ngày đó, ông gọi những gì họ làm với ông - làm ông mất ngủ và kiệt sức khiến tâm trí ông rối loạn - là "sự tra tấn khoa học".⁴ Nhưng chí ít ông cũng không bị hành quyết. Hội đồng quân nhân mới không thích những người lưu nhiệm từ chế độ cũ có thể đe dọa quyền lực của họ, nhưng rõ ràng họ không nghĩ ông Khiêm có thể gây ra nhiều đe dọa. Hoặc có thể ông ta sẽ hữu ích hơn cho họ nếu ông ta còn sống, một bằng chứng cho những gì đã xảy ra với những kẻ trung thành với chế độ cũ. Người em chồng của bà Nhu, Ngô Đình Cẩn, cũng không khá

hơn. Ông bị tê liệt vì bệnh tiểu đường do không được điều trị trong thời gian bị giam ở khám Chí Hòa đến mức người ta phải khiêng ông ra tòa án và đặt ông dựa vào bức tường trước khi đội thi hành án xử bắn ông.

Sau đó ông Khiêm bị đưa xuống tàu đày ra Côn Đảo, phải lao động khổ sai cho đến khi thân xác rệu rã và đầu óc mù mịt. Không ai biết những cuộc thương lượng kín nào đã giúp ông ra khỏi Việt Nam để đến Pháp, nhưng lúc bấy giờ, mới bốn chục tuổi ông Khiêm đã có vẻ ngoài của một ông lão. Ông mang bệnh tim và thận. Những tổn hại khác của ông, những tổn hại về thần kinh, không phát hiện được ngay.

Ông Khiêm không tìm được việc làm, mà ông lại có vợ và đứa con trai mười hai tuổi để phải lo toan. Cha mẹ ông nghĩ ra một cuộc xếp đặt có thể cứu vãn danh dự: họ nói vì họ ngày càng già yếu nên cần ông đến ở chung. Bằng cách cho phép ông Khiêm, vợ con ông, đến sống chung với họ ở Washington, cha mẹ ông đã giúp ông cũng nhiều như ông sẽ giúp đỡ họ, trên lý thuyết. Nhưng chuyện đó thực ra không bao giờ xảy ra. Những bữa cơm gia đình biến thành những cuộc cãi cọ, những bất đồng chính kiến về những câu chuyện đã qua lâu tại một chế độ không còn tồn tại nữa.

Ông bà Chương đã lấy hết can đảm để đuổi ông Khiêm ra khỏi nhà khi ông ta phát hiện di chúc của hai người. Ông Khiêm không được thừa kế. Trong lá thư được công chứng viết bằng nét chữ ngay ngắn, sít sao, bà Chương nói rằng con trai bà "cả đời đã hành xử như một đứa con bất hiếu, tồi tệ, thường xuyên gây ra không biết bao nhiêu là phiền phức và đau buồn cho cha mẹ. Lối hành xử như thế không thể nào quên và tha thứ được trong một gia đình Việt Nam truyền thống".

Với mọi bằng chứng chống lại mình, vụ sát hại ông Chương lẽ ra đã là vụ án dễ, nhưng rồi nó cứ dây dưa. Câu hỏi liệu ông Khiêm có giết cha mẹ ông không - vẫn không rõ ràng. Vấn đề là xác định ông ta có năng lực tâm thần để ra tòa vì hai vụ giết người có chủ định hay không. Nhóm luật sư của ông Khiêm đã phản đối mệnh lệnh của tòa buộc ông dùng thuốc đặc trị tâm thần để có đủ sự tỉnh táo cần thiết, nhưng vì thiếu những tiền lệ pháp lý, phải mất đến bảy năm trời kháng án để vẫn hỏi một phán quyết như vậy. Hành vi kỳ quái và những trò kịch giữa phòng xử án của Khiêm, việc đổ thừa cho những tác dụng phụ của thuốc, đã làm chậm tiến trình xử án.

Tình trạng tâm thần của ông Khiêm đã chẳng hề tiến triển trong bảy năm được trị liệu như một bệnh nhân pháp lý tại bệnh viện tâm thần St. Elizabeth nằm về phía tây nam Washington, D.C. Thiết chế này giống như sự bất chước có tính nhạo báng hình ảnh một dưỡng trí viện: hàng ngàn bộ não đã được bảo quản trong formaldehyde, và một lò thiêu tại chỗ đã thấp lè tè đồn đoán về những gì xảy ra với các nạn nhân bị phẫu thuật thùy não và những hợp chất làm thí nghiệm của CIA như "thuốc nói thật". Trang thiết bị hỏng hóc và thiếu thốn thuốc men là chuyện thường ngày, và hệ thống sưởi bị tê liệt hàng tuần lễ. ⁵ Ông Khiêm nằm ở bệnh viện St. Elizabeth mãi đến năm 1993. Tòa án tối cao đã bác đơn kháng cáo của ông vì sự thể rõ mười mươi rằng ông sẽ chẳng bao giờ có đủ năng lực tâm thần để tự bào chữa cho mình. Ông đã bị trục xuất qua Pháp và bắt vô âm tín kể từ đó. ⁶

Mỗi khi tôi hỏi bà Nhu về người em trai này, tôi đều nhận được sự im lặng. Thường thì bà sẽ nói, "Tất nhiên là cậu ấy vẫn còn sống!" nhưng tôi chẳng bao giờ tìm được chút manh mối nào về ông.

Những năm tháng bị tù đày và tra tấn đã làm mù mịt đầu óc của ông Khiêm. Ông tin rằng mình đã bị bủa vây trong một âm mưu của những kẻ phục quốc Do Thái chủ nghĩa - ông đã viết như vậy trong một lá thư gửi Tổng thống Ronald Reagan, và đó là trước khi ông cố kêu nài vị Tổng thống Hoa Kỳ ra trước tòa làm chứng cho ông. Cái ý nghĩ tự xoay xở lấy cuộc sống của mình mà không nhận được sự hỗ trợ vật chất nào từ cha mẹ đã cắt phăng những sợi chỉ mỏng manh kết nối ông Khiêm với thực tại. Bất luận những ý nghĩ cuồng dại nào đã lướt qua tâm trí ông khi ông siết ngạt song thân già yếu của

mình bằng chiếc gối trong phòng ngủ của họ, bà Nhu cũng đã bày tỏ đôi chút cảm thông. Nếu như bà ở lại miền Nam Việt Nam, ai biết được bà đã phải chịu đựng những gì? Em trai bà tuyệt nhiên không phải là một nhân vật tiếng tăm như bà; thế tất bà hẳn đã phải đối mặt với một số phận bi thảm hơn nhiều.

Bà Nhu đã về phe em trai mình. Bà tiếp tục quả quyết rằng ông Khiêm đã bị vu vạ tội sát nhân và một mực rằng song thân bà chết vì những nguyên nhân tự nhiên. Em trai bà thật sự là nạn nhân. "Những tên mật vụ cò môi" đã cố bịt miệng ông vì ông biết những bí mật khủng khiếp về nước Mỹ. "Họ [đã] quyết định thanh toán ông" bằng cách giả họa cho ông tội sát nhân và nhốt ông vào một nhà thương điên. Tuy không nói ra nhưng họ đây được ám chỉ là chính quyền Hoa Kỳ. Bạn không thể nào trách cứ gì bà Nhu cả - quả tình trong quá khứ chính phủ Hoa Kỳ từng có âm mưu hãm hại bà.

Cũng như ông Khiêm, bà Nhu đã bị loại ra khỏi chúc thư của cha mẹ mình. Mẹ của bà đơn giản tin rằng cô con gái thứ "đã không cần tôi chu cấp cho nữa". Bà Nhu không hài lòng. Trong khi vụ xét xử ông Khiêm bị sa lầy trong những vụ kháng cáo, bà đã thuê luật sư của ông Khiêm thay mặt bà và người em trai tâm thần bất toại đòi lại phần thừa kế trong di sản của song thân quá cố của họ. Động cơ của bà Nhu thật là ám muội nếu không nói là lá mặt lá trái: nếu tình trạng mất trí như là lý do biện hộ của ông Khiêm bị bác bỏ và ông bị kết tội, và nếu họ xoay sở lật ngược được vấn đề thừa kế, bà Nhu sẽ nhận được phần tài sản của mình. Vụ án lúc bấy giờ sẽ bị ném ra ngoài hệ thống tư pháp Hoa Kỳ vì lý do lợi ích xung đột.

Không lâu sau vụ án mạng, bà Nhu đã hoàn toàn im hơi lặng tiếng trước báo giới. "Đây là chuyện riêng của gia đình", là tuyên bố sau cùng của bà. Đây là một gia đình thực sự đặc biệt: Một con gái mệnh danh Ròng Cái bị lưu đày đến Rome, một con trai sát nhân bị giam giữ trong một nhà thương điên, và người con lớn nhất, Lê Chi Oggeri, sống một cuộc đời có vẻ bình dị của một giáo sư và nghệ sĩ ở Bắc Carolina, là kẻ độc nhất còn lại để than khóc cho song thân đã khuất. "Họ không đáng phải chịu kết cục này", Lê Chi buồn bã nói với các ký giả của Washington Post. "Những cuộc đời đẹp đẽ như vậy lẽ ra đã có một kết thúc có hậu".

Ông bà Chương được mai táng cách ngôi nhà nơi họ thiết thân năm dặm. Nghĩa trang Rock Creek là một khu vực ngồn ngộn rộng tám mươi sáu mẫu Anh, giữa một vùng điền viên tươi đẹp nằm ở góc tây bắc của thủ đô Washington, D.C. Một con đường nhựa hẹp uốn lượn lên xuống; những tấm bia mộ rải rác trên các ngọn đồi như những cột buồm nhấp nhô giữa một đại dương gợn sóng xanh lục. Chúng khắc một vài cái tên lừng lẫy của quá khứ - dòng họ Roosevelt và dòng họ Adams - và một vài tên tuổi lỗi lạc đương thời, như Tim Russert và Gore Vidal. Phần mộ đôi của ông bà Chương nằm ở khu L, phân nửa đoạn đường đi lên một con dốc nhỏ.

Cặp bia mộ làm bằng đá granite màu hoa hồng, với một hoa sen được chạm giản dị bên dưới mỗi cái tên của họ. Đại sứ Trần Văn Chương. Công chúa Nam Trân Trần Văn Chương. Trải qua hai mươi lăm năm nương dâu bãi bể, cuối cùng họ đã nằm bên nhau trên ngọn đồi này. Mộ của bà Chương không còn hoàn toàn thẳng tắp mà nằm hơi chênh chếch, như thể bà đang nghiêng về phía chồng mình vậy.

Vào buổi sáng mùa xuân tôi đến thăm ông bà Chương, những vạt cỏ um tùm gợn sóng xung quanh những tấm bia và giữa những ngôi mộ, khiến chúng trông có vẻ hơi tiêu điều. Với cô em dâu và đứa cháu gái đang ngủ trên chiếc xe nôi di động làm bạn đồng hành, tôi hình dung rằng chúng tôi là những vị khách đầu tiên mà ông bà Chương có được trong thời gian gần đây. Tôi bất chợt nhận ra mình đã tay không đến thăm họ. "Lẽ ra nên mang hoa theo", tôi lẩm nhẩm trong miệng.

Cô em dâu bước tới. Cô đặt chiếc nôi em bé giữa hai ngôi mộ, quỳ gối xuống, và bắt đầu nhỏ đám cỏ

dại. Cùng nhau, chúng tôi nhanh chóng dọn quang gọn nơi này. Khi chúng tôi kéo đám cỏ cao chen chúc quanh những tấm bia mộ, mùi hành dại lan tỏa trong không trung. Mùi này sẽ chỉ còn vương lại trên những đầu ngón tay chúng tôi trong một vài giờ, nhưng cảm giác thỏa mãn khi nhìn thấy và dọn quang những ngôi mộ đã lưu lại với tôi. Điều đó tượng trưng cho một nhiệm vụ trước mắt. Để tìm hiểu bất kỳ điều gì về Ròng Cái, tôi sẽ phải sắp đặt những chi tiết cuộc đời bà trong trật tự và đặt gia đình ông Chương vào một bối cảnh lớn lao hơn của lịch sử Việt Nam. Điều quan trọng là kể câu chuyện trước khi nó chịu sự ghẻ lạnh của một nấm mồ bị lãng quên.

Trước khi rời đi, tôi đặt tay lên mỗi tấm bia đá. Hình ảnh những gương mặt hiền từ của ông bà Chương trên tờ báo hiện lên trước mặt tôi. Tôi rất hối tiếc thương cho họ; những gì họ đã trải qua thật quá u khủng khiếp. Những lời của Lê Chi, con gái cả của họ, vang lên trong tâm trí tôi: "Bạn càng kể lể về những vinh quang của quá khứ, cái kết cục sẽ càng trở nên kinh khủng". ⁷

¹ Phần "Những Ghi Chú Về Người", New York Times, 16 tháng 10, 1971, 37.

Về lời cảnh cáo ấn tượng của ông Khiêm về danh sách đen, xem "Giác thư của Giám đốc Cục Nghiên cứu tình báo (Hughes) gửi Bộ trưởng Ngoại giao", 6 tháng 9 năm 1963, Foreign Relations of the United States (FRUS) - Quan Hệ Ngoại Giao Của Hoa Kỳ, 1961-² 1963, tập 4, Vietnam: August-December 1963 (Washington, D.C: GPO, 1991), 122-123; và Marguerite Higgins, Our Vietnam Nightmare - Ác Mộng Việt Nam Của Chúng Ta (New York: Harper and Row, 1965), 227. Tác giả có thông tin về việc anh em họ Ngô không thích Khiêm và những cuộc gặp gỡ bí mật với chị ông ta trong một cuộc phỏng vấn năm 2005 với John Phạm.

³ Cuộc gọi điện của bà Chương với Hilsman được kể tỉ mỉ trong Điện tín của Bộ Ngoại giao tới Sài Gòn số 764 (8 tháng 11 năm 1963); Về câu trả lời của Lodge, xem Điện tín của Đại sứ quán từ Sài Gòn số 984, 9 tháng 11, 1963.

⁴ Thư của Trần Văn Khiêm gửi cho Ký giả Úc Denis Warner, ngày 1 tháng 5, 1964.

⁵ Joe Holley, "Tussle over St. Elizabeth's: Preservationists Set Their Sights on What Could Become Department of Homeland Security Headquarters", Washington Post, 17 tháng 6 năm 2007, C1.

Về việc Khiêm bị đày qua Pháp, xem "Man Charged with Killing Parents Deported to France - Người Đàn Ông Mang Tội Giết Cha Mẹ Bị Đày Qua Pháp" của Santiago O'Donnell, Washington Post, 29 tháng 10 năm 1993, D6; và những ghi chép của Tòa án Tối cao ⁶ Hoa Kỳ, Khiem, Tran Van, Petitioner V. United States, 92-6587507 U.S. 924; 113 s. Ct. 1293; 122 L. Ed. 2d 684; 1993 U.S. LEXIS 1323; 61 U.S.L.W. 3582, 22 tháng 2, 1993.

⁷ Lê Chi được dẫn lời trong "A Journey from Glory to Grave; Vietnamese Claris Saga Began in Palace, May End in Court", của Sandra Saperstein và Elsa Walsh, Washington Post, 19 tháng 10, 1987, A1.

Chương 3

MỘT GIA ĐÌNH QUYỀN QUÍ

Càng tìm hiểu về những năm thiếu thời của bà Nhu, ánh hào quang của quá khứ gia đình bà càng kém vẻ lộng lẫy. Những gương mặt tươi cười của đôi vợ chồng già nua trong bức hình trên một tờ báo ở Washington năm 1986 thật khó lòng hòa hợp với bức chân dung u ám của ông bà Chương vốn đã xuất hiện. Những mảnh ghép hồi ức "khôn khở" về thời thơ ấu của bà Nhu gắn lại đúng chỗ khi tôi hiểu rằng không ai, tất nhiên ngoài song thân của bà, từng may mắn nghĩ đến việc một ngày nào đó bé gái nhỏ xíu này, chào đời trong một bệnh viện Hà Nội vào ngày 22 tháng 8 năm 1924, rốt cuộc sẽ trở thành một cái gì đó quan trọng.

Một ca sinh nở truyền thống sẽ diễn ra tại nhà với một bà mụ, người sẽ nói rằng sinh linh này không sẵn lòng để chào đời vì lẽ đứa bé nằm ngôi ngược, vì vậy mà không chịu trượt xuống ống sinh. Bà sẽ phản đối kẹp forcep, những dụng cụ nhỏ bé và khoa học hiện đại, như là sự can thiệp vào thiên ý. Một bà mụ sẽ bỏ mặc cho đứa bé, xanh xao yếu ớt, câm nín, và bất động, quay trở về bất luận giao lộ nào nằm đâu đó giữa thiên đường và trần thế dành cho những linh hồn chưa được đầu thai lang thang phiêu dạt.

Nhưng không có bà mụ nào trong ngày hôm đó cả. Đứa bé sẽ là một bé trai. Người mẹ chắc chắn điều đó đến độ bà đã thu xếp việc sinh nở trong bệnh viện. Bà đã trải qua nỗi khủng khiếp của cơn đau đẻ kéo dài, biết rằng điều đó xứng đáng - vì một đứa con trai.

Vị bác sĩ người Pháp có lẽ đã lo sợ sẽ bị khiển trách nếu có điều gì bất thường xảy ra. Đó là lần đầu tiên ông đỡ đẻ một em bé Việt kể từ khi ông đặt chân đến Đông Dương, nhưng đây là một ca đặc biệt.

Người thiếu phụ đầm đìa mồ hôi và máu đang nằm trên bàn là bà Chương, công chúa Nam Trân, một thành viên của hoàng gia.

Nhan sắc tuyệt mỹ của người con gái mười bốn tuổi này thật là hiếm hoi đến độ về sau nhờ đó bà đã giành được một tấm huân chương phong tặng bởi những người Pháp say mê bà, những người đã đặt cho bà biệt danh "Viên ngọc trai Á châu".¹ Mặc dù được dạy về nghệ thuật nội trợ, cũng như ca hát và thêu thùa, bà không bao giờ cần động đến dù chỉ một ngón tay mảnh dẻ, ngoại trừ để rung chuông gọi người hầu. Nhiệm vụ quan trọng nhất của bà với tư cách người vợ là sinh cho chồng một đứa con trai thừa tự.

Chồng bà xuất thân từ một gia đình địa chủ quyền thế. Là con trai cả của một thống đốc tỉnh ở Bắc Kỳ thuộc Pháp, ông Chương đã được ban cho mọi điều tốt đẹp nhất trần đời, từ một nền giáo dục Tây phương cho đến một cô dâu thuộc dòng dõi hoàng tộc.² Dòng họ Trần của ông vốn có quan hệ họ hàng với nhà vua, thành ra ông Chương cũng là một người bà con xa với vợ ông.

Vị bác sĩ người Pháp hẳn đã cảm thấy áp lực ghê gớm để cứu lấy cái hình hài tái nhợt cuối cùng đã lộ diện giữa một lớp màng nhầy nhụa huyết dịch. Đây là cơ hội để vị bác sĩ chứng tỏ bản thân - và sự vượt trội của nền y học Tây phương. Ông nắm chặt hai mắt cá chân của đứa bé và đét liên hồi vào cặp mông bé xíu cho đến khi những tiếng khóc đầu tiên bật ra.

Tiếng khóc ấy là lời chào đầu tiên của đứa bé sơ sinh với thế giới.³

Đó là một bé gái.

Một người mẹ trẻ mười bốn tuổi như bà Chương đã làm gì với đứa con mới đẻ, một nhúm thịt với gương mặt đỏ hồng, đang khóc toáng lên trong tay mình? Khi vừa mới chào đời, chẳng có mấy lý do để người ta tin rằng số phận của bà sẽ khác với hàng bao thế kỷ phụ nữ đi trước bà. Trong truyền thống Khổng giáo Á Đông, con trai được chờ đợi sẽ chăm sóc cha mẹ khi già yếu, và chỉ có con trai mới là quan trọng trong tập tục thờ cúng tổ tiên của người Việt. Tục ngữ Việt Nam truyền thống đã thu tóm nỗi thất vọng của việc sinh con gái: "Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô", hay "Một trăm con gái không bằng hòn đá con trai".⁴ Vào ngày cưới, người đàn ông đưa về gia đình một vật sở hữu quý giá hơn tất cả: một cô con dâu, người sẽ chỉ được giải thoát khỏi vai trò người hầu thật sự của gia đình chồng, đặc biệt là mẹ anh ta, chỉ đến khi cô có con trai. Vòng luẩn quẩn cứ thế tiếp diễn.



Bà Chương vốn đã sinh một đứa con gái rồi. Con đầu lòng của bà, Lệ Chi, chào đời không đầy hai năm trước đó, và bà Chương đã tự thuyết phục bản thân rằng đứa thứ hai này sẽ là con trai. Bà tin chắc điều đó đến mức đã mua về nhiều đồ chơi và quần áo của con trai.

Đứa con gái thứ hai này chỉ làm trì hoãn ngày tự do của bà Chương mà thôi, cho đến khi sinh được con trai, bà là người thấp cổ bé họng nhất trong nấc thang thứ bậc của gia đình chồng. Hơn thế nữa, mẹ chồng bà đã đưa ra một vài lời đe dọa đáng ngại. Bà muốn con trai bà, ông Chương, lấy vợ lẽ nếu đứa thứ hai này không phải con trai. Ông Chương, suy cho cùng, là con trai trưởng của nhà họ Trần danh giá - ông nên tận dụng mọi cơ hội để truyền thừa sự vĩ đại của gia đình bằng huyết nhục của chính mình. Tục đa thê đã là một phần của truyền thống văn hóa ở Việt Nam trong nhiều thế kỷ. Một người phụ nữ chỉ biết sinh con gái, dù có là đứa con dâu trung thành hay không, cũng chẳng có mấy giá trị. Những thất bại nên được xóa sạch càng nhanh càng tốt.

Đó là một viễn cảnh buồn thảm đối với một phụ nữ mười bốn tuổi như bà Chương. Nếu chồng bà lấy vợ hai, và nếu người đó thành công ở nơi bà đã thất bại, là sinh cho gia đình chồng một đứa con trai, bà Chương và các con gái bà sẽ phải lấm la lấm lét sống phần đời còn lại trong sự phục thù người khác. Chẳng bao lâu sau bà đã hạ quyết tâm rằng bà sẽ phải làm việc này thêm một lần - và lại một lần nữa - cho đến khi bà có con trai mà bà chờ đợi. Và đứa con trai người ta chờ đợi nơi bà.

Đứa con gái mới sinh được đặt tên là Lệ Xuân. Mặc dù bây giờ không phải mùa xuân. Tháng Tám ở Hà Nội thường là thời gian bắt đầu vào thu, và năm đó cũng không là ngoại lệ. Có vẻ như những ngày đầu mùa thu đã thổi chút se lạnh vào thành phố, mang lại một không khí tươi mát sau những ngày hè dài oi bức. Những nhành liễu rủ chạm khẽ mặt hồ, mời gọi làn gió nhẹ khiêu vũ bồng bềnh trong những tán lá, và cư dân thành phố đổ ra ngoài trời thoáng đãng để tận hưởng mùa ôn hòa ngắn ngủi trước khi những cơn gió lạnh từ Trung Quốc tràn qua.

Bé Lệ Xuân và mẹ không được hưởng một phút giây nào của niềm hạnh phúc ấy. Truyền thống Việt Nam bắt trẻ sơ sinh và người mẹ phải gần như nằm liệt giường trong một căn phòng tối tăm, ít nhất ba tháng sau khi sinh. Căn phòng chẳng khác nào một cái kén dành cho người mẹ và em bé. Ngay cả những thói quen tắm tã cũng bị hạn chế. Phong tục này xuất phát từ những mối ưu tư thực tế liên quan đến những rủi ro tử vong của trẻ sơ sinh trong vùng châu thổ nhiệt đới, nhưng trên thực tế cái khung cảnh u ám sau khi sinh ắt hẳn khiến người ta ngột thở. Ngoại trừ thầy lang và thầy bói là những nhân vật không thể thiếu, những vị khách thăm bà Chương được hạn chế trong số những thành viên thân thuộc nhất của gia đình.

Thầy tử vi của gia đình là một trong những người nhìn mặt em bé đầu tiên. Công việc của ông ta là đoán quyết vận mạng của bé bằng cách đối chiếu ngày sinh, mùa hoàng đạo, giờ sinh với vị trí của mặt trời và mặt trăng và không quên tính cả những ngôi sao chổi đang lướt qua. Một khả năng rất lớn là

nhằm cổ vũ tinh thần của người mẹ đáng thương bị phong kín trong căn phòng tối ba tháng trời, cùng đứa con gái nhỏ mà bà không hề mong muốn, ông thầy đã thốt lên về số phận của đứa trẻ: "Thật là ngoài sức tưởng tượng!" Đứa bé, ông nói với bà Chương đang run lẩy bẩy, sẽ leo lên đến những đỉnh cao vời vợi. "Ngôi sao chiếu mệnh của nó không thể nào tốt hơn!" Bé gái sẽ lớn lên trong niềm tin vào vận mệnh của mình đồng thời với lời tiên tri xán lạn đã khiến mẹ cô ghen tỵ một cách sâu xa. Kết quả là một cuộc đời với những mối quan hệ mẹ con đầy căng thẳng và sự ngột ngạt bất tận.

Bà Chương theo lời kể của mọi người là một thiếu phụ trẻ đẹp mê hồn đến từ kinh đô Huế ở miền Trung Việt Nam. Hoàng đế Đồng Khánh, người trị vì trong thời gian ngắn ngủi từ 1885 đến 1889, là ông ngoại của bà. Một loạt những người anh em họ của bà đã thay nhau kế vị ngai vàng kể từ đó. Là một thành viên của hoàng tộc mở rộng, bà được coi là một công chúa, và bà là hiện thân của sự duyên dáng truyền thống với một ngoại lệ: khi mỉm cười, răng bà trắng sáng như ngọc trai. Bà đã chống lại hủ tục nhuộm đen răng bằng vôi. Với những trưởng lão trong gia tộc, nụ cười trắng tinh của bà trông gớm ghiếc, như thể một chiếc miệng đầy xương. Những chiếc răng trắng và dài thuộc về những kẻ man rợ và dã thú; nhuộm đen chúng để né tránh những nỗi sợ hãi rằng một linh hồn tà ma đã lẫn lút đâu đó trong con người. Một cái miệng với hàm răng đen bóng là biểu hiện truyền thống của sự tao nhã và cái đẹp.

Nhưng với ông Chương, nụ cười trắng sáng rạng rỡ khiến cô dâu trẻ của ông là một hình ảnh hoàn hảo của người vợ hiện đại. Ông Chương đã quen với những thú vui Âu châu khi còn là một sinh viên du học; ông yêu thích thi ca, rượu vang Pháp, những bộ phim Tây phương, và xe mô tô. Quay lưng lại với truyền thống, bản thân ông Chương đã cắt phẳng mái tóc dài cột thành búi và từ bỏ thói quen quấn quanh đầu chiếc khăn xếp tiêu biểu của những người đàn ông cùng giai cấp và trình độ như ông. Mái tóc dài là một lý tưởng theo Khổng giáo, giá trị lòng hiếu thảo được áp dụng cho thân thể, tóc, da, và tất cả những phần mở rộng của một cuộc sống được cha mẹ ban cho con cái. Nhưng những lễ thói Tây phương đang lấn thế. Ông Chương là hiện thân của sự tiến bộ với mái tóc ngắn, trang phục, và tác phong của một luật sư làm việc với chính quyền thực dân. Như vậy, ông sẽ chẳng đời nào chấp nhận một cô gái răng đen về làm vợ mình.

Đôi vợ chồng cưới nhau năm 1912.⁵ Năm sinh ghi trên bia mộ của bà Chương, và năm được ghi trong giấy báo tử năm 1986 ở Sở cảnh sát Metropolitan là 1910. Căn cứ theo đó thì bà chỉ mới hai tuổi vào thời điểm lấy chồng.

Những cô gái ở miền thôn quê được gả chồng vào độ tuổi rất bé, có lẽ mười ba hay mười bốn, không phải là chuyện lạ thường, nhưng hiếm có một cô dâu nào lại chỉ là đứa bé mới chập chững. Điều đó thậm chí càng khó có cơ sở khi xét đến sự kiện cả hai gia đình đều là những thế gia tinh anh; họ có khả năng để chờ đợi. Một cách giải thích hợp lý là ngày sinh của bà Chương đã được sửa đổi, cho phép bà ở trong một độ tuổi dễ dàng được yêu chiều ở Hoa Kỳ, tránh xa mọi kẻ có thể phản bác những gì bà kể lại.

Nhưng ở Việt Nam tuổi tác làm gia tăng uy tín. Người ta ắt không có lý do gì để cố làm ra vẻ trẻ trung cả. Có thể bà Chương thật sự là một cô dâu hai tuổi. Phải một thời gian rất lâu sau đám cưới, các anh họ trong hoàng tộc của bà mới bắt đầu có gia thất. Con gái đầu lòng của họ, Lệ Chi, ra đời gần một thập niên sau ngày cưới. Có lẽ cô dâu bé nhỏ cần thời gian để đạt đến độ tuổi thụ thai.

Ông Chương vẫn chỉ là một thiếu niên vào ngày cưới của mình. Ông sinh năm 1898, nghĩa là mới mười bốn tuổi khi cưới vợ. Ông Chương là con trai cả của Trần Văn Thông, một quan thống đốc tỉnh được trọng vọng ở Bắc Kỳ thuộc Pháp. Theo hồ sơ của ông trong thư khố thuộc địa Pháp, ông Chương đã rời khỏi Việt Nam lẫn cô vợ trẻ của ông không lâu sau lễ cưới. Ông đã đến Pháp và Bắc Phi để tiếp

tục học tập.

Sự tính toán thời gian của chàng thiếu niên Chương thật không chệch vào đâu được. Ông rời khỏi Đông Dương ngay trước khi Thế chiến thứ nhất nổ ra. Chỉ cần muộn thậm chí một năm việc rời đi sẽ là bất khả trong thời chiến. Những biến cố trên thế giới đã bức bách chàng thanh niên Chương sống xa quê nhà trong hơn mười năm. Ông đã có thể tận dụng những cơ hội giáo dục dễ dàng có được ở Âu châu nhưng chưa từng được nghe thấy với một người Việt Nam, ngay cả với vị thế xã hội của ông đi nữa. Ông Chương đã theo học các trường trung học ở Algiers, Montpellier, và Paris, nhận bằng tiến sĩ luật khoa năm 1922. ⁶ ông là người Việt Nam đầu tiên làm được điều đó.

Trong những năm ông Chương du học ngoại quốc, sự căng thẳng đã leo thang ở Việt Nam thuộc địa. Chính quyền Pháp đã bắt đầu tuyển mộ "tình nguyện quân" người Việt bản địa cho chiến trường Âu châu, buộc hàng ngàn nông dân và công nhân bị bắt cùng hóa đi khám quân dịch. Người Pháp đã mau chóng nghiền nát mọi dấu hiệu của sự dấy loạn hoặc phản kháng và đã "lật ngược" cả miền nông thôn trong cuộc tìm kiếm những kẻ phản bội. ⁷

Người ta ngày càng lớn tiếng chê trách về những cơ hội giáo dục có thể tìm được ở Việt Nam. Trường trung học Pháp đầu tiên, và duy nhất trong một thời gian dài, Chasseloup-Laubat ở Sài Gòn, dành riêng cho các con trai của các nhà chức trách Âu châu. Nhưng cùng với cuộc chiến đang nổ ra khốc liệt ở Âu châu, sự thiếu hụt nhân lực đang ngày càng hiện ra rõ nét. Chế độ thực dân nhận ra nó cần tuyển mộ thêm nhiều người bản xứ được đào tạo tiếng Pháp vào ngành dân chính nếu nó hy vọng tồn tại. Niềm hy vọng ấy là việc truyền bá những tư tưởng Pháp giữa người Việt sẽ gắn kết người bản địa với mẫu quốc một cách mật thiết hơn. Tuy nhiên, kết quả thật trớ trêu: bằng việc giáo dục người Việt về những nguyên lý Tây phương, bao gồm những lý tưởng tự do và lịch sử nền Cộng hòa, những cuộc cải cách giáo dục đã góp phần khơi dậy một sự đòi hỏi quyền hành chính trị đã tỏ ra không thể nào dập tắt.

Khi ông Chương cuối cùng quay trở lại Việt Nam vào năm hai mươi bốn tuổi, những năm tháng học hành ở trời Tây của ông đã được đền đáp hậu hĩ. Ông được một suất học việc đầy triển vọng trong bộ máy tư pháp thực dân Pháp và được nhập quốc tịch Pháp vào ngày 16 tháng Chín năm 1924, không đầy một tháng sau khi con gái thứ hai của ông ra đời. ⁸

Không lâu sau khi bà Chương cùng con gái ra khỏi chiếc kén cô độc, bà Chương đã mang thai lần thứ ba và sau cùng trước sinh nhật thứ mười sáu. Năm 1925, bà hạ sinh đứa con trai như đã hằng hy vọng, Trần Văn Khiêm. Sự ra đời của một đứa con trai đã đặt dấu chấm hết cho những trách nhiệm sinh đẻ của bà. Nó cũng xác nhận vị trí thấp kém của Lê Xuân trong gia đình.

Ông Chương đã được đề bạt một công việc mới gần thành phố Cà Mau, gần mũi cực Nam của đất nước, cách Hà Nội phồn hoa đô hội nhiều ngàn cây số. Đó là một chức vụ nổi bật trong chính quyền thực dân Pháp. Mặc dù được thăng chức có nghĩa là phải xa rời những thú vui trần thế ở Thủ đô Hà Nội, lên tới chức vụ cao như thế là một thành tựu nghề nghiệp phi thường đối với một người Việt bản địa.

Chỉ có một mất mát nhỏ nhoi: con gái thứ hai của ông Chương, bé Lê Xuân, sẽ bị bỏ lại. Như một tờ biên lai ở phòng giữ đồ, Lê Xuân là vật trao đổi giữa cha và ông nội cô. Đó là một cách biểu hiện tấm lòng hiếu thảo đối với cha mẹ ông và là bằng chứng về ý định trở lại của ông, nhưng thật ra nó không gì hơn là một cử chỉ tượng trưng để làm mẹ ông hạnh phúc. Nếu việc giữ đứa bé là một ơn huệ đối với bà, đó là một cái giá không lớn gì mấy. ⁹

Một khóm những ngôi nhà mái ngói đỏ vây quanh một cái sân làm nên cơ ngơi nhà họ Trần không phải là nơi tồi để một bé gái lớn lên. Vị tộc trưởng, ông nội của Lê Xuân, là một đại địa chủ, và mỗi người

trong gia đình ông đều giống như một nhân vật lừng lẫy ở địa phương, trong vùng quê xanh tươi của miền Bắc Việt Nam. Bà của Lê Xuân là người có học vấn cao, đó là một ngoại lệ đối với một phụ nữ Việt Nam ở thời đại và tuổi tác của bà. Thậm chí khi đã già, và thị lực đã giảm sút, bà vẫn tiếp tục đọc nhiều đoạn văn chương Việt Nam kinh điển, hoặc nghe người khác đọc chúng.

Những câu chuyện Việt Nam đầy ắp hình tượng những phụ nữ mạnh mẽ, thông minh, và kiên quyết, nhưng chúng không phải lúc nào cũng có một kết cục đẹp. Phải chăng chính ở đây bé Lê Xuân đã được nghe những đoạn Truyện Kiều, một tuyệt tác trường thi Việt Nam được yêu thích và trích dẫn nhiều - câu chuyện về một thiếu nữ con nhà danh giá, tài sắc kiêm toàn? Đổ kỵ với nàng, định mệnh đã bức bách nàng từ bỏ tình yêu đích thực của đời mình và tự bán thân làm kỹ nữ để chuộc cha khỏi chốn lao tù. Kiều đã vùi vũng vầy trong một thế giới bất công, nhưng nàng vẫn là hình tượng của sự vẹn toàn và chính trực. Không chỉ là một nữ nhân vật bị kịch đơn thuần, nàng tượng trưng cho dân tộc Việt, bị kẹt cứng giữa sự suy đồi đạo đức trong cơn biến động chính trị. Mặc dù câu chuyện đã có hàng trăm năm tuổi, năm 1924, năm Lê Xuân chào đời, Kiều đã được trang trọng vinh danh là nhân vật văn hóa quốc gia. Người phụ nữ như là nạn nhân đã chính thức trở thành nhân vật được yêu thích nhất. [10](#)

Bà nội của Lê Xuân tất nhiên không coi mình là nạn nhân của bất kỳ cái gì cả. Bà chủ trì một gia đình rộng lớn gồm bà và hai người vợ khác và con cái của tất cả họ. Ngoài con trai cả của bà, ông Chương, bà đã sinh cho chồng ba con trai và hai con gái nữa, sau đó bà tự coi như đã hoàn thành mọi nghĩa vụ làm vợ của mình. Để dứt khoát rõ ràng về điểm này, bà đơn giản đã kê một chiếc gối ôm giữa giường ngủ của hai vợ chồng. Bà cũng là người đã giới thiệu vợ hai cho chồng, bà này đã sinh cho ông thêm bảy người con nữa. Để đề phòng người vợ hai giành lấy quá nhiều quyền hành, bà đã đưa về cô vợ thứ ba cho ông. Mỗi một người vợ và con cái họ có một vị trí nhất định trong thứ bậc tôn ti gia đình. Kỹ năng của bà, vị nữ chúa, thể hiện trong việc chưa từng có ai trong số họ ra mặt chống đối lẫn nhau. [11](#)

Ngôi nhà của ông bà nội Lê Xuân là nơi lý tưởng để quan sát những vai trò rời rạc và mâu thuẫn nhau của những phụ nữ Việt Nam, đặc biệt là thành viên của tầng lớp tinh anh. Tất nhiên, có một sự nhấn mạnh rõ ràng về những quy tắc hành xử theo Khổng giáo. Những bà vợ và con dâu có bốn phận tỏ ra vâng lời và phục tùng. Nhưng đằng sau những cánh cửa đóng kín của tòa nhà, một thực tại khác hẳn thế. Những vấn đề thực tế, như ngân sách gia đình, được phó mặc cho phụ nữ. Một điều được ngầm hiểu, nếu không được bàn tới, là phụ nữ nắm giữ thực quyền trong gia đình. Nếu gia đình là một quốc gia, người chồng sẽ là Quốc trưởng trên danh nghĩa, phụ trách các mối quan hệ ngoại giao. Người vợ sẽ là Bộ trưởng Nội vụ và kiểm soát ngân khố. [12](#)

Ban đầu, việc giáo dưỡng hàng ngày bé Lê Xuân được giao phó cho các bảo mẫu. Ngay cả người giúp việc trong nhà cũng hiểu địa vị thấp kém của đứa trẻ mà họ trông nom, vì vậy chủ yếu họ bỏ mặc cô bé. Những bảo mẫu giao Lê Xuân cho những người làm vườn chơi đùa như một món đồ chơi. Cũng thật tình cờ mà những người làm vườn tại đây là những tên trộm và du côn vật vãnh ở địa phương và đã bị tòa phạt vạ bằng lao động công ích cho cộng đồng hay là cho người đứng đầu cộng đồng, chính là ông nội của cô. Cô lẻo đẻo theo chân họ khi họ chăm sóc những con vật. Đôi lúc cô thậm chí đã tắm rửa giữa đàn gia súc.

Trong vòng một năm sau khi cha mẹ rời đi, cô gái bé nhỏ ngã bệnh gần chết. Bà Nhu luôn luôn nói rằng cha mẹ không bao giờ đoái hoài chi đến mình, nhưng bà thừa nhận rằng ông bà Chương đã trở về từ nhiệm sở mới ở vùng cực Nam ngay khi họ nghe tin. Đó không thể nào là một chuyến đi dễ dàng. Thời bấy giờ chưa có đường xe lửa kết nối cả nước, và khoảng cách giữa các tỉnh là quá xa xôi để đi đường bộ. Phương tiện di chuyển hiển nhiên nhất giữa miền Nam và miền Bắc là tàu hơi nước dọc bờ biển. Trong mười ngày đêm, bé Lê Xuân lơ lửng giữa sự sống và cái chết.

Khi đã về đến nhà, mẹ của Lê Xuân không để bé rời khỏi lòng bà. Nhưng việc đó, ít ra như cách hiểu của cô về sau này, không phải vì tình yêu, hay thậm chí sự quan tâm với đứa con gái thứ. Đó là một lời trách cứ nhắm vào bà nội. Trên vũ đài chính trị khốc liệt của gia đình, đứa trẻ bệnh hoạn đã trở thành một lợi khí sắc bén của thiếu phụ Chương đối với mẹ chồng bà.

Lê Xuân đã hồi phục sức khỏe, cô vẫn cứ gầy gò trong suốt thời thơ ấu, nhưng những gì thể chất khiếm khuyết, cô đã gắng bù đắp lại hoàn toàn bằng ý chí. Lê Xuân cần phải trở nên gai góc. Bệnh tật thời thơ ấu của Lê Xuân khiến mẹ cô ngờ vực con gái giữa của bà hơn bao giờ hết. Trước khi bà ra đi, Lê Xuân là một hài nhi tóc đen nhánh với đôi má bầu bĩnh. Bé gái da bọc xương, đôi má hõm sâu bà gặp lúc về nhà có thể dễ dàng là con của một người hầu trong gia đình hay một nông dân trong vùng. Nỗi nghi ngờ con mình bị đánh tráo đã giày vò bà Chương suốt phần đời còn lại của mình. Hai đứa trẻ kia biết điều này và đã lợi dụng nó để trêu chọc người chị em của chúng là con của bà bảo mẫu. Và bà Chương đã dùng điều đó như một lý do để tự tha thứ cho mình vì đã không yêu con gái giữa như hai đứa trẻ kia. Khi lớn lên, cô gái nhỏ thấy mình như thể "vật nhắc nhở phiền hà đối với mẹ cô, một đối tượng của sự ngờ vực bệnh hoạn [và] xung đột trong gia đình". ¹³

Khi Lê Xuân đã đủ khỏe để đi lại, gia đình ông Chương khăn gói xuống tàu, lần này tất cả cùng nhau ra đi. Họ an cư lạc nghiệp ở tỉnh Bạc Liêu xa xôi. Bà Chương, thậm chí chưa được hai mươi tuổi, đã chủ trì một gia trang rộng lớn với những người hầu và khu đất rộng quá cỡ.

Khi những thú tiêu khiển của thế giới hiện đại ở Hà Nội giờ đã lùi xa, ông bà Chương đã trở lại với một cuộc sống gia đình Việt Nam truyền thống hơn, với những khuynh hướng đậm nét Khổng giáo. ¹⁴ Thoát khỏi mẹ chồng và những phán xét hà khắc của bà, bà Chương đã quản lý nhà cửa vườn tược như thể bà sinh ra để làm điều đó. Tuy vậy, sau khi đã ném trải cuộc sống phố thị ở Hà Nội, với tất cả những thú vui Tây phương, sự tĩnh lặng của miền thôn dã và những nghĩa vụ truyền thống mà bà đảm đương hẳn có vẻ đơn điệu lỗi thời. Bà Chương đã bỏ lại sau lưng thời cơ dự phần vào những vận hội mới mở ra cho nữ giới trong một xã hội quốc tế. Vợ của một người đàn ông hiện đại ở thành thị, ngoài việc quán xuyến nhà cửa và coi sóc việc giáo dưỡng con cái, có thể đứng bên cạnh chồng trong giao tế xã hội. Đây có vẻ là điều kỳ lạ khó thể có được đối với một thiếu nữ sống đời một người vợ và người mẹ Việt Nam truyền thống, như những phụ nữ hàng bao thế kỷ trước bà.

Phải chăng bà đã dám hy vọng một điều gì khác cho những cô con gái của mình? Nhận định về những cơ hội giáo dục mà bà áp đặt lên các con gái, câu trả lời có vẻ là bằng lòng. Tuy vậy, vào những lúc mà sự giáo dục của chúng xung đột với hệ thống tôn ti gia đình, nhiều thế kỷ truyền thống đã thắng thế. Nguyên tắc cơ bản về hành xử đúng mực, lối sống truyền thống đòi hỏi lòng trung thành với gia đình và với một nền văn hóa cổ xưa. Phụ nữ có bốn phận thuận theo tam tông, trước hết phục tùng cha, kế đến là chồng, và sau là con trai. Người phụ nữ cũng được khuyến khích thể hiện bốn phẩm hạnh: quản lý việc thu chi trong gia đình, đoan trang tao nhã, lời lẽ êm ái, và hành vi đoan chính. Những lý tưởng về bốn phận tề gia nội trợ của phụ nữ đã được phát biểu rõ ràng trong những văn phẩm tiếng Việt kinh điển, trong những sổ tay "giáo dục gia đình bằng thơ". Được viết để đọc to theo nhịp trầm bổng cho dễ nhớ, chúng phát biểu những kỳ vọng về công việc quản lý gia đình và phẩm hạnh trong sạch.

Đừng trò chuyện với đàn ông không họ hàng quen biết;

Đừng mở lời chào hỏi, để đừng gọi nghi ngờ.

Đừng qua lại giao du với đàn bà thất tiết;

Đừng vô duyên vô cớ thay áo quần;

Khi thêu thùa khâu vá, đừng dừng nghỉ mũi kim;

Đừng hát hay ngâm thơ, khi không ai bên cạnh;
Đừng nhìn ra cửa sổ, với dáng điệu trầm ngâm.
... Đừng rùn vai, đừng thở dài;
Đừng cười to khi chưa mở một lời;
Khi cười, chớ phô cả răng lợi;
Đừng ngồi lê hay nói lời cay độc. ¹⁵

Là con gái thứ, Lê Xuân sớm hiểu rằng cô phải chiều theo trật tự đã xác lập. Cha mẹ và những người lớn khác đã được tôn trọng và phục tùng, và các chị em cô cũng vậy. Lê Xuân có vị thế thấp kém nhất trong gia đình. Nổi bực bội với việc bị sai bảo đã bắt đầu khởi lên trong cô từ khi còn bé. "Em trai tôi thường lấy việc trêu chọc tôi như một trò chơi tiêu khiển khi tôi còn nhỏ. Tôi ngồi xuống, và nó nói, "Ngồi xuống". Vậy là để chứng tỏ rằng không phải tôi ngồi vì nó đã ra lệnh cho tôi, tôi đứng dậy. Nhưng liền đó nó nói, "Đứng dậy". Trò đó làm tôi tức điên". ¹⁶

Một đứa trẻ khác có thể đã phản ứng khác hẳn, trở nên dễ bảo khi đã quen với hoàn cảnh thực tế của mình. Nhưng bà Nhu đã nhớ về thời thơ ấu như một quãng thời gian đầy tức tối. Bà khao khát sự chú ý và chấp thuận. Để có được nó, bà đã phải làm việc chăm chỉ hơn, khóc to tiếng hơn. Ngay khi là một cô gái nhỏ, bà đã tin rằng mình có quyền nhiều hơn thế.

Việc học chính thức của Lê Xuân bắt đầu khi một gia sư già, quần khăn xếp với hai ngón tay dính nhau đến nhà để dạy ba chị em cô. Mới năm tuổi, cô đã được gửi vào trường nội trú ở Sài Gòn cùng chị mình.

Lê Xuân là đứa trẻ hiếu học và nghiêm túc. Em trai cô rất đỗi ghen tỵ với thứ hạng và trí thông minh tuyệt vời của cô. Khi xa cách, cậu nhớ cô như nhớ một người bạn chơi cùng, nhưng khi cô trở về, cậu thường cảm thấy thất vọng bởi sự chênh lệch khả năng giữa hai người. Cậu không thích bị đối xử như một đứa bé. Một ngày nọ cậu thất vọng đến độ đã giật phất cây bút lông từ tay cô và ném vào đầu cô. Ngồi nhón cây bút đâm thẳng vào trán cô. Lê Xuân chạy lên cầu thang với chiếc lông chim dính trên đầu và mực chảy trên mặt. Cô muốn để cho mẹ thấy em trai cô không phải đứa hoàn toàn ngoan ngoãn, cô muốn hét lên.

Mẹ của Lê Xuân nổi giận - nhưng không phải với con trai bà. Một đứa con gái biết cư xử không đòi hỏi nào tỏ ra quyết tâm đến thế trong việc làm bề mặt người thừa tự của gia đình. Cô gái là người chịu phạt. ¹⁷

¹ CAOM, Hồ Sơ Trần Văn Chương, HCRT non-cote, notice de renseignements concernant Madame Trần Văn Chương, tháng Tư 1951.

² CAOM, Hồ Sơ Trần Văn Chương, HCRT non-cote, và, South Vietnam Key Personalities - Những Nhân Vật Chủ Chốt Của Việt Nam Cộng hòa của CIA. National Intelligence Survey 1958 (Chương không được ghi thành mục riêng, nhưng em trai của ông, Trần Văn Đỗ, cựu Ngoại trưởng của chính quyền ông Diệm, được miêu tả đôi nét tiểu sử).

³ Mô tả sự chào đời của bà Nhu trích từ quyển hồi ký không được công bố của bà, Le Caillou Blanc, 2:39.

⁴ Neil Jamieson, Understanding Vietnam (Berkeley: University of California Press, 1993), 18.

⁵ CAOM, Hồ Sơ Trần Văn Chương, HCRT non-cote.

⁶ CAOM, Hồ Sơ Trần Văn Chương, HCRT non-cote.

⁷ Hồ Tài Huệ Tâm, Radicalism and the Origins of the Vietnamese Revolution - Thuyết cấp tiến và Nguồn gốc của Cách mạng Việt Nam (Cambridge, MA: Harvard University Press, 1992), 32.

⁸ CAOM, Hồ Sơ Trần Văn Chương, HCRT non-cote.

[9](#) Madame Nhu, Caillou Blanc, 2:13.

Thông tin về Truyện Kiều lấy từ Radicalism của Hồ Tài Huệ Tâm, 109-111. Năm 1924, sự tranh luận về Kiều đã nổ ra. Bài thơ này

[10](#) phải chăng là nói về sự tồn tại của người Việt Nam thông qua ngôn ngữ và văn hóa? Hay, như được nhìn qua lăng kính của xã hội thực dân đương thời, phải chăng Kiều chỉ là một biểu tượng của sự cộng tác và phản bội của tầng lớp tinh anh?

[11](#) Madam Nhu, Caillou Blanc, 2:49.

[12](#) Jamieson, Understanding Vietnam, 27.

[13](#) Madam Nhu, Caillou Blanc, 2:13.

Bất chấp sự tranh luận về việc tập quán Khổng giáo đã ăn sâu trong đời sống truyền thống Việt Nam thế nào, các học giả nói chung đồng ý rằng hầu hết người Việt có học trong nửa đầu thế kỷ hai mươi nhìn nhận rằng di sản truyền thống của họ mang đậm nét Nho giáo. Xem Jamieson, Understanding Vietnam, 10, 11; Alexander Woodside, Vietnam and the Chinese Model: A Comparative Study of

[14](#) Vietnamese and Chinese Civil Government in the first Half of the Nineteenth Century (Cambridge, MA: Harvard University Asia Center: 1988), 60-96. Tại cao điểm cuộc khủng hoảng Phật giáo năm 1963, Chương vẫn tiếp tục công khai quả quyết rằng "tôn giáo" của ông là Nho giáo.

[15](#) Hồ Tài Huệ Tâm, Radicalism, 93.

[16](#) Bà Nhu kể câu chuyện của mình với ký giả Malcolm Browne của Associated Press trong một cuộc phỏng vấn năm 1961.

[17](#) Madame Nhu, Caillou Blanc, 2:14-15.

Chương 4

CHÂN DUNG MỘT TIỂU THƯ

Gia đình ông Chương đã trở lại Hà Nội trước sinh nhật thứ tám của Lê Xuân. Cha cô đã được bổ nhiệm vào luật sư đoàn Hà Nội, công việc sáng giá nhất mà một luật sư Việt có thể nhắm tới trong chế độ thực dân. Mặc dù là một vinh dự, đó cũng là lời nhắc nhở về những sự lựa chọn hạn hẹp có thể có được ngay với một người Việt học thức nhất. ¹

Sau bảy năm ở vùng thôn quê miền Nam, Hà Nội là một thành phố lạ lẫm với Lê Xuân. Người ta nói chuyện bằng cái giọng đầy hơi gió kiêu cách. Họ nhấn những tiếng trầm bằng những cú ngắt nghỉ nặng nề trong khi người miền Nam chỉ cần nói lướt qua. Thức ăn thì kém ngọt hơn. Không còn có những khoanh dứa hoặc xoài nổi bông bênh trong bát canh, món dùng với cơm trong hầu hết các bữa ăn nữa. Mỗi lần Lê Xuân cắn một thứ gì, kể cả thứ cô nghĩ mình biết, cô vẫn phải thận trọng. Những cuộn chả giò giòn rụm ở miền Nam, được gọi là nem ở Hà Nội, và nước chấm của chúng ở miền Bắc có vị cay khác hẳn, vị cay của hạt tiêu đen làm nhột nhột sống mũi cô thay vì sức ấm nóng lan tỏa của quả ớt ở miền Nam.

Ở Hà Nội, Lê Xuân cảm thấy lạc lõng kỳ lạ vì một lý do khác: để tránh né những hệ lụy rắc rối về chủng tộc trong một thành phố đông đúc là việc khó khăn thậm tệ. Trong chừng mực nào đó, sự giàu có và vị thế ưu tú của gia đình ông Chương giảm nhẹ sự kỳ thị ắt hẳn khốc liệt của một thành phố thực dân. Ngôi nhà của họ, số 71 đại lộ Gambetta, là một trang viên uy nghi, cao và hẹp với mái hai mảng, những căn phòng có đầu hồi, và cửa sổ trên mái. Trông nó cũng giống những ngôi nhà khác trong khu vực của họ, nhưng hầu hết thuộc về các gia đình Pháp. Thật ra, cả khu này được biết đến như là phố người Pháp. Vào cuối thế kỷ XIX, các nhà quy hoạch đô thị thuộc địa đã san lấp đầm lầy và tạo ra những đại lộ thênh thang che bóng bởi những hàng me. Một du khách người Anh đến Hà Nội đã miêu tả cái phong cảnh mà ắt hẳn là điều Lê Xuân cảm thấy vào năm 1932: "Những ngôi biệt thự hoàn toàn Pháp, tro gan cùng gió đập mưa vui... và nếu không vì những cây cọ, giàn bông giấy... ta có thể ngỡ đang đứng giữa một khu ngoại ô dễ thương nào đó ở Paris". ²

Lê Xuân chỉ nhìn thấy đời sống đô thị Việt Nam khi được chở ngang qua thành phố - hoặc từ đằng sau cửa kính một chiếc Mercedes hoặc từ chiếc cang xe xích lô, một cỗ xe hẹp, mui trần lẫn bánh bởi guồng đạp pê-đan của một người hầu. Việc len lỏi qua mớ bong bóng lộn xộn của ba mươi sáu phố phường mệnh danh Phố Cổ nằm về phía tây bắc nhà ông Chương sẽ dễ dàng hơn nhiều với một chiếc xích lô. Những ngôi nhà truyền thống dựng bằng vách đất và mái rơm. Những ngõ hẹp ngoài sức tưởng tượng nối liền các ngôi nhà, tạo ra một mê cung thật sự. Đằng sau những ô cửa tối ám, những người thợ thủ công cặm cụi với công việc từ tinh mơ đến tối trời, dệt lụa, dát bạc, hoặc đan lọng, với cùng những thao tác hệt như cha ông họ. Những tiệm mì vỉa hè và những hàng quán tỏa mùi thơm nghi ngút không gian.

Mặc dù Phố Cổ cách nơi Lê Xuân sống không đầy một cây số, giữa chúng là cả một vực thẳm ngăn cách. Người khá giả có thể ở trong những ngôi nhà gỗ mái ngói, nhưng số khác với nơi nương tựa kém vững vàng hơn, phải khốn khổ với những cơn mưa xối xả mùa hè và cái rét cắt da mùa đông. Cuộc Đại suy thoái càng khiến cho điều kiện sinh sống của người Việt ở Hà Nội thêm căng thẳng. Những nông dân rời bỏ miền quê lên thành phố tìm kiếm cơ hội để rồi chẳng được gì. Những công nhân lộ thiên và những khu nhà ổ chuột mở rộng ra ngoại vi thành phố. Bao lực tràn ngập giữa những kẻ bất mãn.

Bé Lê Xuân tám tuổi đã có một trải nghiệm khác về sự bất công thời thực dân. Cô học một ngôi trường Pháp cùng với trẻ em Pháp và nói tiếng Pháp với cha mẹ ở nhà. Ông bà Chương và số ít người Việt có điều kiện như họ đã tham gia vào những trò tiêu khiển Tây phương, như môn tennis và thậm chí yoyo. Phụ nữ bắt chước một thời trang Paris; những áo cánh cổ thuyền mời gọi một cái liếc trộm vào làn da mềm mại bên dưới xương đòn, và khuôn phép lịch sự đã không còn đòi hỏi phụ nữ phải nai nịt ngực quá chặt. Phấn hồng, son môi, và nước hoa trở thành một thịnh hành. Cuộc sống xa hoa là một bàn tiệc thịnh soạn chảy tràn sâm banh Pháp và nhạc swing rộn rã.

Lê Xuân muốn hòa hợp với môi trường mới mở xung quanh mình, nhưng bằng cách nào? Người bạn thân thiết nhất từ thời thơ ấu của Lê Xuân cũng là một kẻ ngoài cuộc lạc lõng, một cô gái người Nhật. Nỗi bất hạnh chung của họ đã tạo nên một mối quan hệ lâu bền, và họ vẫn còn giữ liên lạc với nhau suốt đời. Hầu hết những người Việt khác mà Lê Xuân thường nhìn thấy thuộc vào số hai mươi người làm công trong gia đình, bao gồm đầu bếp, tài xế, bảo mẫu, và người làm vườn. Cô gái nhỏ hiểu biết lịch sử Pháp khá tường tận để biết rằng con đường nhà cô, một trục lộ chính chạy từ đông sang tây xuyên qua thành phố, được đặt tên theo Leon Gambetta, một chính khách Pháp thế kỷ mười chín tin rằng thanh thế của nước Pháp trên thế giới xoay quanh chủ nghĩa thực dân hung hăng - trong việc đi xâm lược các dân tộc và đất đai. Người Pháp có mặt ở Việt Nam từ thập niên 1860, và bảy thập niên hiện diện của Âu châu trên mảnh đất này chẳng là gì so với lịch sử một ngàn năm Bắc thuộc của Việt Nam; dù thế nào đi nữa, sự bất công thời thực dân đối với bé Lê Xuân là một thực tế của cuộc sống.

Thực vậy, người Pháp ngăn cấm dùng từ "Việt Nam", vốn ngụ ý sự thống nhất của một quốc gia. Để giữ cho quyền lực thực dân không bị sút mẻ, người Pháp đã kìm hãm không cho Việt Nam trở nên quá mạnh - vì vậy họ đã dùng thủ đoạn chia ra để cai trị. Chính quyền của quốc gia được chia làm ba phần: miền Bắc (Bắc Kỳ) và miền Trung (An Nam) là những lãnh thổ thuộc chủ quyền của người Việt trên danh nghĩa, hoặc lãnh thổ bị bảo hộ, của Pháp. Phần phía nam giàu tài nguyên của quốc gia, Nam Kỳ, được cai trị trực tiếp bởi chế độ thực dân. Từ thuộc địa này người ta cắt ra những khu đất rộng lớn để sản xuất lúa gạo, cao su, và những sản vật giá trị khác. Để tài trợ cho chính quyền thực dân, nhà nước Pháp dựa vào lợi tức từ những mặt hàng độc quyền mà nó kiểm soát: muối, rượu, và đặc biệt là thuốc phiện. Người Pháp biết rõ thuốc phiện nguy hiểm thế nào, nhưng họ cũng biết sự nghiện ngập có thể mang lại lợi nhuận to lớn ra sao. Họ mở những trung tâm buôn bán thuốc phiện trong mọi ngôi làng. Những làng nào không đáp ứng chỉ tiêu doanh số của họ sẽ bị trừng phạt.³

Sự thịnh vượng ở vùng thuộc địa Đông Dương có một mặt khuất tăm tối. Có những câu chuyện về những gia đình trong làng buộc phải bán con để trả những khoản thuế hà khắc. Điều kiện làm việc trong những xí nghiệp do người Pháp điều hành, trong những hầm mỏ, hoặc trên những đồn điền cao su là địa ngục trần gian đối với những công nhân Việt Nam. Bệnh sốt rét và dịch tả hoành hành tràn lan, và chỉ có vừa đủ gạo để bù đắp cho những ngày làm việc mười hai tiếng ròn rã. Một công nhân tại đồn điền Michelin đã chứng kiến quân đội người Pháp gọi những tên lính tới trừng trị bảy người muốn bỏ trốn; ông ta "bắt những người bỏ trốn nằm phục xuống đất và khiến những tên lính chân mang bột tán đinh giẫm đạp lên xương sườn họ. Đứng bên ngoài tôi có thể nghe thấy tiếng xương gãy răng rắc".⁴ Người ta kể rằng những ông chủ xí nghiệp thường nhốt con của công nhân trong những chiếc cũi tối tăm và chỉ trả chúng về vào cuối ngày làm việc cho những công nhân mình mảy mĩm lem dơ dáy.

Lợi nhuận không phải là động cơ duy nhất khuyến khích người Pháp tin rằng những nguồn tài nguyên thiên nhiên ở Đông Dương là của họ để chiếm lấy. Họ tin rằng người Việt Nam thấp kém hơn về mặt sinh học.⁵ Người Pháp gọi người Việt Nam, bất kể đến từ vùng nào, là Annamite. Từ này bắt nguồn từ tiếng Trung Quốc, nhưng với người Pháp nó nghe rất giống như une mite, nghĩa là sâu bọ hoặc kẻ ăn

bám. Một từ khác họ dùng để chỉ người Việt, bất kể thuộc giai cấp nào, là nhà quê, hoặc nông dân. Một cư dân thành thị có học thức sẽ nổi giận trước cái lối mô tả này, nhưng những người thận trọng và những người giống như cha của Lê Xuân, vốn có quá nhiều thứ để mất, không dám thể hiện sự bất mãn của họ.

Gia đình ông Chương không tham gia vào bất kỳ hoạt động chống Pháp công khai nào - ít ra đến thời điểm này. Cuộc sống của họ quá sung túc để mạo hiểm. Nhưng ngay cả như thế họ vẫn có thể thấy rằng chế độ thực dân đang bị thách đố gay gắt. Thời điểm gia đình ông Chương quay lại Hà Nội trùng hợp với thời điểm sau khi xảy ra khởi nghĩa Yên Bái, cuộc bạo loạn ghê gớm nhất vùng mà người ta từng chứng kiến trong thời Pháp thuộc.

Tháng Hai năm 1930, một nhóm người Việt theo chủ nghĩa dân tộc (Việt Nam Quốc Dân Đảng - VNQDD) đã tấn công một chốt đóng quân ở miền Bắc Việt Nam, giết chết những sĩ quan Pháp trú đóng ở đó và chiếm một kho vũ khí. Để giữ vững quyền lực của mình, người Pháp phản ứng bằng một cuộc phô trương uy vũ với ý định làm cho người Việt sợ hãi mà khuất phục trở lại. Chính quyền thực dân kiểm soát chặt chẽ những kẻ bị nghi ngờ phiến loạn, chém đầu những ai họ bắt được, và ném bom vào những đám đông tụ tập và những ngôi làng khả nghi.⁶

Ngôi trường của bọn trẻ ở Hà Nội nằm kế bên dinh thự của quan toàn quyền Pháp. Tòa nhà màu nghệ tây vẫn còn đến hôm nay nhưng được dùng làm văn phòng và phòng tiếp tân của Ủy ban Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam. Vào thời Lê Xuân, ngôi trường được đặt tên theo Albert Sarraut, Toàn quyền Đông Dương từ 1911 đến 1913. Mặc dù Sarraut được ca ngợi bởi việc thúc đẩy cải cách giáo dục, động cơ của ông, từ căn đế, là một thí dụ khó chịu khác về sự thắng thế của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc. Ông tin rằng người Việt không thể được khai hóa cho đến khi tư tưởng, phong tục tập quán, và những thể chế của họ được phản ánh theo nước Pháp. Đối với Albert Sarraut, người chiến sĩ tự xưng của công cuộc cải cách giáo dục bản địa, người Việt Nam "sẽ xứng đáng được giải phóng khỏi sự cai trị của Pháp chỉ khi họ không còn khao khát là người Việt, nhưng là người Pháp da vàng".⁷

Lê Xuân được dạy nói, đọc, viết, và suy nghĩ như một nữ sinh Pháp bé nhỏ. Cô học thuộc thứ tự các vị vua nước Pháp và ngày tháng tất cả những cuộc chiến giữa Pháp và Anh. Cô có thể đọc vanh vách những cánh rừng và những ngọn núi tuyết phủ mà thậm chí chưa từng nhìn thấy chúng. Cô làm bài kiểm tra về thi ca và chính tả tiếng Pháp nhưng không được học về di sản của đất nước mình. Lê Xuân có bốn phen phải quên cô là người Việt và được khích lệ để tin rằng định mệnh của cô là trở thành một phần của một nền văn hóa khác, ưu việt hơn.

Giờ đây khi gia đình đã trở lại Hà Nội và bọn trẻ bận bịu với trường lớp, người phụ nữ của gia đình, bà Chương, có thể tận hưởng chút ít tự do. Thoát khỏi miền thôn quê truyền thống, áp lực sinh con đẻ cái, và sự can thiệp của mẹ chồng, bà Chương có thể khám phá ý nghĩa của việc là một người phụ nữ Việt trong một kỷ nguyên của sự thể nghiệm và thậm chí buông thả. Là điều không thể tưởng nghĩ chỉ một thế hệ trước, phụ nữ Việt giờ đây có thể đứng cùng chồng ở những nơi công cộng như nhà hàng và vũ trường.

Không phải bó chặt bộ ngực sau tấm áo chùng, bà Chương đã có thể trưng diện sắc vóc của mình. Bà có thể mặc những bộ quần áo đặt may, chạy theo những mốt mới nhất, như áo váy có viền ren. Cửa hàng bách hóa Godard ở góc phố Paul Bert bán tất lụa, mũ, và kẹp tóc. Sự thiên vị của người Pháp với gia đình ông Chương mang lại cho họ phương tiện kinh tế để theo đuổi tất cả những thú vui Âu châu ở Hà Nội. Một chiếc Mercedes có tài xế riêng đưa họ đi xung quanh thành phố; họ ăn trong những nhà hàng Trung Hoa trang nhã nhất thành phố và xem những bộ phim Mỹ và Pháp ở rạp xi nê. Rạp Palace hiện đại và đắt đỏ nhất trong số bảy rạp chiếu bóng ở Hà Nội, nhưng ngay cả người Việt

nghèo nhất ở thành thị vẫn có thể xem phim. Có một rạp Trung Hoa bên kia thành phố, nơi mọi người ngồi xôm cùng nhau trên những thanh gỗ, vươn cổ ngoẹo đầu để nhìn rõ màn ảnh. Có một loại vé thậm chí rẻ hơn nữa dành cho những ai sẵn lòng đứng ở phía ngược màn hình và xem những hình ảnh lập lờ từ sau ra trước. ⁸

Vào những chiều thứ Ba, bà Chương mở tiệc chiêu đãi ở nhà. Khách là người Việt và người Pháp - và sau năm 1939 là người Nhật. Đàn ông và đàn bà thoải mái trộn lẫn vào nhau sau những tuần bánh và rượu cốc tai trong phòng khách. Tất cả những nhân vật quan trọng, hoặc một ngày nào đó sẽ quan trọng, đều tham dự.

Tiếng cười và trò chuyện trôi lơ lửng trên những ngọn đèn chùm pha lê và cuộn lên cầu thang đến chiều nghỉ nơi những đứa trẻ đang thu mình, nghe lỏm chuyện người lớn bên dưới.

Bà Chương đang thích nghi với truyền thống, có từ thời Cách mạng Pháp, của những phụ nữ tinh anh chủ trì những cuộc họp xa lông, nơi khách khứa có thể tham gia vào những cuộc tranh luận đầy trí tuệ về nghệ thuật, văn chương, và thậm chí chính trị. Những người đàn ông quyền thế luôn luôn có mặt trong những cuộc hội họp tại nhà bà Chương, nhưng những quan điểm về bình đẳng nam nữ và nữ quyền đã trở thành phương tiện biểu đạt để tranh biện về một đề tài khác, một đề tài quá nguy hiểm để bàn luận công khai: Giải phóng Việt Nam khỏi chủ nghĩa thực dân Pháp. Ở đó những cuộc tranh luận sôi nổi về vai trò thích đáng của phụ nữ, giá trị của giáo dục đối với nữ giới, và sự cân bằng giữa tổ ấm gia đình và đời sống công cộng, nhưng tại căn đề của tất cả những câu hỏi này là một vấn đề lớn lao hơn nhiều: Làm thế nào để Việt Nam có thể trở nên hiện đại và tự do?

Tôi đã kỳ vọng tìm được nhiều thông tin về những cuộc họp mặt thứ Ba của bà Chương trong những văn khố của French Sureté, hay mật vụ Pháp lừng danh, nhưng thay cho tin tức tình báo về những con người nguy hiểm bà đã tiếp đãi và những tư tưởng nguy hiểm đã luận bàn, tôi tìm thấy một sự mô tả thô tục về cuộc sống của vợ chồng ông Chương.

Không có gì trong những tập hồ sơ tiếng Pháp xác nhận ý tứ về "sự vinh quang" mà bản cáo phó của ông bà Chương mô tả rất nhiều năm sau. Sự thực hoàn toàn trái lại. Tướng quân đội Pháp Georges Aymé miêu tả cha bà Lê Xuân, ông Chương, là "người khá còi cọc", một khí lực ẻo lả không làm thỏa mãn được vợ mình. Lời tử tế nhất tôi có thể tìm thấy về ông Chương trong văn khố miêu tả ông "thông minh, đúng hơn là tinh tế". Điều đó có vẻ khác xa bức chân dung về một nhà ngoại giao lỗi lạc vào lúc chết.

Nhưng mô tả về bà Chương làm tôi sốc nhất. "Vợ ông Chương đẹp và rất hấp dẫn. Giữa người An Nam với nhau, người ta biết rằng bà là người chỉ huy, điều khiển chồng mình". Điều đó không có gì đáng ngạc nhiên. Ngay khi hai bên thái dương đã điểm hoa râm, bà Chương luôn trông có vẻ vương giả và tự chủ trong những tấm hình mà tôi đã xem. Nhưng tôi chưa bao giờ nhìn thấy một tấm hình nào lột tả khía cạnh hoang dại trong tính cách của bà - mà theo mật vụ Pháp, "nổi tiếng khắp Đông Dương". Bà cũng nổi tiếng không kém với "tham vọng lì lợm cũng như tính cách coucherie utilitaires - lang chạ với những người có uy thế thuộc bất kỳ quốc tịch nào".

Những báo cáo tiếng Pháp đã điểm danh những tình nhân của bà, bao gồm một con người xuất chúng và nguy hiểm nhất. Một thời gian sau khi đến, vào năm 1939, nhà ngoại giao Nhật Bản Yokoyama Masayuki đã phản bội người vợ Pháp của ông vì bà Chương; đổi lại, bà đã được miêu tả là còn hơn cả nhân tình của ông. ⁹ Bà Chương đã trở thành "cánh tay mặt" của lãnh sự Nhật ở Hà Nội. Đối với người Pháp, việc một phụ nữ thông minh và tham vọng như bà Chương lựa chọn người Nhật thay vì người Pháp là một dấu hiệu đáng ngại. Bà đang làm những gì có thể để giúp giữ vững vị thế tốt đẹp

của gia đình trên cơn cát chính trị biến động không ngừng.

Đủ thứ luận điệu đã được truyền đến Paris trên những tờ giấy vỏ hành phai màu và được lưu trữ như những mẫu chuyện tầm phào của các nhà ngoại giao cho hậu thế. Theo một lời đồn thổi đã trở thành câu chuyện phiếm bên ly cà phê của nhiều người nhiều năm về sau, trong số nhiều nhân tình của bà Chương ở Hà Nội có một người đàn ông tên Ngô Đình Nhu.¹⁰

Ông Nhu đang tiến gần đến tuổi ba mươi khi được giới thiệu với cô Lê Xuân mười lăm tuổi vào năm 1940. Là một người đàn ông độc thân với gia thế tốt đẹp ở Huế, dáng vẻ điển trai của ông càng tăng thêm cùng với tuổi tác và trải nghiệm. Họ đã gặp nhau trong khu vườn nhà ông Chương ở Hà Nội. Ông Nhu vừa trở về Việt Nam sau gần một thập niên học hành ở Pháp. Tám bằng đầu tiên ông có được là về văn chương. Sau đó, trong khi đang theo học ngành quản thủ thư viện, ông đã lấy một bằng cấp về cổ tự học, từ trường Pháp điển quốc gia danh giá ở Paris. Ông Nhu đang bắt đầu một vị trí tại cơ quan văn khố Hà Nội khi ông gặp Lê Xuân.¹¹ Tất cả những điều đó có vẻ mang tính sách vở và nhỏ nhặt với một người giàu kinh nghiệm, nhưng với Lê Xuân, bấy giờ vẫn đang học trung học và chưa bao giờ ra khỏi đất nước, trải nghiệm ở hải ngoại của ông Nhu mang lại cho ông một nét hấp dẫn kỳ lạ. Một cuộc hôn nhân sẽ giải phóng cô khỏi những nỗi bế tắc hàng ngày mà gia đình cô gây ra. Có vẻ như với Lê Xuân một người đàn ông ham mê sách vở hơn chính trị sẽ là nỗi khuấy khuấy sau những trò chơi hai mặt và phản bội mà bà đã chứng kiến trong cuộc hôn nhân của chính cha mẹ mình. Việc ông Nhu mỉm cười nhiều hơn nói chuyện có vẻ là một biểu hiện tốt nữa. Kết hôn là bước tiếp theo với một cô gái có giáo dục, và Lê Xuân không nghĩ cô hơn ông Nhu về điểm này.

Ngặt nỗi ông Nhu thuộc về một gia đình Công giáo kiên trung. Trong tầng lớp tinh anh Việt Nam thì người Công giáo chiếm thiểu số và có phần kỳ lạ. Tuy vậy, điều đó khá tốt với kỳ vọng của một người con gái thứ như cô.



Ông Nhu là con trai thứ tư trong gia đình. Cha ông, Ngô Đình Khả, đã từng nắm giữ vị trí quan trọng trong triều đình Huế, nhưng vào thời điểm ông Nhu chào đời năm 1910, người Pháp đã phế truất vị hoàng đế mà ông phụng sự. Vì lòng trung thành với chủ, ông đã từ chức và đưa gia quyến về quê nuôi trâu và trồng lúa, một bước lùi đáng chú ý, nếu không nói là đáng khâm phục. Thái độ phản kháng sự can thiệp của Pháp vào chính sự Việt Nam đã củng cố một ý thức danh dự và trách nhiệm dân tộc của gia đình - những phẩm cách đã được truyền thừa cho cả sáu người con trai của ông.

Mỗi sáu giờ sáng, chín người con của ông Khả tập hợp lại. Sau đó, đến trường. Ông cũng bảo ban họ siêng năng làm việc đồng áng, lấm lem bùn đất cùng những nông dân địa phương. Mặc dù bản thân ông Khả mặc áo choàng lụa truyền thống của một người có học và để móng tay dài năm phân như một biểu hiện của vị thế quan lại, ông không ngừng quở trách các con trai rằng "một người đàn ông phải thấu hiểu đời sống của nhà nông".

Ông Khả đích thân giám sát việc học hành của các con trai, ở trường và ở nhà. Ở trường, ông yêu cầu họ theo chương trình Âu châu. Ở nhà, ông dạy họ tiếng phổ thông kinh điển (chữ Nho). Ngoài sự chú trọng về học thuật, nhà ông Khả là nơi học tập về quan điểm chính trị chống Pháp theo dân tộc chủ nghĩa.

Vào thời điểm ông Nhu và Lê Xuân gặp nhau lần đầu tiên, những người anh trong gia đình họ Ngô đã xác lập những sự nghiệp lỗi lạc. Người anh cả bấy giờ đang làm thống đốc tỉnh. Người anh thứ hai đang trên bước đường trở thành một trong những vị giám mục Công giáo đầu tiên ở Việt Nam. Người anh thứ ba, thành viên trực tiếp góp bàn tay vào việc nhào nặn tương lai dân tộc, là Tổng thống tương

lai của miền Nam Việt Nam, ông Ngô Đình Diệm.

Trong những cuộc phỏng vấn về sau với các ký giả Tây phương, bà Nhu thẳng thắn thừa nhận rằng cuộc hôn nhân của bà với ông Nhu là vấn đề thực tế, không phải chuyện yêu đương lãng mạn. "Tôi chưa từng có một tình yêu ngọt ngào". Bà thú nhận với Charlie Mohr của tạp chí Time. "Tôi đã đọc những thứ đó trong sách vở, nhưng tôi không tin chúng thật sự tồn tại. Hay có lẽ chỉ với một số rất ít người mà thôi". ¹²

Nhưng cô gái trẻ Lệ Xuân là một diễn viên có tài, và cô biết nhận ra một vai diễn phù hợp.

Năm 1940, ngay trước khi gặp ông Nhu, những nữ sinh trường múa ba lê Madame Parmentier đang chuẩn bị diễn vở Bạch Tuyết. Những nữ sinh người Pháp và Việt khác từ chối đóng vai mù phù thủy góm ghiếc, nhưng Lệ Xuân đã nhìn thấy tiềm năng trong vai diễn này. Cô hẳn không bao giờ được cho đóng Bạch Tuyết; vai đó sẽ vào tay một cô gái Pháp da trắng. Song cô vẫn có thể tỏa sáng trên sân khấu bằng một vai diễn độc ác xuất sắc.

Lệ Xuân đã nhìn thấy ông Nhu như một cơ hội. Bất luận vì tình yêu, tham vọng, hay là lợi dụng lẫn nhau, Lệ Xuân và ông Nhu đã đính ước không lâu sau buổi gặp gỡ trong vườn. Họ đã đính hôn trong ba năm, một truyền thống của người Việt, mặc dù việc đó không phải theo ý của cha mẹ Lệ Xuân. Nhưng trong quãng thời gian ấy, từ 1940 đến 1943, cái thế giới mà Lệ Xuân hằng biết đã hoàn toàn thay đổi.

Thế chiến thứ hai đã nổ ra ở Âu châu. Sự bại trận của nước Pháp đã gần như cắt phăng Đông Dương khỏi mẫu quốc. Chính quyền Vichy ở Pháp cho phép Nhật Bản chuyển quân đến miền Nam Trung Quốc thông qua Bắc Việt, xây dựng những sân bay, trưng thu lương thực, và đóng 6.000 quân ở Bắc Kỳ.

Những nhà ngoại giao Nhật, người thông ngôn, những chuyên viên tình báo, và doanh nhân người Nhật đã chiếm giữ những vị trí danh dự trong những cuộc họp xa lông chiêu thứ Ba tại nhà ông Chương, và những tay thực dân Pháp ở Đông Dương rất lấy làm khó chịu về điều này. Họ đơn giản là không thể, hoặc không chịu tin rằng sự đầu hàng của họ ở Âu châu đã làm phương hại đến quyền cai trị của họ ở Đông Dương. Vì vậy trong một thời gian, người Pháp gắng sức níu kéo cuộc sống thường ngày của mình, giữ lại những người hầu, ăn mặc trang trọng trong bữa tiệc tối, và tụ tập tại các quán cà phê để tán gẫu về những chuyến du ngoạn cuối tuần về miền biển hoặc người thắng tại các cuộc đua ngựa. Người Pháp có thể đã trao chứng từ tài sản thuộc địa của họ ở Đông Dương cho người Nhật, nhưng trong năm năm tiếp theo, họ sẽ tìm mọi cách để giữ thể diện cho mình. Lá cờ Pháp vẫn tiếp tục phát phới. Những tiệm bánh, bị cắt mất 20.000 tấn lúa mì nhập khẩu hàng năm, vẫn gắng gượng dựng lên một ảo tưởng cuối cùng, đã nhồi bánh mì từ bắp và gạo. Đông Dương là khu vực Đông Nam Á duy nhất dưới sự kiểm soát của Nhật Bản cho phép những người thực dân da trắng lưu lại.

Năm 1942, phiếu lương thực đã được cấp cho những người Âu châu để cung cấp gạo, muối, đường, dầu ăn, xà phòng, diêm, thuốc lá "tốt", và nhiên liệu cho họ. Người Pháp vẫn được thiên vị với những thứ như thịt và sữa đặc, họ được ưu tiên cung cấp trước nhất. Tất cả những điều này được biện hộ trong tư duy thời thực dân bởi quan niệm rằng người An Nam đã quen với chế độ ăn uống đơn điệu, trong khi người Âu châu sẽ ngã bệnh với khẩu phần ăn kém đa dạng.

Mặc dù gia đình ông Chương thật ra không phải chịu khổ, họ đã bị tước đi những thứ hàng hóa xa xỉ mà họ đã quen dùng. Nhưng nhà ông Chương là bậc thầy về những thủ đoạn chính trị và họ xoay xở khá tốt - ít ra trong một thời gian. Sự thâm nhập của người Nhật vào chế độ trên danh nghĩa của Pháp đã tạo nên một tình trạng chính trị khá rối ren. Ai là kẻ đang nắm quyền, người phương Tây hay người châu Á? Ai sẽ cảm thông hơn với những nguyện vọng dân tộc chủ nghĩa của người Việt? Gia đình ông

Chương cố gắng vun đắp những tình bạn quan trọng với cả hai phía, nhưng rốt cuộc họ đã chọn chia sẻ số phận với người Nhật dưới ngọn cờ "Tình huynh đệ da vàng". Người Nhật khuyến khích người Việt Nam tự coi mình như một phần của Khối thịnh vượng chung Á châu - được lãnh đạo bởi Nhật Bản, tất nhiên. Ít ra người Nhật không quả quyết sự ưu việt dựa trên màu da của họ.

Mẹ của Lê Xuân đã đăng ký những khóa học tiếng Nhật, và tình yêu của bà với Yokoyama, phái viên của hoàng đế xúi mặt trời mọc ở Hà Nội, đã sớm được tưởng thưởng. Năm 1945, tình nhân Yokoyama của bà được bổ nhiệm làm công sứ An Nam, và Trần Văn Chương, chồng bà, được đề bạt vào nội các chính phủ bù nhìn của Nhật Bản.



1943 – Trần Lê Xuân, 19 tuổi, trong trang cô dâu tại Hà Nội

Lê Xuân và Ngô Đình Nhu kết hôn trong tuần đầu tiên của tháng Năm, 1943 tại thánh đường Saint Joseph ở Hà Nội, hay như cách gọi của dân Hà Nội, Nhà Thờ Lớn. Đó là lần thứ hai Lê Xuân đặt chân vào giáo đường mang phong cách tân gô-tích cao chót vót này. Lần đầu là vào ngày trước đó để làm lễ cải đạo sang Công giáo. Cô mang tất tay dài và một chiếc khăn choàng đăng ten quấn quanh mái tóc đen và chảy dài xuống đôi vai. Lời tuyên xưng đức tin, mà Lê Xuân đọc to, khẳng định niềm tin mới của cô vào Thiên Chúa, Chúa Giê-su, Chúa thánh thần, và giáo hội cùng tất cả những phép bí tích của nó. Vị linh mục vừa đọc nhân danh Cha, và Con, và Thánh thần vừa rưới nước thánh lên trán Lê Xuân ba lần, sau đây mọi tội lỗi của cô đã được rửa sạch. Tiếp đó Lê Xuân được đặt tên thánh. Người ta chọn tên Lucy, theo tên thánh Lucia, thánh bản mệnh của người mù. Là một người Cơ đốc giữa những kẻ ngoại giáo, Lucy đã chọn giữ mình đồng trinh và tự chọc mù mắt thay vì lấy một kẻ ngoại giáo. Nét đẹp nhất của Lê Xuân, đôi mắt long lanh của cô, mở to trong suốt buổi lễ, một thái độ thận trọng mới mẻ đối với những cảm giác mà cô phải dè chừng hầu hết thời gian - tính ưa dâm dục, sự tự mãn và kiêu căng.

Một thời gian trước lễ cưới và sau những cánh cửa đóng kín, gia đình chú rể đã trả một món tiền thách cưới, của hồi môn, cho gia đình Lê Xuân. Theo truyền thống, số tiền này là để bù đắp cho sự mất mát của gia đình sau khi cô dâu xuất giá. Việc nhà Chương là một gia đình giàu có ở thành thị không làm thay đổi phong tục này. Nhà họ Ngô có thể trả hoàn toàn bằng tiền hoặc bằng những vật dụng thiết thực: quần áo, đồ trang sức, thịt, và trà. Số tiền hồi môn dành cho Lê Xuân được quyết định bởi vị thế gia đình cô, và nhờ sự thay đổi lòng trung thành của mình, vị thế của gia đình ông Chương quả thực vẫn rất tốt đẹp giữa một Hà Nội bị Nhật Bản chiếm đóng.

Khu vườn nhà ông Chương biến thành một ốc đảo vương giả dành cho buổi tiếp khách sau lễ cưới. Không khí buổi đầu tháng Năm thơm ngát với những bông hoa huệ tây nở rộ và hoa đại nồng nàn. Những phụ nữ diện quần áo lụa và mỹ phẩm được cấp hạn chế. Một số người có thể lôi từ trong kho những bộ trang phục được giữ gìn kỹ lưỡng từ thời của những bữa tiệc thanh thời, trước khi cơn lốc chiến tranh ập đến. Số khác ăn vận rõ ràng là hàng lậu thuế: những phụ nữ biết chọn đàn ông khôn khéo chung diện những mốt mới nhất.

Tình cảnh thiếu thốn của thời chiến tuy vậy vẫn không cắt đứt nguồn cung cấp rượu sâm banh Pháp của gia đình ông Chương. Nó chảy tràn vào những chiếc ly có chân kêu lanh canh của những thực khách, đó là, như bà Nhu băng khuâng nhớ lại, "tất cả Hà Nội" - tức là tất cả những nhân vật quan trọng ở Hà Nội vậy.

Tất cả mọi cặp mắt đều hướng về cô dâu mười tám tuổi khi cô bước vào khu vườn. Trong bức ảnh cưới trang trọng của Lê Xuân, chụp vào ngày cưới của cô, nét mặt cô bình tĩnh và nghiêm trang. Hai

bàn tay cô đan lại phía trước nhưng bị che khuất khỏi ống kính camera bởi những ống tay áo rộng của chiếc áo cưới truyền thống. Phần rộng của chiếc áo lụa đỏ được thêu những ký tự tiếng Hoa về hạnh phúc lứa đôi và lấm chấm những bông hoa nhiều họa tiết thanh tú. Những dải băng vàng vương giả vòng quanh cổ và hai ống tay áo, một phong cách phù hợp với con gái của một công chúa hoàng tộc. Một trái tim lớn bằng ngọc bích rạn rỡ trên chiếc vòng cổ của cô; đôi khuyên tai hoa hồng bằng kim cương trang nhã tuyệt vời. Chiếc khăn đóng màu đen xếp nếp trên trán. Mái tóc chẻ ngôi giữa và quấn thành lọn quanh đầu. Mắt long lanh viển vông và đôi mày kẻ thật kỹ. Đôi môi lấm vết son, và má đánh phấn hồng. Cô trông như một búp bê sứ sẽ rạn vỡ ngay khi đánh bạo nở nụ cười, nhưng một mối thông gia bền vững như thế này là một vấn đề hệ trọng. Lệ Xuân đã sắm vai trò của mình một cách không thể chê trách. Từ đây trở đi, cô sẽ là bà Nhu.

- [1](#) CAOM, Hồ Sơ Trần Văn Chương, HCRT non-cote.
- [2](#) Crosbie Garstin trong Mark Sidel, *Old Hanoi* (Oxford: Oxford University Press, 1998), 22.
- [3](#) Nicola Cooper, France in Indochina: Colonial Encounters - Pháp ở Đông Dương: Những cuộc chạm trán thuộc địa (Oxford, UK: Berg Publishers, 2001), 43.
- [4](#) Trần Tử Bình, *The Red Earth: A Vietnamese Memoir of Life on a Colonial Rubber Plantation* - Đất Đỏ: Hồi ký của một người Việt về cuộc sống trên đồn điền cao su thực dân (Athens: Ohio University Press, 1985), 30.
- Cooper, France in Indochina, 150. Có một sự phân biệt giữa vị trí cao của người Đông Dương so với người Phi da đen trên thang thứ bậc chủng tộc. Song giữa các lãnh thổ thực dân cũng có một sự xóa nhòa cách biệt. Các chuyên gia y tế nghiên cứu về những tác động của sự hòa nhập chủng tộc đã rút ra những so sánh giữa dân Đông Dương và dân Phi châu, ngụ ý một sự thiếu màu sắc riêng giữa những cư dân không da trắng. "Đế quốc Pháp đã xóa nhòa mọi cư dân bản địa trong một vùng lầy không thể phân biệt của bệnh tật và dơ bẩn" (Cooper, France in Indochina, 152).
- [6](#) Cooper, France in Indochina, 93-94.
- [7](#) Hồ Tài Huệ Tâm, *Radicalism*, 30.
- [9](#) CAOM Haut Commissariat Indo, carton 375, Surveillance of Nippo-Indochinese Relations by the Sureté, CAOM Indo Rstnf. 6965.
- [10](#) SHAT Archives 10H 80, Note du Général Aymé sur les événements dont il a été témoin en Indochine du 10 mars au 1 octobre 1945.
- [11](#) Edward Miller, *Misalliance: Ngo Dinh Diem, the United States, and the Fate of South Vietnam* - Cuộc hôn nhân không tương xứng: Ngô Đình Diệm, Hoa Kỳ, và Số phận của Nam Việt Nam (Cambridge, MA: Harvard University Press, 2013), 42.
- [12](#) "Queen Bee", *Time*, 9 tháng 8, 1963.

Chương 5

CÚ ĐIỆN THOẠI ĐƯỜNG DÀI

Nhiều tháng trôi qua. Tôi đã gửi cho bà Nhu những bức thư nhả nhận hơn, tự giới thiệu bản thân và cho bà biết về lai lịch của tôi. "Tôi muốn nói chuyện với bà", tôi viết. Tâm trí tôi khuấy tung một danh sách bất tận những lý do giải thích vì sao bà đã không trả lời tôi. Lỡ đâu bà Nhu không thấy thoải mái với sự chú ý như tôi tưởng thì sao? Thậm chí có thể bà còn không biết mình là Ròng Cái nữa.

Tôi đã mơ màng hình dung về cuộc trò chuyện đầu tiên của chúng tôi. Tôi thấy mình đang bay tới Pháp, ngồi trên chiếc đi văng bọc nhung của bà, tán chuyện qua một tách trà bằng sứ và những chiếc kẹo bạc hà ngọt ngào... nhưng càng lúc tôi càng phải huy động nhiều nỗ lực hơn để bám riết niềm hy vọng của mình vào cùng một điểm xuất phát như vậy mỗi ngày. Tôi thật sự nghĩ mình đã hình dung ra mọi kịch bản khả dĩ về việc làm thế nào và khi nào bà Nhu sẽ quyết định liên hệ với tôi, nhưng tôi đã sai.

Một buổi sáng thứ Bảy của tháng Sáu năm 2005, khi chồng tôi vẫn đang ngủ say, một dấu cộng màu hồng rõ rệt, không thể làm lẫn hiện ra trên que thử. Tôi đã có thai. Đó là một điều gây choáng váng vì vợ chồng tôi đã từng cố gắng đủ mọi cách để có con. Những cuộc hẹn với bác sĩ xét nghiệm máu, làm siêu âm và nhiều ý kiến khác đều đưa đến lời chẩn đoán đáng sợ về hội chứng buồng trứng đa nang. Người ta nói rằng nếu không có sự can thiệp y học, việc thụ thai đối với tôi gần như là không thể. Ấy vậy mà, tôi đang đứng đó, nhìn chòng chọc vào chiếc que ướt trong cú sốc hoàn toàn, thì chuông điện thoại nhà bếp reo vang.

"Bonjour", một giọng gây bối rối vang lên trong ống nghe. "Cô Demery?"

Tôi hầu như không kịp kim một tiếng "oui". Giờ làm sao mà nuốt lại cho được. Tim tôi nhảy chồm trong lồng ngực. Lẽ nào là người mà tôi đã nghĩ hay sao? Nếu không thì còn ai nữa? Tôi lập tức tự hỏi có phải mình đang mơ chẳng.

"Xin hỏi có phải bà Nhu đấy không?" Làm bộ lạnh lùng xa cách lúc này thật chẳng có ý nghĩa gì. Ròng Cái đang gọi điện. Và tôi thì đang mang thai. Vâng, đó là bà Nhu. Nhưng một lô một lốc những câu hỏi xối xả ập đến tôi, chúng ngay lập tức kéo tôi ra khỏi trạng thái mơ màng sung sướng.

"Cô có phải là nhân viên chính phủ không?"

"Không, không", tôi trấn an bà.

"Thế thì chồng cô? Hoặc là cha cô, hay ai đó trong gia đình cô?"

Tôi hứa với bà rằng không có bất kỳ ai trong gia đình tôi từng làm việc cho chính phủ cả.

"Thế thì cô có từng làm việc cho cảnh sát, hay có lẽ là New York Times?"

Cái lối chất vấn này nghe ra như lời lẽ điên rồ của một ai đó, nhưng tôi nghiêm túc trả lời mọi câu hỏi. Rốt cuộc, bà Nhu đã tỏ ra hài lòng.

"Bon" bà nói rành mạch, "bỏ qua chuyện đó đi. Tốt".

Sau đó bà đưa ra những qui tắc cơ bản. Bà Nhu sẽ là người gọi. Bà sẽ không cho tôi số điện thoại. Bà sẽ không nói chuyện với bất kỳ ai khác bắt máy; bà sẽ chờ máy. Và bà sẽ tuyệt đối không để lại tin nhắn nào trên máy trả lời. Tôi dễ dàng đồng ý với mọi điều kiện đó.

"Bien sur. Tất nhiên, thưa Bà".

"Tôi sẽ gọi lại trong ba ngày".

Bà Nhu và tôi bắt đầu nói chuyện qua điện thoại một cách khá thường xuyên. Tôi sẽ biết người gọi đến là bà khi mục ID của người gọi hiện chữ "Không liên lạc được". Bà thường gọi vào thời điểm gần trưa với tôi và sẩm tối với bà, nếu xét đến bảy múi giờ chênh lệch giữa chúng tôi. Bà có thể bắt đầu bằng một mẫu chuyện lịch sử Việt Nam mà bà nghĩ là tôi biết. Đôi khi bà tự lặp lại chính mình. Bà kể lại những truyền thuyết Việt Nam ai ai cũng biết - về những nữ anh hùng Việt Nam như chị em Bà Trưng hoặc Bà Triệu đánh đuổi bọn xâm lược Trung Hoa. Tôi khá chắc rằng đó chỉ là một lý cớ. Bà ấy đang kiểm tra để tìm hiểu về tôi. Những câu chuyện sẽ nhường chỗ cho những câu hỏi - về gia đình tôi, tôn giáo tôi, và hiểu biết về kinh thánh của tôi. Không có câu trả lời nào của tôi có vẻ khiến bà hoàn toàn hài lòng.

Tôi hiểu ra rằng tốt hơn nên để cho bà Nhu nói. Bà sẽ lưu lại lâu hơn trên điện thoại, và điều đó chắc hẳn sẽ đưa bà quay trở về quá khứ. Từ đó tôi có thể khơi ra những mảnh chuyện nhỏ về thời thơ ấu của bà và hỏi bà những gì bà còn nhớ về những thời kỳ khác nhau mà đời bà đã trải qua. Nhưng khi tôi đặt một câu hỏi mà bà Nhu thấy có vẻ quá thăm dò, bà liền chặn tôi lại. Đó có thể là một câu hỏi phù phiếm về cuộc sống trong cung điện ở Sài Gòn - chẳng hạn, tôi đã nghe đồn rằng bà có những cái nhà vệ sinh bằng vàng. Khi tôi hỏi bà về điều đó, bà gọi tôi là đứa trẻ ngớ ngẩn. Nếu tôi cố hỏi về chế độ đã nhốt những nhà sư Phật giáo và những sinh viên đại học trong những cái chuồng cọp dơ dáy nhục nhã, bà bảo tôi hãy thận trọng với những nguồn tin của mình. Những địch thủ chính trị của chế độ bà, bà nói với giọng thật sự tức giận, đã bị Cộng sản lừa bịp.

Tôi thố lộ với bà Nhu về việc tôi có thai sau khi hai vợ chồng tôi đã thông báo với gia đình nhưng trước khi chúng tôi chia sẻ tin này với nhiều bạn bè mình. Một cách gần như là bền lên, tôi kể với bà về sự trùng hợp đáng kinh ngạc – về việc bà đã gọi tôi vào ngay sáng hôm đó và chuyện mang thai với tôi khó khăn đến mức độ nào.

Bà Nhu ngập tràn cảm xúc. "Mais, c'est merveilleux" Tuu...yyêet vui! Bà gần như hét lên lời tán thưởng. "Thật là đúng như tôi nghĩ", bà Nhu đáp ứng: "Nó xác nhận điều tôi đã hoài nghi!" Tôi hơi ngạc nhiên trước tất cả tình cảm mà bà đang thổ lộ với tôi; đó là một cách nói lời chúc mừng kỳ lạ, nhưng tôi còn có thể nói gì hơn là, "Merci"?

Tình thế thật lúng túng và còn hơn nữa không lâu sau đó. Bà Nhu nói những lời tiếp theo chậm chậm trong điện thoại, như thể bà đang chia sẻ một bí mật với tôi.

"Cô là một thiên thần. Cô đã được gửi đến để giúp tôi hoàn thành hồi ký của mình. Và nhờ đó mọi chuyện sẽ được tiết lộ".

Tôi không ngây thơ. Tôi tiếp nhận những lời bà Nhu với một thái độ rất hoài nghi. Tôi nào phải thiên thần - nhưng còn hồi ký? Cuối cùng, bà đưa ra lời hứa về những chi tiết cá nhân - nơi bà gặp gỡ chồng lần đầu tiên, đám cưới diễn ra thế nào, và những trò chơi mà bà chơi đùa với con mình. Tôi hoàn toàn bị dụ hoặc bởi ý nghĩ này. Nếu bà thích nghĩ rằng tôi đã được Chúa gửi đến, có thể điều đó sẽ khích lệ bà cởi mở hơn với tôi.

Những quyển hồi ký thật là treu ngoi, đặc biệt khi, như bà đã tự hào bảo tôi, chúng sẽ "soi sáng tất cả những bí ẩn". Bà Nhu đã là chứng nhân sống động của việc nhào nặn lịch sử và những mưu toan chính trị ở những cấp cao nhất. Tôi hơi thích thú với ý nghĩ rằng bằng cách nào đó tôi đã được chọn, nếu không bởi Chúa, thì bởi bà Nhu vậy.

Tôi đã tự huyễn hoặc mình. Tôi thật không sao phân định được liệu tôi có thật sự thích nói chuyện với bà Nhu hay chỉ thích cái ý nghĩ sẽ nói chuyện với bà. Cảm giác này chỉ đơn giản là hồi hộp - như những đoạn đầu của một chuyện tình lãng mạn. Bà là người dẫn dắt, và tôi đi theo.

Chương 6

ÔM CON CHẠY LOẠN

Tôi là thánh giả hoàn hảo đối với bà Nhu. Tôi háo hức để được bà chấp nhận, tôi tuân thủ những quy tắc của bà, và tôi thường tin vào những gì bà kể với tôi. Bà ấy nói dối để làm gì cơ chứ? Và sự tự đánh giá khắt khe về tính cách thời trẻ của bà khiến cho tất cả mọi điều đâm ra đáng tin hơn.

"Tôi hãy còn trong những ngày tháng ngu ngơ vô ý thức", bà Nhu trầm ngâm với tôi về người phụ nữ đã từng là bà vào một ngày tháng Mười Hai, 1946. Ở tuổi hai mươi hai, bà đã làm mẹ khi vẫn là một cô dâu rất trẻ. Sau đám cưới ở Hà Nội vào năm 1943, bà Nhu theo chồng về nhà ông ở thành phố Huế. Truyện cổ tích kể rằng thành phố này đã mọc lên từ một hoa sen giữa bùn. Lịch sử thay vì vậy ghi công trạng sáng lập nên kinh đô Việt Nam năm 1802 cho một trong những tổ tiên của bà Nhu, Hoàng đế Gia Long. Cách biển Đông ở miền Trung đất nước bảy trăm cây số về phía tây nam, thành phố là trung tâm của trí tuệ và tinh thần Việt Nam. Ngôi biệt thự hai tầng nhà ông Nhu thuê từ một thành viên khác trong gia đình nằm lừng lững giữa khu hiện đại của Huế. Nó án ngữ một góc của cái từng được mệnh danh là Khu tam giác, một cộng đồng dân cư và kinh doanh sầm uất được gọi tên theo hình thù bất quy cách của nó, giáp con kênh ở một mặt và mặt còn lại là cổng Phát Lát.

Từ những ô cửa sổ nhà mình, bà Nhu có một tầm nhìn hoàn hảo về cố đô. Về phía bắc, khung cảnh buổi sáng tháng Mười Hai lạnh lẽo trông như mọi ngày bất kỳ khác. Ngọn cờ trên tháp bay phát phới. Những bức tường của ngôi cổ thành vẫn đứng lừng lững. Chín khẩu thần công, biểu tượng sự bảo vệ thần kỳ của thành phố Huế, hoàn toàn không chứa vào đâu cả. Những giọt sương đọng trên lớp thép lạnh của chúng.

Nhưng mặt phía nam của cầu Clémenceau thì yên tĩnh một cách kỳ lạ. Những ngõ nhỏ quanh co vắng lặng. Vào thời điểm này của buổi sáng, lẽ ra đã có một nhịp điệu rộn ràng đều đặn những chiếc xe đẩy và người người qua lại. Không con thuyền nào lênh đênh trên dòng kênh An Cựu, không có tiếng rao của những người bán hàng rong, và không có làn khói từ ngọn lửa nấu nướng bập bùng trên những ngôi nhà gỗ thấp lè tè chạy dài đến hết ranh giới thành phố. Những cánh cửa sổ đóng kín im im - như để chờ che tất cả những người ở đằng sau chúng.

Khuya đêm trước, tiếng ầm ầm đùng xa vang vọng khắp thành phố trong nhiều ngày đã biến thành những cơn sóng gầm đĩnh tai nhức óc làm lung lay dữ dội những ô kính cửa sổ. Bà Nhu khi đó biết rằng họ đã làm ngơ lệnh tản cư của các quan chức thành phố bấy lâu. Nhưng về việc ai đang đánh nhau ngoài những đường phố kia, "On l'ignorait" - không ai biết cả.

Người Việt Nam vẫn đang chao đảo bởi tất cả những cú sốc mà đất nước họ đã trải qua trong năm cuối cùng của Thế chiến thứ hai. Do nhu cầu về lao động không thể thỏa mãn và sự đói khát vô độ các nguồn nguyên liệu thô, người Nhật đã áp đặt chế độ trưng thu lương thực với cường độ gấp hai hoặc ba lần người Pháp, hủy hoại nguồn nhân lực và tài nguyên vùng nông thôn. Những nông dân sắp chết đói ăn cả vốn liếng hạt giống, có nghĩa là họ sẽ gieo trồng ít hạt hơn. Sản lượng lúa sa sút do thời tiết đặc biệt tồi tệ, và một trận đói khủng khiếp đã ập xuống miền Bắc Việt Nam năm 1945. Ở các vùng đô thị, người ta có thể phân phối; ở nông thôn, mọi người bị cắt khẩu phần và bỏ mặc cho chết đói. Hàng hàng lớp lớp những thầy ma biết đi tràn vào các thành phố. Trước hết là đàn ông; lê lét theo sau họ là những phụ nữ quắt queo, những đứa trẻ bụng to và những người già đôi chân khẳng khiu. Những cánh đồng mà họ đi qua vắng lặng đìu hiu. Ngay cả chim chóc cũng không thể sống sót - nạn đói đã phá hủy

chuỗi lương thực ở mọi cấp. Những kẻ chết đói bươi đào bọ và dế để bổ sung chất đạm. Họ ăn cỏ, lá và thậm chí cả vỏ cây cũng không từ. Mỗi ngày, hàng trăm tử thi, những người chết đói nằm bên vệ đường, được gom lại để tiêu hủy. Các sử gia ước tính nạn đói khủng khiếp này đã cướp đi trên hai triệu sinh mạng.

Những người Việt mà ban đầu bị khước từ bởi mối liên hệ mật thiết với Đảng Cộng sản Đông Dương giờ đây đã được Việt Minh lôi kéo. Không có ai khác - dù là người Pháp, chính quyền "độc lập" do Nhật dựng lên, và tất nhiên không phải là người Nhật - làm bất kỳ điều gì để giảm nhẹ nỗi đau đớn và thống khổ ở vùng nông thôn. Bà Nhu hầu như không nhận ra điều đó từ chiếc kén êm ấm của mình. Chính Việt Minh là những người đã ra sức làm khuây khỏa cơn đói khổ. Mạng lưới của họ giúp mọi người tìm kiếm thức ăn, và nhân lực của họ giúp nông dân trồng trọt lại. Họ được người dân vùng nông thôn toàn tâm toàn ý đi theo vì những hành động của mình.

Lòng trung thành của mọi người đã trở nên có ích sau sự bại trận của Nhật Bản vào cuối Thế chiến thứ hai, khi Việt Nam bỗng nhiên thấy mình ở trong một tình trạng trống rỗng chính trị. Người Pháp cho rằng họ có thể quay lại để tái chiếm thuộc địa và rằng họ sẽ được chào đón bằng những vòng tay rộng mở, nhưng họ đã lầm. Nhiều gia đình trước kia dưới sự khống chế của người Pháp, như gia đình ông Chương, đã cộng tác với người Nhật. Họ không muốn thấy người Pháp quay trở lại. Người Nhật đã treo lời hứa tự do trước mặt họ, và không có gì ngạc nhiên là họ không muốn đất nước này biến thành một thuộc địa Pháp. Nhưng những người giàu có như gia đình ông Chương không thích cái phương án thay thế mà Việt Minh đưa ra. Những chủ đề đấu tranh giai cấp và phân phối lại tài sản của người Cộng sản đe dọa sự sung túc và an toàn của họ. Lãnh tụ của Việt Minh, cũng là người sáng lập Đảng Cộng sản Đông Dương, cuối cùng đã bước ra khỏi bóng tối. Vào ngày 2 tháng Chín năm 1945, Hồ Chí Minh tuyên bố nền độc lập của Việt Nam. Ông đã sẵn sàng chiến đấu với người Pháp vì đất nước, và bỗng nhiên giai đoạn hậu chiến ở Đông Dương đã chuyển biến thành một phen hỗn loạn chính trị. Việc ai là người nắm quyền khu vực nào thay đổi từ ngày này qua ngày khác, tỉnh này qua tỉnh khác. Mỗi ưu tư thực tế nhất với một người bàng quan như bà Nhu là sống còn.

Vào buổi sáng tháng Mười Hai lạnh lẽo năm 1946 đó, bà Nhu không còn biết ai đánh đấm với ai nữa, nhưng những phụ nữ và trẻ con tụ tập trong phòng khách của bà đã đứng khá xa những cánh cửa sổ để cho an toàn. Họ gồm năm người cả thảy: Bà Nhu với con gái mới sinh, Lệ Thủy, mẹ chồng, em chồng bà, và một cháu gái. Chính là lỗi của em chồng bà, Hoàng, mà họ rốt cuộc còn nán ná ở đó. Đó là ngôi nhà của cô, mặc dù cô sống, không mấy hạnh phúc, với chồng, ông Âm, và gia đình anh ta ở bên kia thành phố. Ngôi nhà là một vật bảo hiểm đối với Hoàng trong trường hợp có những chuyện bất trắc xảy đến cho cuộc hôn nhân của cô. Cô không đành lòng bỏ lại món tài sản duy nhất đó của mình. Để có thêm thu nhập, cô đã cho anh trai và cô dâu mới của anh thuê, và vị thế của bà Nhu trong gia đình, với tư cách người vợ và chị dâu trẻ nhất từ một gia đình quý tộc khá tai tiếng, đã buộc bà chấp nhận mọi sự an bài và giữ mồm giữ miệng.

Bà Nhu tự trách mình đã ngây thơ, điều mà bà gọi là "gần như ngu xuẩn". Bất chấp sự kiện rằng bà hẳn đã vô cùng khiếp sợ, khi bà kể cho tôi nghe về điều đó qua điện thoại hơn sáu mươi năm sau, bà đã tỏ ra cực kỳ ít khoan dung với bản thân mình. Tôi kinh ngạc bởi sự sắc sảo gay gắt lẫn trong giọng nói bà khi những ký ức ngày xưa trở lại một cách dữ dội.

Thay vì đến trú ẩn chỗ các linh mục Dòng Tên ở phía dưới đường, Hoàng đã thuyết phục người mẹ già nua rằng để cho an toàn thì đừng ra khỏi nhà. Người Pháp có thể trưng dụng nó nếu họ nghĩ nó đã bị bỏ hoang, và thậm chí còn có thể tai hại hơn nếu nó rơi vào tay người Cộng sản. Bà Nhu đã không thể cãi lại mẹ chồng, vì vậy những người phụ nữ đã tranh thủ sự giúp đỡ của người làm vườn để dọn những

đồ đạc nặng nhất vào giữa phòng khách và chắt đông chần ga gối nệm lại. Họ trải qua một đêm với những tiếng nổ mỗi lúc mỗi đến gần nơi trú ẩn tạm thời của mình hơn, co rúc vào nhau và cầu xin ơn trên cho được an toàn. Họ vẫn túm tụm vào nhau, tự hỏi nên làm gì với chính mình trong cái tĩnh lặng bất chợt của buổi sáng, khi những người đàn ông xông vào phòng.

Họ là những người lính Việt Minh. Không có biểu hiệu nào phân biệt họ, nhưng những mảnh vải đay chắp vá thành những bộ đồng phục đã tiết lộ về họ. Chân họ không mang gì ngoài những mẩu cao su buộc lại thành hình dáng chiếc xăng đan. Họ mang dao rựa và súng trường, được qua loa trang bị lại từ một cuộc chiến khác. Những người lính thực dân Pháp đã dùng cùng những vũ khí này chống lại những chiến binh cha ông họ để cho người bản xứ thấy ai là kẻ nắm quyền.

Việt Minh còn hơn cả một phong trào dân tộc chủ nghĩa đơn thuần, và bà Nhu biết điều đó. Là lực lượng quân sự của Đảng Cộng sản Đông Dương, các thành viên đã tiến hành những cuộc tổng khởi nghĩa ở khắp mọi nơi trong cả nước. Chồng bà Nhu đã trốn trên lầu nhà bà Hoàng khi họ đến tìm ông. Dích thân bà Nhu ra mở cửa và nói dối một cách bình tĩnh trước mặt những người lính. Sau đó, bản thân bà còn thấy kinh ngạc với khả năng phỉnh phờ một cách lạnh lùng đến vậy, bà đã mời viên thủ lĩnh vào trong đợi chồng bà. Ông Nhu đã chuồn ra ngoài trong bóng tối và trốn tránh trong hầu hết thời gian sau đó. Vào một trong những cuộc viếng thăm vợ hiếm hoi và bí mật của ông Nhu trong năm trước đó, con gái của họ, Lê Thủy, đã thành hình. Ngoài những khoảnh khắc thân mật vội vã, bà Nhu không hề hay biết chồng đang ở đâu. Vào tháng Mười Hai, 1946, bà thậm chí còn không biết liệu ông còn sống hay đã chết.

Giờ đây bọn họ đã đến tìm bà. Bà Nhu ước giá bà có thể tan biến được. Là con gái được nuông chiều của một chính quyền bù nhìn thời thực dân, là công chúa hoàng tộc và là người vợ mới thích chưng diện trong gia tộc họ Ngô đang ngồi thù lù trong ngôi nhà lớn bên bờ sông An Cựu, bà Nhu biết rằng làm ra vẻ nhún nhường và sợ sệt là cách phòng vệ tốt nhất cho bà. Bà ôm chặt đứa bé hơn và giữ ánh mắt nhìn xuống.

Họ trông như bọn người tiền sử đối với bà Nhu. Bà chỉ vừa vặn hiểu điều họ nói với bà, còn những gì họ nói với nhau bà đành chịu thua. Cái giọng không âm sắc của những người bình dân ở miền Trung đã tiếp tục lẫn tránh bà, mặc dù bà đã từng sống ở Huế ba năm. So với sự lên bổng xuống trầm rõ rệt phân biệt từng từ của những người ở các vùng khác hay so với người miền Bắc có giáo dục, những tiếng oang oang không thăng giáng, âm ỉ của những người này như thứ ngôn ngữ nơi hoang dã. Con chó của bà Nhu rên ư ử một cách tội nghiệp từ một phòng khác. Quito, một con chó chăn cừu giống Đức, là con vật to lớn và trung thành. Sau khi chồng ra đi để lại bà một mình, con chó đã giữ bà an toàn khỏi đám lính Trung Hoa Quốc dân đảng đóng trong thành phố sau tháng Chín năm 1945. Họ đã bất ngờ ập vào thành phố như một bầy châu chấu.¹ Khi một đám hỗn tạp trong bọn họ quyết định trú chân nơi vườn nhà bà, bà Nhu, đầu bếp, và người quản gia đã cố đuổi họ đi bằng cách tạo ra một cuộc náo động âm ỉ với nồi niêu chai lọ khua loảng xoảng cùng tiếng la hét. Những gã này chẳng hề nhúc nhích - họ nào phải lủ chuột đồng. Họ thấy rằng bà Nhu đang mang thai, chồng bà ở đâu không ai biết, và bạn đồng hành duy nhất của bà trong ngôi nhà lớn bên bờ sông này chỉ có hai người hầu gái già. Đội quân rách mướp tả tơi, mệt mỏi bởi chiến tranh và đói khát cái ăn, sự ám áp và những tiện nghi gia đình, bắt đầu nghĩ rằng họ sẽ thoải mái hơn bên trong ngôi nhà. Bà Nhu trông có vẻ khá yếu ớt đang đứng một mình tại khung cửa sổ, đang nắm giữ một cái gì đó đằng sau cái bụng tròn của mình, nhưng bỗng họ thấy đó là cái gì. Bà đang nắm sợi dây buộc lỏng lẻo quanh cổ một con chó. Bộ dạng con chó rất ngẫu với hai hàm răng nhe ra và đôi tai cụp rủ xuống đầu. Lời đe dọa có kết quả, sau đó họ đã để bà được yên, một sự may mắn mà bà không thể không cảm ơn con thú yêu dấu, hay găm giữ của mình.

Sáng nay, nó đã không có một cơ hội nào để bảo vệ chủ của mình. Bà đã nhốt con chó ở một phòng khác suốt đêm. Đó là một sai lầm ngu ngốc.

Đó là một nhạc khí tao nhã mà bà Nhu đã cố đưa ra khỏi nhà, cùng với vài món đồ gia truyền bằng sơn mài và bạc đắt giá mà bà đã nhờ các cha Dòng Tên cất giữ trong tu viện của họ phòng hờ một chuyện như thế này xảy ra. Nhưng cây đàn đã bị kẹt chặt ở cửa ra vào. Những người lính vây quanh nó, miết những bàn tay lên lớp gỗ bóng loáng, nhưng không phải vì một sự ngưỡng mộ đặc biệt nào. Mồ hôi của họ hằn thành một đường lằn nhợt nhợt hình cầu vồng, bụi và cáu ghét làm trầy xước lớp sơn phủ, và việc chạm vào những dây đàn, xét đến sự khó khăn để giữ tông cho chúng ở miền nhiệt đới, lại là trong thời chiến, theo lẽ thường là một sự xúc phạm không thể tả xiết. Những ngón tay chai sần đang tìm kiếm một cái gì đó khi chúng dò dẫm dưới thùng đàn và lục lọi vào trong. Những người lính đang tìm kiếm một thiết bị liên lạc giấu kín. Họ dường như nghĩ rằng cây đàn piano, với tất cả những sợi dây đàn, là một loại máy điện báo nào đó.

"Chúng thậm chí không biết một cây grand piano là gì!" Nhưng thật ra bà Nhu không chứng kiến họ nhồi thuốc nổ vào hốc đàn, và có khả năng nó đã nổ tung vì một cái gì đó khác. Bộ khung gang của cây đàn grand piano có thể đã bị tổn thương trong nỗ lực vội vàng để di chuyển nó. Nếu bộ khung đã bị nứt hoặc suy yếu, hàng tấn áp lực giữ căng những sợi dây có thể đã bị giải phóng trong một tiếng nổ ghê gớm. Vụ nổ đã khoét một lỗ lớn xuyên qua mặt chính diện ngôi nhà. Có lẽ những người lính đã biết chính xác cây đàn piano là gì ngay từ đầu, và việc cho nổ tung nó thể hiện sự trả thù của họ cho sự suy đồi tư sản.

Giữa đông đảo náo nức, bà Nhu thu vén những gì có thể cho em bé Lê Thủy: chăn mền và tã lót, quần áo thay, và một giỏ lớn để đựng tất cả. Sau đó, trước khi bị ép ra khỏi nhà, bà kịp mặc vào một chiếc áo choàng, một chiếc áo rođanhgô len, hơi giống chiếc áo đuôi én vốn thít lại ở chỗ thắt lưng với những chiết ly và nếp gấp. Nó từng là một được ưa chuộng ở Âu châu, một sự xa hoa không thể tưởng tượng trong những năm sau cùng của chiến tranh và đói kém. Đó là chiếc áo ấm nhất mà bà có. Khí hậu nhiệt đới bao phủ góc trời này của vùng Đông Nam Á đến mười tháng trong năm, nhưng tháng Mười Hai ở miền Trung Việt Nam được dự báo là ẩm thấp và lạnh lẽo - những điều kiện sẽ chỉ càng thêm tồi tệ khi bà đi xa khỏi nhà.

Bà bị lừa ra khỏi thành phố dưới bầu trời xám ngắt màu nòng súng, hòa vào dòng người lũ lượt đổ xuống đường, hướng đến vùng nội địa xa thành phố Huế. Họ hầu hết là phụ nữ, trẻ em, và người già. Những chiếc giỏ lác lư như những vật nổi lềnh bềnh trên biển, đựng trên vai những phụ nữ dùng đòn gánh truyền thống, chiếc sào dài treo thẳng bằng một chiếc giỏ ở mỗi đầu. Hình ảnh gợi sự liên tưởng đến đường nét dài và hẹp của đất nước. Những chiếc giỏ đầy ở mỗi đầu đòn gánh tượng trưng cho những vùng châu thổ phì nhiêu, sông Hồng của Bắc Kỳ ở phía bắc và sông Mê Kông của Nam Kỳ ở phía nam. Khu vực ở giữa, chiếc đòn gánh dài cứng rắn làm xước da lưng người chưa quen việc, là vùng đầy núi non và khá cằn cỗi ở miền Trung đất nước, vùng mà những kẻ lánh nạn giờ đây nặng nhọc lê bước qua.

Những con đường cắt ngang qua những cánh đồng ngập lụt như một vết thương đỏ lói sâu hoắm. Chúng ngập ngụa đất sét và hôi thối mùi phân những con trâu ngụp lặn trong các cánh đồng. Con đường trở nên quá nguy hiểm ngay khi những tháp bê tông hiện ra trong tầm mắt. Quân đội Pháp đã xây dựng các tháp canh này dọc theo những con đường nông thôn để theo dõi động tĩnh của quân Việt Minh, vì vậy tù nhân phải đi băng qua những cánh đồng lúa. Họ dón thành hàng một trên những con mương hẹp. Để tránh cho đôi giày duy nhất bị lún trong bùn, bà Nhu đã phải dò dẫm từng bước một cách kỹ càng. Một tay bế con gái và tay còn lại xách mớ đồ em bé, đó là công việc hết sức nhọc nhằn. Bà đã cố rảo bước

theo cô em chồng và đưa cháu gái; mẹ chồng bà, mỏng manh yếu ớt, được người làm vườn cõng trên lưng và hơi chùn lại phía sau. Xung quanh họ, những cây lúa dập dềnh như những làn sóng. Một đại dương mệnh mông màu ngọc lục bảo đã bị chặn đứng bởi những tấm bia đá cẩm thạch màu trắng - những nấm mồ cổ xưa đứng đó như một lời nhắc nhở liên tục về cái chết có thể lẫn lút đâu đó không xa.

Hết ruộng lúa, đoàn người gồm những phụ nữ và những người lính canh đã phải quay trở lại đường lộ. Họ đang tiến về phía cây cầu thì một tiếng nổ chát chúa xé toang không gian. "Năm xuống!" Những người lính sắp mặt xuống vệ đường, sỏi đá bắn tung tóe khi những người phụ nữ nhanh chân nhất lao xuống một bờ đê. Số khác lao theo, những mái đầu chúi nhủi dưới đất, hai khuỷu tay áp chặt quanh tai, những chiếc giỏ bỏ chông chơ bên đường. Con đường dẫn đến chiếc cầu đột ngột trống trơn ngoại trừ bà Nhu và đứa bé bà ôm trong tay.

Bà Nhu biết rằng những thi thể bị phân hủy đã trôi dạt vào những chiếc cọc và trụ đá. Bà đã đến gần những chiếc cầu như thế này một lần trước kia và đã nghe người ta mô tả cảnh tượng này một cách rùng rợn. Từ nơi bà đứng, bà dường như có thể ngửi thấy mùi thối rữa. Bị giết bởi Việt Minh hay chết kẹt giữa hai lần đạn giao tranh, có gì khác nhau đâu? Những thi thể của những chiến binh đã ngã xuống vốn quá nghèo hoặc quá xa nhà để được chôn cất tử tế. Những tử thi sưng phồng của những kẻ bất hạnh vô danh đang mục nát và rỉ huyết dịch vào chính chỗ nước nông mà người ta đang kêu bà ẩn núp vào.

Bà Nhu chẳng thể nào nhúc nhích. Thật là quá khủng khiếp. Trời đã bắt đầu mưa, nhưng bà đứng chôn chân giữa con đường đất đỏ và ôm đứa bé chặt hơn trong tay. Bà sẽ không ẩn núp giữa những xác chết như những người khác; bà chỉ chịu nằm lại đó giữa họ khi bà chỉ còn là một tử thi mà thôi. Đó là lần đầu tiên bà Nhu chứng kiến trực tiếp cái hiện thực tàn khốc đã phủ vây quê hương bà trong vài năm qua, cùng những năm bà đã sống như một cô dâu mới, một người vợ và người mẹ trẻ, cách biệt những mưu toan chính trị. Bà đã dọn vào ngôi nhà xinh đẹp của Hoàng. Bà có những người hầu, bao gồm một đầu bếp, một người làm vườn, và một vú em cho đứa bé, để chăm lo công việc nội trợ thay bà. Thời gian rảnh rỗi, bà Nhu chơi đàn tranh, một nhạc khí tao nhã tương tự như đàn luyt vậy. Bà cũng tận hưởng thú vui được chở đi quanh thành phố bằng chiếc xích lô mà bà đã mang đến Huế bằng tàu lửa sau ngày cưới. Bà khoe khoang rằng những tiện nghi miền Bắc đáng thèm muốn đến độ mọi người hay dừng lại và nhìn đắm đắm khi hàng ngày bà đi qua dọc hai bên bờ sông An Cựu đến ăn tối với mẹ chồng. Nhưng bà không bao giờ dám chắc liệu cái nhìn chòng chọc đó là vì ngưỡng mộ hay vì một ác ý nào đó. Giờ đây tất cả những sự xa hoa đó đã qua rồi.

Bây giờ thì bà, đang đứng trong mưa, cái chết rập rình tứ phía. Đó là một khung cảnh nhiều màu sắc biến ảo khốc liệt. Nếu bà trụ lại trên đường để băng qua cầu, bà tự hỏi, ai là người sẽ đuổi theo bà? Những người bắt giữ bà hay bất kỳ kẻ nào đó đang bắn vào họ? Bà nghi ngờ việc họ có đủ gan dạ, hay ngu ngốc để mạo hiểm không. Bà Nhu cảm thấy tự do. Bà đã mệt mỏi với việc bám víu vào những kỳ vọng vô nghĩa. Đôi vai bà thật sự nhúc nhối vì tất cả những bước đi lom khom để tới gần hơn cái chỗ mà bà nghĩ mình phải tới. Bà đứng thẳng dậy và nhìn vào làn sương mù phía trước.

Chuyện gì sẽ đến tiếp theo bà không biết, nhưng bà sẽ nhìn trực diện vào nó, và bà sẽ mở ra con đường cho mình. Bà Nhu tin rằng trong khoảnh khắc đó, giữa cơn mưa, vây quanh bởi cảnh tàn phá điêu linh nhưng kỳ lạ thay không động chạm gì đến bà, bà bắt đầu hiểu ra nhiều điều. Bà sẽ không giẫm chân vào rác rưởi và mục nát; bà sẽ giữ vững vị trí của mình trên mặt đất cao.

Bà Nhu vén vạt áo choàng lên. Nó đủ dài để che phủ đầu đứa bé, làm thành một tấm chắn bảo vệ khỏi màn mưa đang rơi nặng hạt và lạnh giá. Lệ Thủy nghĩ đó là một cuộc chơi trốn tìm và ló mặt ra ngoài, thích thú cười rúc rích. Khi bà Nhu cố che lại vạt áo, đứa bé chỉ càng cười nhiều hơn nữa. Những

tiếng cười vui đã thoát ra từ nếp gấp bằng len của áo khoác bà Nhu. Âm thanh của sự hân hoan vang lên trên chiến địa khi người mẹ và con gái bắt đầu vượt qua những thanh rầm gỗ lung lay của chiếc cầu.

Đó hẳn là một hình ảnh dị thường, song bà Nhu không phải là người đầu tiên băng qua vùng chiến địa với một em bé trong tay. Người Việt Nam có cả một kho tàng huyền sử kể về những người mẹ cao quý và anh hùng. Người ta kể rằng một trong những vị vua huyền thoại của Việt Nam, Lê Lợi, đã được giấu trong vạt áo của mẹ ông và nhờ đó thoát khỏi bàn tay của những kẻ xâm lược nhà Minh. Thần thoại về người mẹ gắn liền với câu chuyện sáng tạo của dân tộc Việt, tình thương và lòng tận tụy của người mẹ đã được công nhận là những nét phẩm hạnh phi thường của các nữ nhân vật Việt Nam. Người Cộng sản ắt hẳn đã rất thành công trong việc đúc kết sự hy sinh của người mẹ và lòng yêu nước vào cuộc tuyên truyền cách mạng của họ, nhưng bà Nhu cũng đã cố gắng, trong suốt những năm trên ghế quyền lực, sử dụng thiên chức làm mẹ như một hình ảnh về sự đạo đức. Vì vậy, tôi phải tự hỏi, phải chăng sự coi trọng hình tượng Quốc Mẫu của người Việt, đã tác động đến cách nhìn của bà Nhu về bản thân mình trong câu chuyện? Dù sao đi nữa, lòng tin vào sự không thể bị đánh bại của bà đã trở thành hiện thực. Việc băng qua cầu một cách táo tợn đã gia tăng niềm tin của bà rằng bà sẽ sống sót qua thử thách này và bất kỳ thử thách nào khác có thể đến.

Bà Nhu gặp lại nhóm người ở bên kia cầu. Đang khi những phụ nữ khác chờ cho khói lửa tan đi, sau đó theo bước những người lính bằng cách lội xuôi dòng ở phía xa hơn để vượt sông, bà Nhu đã có thời giờ nghỉ ngơi trước khi tiếp tục cuộc hành quân. Có lẽ bà đã không nghĩ tới việc chạy trốn vì chẳng có nơi nào để mà đi. Những cánh đồng phù sa ngập nước đã nhường chỗ cho địa hình lổn nhổn đá. Vào khoảng 5 giờ chiều, những người lính ra lệnh cho dòng người gồm những phụ nữ và trẻ em loạng choạng dừng lại. Bóng tối cuối cùng đã bủa vây quá dày đặc để có thể len lỏi qua những lối đi quanh co rậm rạp cây cối. Không có một nơi ẩn náu nào ngoại trừ những cành cây lơ lửng trên đầu. Mỗi người được phát cho một nắm cơm khô nguội ngắt, không hơn một nắm tay. Đó là một ngày dài không thể tưởng tượng. Nếu họ đi theo đường chính, bà Nhu chắc chắn rằng họ đã có thể đến đây trong phân nửa thời gian. Nhưng họ đã đi lạc vào một thế giới mới. Bà Nhu đã bừng tỉnh dậy để chứng kiến sự kết thúc của cái lối sống duy nhất bà từng biết và lê bước nặng nhọc qua bóng tối không cùng chỉ để lạc lõng chơi vơi giữa một nơi xa lạ.

Vậy mà, ngay đêm đó, bà Nhu đã cảm thấy tinh thần phần chần trở lại. Những tù nhân được lệnh tự thu xếp thành một hàng ngay ngắn; họ được đếm theo đầu người, và cuối cùng đã được phép nằm xuống. Chiếc áo khoác bà Nhu đang mang là vật duy nhất ngăn cách giữa bà và mặt đất ẩm ướt, lạnh lẽo. Bà đã gắng xoay xở đến mức có thể. Bà có lẽ đã trải ngang nó ra, cuộn tròn cả hai mẹ con vào chiều dài chiếc áo len. Họ cứ thế đi vào một giấc ngủ không yên.

Mọi việc có vẻ tốt lên vào buổi sáng. Ban ngày trời không quá ẩm ướt. Có đôi chút dễ chịu khi biết rằng cuộc hành quân sẽ kết thúc trước khi ngày tàn.

Đoàn hành quân đã đến một ngôi nhà nông dân khiêm tốn vào buổi chiều. Bà Nhu chú ý đến một mảnh đất trồng rau và một khu vườn được chăm sóc chu đáo. Một thủ lĩnh Việt Minh xuất hiện, ăn vận lịch sự, theo phong cách Tây phương, chiếc áo len thể thao quấn quanh vai. Tên ông ta là Bảy, từ tiếng Việt chỉ số bảy. Chuyện không có gì lạ khi những đại gia đình Việt Nam thường hay đặt tên con theo thứ tự chào đời của họ. Một trong những điều đầu tiên ông ta làm là tìm kiếm cô dâu trẻ đến từ Huế giữa những tù nhân mới đến. Chỉ thị này là sự lãng mạn không nhỏ đối với những phụ nữ lớn tuổi hơn đi cùng với bà Nhu: ông ta nên tìm mẹ chồng hoặc em chồng bà trước hết mới phải. Thay vì vậy, bà Nhu nhớ lại, ông ta cúi chào và cam đoan với bà rằng ông sẽ làm mọi điều có thể để họ có một chỗ ở tử tế.

Bà Hoàng, em chồng bà Nhu, đã làm gì với sự vi phạm phép xã giao đó? Phải chăng bà đã nghĩ về những tin đồn bà đã nghe thấy? Những mối quan hệ bất chính của mẹ bà Nhu, vốn được thuật lại một cách quá đỗi rõ ràng trong các bức điện ngoại giao của Pháp, ắt hẳn đã được khoác lên những tình tiết tục tĩu dâm ô trong những chuyện ngồi lê đôi mách bên khay trà hoặc quả cau.

Trong một hồi ký được viết nhiều thập kỷ sau, một người bạn của gia đình đã tiêu khiển độc giả bằng một đoạn đối thoại giữa gia đình họ Ngô để lý giải cho sự xung đột nội bộ liên quan đến việc chọn vợ của ông Nhu.

Vị nữ chúa của gia đình, bà Khả, đã cảnh báo con trai bằng một câu tục ngữ cổ xưa: Mua heo chọn nái, xem gái chọn dòng.

"Telle mere, telle fille" (tiếng Pháp: Mẹ nào, con nấy) - Căn, em trai ông, đã nói: "Cô ta rồi sẽ giống như mẹ của mình mà thôi".

Nếu Hoàng từng chất chứa mối hoài nghi nào về bà Nhu, thì nó đã được chứng thực khi ông Bảy thủ lĩnh Việt Minh đã chào bà ấy trước hết và khi bà Hoàng chứng kiến vẻ duyên dáng phóng túng mà chỉ dẫu bà sử dụng để đem về những khẩu phần hậu hĩnh hơn cho nhóm của họ. Tuy nhiên, mối lo âu của bà Hoàng đã dịu bớt, khi bà nhìn thấy căn phòng được dành cho họ. Có một cái giường lớn cho năm người phụ nữ nằm chung. Bà Nhu ắt sẽ không thể dễ dàng lẫn ra ngoài.

Khi nói chuyện về ông Bảy, bà Nhu dùng từ lóng tiếng Pháp chỉ người Cộng sản, gọi ông là một coco. Từ miêng bà lời đó nghe có vẻ gần như âm áp, và bà Nhu đã triu mến nhớ về ông Bảy như một trong số ít những người Cộng sản lịch sự nhất bà từng gặp. Ông gắng hết sức làm cho những kẻ bị giam cầm - bà Nhu, con gái bà, và những thân quyến bên chồng bà - cảm thấy thoải mái, bằng những phương tiện sơ sài có được. Những người phụ nữ nhận được ba bát cơm mỗi ngày và chút ít quà vặt, không kể những khi ông Bảy chiêu đãi món cá mòi và sữa. Năm người họ lưu lại nông trại, chia sẻ một căn phòng và một chiếc giường, trong gần ba tháng. Khi những quả bom Pháp bắt đầu rơi quá gần nông trại, và ông không còn có thể bảo đảm an toàn cho họ, ông Bảy đã thu xếp việc phóng thích bà Nhu cùng gia quyến khi đích thân ký giấy thông hành cho phép họ di chuyển an toàn đến một nhà tu kín. Và nhiều năm sau, khi ông Bảy đã trở thành nhân vật Cộng sản cao cấp nhất vùng Trung Kỳ, ông vẫn giữ cách nói năng lễ độ và không quên hỏi thăm sức khỏe bà Nhu khi những cuộc đàm phán đưa ông tiếp xúc với bất kỳ ai trong chế độ họ Ngô.

Nỗ lực thuật lại những biến cố của rất nhiều năm về trước đã làm bà Nhu cảm thấy mỏi mệt. Đến cuối câu chuyện, tôi có thể nghe thấy sự gắng sức trong giọng nói của bà, theo cái cách mà những câu cuối vụt qua ống nghe như những thân tre khô khốc. Nhưng tôi chưa hoàn toàn sẵn sàng khép lại cuộc nói chuyện. Tôi muốn giữ lại khoảnh khắc này, và tâm trạng sẵn sàng giải bày tâm sự, lâu hơn một chút nếu có thể. Tôi đưa ra một vài nhận xét vô vị. Giờ đây tôi không nhớ nó là gì vì lẽ tôi quá bận theo dõi câu chuyện và nguệch ngoạc ghi chép những tình tiết chưa từng có mà bà vừa kể cho tôi.

Tôi đã hy vọng về một cú nhấn crescendo theo phong cách Cuốn Theo Chiều Gió để đặt dấu chấm hết cho câu chuyện - giống như khi Scarlett vẫy vò nắm đất đỏ, dứt nắm tay lên trời, và thề sẽ không bao giờ phải chịu đói nữa. Bà Nhu đã nhắc tôi nhớ nhiều về Scarlett O'Hara: Cả hai đã được dạy phải chiều chuộng đàn ông, phải trông duyên dáng, và cư xử dịu ngọt, và cả hai đều có một tinh thần bất khuất. Họ đều nóng nảy và ương ngạnh. Họ đều có một trái tim cứng rắn đằng sau lớp vỏ duyên dáng. Những phụ nữ như thế có thể tùy nghi bắt vể mề hoặc của mình. Họ đã làm những gì họ cảm thấy phải làm để vượt qua những cơn bĩ cực; họ có thể quỷ quyết và hấp dẫn tùy thời.

Nhưng thay vì chột hạ với một tính ngữ hay ho như "Ngày mai là một ngày khác" bà Nhu đã trở lại với

phong cách cộc lốc tiêu biểu của bà. Cuối cuộc điện thoại, tôi chỉ có thể âm thầm lắc đầu khi bà chuẩn bị nói lời tạm biệt.

"Bon. Alors. C'est tout". Tốt. Thôi nào. Tất cả là thế. Và ngay trước khi gác máy, bà Nhu nói, "Tôi không bao giờ mặc một cái áo choàng thắt đáy lưng ong kiểu như thế nữa".

Sau Thế chiến thứ hai, Hiệp ước Potsdam đã đặt những người lính gìn giữ hòa bình Trung Hoa trên lãnh thổ Việt Nam. Việc không cho phép Pháp tái chiếm Đông Dương là một cách nhượng bộ thế giới quan của Mỹ và chứng tỏ sự thiếu kiên nhẫn của Trung Quốc [1](#) với chủ nghĩa thực dân. Người Trung Quốc tiếp quản tại vĩ tuyến mười sáu nhưng không ở lại Việt Nam lâu; họ còn bận bịu với cuộc chiến tranh của mình. Vì vậy họ ký một thỏa thuận với Pháp cho phép Pháp quay trở lại cựu thuộc địa, đổi lấy việc Pháp từ bỏ những khu nhượng địa ở Trung Hoa.

Chương 7

MỘT NƠI ẪN LÁNH TRÊN NÚI

"*Bé Tommy của cô trông rất hạnh phúc và khỏe mạnh*", bà Nhu thăm thì trong điện thoại. Bà đã gọi điện chúc mừng tôi sau khi nhận một bức thư thông báo "Đó là con trai". Chúng tôi đã báo tin cho các bạn bè thân thiết và gia đình - và vào phút cuối cùng tôi đã gửi một lá thư đến Paris. Trong đó có tấm hình bé Tommy dính trên tấm bưu thiếp dày. Bà đã bình luận ngay lập tức về màu đỏ của tấm thiếp và tuyên bố tương lai của đứa trẻ "rất triển vọng". Giọng nói của bà với tôi đã thay đổi. Nó nhẹ nhàng hơn, vút cao hơn. Những sự ngắt quãng đột ngột và lúng túng trong những cuộc gọi đầu tiên giữa chúng tôi đã dịu xuống thành một cung cách thường đàm hơn.

Chúng tôi nói về sự chào đời, giờ giấc đi ngủ và cho ăn và, trong sự kinh ngạc của tôi, chuyện nuôi con bằng sữa mẹ. Bà Nhu không chắc là cừ về điểm này. Từ những gì tôi hiểu, hầu hết phụ nữ Việt Nam thuộc một tầng lớp nhất định trong thời đại bà đã sử dụng những bảo mẫu - và tôi có thể hiểu vì sao. Trong một vài tuần đầu tiên chăm chút đứa bé, tôi luôn ăn bận xuềnh xoàng và lời thôi lếch thếch, một nguyên nhân và hậu quả của việc cho con bú. Tôi có những chiếc yếm cho bé bú, đai đeo bé và đủ loại áo choàng. Những chiếc áo dài trong tủ quần áo của bà Nhu may từ lụa và có một hàng nút móc gài, khiến việc cho con bú trở nên vô cùng bất tiện. Chỉ cần một ít nước tiểu hay phân rớt rãi của đứa bé là sẽ hủy hoại nó mãi mãi. Ấy vậy mà, bà khoe, "Tôi cho mỗi đứa bú ít nhất sáu tháng". Thật khó mà hình dung cảnh Ròng Cái với một bé sơ sinh bên bầu ngực của bà, nói chi đến bốn lần như vậy. Giọng tôi nghe hẳn có vẻ ngạc nhiên vì lẽ bà hơi mỉm cười khi thú nhận rằng đó thật ra không phải là ý của bà mà là của chồng và gia đình ông ấy. Nhưng trong tất cả những lần đó, bà Nhu nói, tôi đều cảm thấy hạnh phúc. Giữa tất cả những hồi tưởng ấy là tiếng thở dài của bà trong ống nghe, "Tôi rất yêu những đứa trẻ".

Lệ Thủy chào đời vào đầu năm 1946 giữa cuộc náo loạn thời kỳ hậu chiến. Cảnh hỗn độn ấy đã bùng nổ thành cuộc chiến tranh khốc liệt vào thời điểm bà Nhu sinh hai con trai tiếp theo, Ngô Đình Trác năm 1949 và Ngô Đình Quỳnh năm 1952. Bà Nhu đã trở thành mẹ ngay khi thế giới bà biết đã bị lật nhào và xáo trộn dữ dội.

Nhưng ít ra thì bà Nhu và chồng đã được tái hợp. Trong khi vợ, con gái, mẹ, và em gái đang bị lừa ra khỏi Huế bằng những chiếc lừa lêu, ông Nhu đang hoạt động trong bóng tối, thiết lập một mạng lưới những nhân vật chính trị phi Cộng sản khác. Mặc dù thận trọng, ông cuối cùng đã khơi dậy sự nghi ngờ của Việt Minh ở Hà Nội, và ông Nhu đã ẩn thân ở Phát Diệm, một thị trấn Thiên Chúa giáo thuộc tỉnh Ninh Bình.

Ông Nhu đã tình cờ gặp lại cha mẹ vợ ở Phát Diệm. Ông bà Chương đã tìm kiếm nơi trú thân ở đó - một cuộc trốn chạy kịch tính điển hình khi họ vừa kịp ném mình lên những bậc tam cấp nhà thờ Công giáo với những binh lính Việt Minh chỉ ở sau lưng cách mấy bước chân. Vị linh mục nhà thờ Phát Diệm đã chấp nhận cho cha mẹ bà Nhu nương náu trong nhà thờ của ông, bất chấp việc họ là những Phật tử.

Từ Phát Diệm, một mạng lưới những tín đồ Công giáo đã tạo cho ông Nhu, và cuối cùng là ông Chương, một hành lang an toàn đến Sài Gòn - khi ông Chương nguy trang thành một nhà sư và vợ ông ăn mặc như một phụ nữ nhà quê. ¹

Bà Nhu đã ở nhà chị gái mình tại Sài Gòn khi nhận được một bức điện khẩn từ linh mục Dòng Chúa Cứu thế kêu mau chóng đến nhà ngài linh mục. Thay vì nhận được tin dữ - bà vẫn sợ rằng ông Nhu có thể đã chết - bà được đưa đến một căn phòng nơi có một vị khách đang đợi bà: chồng bà. Sự sum họp với cha mẹ sẽ đến sau đó; bây giờ, ông bà Nhu phải tìm đường ra khỏi Sài Gòn. Người Pháp đã ngò vực những hành động của ông Nhu, và sự cộng tác với người Nhật vào thời chiến của ông Chương đã phủ một màn mây đen lên cả gia đình. ²

Ông bà Nhu đã dọn lên Đà Lạt, một biệt thự đẹp như tranh náu mình giữa ngàn thông và những ngọn núi vùng cao nguyên trung phần Việt Nam. Và mặc kệ chiến tranh, bà Nhu đã gọi những năm tháng đó là "quãng thời gian hạnh phúc nhất" đời bà.

Đà Lạt đã được dựng lên từ hư không đặc biệt cho mục đích hưởng lạc. Người Pháp đã quyết định từ đầu thế kỷ hai mươi là xây một thành phố nghỉ mát trên vùng núi như một nơi trốn tránh cái nóng và sự dơ bẩn của những thành phố. Nó được xây dựng một cách rất cô lập, điều mà các nhà sáng lập tin là sẽ làm cho trải nghiệm ở Đà Lạt càng thêm thích thú. Người Pháp đã tạo ra một địa điểm để giúp họ quên hoàn toàn họ đang ở Đông Dương - một "hòn đảo da trắng" ở vùng nhiệt đới. ³ Họ xây dựng những ngôi nhà như những biệt thự nghỉ trượt tuyết, và ga tàu lửa trông như một sân ga ở Deauville, một thành phố ven biển Normandie. Họ trồng những cây cho các loại thực phẩm mà họ thiếu. Đến hôm nay những ngôi chợ Đà Lạt có đầy đủ các thành phần để nấu món xúp đúng kiểu Pháp: tỏi tây, cần tây, cà rốt, hành, rau xanh, và khoai tây.

Gia đình bà Nhu đã đến với Đà Lạt "mãi mãi". Họ yêu nó vì cùng những lý do mà người Pháp yêu. Nó nâng họ lên trên sự hỗn tạp bản tưởi của loài người trong những thành phố quá đông đúc và nóng bức. Ở đó có những khách sạn đẹp kỳ lạ, những sân gôn, và những nhà hàng Pháp và Trung Hoa. Ở đó cũng có những hộp đêm, nhà hát và nhạc jazz. Anh họ của bà Nhu, hoàng đế Bảo Đại, có một cung điện ở Đà Lạt, giống như của quan toàn quyền Pháp.

Đà Lạt vẫn nổi danh về sự thư nhàn và xa hoa; giờ đây nó là điểm đến trắng mặt cho những cặp vợ chồng Việt mới cưới. Đà Lạt gọi tôi nhớ đến Thác Niagara với hơi ít ánh đèn nê-ông và thật nhiều quán karaoke. Những trái tim hồng và hoa hồng đỏ in trên giấy nên được dán khắp nơi - cả trong những câu khẩu hiệu đảng phái in trên băng rôn vàng chóa treo khắp các ngã đường chính. Những ngọn đèn Noël thấp sáng quanh năm lung linh trên những cành cây. Những chiếc thuyền đập nước hình thiên nga cho thuê dọc bờ hồ. Chúng khuấy tung mặt hồ nhân tạo phẳng lặng giữa trung tâm thành phố, làm cho nước ngẫu đục và sóng sánh. Nổi danh với ngàn hoa, cảm giác thành phố này giống như một gian hàng Valentine tại cửa hàng CVS vào giữa tháng Hai. Sự vội vã quy hoạch và quản lý ngành công nghiệp du lịch lãng mạn đầy lợi nhuận này của nhà nước đã giáng đòn nặng nề vào vẻ đẹp tự nhiên của Đà Lạt.

Khi ông bà Nhu đến vào mùa xuân năm 1947, Đà Lạt đã không còn giống như trong kỷ ức thời trẻ của bà Nhu. Những lùm rừng nhiệt đới đã chiếm chỗ những trảng cỏ lớn của thành phố. Cuộc suy thoái toàn thế giới lan đến Việt Nam vào đầu những năm 1930 đã cắt xén đáng kể ngân sách du lịch. Đến thời điểm chiến cuộc nổ ra ở Âu châu năm 1939, Đà Lạt đã bị bỏ mặc không ai ngó ngang tới. Những sân tennis xác xơ và phủ đầy cỏ dại. Những sông bạc ngừng hoạt động. Những hộp đêm và rạp xi nê bị đóng cửa, và những lối đi dọc bờ hồ vắng lặng đìu hiu. Trong suốt chiến tranh, người Nhật đã bóc rập và giam cầm bất kỳ ai cố ở lại. Khách sạn Palace không một bóng du khách - cầu thang gác hoành tráng ngày nào đã đổ sập, và không có ai ở đó để sửa sang. Lợn lòi và mèo rừng xâm lấn vào ranh giới thành phố.

Ông bà Nhu ở trong một ngôi nhà mượn tại số 10 đường Hoa Hồng (rue des Roses). Nó thuộc về một bác sĩ bạn của cha bà Nhu, và mặc dù không phải một biệt thự lớn, cha mẹ bà Nhu đã đến ở, và cả anh

trai ông Nhu, Ngô Đình Diệm. ⁴ Nhà văn Pháp viết về vùng Viễn Đông Lucien Bodard nói đây là một nơi "phô trương lòe loẹt"; bà Nhu chỉ nói rằng "Bạn sẽ không muốn băng qua vườn để vào bếp sau khi trời tối vì bạn sẽ không muốn đâm sầm vào một con cạp". ⁵ Nhưng những sự hy sinh là điều duy nhất để mà chờ đợi - một cuộc chiến đang tới gần.

Một cuộc chiến mới sẽ được mệnh danh là Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, nhưng hồi trước khi người ta biết sẽ có cuộc chiến thứ hai, nó mang những cái tên khác. Với người Việt Nam, đó là Kháng chiến chống Pháp; với người Pháp đó là Guerre d' Indochine - Chiến tranh Đông Dương; dù là gì đi nữa, nó bắt đầu ngay khi Thế chiến thứ hai chính thức trôi qua. Cuộc chiến ở Âu châu đã để lại một nước Pháp tan hoang - nền kinh tế sụp đổ, cũng như cơ sở hạ tầng - và những nguồn tài nguyên thiên nhiên của Việt Nam trở nên lấp lánh như ánh vàng. Chúng đã từng bị người Pháp chiếm; một lần nữa có sao không được? Việc tái thuộc địa hóa Việt Nam sẽ xác nhận lại những ý niệm thực dân xưa cũ về sự ưu việt của Pháp quốc. Đó là một sự nghiệp mà cả quốc gia có thể tập hợp lại - không bao giờ đếm xỉa đến những gì bản thân người Việt mong muốn.

Người Pháp đã lao bổ trực diện vào Việt Minh. Pháp có một quân đội hiện đại và những vũ khí tối tân, cũng như sự tài trợ lớn hơn bao giờ hết của Mỹ. Việt Minh - dựa vào tài khéo léo của các tân binh, những chiến thuật du kích bất ngờ, và quyết tâm hoàn toàn của những người đến từ các làng mạc, ruộng nương, và thành phố - đã cảm thấy quá đủ với sự cai trị ngoại bang. Chiến cuộc diễn ra ác liệt trong tám năm. Các ước tính có khác nhau, nhưng những sử gia ước lượng số thương vong bên phía Việt Minh vào khoảng từ 250.000 đến 500.000 người. Phía Pháp thiệt hại hơn 75.000 người - hơn số thương vong của Hoa Kỳ trong cuộc chiến tiếp theo trên đất Việt Nam.

Trận đánh quyết định của cuộc chiến tranh diễn ra vào ngày 7 tháng Năm, 1954, trong một thung lũng xa về phía tây bắc của Việt Nam, gọi là Điện Biên Phủ. Quân Pháp đã bị áp đảo. Việt Minh đã bao vây được họ bằng trọng pháo và quân số. Người Pháp đã mất hết ý chí chiến đấu. Sau một trăm năm, họ cuối cùng đã khăn gói về nhà. Đó là bài học đầu tiên cho thấy một nỗ lực áp đặt sự cai trị ngoại bang lâu dài lên Việt Nam là vô ích thế nào. Giá mà người Mỹ đã biết chú ý hơn.

Tuyên đầu khốc liệt của cuộc chiến ở rất xa nơi ẩn cư trên núi của gia đình bà Nhu. Bà Nhu đã gọi nó là une guerre bizardouille, một cuộc chiến nhỏ kỳ lạ. Bà miêu tả cuộc sống của bà ở Đà Lạt là an toàn và đơn giản và hoàn toàn vắng bóng chính trị. Bà Nhu chăm nom một gia đình ngày càng mở rộng, sinh những em bé, quán xuyến những việc vặt vãnh trong nhà, và nấu ăn. Cũng người phụ nữ lớn lên với hai mươi người hầu đã đạp xe đạp đi chợ hàng ngày và đưa con gái đến trường. Ông Nhu chồng bà đang say sưa với thú nuôi phong lan. ⁶

Nhưng không có gì ở Đà Lạt là hoàn toàn giống với cái dường như là nó. Ngay chính tiền đề về nơi này như một hòn đảo cho sự nghỉ ngơi và yên tĩnh lành mạnh của người da trắng là một điều đại dối trá. Vì một điều, số phận của nó không bao giờ cách ly khỏi người Việt được. Nơi này được xây trên mồ hôi và xương máu của lao động khổ sai. Bất chấp nguồn vốn nhân lực vô tận và đặt nặng vào sự xa hoa, các nhà sáng lập thực dân đã cạn kiệt tiền bạc. Trớ trêu thay, khu nghỉ mát được xây dựng như một nơi trốn lánh có lợi cho sức khỏe của mọi người lại là một cái ổ phát sinh muỗi sốt rét do những cái hồ nhân tạo. Đà Lạt cũng không phải là nơi ẩn náu êm đềm khỏi chiến tranh. Nó đã trở thành đại bản doanh trên thực tế của những tham vọng chính trị và quân sự của Pháp ở Đông Dương. Hơn nữa, ông Nhu không hoàn toàn say sưa với hoa lan như ông tỏ ra. Ông đang áp ủ một cái gì đó nguy hiểm hơn nhiều.

Trong suốt những năm ở Đà Lạt, từ 1947 đến 1954, Ngô Đình Nhu đã gieo trồng những hạt mầm của một đảng phái chính trị, đảng mà ông gọi là Cần lao (Đảng Cần lao Nhân vị - Personalist Labor

Party). Nó tuyển mộ những thành viên vào một mạng lưới những chi bộ trong đó mỗi người không biết nhiều hơn một vài đồng chí trong hội. Tất cả những vận động ngầm ngấm đó đã sinh hoa kết quả, tạo ra một bộ máy chính trị với mười ngàn thành viên. Nó sẽ ủng hộ và củng cố chiếc ghế Tổng thống của Ngô Đình Diệm trong chín năm, nhưng tổ chức này sẽ không bao giờ rũ sạch những bí mật của những năm tháng sáng lập nó. Nó đã chuốc lấy cho chính nó và người sáng lập, ông Nhu, một tiếng tăm bất chính.

Nguyên tắc cơ bản nhất của "Chủ nghĩa Nhân vị" nói rằng nhân cách là thuốc giải bách độc cho một cá thể. Đó là một khái niệm hoàn toàn gây bối rối. Ông Nhu đã làm quen với triết thuyết Thiên Chúa giáo mơ hồ tăm tối hồi còn là một sinh viên năm 1930 ở Pháp. Những nỗ lực của ông để lý giải làm thế nào một triết thuyết Công giáo Pháp có thể áp dụng để xây dựng một Việt Nam độc lập luôn luôn dài dòng và khó hiểu. Niềm tin của ông, tuy nhiên, rất nhiệt thành. Ông Nhu đang xây dựng một phương án thay thế thật sự cho Pháp lẫn Việt Minh. Ông đang gây dựng một mạng lưới những người ủng hộ cho anh trai mình là ông Diệm.

"Tôi cô đơn trong hầu hết thời gian", bà Nhu viết về cuộc hôn nhân của bà trong suốt giai đoạn đó. Trong khi ông Nhu đang xây dựng nền tảng chính trị của mình, vợ ông không hề biết ông ở đâu. "Chồng tôi đơn giản là biến mất mà không nói một lời". Bà Nhu có thể không biết chính xác chồng bà đang ở đâu, nhưng bà có một ý niệm đại thể về những gì ông đang làm. Địa điểm trắng mắt không thể che đậy thực tế rằng cuộc hôn nhân của họ đã trở thành một cái gì đầy toan tính thực dụng và không có mấy thời gian còn lại dành cho tình yêu.

Bà Nhu không hoàn toàn cô độc khi chồng bà vắng bóng vì những sứ mạng bí mật của mình. Bà có người anh họ ở Đà Lạt, Hoàng đế Bảo Đại, một người bầu bạn dễ chịu. Về mặt ngữ nghĩa ông là em họ của mẹ bà và không còn là hoàng đế nữa. Dù sao đi nữa Bảo Đại chưa bao giờ thật sự cai trị. Dưới chế độ thực dân Pháp, quyền vị của ông hầu như luôn luôn chỉ là một biểu tượng. Bảo Đại đã lên ngôi năm 1925, khi ông mười hai tuổi. Từ trường học ở Pháp ông đã vội vã trở về nhà để dự đám tang cha, vua Khải Định, để rồi sau đó quay về Pháp. Chiếc ngai vàng đã để trống trong bảy năm tiếp theo, trong suốt thời gian đó quan khâm sứ Pháp nắm quyền hành hoàn toàn. Đến thời điểm Bảo Đại trở lại Việt Nam năm 1932, ông đã được sửa soạn thành một thanh niên Pháp hoàn hảo, hoàn toàn vui lòng làm những gì mà chính quyền thực dân sai bảo.

Bảo Đại đã sống cuộc đời của một kẻ vô tư lự được nuông chiều. Ông đã kết hôn, nhưng điều đó không ngăn cản ông theo đuổi cuộc sống ăn chơi. Săn bắn và đeo đuổi những phụ nữ trẻ là hai niềm đam mê của ông. Những hành động của ông trong Thế chiến thứ hai và hậu quả của chúng đã hủy hoại mọi danh tiếng mà Bảo Đại có thể đã bám víu vào như một lãnh tụ xuyên suốt những năm dưới chế độ thực dân. Trước tiên ông đã đầu hàng người Nhật; sau đó ông trao vương miện cho những người Cộng sản trước khi lập tức quay lại cộng tác với người Pháp trong sứ mạng thiết lập lại quyền kiểm soát Đông Dương của họ vào cuối những năm 1940. Bảo Đại lẽ ra đã trị vì ở Sài Gòn, nhưng ông đã không che giấu sự ưa thích cuộc sống ở Đà Lạt hơn. Ông đủ thực tế để biết rằng dù sao đi nữa ông chẳng thể làm nên trò trống gì. Bảo Đại đã hoàn toàn ý thức và cam chịu định mệnh thảm bại của ông. Khi nghe một phụ nữ từng là bạn ông bị miệt thị vì đi làm điếm, nhà vua đã lên tiếng bênh vực. "Cô ấy chỉ làm công việc của mình", Bảo Đại nói: "Ta mới là kẻ điếm nhục thật sự". ²

Bảo Đại có lẽ cũng bối rối như bà Nhu bởi cái "guerre bizardouille", cuộc xung đột kỳ lạ mà họ không dự phần vào. Hai anh em họ, xa lạ với cả phần còn lại của đất nước trong thời chiến, đã chỉ vừa vận hình dung được mức độ đảo điên của cuộc thế. Ở Đà Lạt, hai anh em hoàng gia được ở trong một môi trường Âu hóa quen thuộc. Bà Nhu đã tháp tùng người anh họ trong những chuyến đi câu cá và đánh

cặp với ông trong các ván bài bridge. Khi chồng không có ở nhà, họ đi dã ngoại và bơi thác. Từ đằng sau những bức tường màu hoàng thổ của cung điện được trang trí nghệ thuật theo phong cách chiết trung (Art Deco), bà Nhu và anh họ bà có thể nhìn xuống thung lũng đang khi vẫn ngồi thu lu trong thế giới của mình.

Bà nói chồng bà biết tất cả về "những buổi dạ hội ban đêm và du ngoạn ban ngày" đó. Ông có lẽ còn khuyến khích chúng nữa. Mặc dù tai tiếng, ngôi vị quốc vương của Bảo Đại vẫn có một ý nghĩa chính trị nào đó. Nếu ông Nhu muốn xây dựng một phong trào chống Pháp và chống Cộng, ông cần mọi sự giúp đỡ ông có thể có được. Một cái gật đầu của nhà vua sẽ mang lại một tính cách hợp pháp chí ít ở về ngoài.

Nếu tình bạn giữa vợ ông và anh họ hoàng đế của bà là điều thuận tiện, nó cũng tỏ ra chỉ là nhất thời mà thôi. Bảo Đại là một trong những nạn nhân chính trị đầu tiên của chế độ họ Ngô. Ông đã trải qua phần đời còn lại trong một lâu đài xiêu vẹo ở miền Nam nước Pháp gần Cannes. Trong hồi ký của mình, bà Nhu đã nhắc đến ông anh họ của mình một cách cay đắng. Không còn lại chút hơi ấm nào của tình thân gia đình: Bảo Đại, "con bù nhìn của nước Pháp đó".

Cung điện của cựu hoàng đế giờ đây là một địa danh du lịch quan trọng thu hút nhiều khách đến Đà Lạt. Nhà nước đã bảo tồn nó, không vì bất kỳ nỗi hoài nhớ về Bảo Đại mà đứng ra như một chiếc tủ kính trưng bày những sự xa hoa phóng túng của một kẻ ăn chơi. Nó đã được xây cho vị hoàng đế Việt Nam vào năm 1933 theo cùng một phong cách như ngôi nhà của quan toàn quyền Pháp - thậm chí sử dụng cùng loại đá granite. Cả hai tòa nhà đều có những góc cạnh hình học, những sân thượng trên mái, và những ô cửa sổ tròn lồi ra ngoài. Có lẽ hai ngôi nhà được xây dựng hết như nhau với dụng ý thể hiện một sự bình đẳng nào đó, nhưng điều mà chúng thật sự chứng tỏ là sự xa lạ của vị hoàng đế như một người Pháp chính cống. ⁸

Ngay cả khi bà Nhu đã trở thành Đệ nhất Phu nhân, bà và gia đình vẫn tiếp tục sử dụng nơi ẩn dật trên Đà Lạt như một chỗ sum họp đặc biệt. Đó là nơi bọn trẻ đến trường nội trú, và cả nhà quây quần trong những ngày nghỉ lễ và xa cách cuộc sống ở cung điện. Lúc bấy giờ, vợ chồng ông Nhu sử dụng nhà của quan toàn quyền Pháp làm nơi nghỉ cuối tuần.

Năm 1962, bà Nhu mời nhiếp ảnh gia Larry Burrows của tạp chí Time-Life du ngoạn một chuyến cuối tuần ở Đà Lạt. Bà muốn anh xem và chụp ảnh về một nơi rất quan trọng với gia đình bà là như thế nào. Bà đã một mực muốn gia đình thể hiện trước mặt vị khách họ là những người bình dân rất mực. Bà đã trút bỏ bộ y phục thường mặc trong cung điện vào dịp cuối tuần, áo dài lụa may rất vừa vặn và tóc vấn cao dài các. Bà diện một chiếc áo len dài tay và quần lửng thoải mái với mái tóc nửa đuôi ngựa đung đưa. Phong cách khiến một Đệ nhất Phu nhân ba mươi tám tuổi trông rất giống thời trẻ trung, khi lần đầu bà đến sống ở Đà Lạt năm hai mươi ba tuổi. Bà Nhu đan tay vào khuỷu tay chồng và dựa sát người ông. Nhìn bọn trẻ con chơi đùa trên bãi cỏ, người ta có thể ngỡ họ đang ở trong một vùng ngoại ô New Jersey nào đó - cho đến khi bà Nhu quỳ xuống và chỉ dạy cô con gái hai tuổi của mình cách nhắm khẩu súng lục và bắn vào mục tiêu.



Ông bà Nhu thường nói rằng khi nghỉ hưu, họ sẽ dọn đến Đà Lạt ở trọn thời gian. ⁹ Nhưng bà Nhu không có ý định ở mãi trong nhà của quan toàn quyền Pháp. Bà đã cho xây dựng một cụm nhà tại số 2 đường Yết Kiêu, nhìn xuống một thung lũng tuyệt đẹp. Bà xây một ngôi nhà cho mình, một cho cha bà, và một cho khách khứa. Những ngôi nhà sẽ quây xung quanh một khoảnh sân trong với một bể bơi

nước nóng, một khu vườn kiêu Nhật, và một hồ sen. Khi hồ đầy, hình ảnh tâm bản đồ đất nước sẽ hiện ra. Biệt thự của bà được đặt tên là Lâm Ngọc, Porest Jewel, và được canh gác đẳng hoàng. Một tháp canh khổng lồ màu xám dành cho lực lượng bảo vệ tư gia đứng sừng sững ở cổng vào.

Ngay cả trong lúc ngôi nhà đang xây dựng, người ta nói rằng nếu một con chim bay lạc vào vườn, nó sẽ bị bắn hạ ngay lập tức. Ngôi nhà có năm lò sưởi và được trang trí với những bộ da và đầu thú hoang mà chồng bà săn được. Nó có một phòng bếp bằng thép sáng loáng với những tiện nghi hiện đại và thậm chí là một lò nướng hồng ngoại. Tất cả các phòng chính đều được trang bị cửa sập bí mật, nó sẽ dẫn đến những đường hầm thoát thân chạy ngầm dưới bể bơi và dẫn vào một ngôi nhà an toàn kế bên. Một chiếc thang bí mật dưới giường sẽ đưa bà Nhu xuống một phòng ngầm dưới đất và một vòm khổng lồ được gia cố thép đủ chắc chắn để chống chịu hỏa lực. ¹⁰

Bà Nhu không nghĩ về "ngôi biệt thự nhỏ" mà bà đang xây ở Đà Lạt như là sự tiêu hoang, nhưng những ngôi nhà Việt Nam truyền thống ở vùng nông thôn vẫn còn dùng một nhà xí dựng trên những chiếc cọc, lỗ xí đặt bên trên một cái hồ lúc nhúc những con cá chép háu đói. Số tiền bà Nhu bỏ ra để xây cho mình một phòng tắm tráng sứ và sạch bong nhiều hơn con số mà phần lớn người ta kiếm được cả đời.

Ngôi nhà mất năm năm để hoàn thành. Bà bắt dựng đi dựng lại cửa trước tám lần. Cửa sổ góc được làm đến lần thứ mười trước khi bà thấy hài lòng. Một trong năm mươi người làm vườn của bà, Phạm Văn Mỹ, kể rằng bà Nhu là "một phu nhân rất khó phục vụ". Ông nói rằng bà hay quát tháo khi ra lệnh và đe dọa người làm nhưng rất sợ sâu bọ. Người phụ nữ ông mô tả có những sở thích rất xa hoa và thất thường. Ngôi nhà thật là xứng đáng với tiếng tăm của người phụ nữ đã cho xây nó, nhưng bà Nhu nói với tôi rằng bà không bao giờ đặt chân vào nơi đó khi nó được xây xong. Đến thời điểm mà ngôi nhà mơ ước của bà Nhu cuối cùng đã hoàn tất, sự thích thú bà dành cho nó cũng không còn.

"Chúng ta nên gặp nhau", bà Nhu nói trên điện thoại không lâu sau khi bé Tommy chào đời. Đó là lần đầu tiên bà bày tỏ ý muốn gặp tôi trực tiếp. Ất hẳn bà đã lập luận rằng tôi không thể âm mưu làm hại bà nếu tôi mang đứa bé bên mình, vì lẽ bà một mực đòi tôi phải mang Tommy theo.

"Paris có được không?"

"Tất nhiên, thưa bà. Tôi rất lấy làm vinh dự".

Tôi thật sự như vậy. Tôi đang lên kế hoạch một chuyến đi vào tháng Chín để giới thiệu đứa bé với những họ hàng ở Pháp của tôi. Một cuộc dừng chân ở Paris là điều thuận tiện. Tôi không kể với bà Nhu rằng tôi cũng đang định viếng thăm văn khố thuộc địa Pháp ở miền Nam nước Pháp để coi tôi có thể tìm thấy những cứ liệu lịch sử nào khác chẳng. Đến thời điểm này, tôi biết bà Nhu tin chắc rằng lời kể của bà là thỏa đáng và không gây nghi ngờ - ngay cả khi nó có những sơ hở rõ ràng đi nữa.

Bà lên kế hoạch về thời gian và địa điểm. Cuộc gặp gỡ của chúng tôi diễn ra ở Église Saint-Leon, một nhà thờ Công giáo không xa căn hộ của bà ở phố mười lăm. Chúng tôi sẽ gặp nhau ở gian giữa của giáo đường, trước bức tượng thánh Joseph vào 10 giờ sáng. "Sau đó chúng ta có thể đi đến công viên bên kia đường", bà nói: "Để nói chuyện. Nơi đó sẽ rất kín đáo".

Khi tôi bước vào giáo đường, những cánh cửa giống như mái vòm đóng lại sau lưng tôi, chặn lại những tia nắng mùa thu rực rỡ. Tôi nghĩ, một cách muộn màng, rằng tôi nên lo lắng mới phải. Tôi tự nhắc mình rằng tôi vừa giới thiệu Tommy cho một lão phu nhân bé nhỏ. Chuyện gì có thể xảy ra? Hẳn rồi, bà từng là Rồng Cái. Bà từng chỉ huy một lực lượng dân quân với những phụ nữ được vũ trang và có một đội quân hầu cận của chồng sẵn sàng chờ lệnh, nhưng bà cũng từng bốn lần làm mẹ. Tôi buộc mình tập trung vào khía cạnh đó, nhưng tôi rất bối rối. Tôi tự nhủ mình chỉ nên lo nghĩ đến việc tạo một ấn tượng tốt đẹp.

Tôi mặc chiếc áo cánh sẫm màu cùng chiếc váy đỏ với thắt lưng - một tông màu may mắn. Tôi buộc tóc thành búi nhỏ và mang hoa tai là những viên ngọc trai nhỏ nhắn. Tôi muốn thể hiện cho bà Nhu thấy tôi chuyên nghiệp mà không quá trịnh trọng. Tôi tự nhắc mình rằng tôi đã thấy vui khi bà nhất quyết muốn tôi mang Tommy theo. Nó đang ngủ một cách dễ thương, rúc vào trong chiếc ghế đầy có những chấm tròn cùng với chú gấu nhồi bông và chiếc mền. Nó đóng vai trò của mình một cách đáng hài lòng. Phần việc của tôi là gây một ấn tượng thích hợp: lễ độ, thông minh, và có năng lực. Tôi khỏi phải kiểm soát bất kỳ điều gì khác.

Tôi tự hỏi, Ròng Cái trông ra sao ở tuổi tám mươi? Tôi đã dành rất nhiều thời gian sẫm soi những bức hình của bà khi còn trẻ, nhưng cái giọng mà tôi đã làm quen qua điện thoại đã gợi lên một hình ảnh khác. Trong đầu tôi, tôi hình dung bà với cùng một kiểu tóc, vén cao quá đầu như xưa, ngoại trừ vẻ héo hắt do tuổi tác. Gò má của bà, tôi nghĩ, hẳn là bầu bĩnh nhưng thoa đầy phấn như một tấm giấy gạo. Bà vẫn còn dùng son môi đỏ chứ? Tôi bỗng nhiên hình dung bà không thể nào khác ngoài hình ảnh một lão bà lòm khòm và u buồn vẫn không chịu thôi dùng son môi đỏ choét - vệt son hơi bị lem ra ngoài những đường nét nhăn nheo của đôi môi bà.

Tôi đang buông thả trí tưởng tượng của mình. Tôi đã đến sớm, và bây giờ thì bà đã trễ. Tôi đã ở quá lâu trong giáo đường tối lờ mờ, và những viễn tượng ủa vào tâm trí tôi. Phải chăng bà đang quan sát tôi từ nãy đến giờ? Từ một chỗ ngồi trong bóng tối, chờ cho đến thời khắc thích hợp để tiếp cận? Tôi rảo một vòng quanh nhà thờ, bánh xe đẩy kêu lách cách trên sàn đá lát, nhưng tất cả hàng ghế đều trống trơn.

Sau một giờ, tôi nghe cánh cửa cọt kẹt mở ra. Bụng tôi nhộn nhạo, nhưng đó không phải là bà Nhu. Tôi quá căng thẳng đến độ nỗi thất vọng dâng lên trong tôi lại giống như một làn sóng của sự nhẹ nhõm. Tommy đã thức dậy, những tiếng rinh rích vui vẻ của nó cuối cùng đã vỡ thành những tiếng gào khóc vang trên nền đá và giữa những thanh rầm. Tôi nhấc chiếc xe đẩy lên gian bên, qua khỏi những cánh cửa đôi nặng nề, và băng qua công viên kín đáo để cho đứa bé bú. Khi tôi trở lại căn hộ của dì tôi ở Paris, tôi thấy một tin nhắn trên máy trả lời từ bà Nhu. Bà đã phá lệ bằng cách để lại lời nhắn nói rằng bà lỡ hẹn vì cảm thấy không khỏe. Chân bà đau, bà thở dài như để tỏ ý rằng chúng tôi nên trì hoãn cuộc gặp mặt.

Trong lần nói chuyện tiếp theo, bà đã thật sự không nói lời xin lỗi, không dông dài nhiều lời. Nhưng giọng bà nghe khá hối lỗi, và tất nhiên tôi tha thứ cho bà. Lần tới chúng tôi sẽ gặp nhau trong căn hộ của bà, bà nói. Tôi tin bà. Tôi đã chờ đợi một tiếng đồng hồ, lần này trong hành lang, nhưng bà đã không cho tôi vào thang máy. Tôi lại tha thứ cho bà một lần nữa. Bà đã kể cho tôi một câu chuyện đáng buồn: bà không chắc bà có thể tin tưởng bất kỳ ai một lần nào nữa. Tôi sẽ phải kiên nhẫn chứng tỏ bản thân. Ròng Cái vẫn ở ngoài tầm tay với của tôi như một sự trêu ngươi.

¹ Để có những chi tiết về cuộc đào thoát của nhà Chương khỏi Việt Minh và ẩn náu tại Phát Diệm với ông Nhu, xem CAOM, Hồ sơ Trần Văn Chương, HRT Non-Cotes, Bulletin de Renseignements, 29 tháng 5, 1947; bản tin ngày 10 tháng 7, 1947, mô tả nơi ăn chốn ở của gia đình Chương kể từ năm 1945. Về những sự quỵên tặng vô ích cho Việt Minh, xem Bulletin de Renseignements, 3 tháng 3, 1946.

² Madame Nhu, Caillou Blanc, 90.

³ Eric T. Jennings khảo sát những ý niệm Pháp quốc về một "hòn đảo da trắng" và về Đà Lạt như một "thành phố kiểu mẫu" trong "From Indochine to Indochic: The Lang Bian/Dalat Palace Hotel and French Colonial Leisure, Power and Culture", Modern Asian Studies 37, No 1 [2003](#) : 159-194, và Gwendolyn Wright, The Politics of Design in French Colonial Urbanism (Chicago: University of Chicago Press, 1991), 230.

⁴ Về địa chỉ, 10 rue des Roses, và việc Diệm lưu trú ở đó, xem CAOM, Haut Commissariat, carton 731, Ngo Dinh Diem.

⁵ Những mô tả về ngôi biệt thự trích từ hồi ký chưa xuất bản của bà Nhu, Caillou Blatic, và Background to Betrayal: The Tragedy of

Vietnam - Bối cảnh của sự phản bội: Bi kịch của Việt Nam của Hilaire du Berrier (Boston: Western Islands, 1965).

Gene Gregory, chủ báo Times of Vietnam, tờ báo thân Diệm ở Sài Gòn và là chiếc loa của Nhu, kể điều này với Ed Miller trong cuộc trò chuyện; xem Edward Miller", Vision, Power, and Agency: The Ascent of Ngo Dinh Diem - Viễn Kiến, Quyền Lực, và Tác Dụng: Sự Đi Lên của Ngô Đình Diệm", Journal of Southeast Asian Studies 35, № 3 (Tháng 10, 2004): 433-458.

A. J. Langguth, Our Vietnam: The War - Việt Nam Của Chúng Ta: Cuộc Chiến, 1954-1975 (New York: Simon and Schuster, 2000).

Arnauld Le Brusq và Leonard de Selva, Vietnam: A travers Varchitecture coloniale (Paris: Patrimoines et Medias/Éditions de l'Amateur, 1999).

Higgins, Our Vietnam Nightmare - Con Ác Mộng Việt Nam Của Chúng Ta, 70.

Howard Sochurek, Slow Train Through Viet Nams War - Chuyến Tàu Chậm Đi Qua Cuộc Chiến Việt Nam, National Geographic 126, № 3 [1964](#) : 443.

Chương 8

NGƯỜI ĐÀN ÔNG KỲ LẠ Ở ĐÔNG NAM Á

Cánh cửa mở ra trước khi tôi gõ, và John Phạm hiện ra trên ngưỡng cửa. Ông là cha của chị dâu của bạn tôi. Tôi đã gặp con gái ông đúng một lần, nhưng John đã chào đón tôi như một người thân lưu lạc đã lâu. Ông mặc bộ quần áo thông thường của một lão ông miền trung tây, chiếc áo sơ mi kẻ ca rô bỏ trong quần chinos thắt dây lưng. Nụ cười toe toét hết cỡ khiến đôi má của ông nhô lên thành hai quả táo hồng hào. "Chào mừng đến nhà tôi", ông rạng rỡ, đoạn nắm tay tôi lắc lên lắc xuống như thể ông đang bơm nước lên từ một cái giếng vậy. Cú bắt tay của ông lão bảy mươi một tuổi hãy còn mạnh mẽ lắm. Khi còn là một chàng trai trẻ, John từng là lính bảo vệ tư gia Tổng thống ở Sài Gòn từ năm 1954 đến năm 1963. Giờ đây ông sống trong một ngôi nhà nông trại có tầng lửng ở mặt Kansas của Kansas City.

Ngôi nhà đã là nhà của John kể từ cuối những năm 1970. Ông đã trốn thoát khỏi Việt Nam trên một chiếc thuyền câu cá từ Đà Nẵng, nơi mà các binh sĩ Mỹ gọi là Biển Trung Hoa, chỉ ba giờ trước khi thành phố rơi vào tay Cộng sản năm 1975. John đến Hoa Kỳ cùng vợ và mười đứa con với hai bàn tay trắng. Một trung úy thân thiết đã khuyên ông hãy đưa gia đình rời khỏi California - quá đông đúc, ông này nói. Vì vậy John đã nhìn vào bản đồ và chọn Kansas vì nó nằm ngay giữa đất nước.

Những tiếng kèn cor và tiếng tiêu của một sô trình diễn trên ti vi văng vẳng xuống từ căn phòng nhỏ. Tôi nhận được lời chào đầy bền lễn của một đứa cháu đang đi ngang qua, và John mỉm cười với thằng bé đang rụt rè đi vào nhà bếp. "Xin mời", John vừa nói vừa chỉ tôi chiếc tràng kỷ màu quả đào héo, "ngồi xuống, chúng ta hãy nói chuyện".

John hơi thấp hơn tôi, vì vậy ngay cả khi đang ngồi, tôi vẫn có thể nhìn thấy đỉnh đầu của ông. Màu trắng của nước da đầu lộ ra qua những lần lược trên mái tóc bạc như cước của ông. Điều đó khiến ông trông có vẻ dễ tổn thương. Tôi đã cố hình dung ông khi còn là một cậu trai hai mươi tuổi, dẻo dai và nhanh nhẹn. Ông hẳn đã là một tay xạ thủ cừ khôi để được chọn làm một vệ binh trong dinh phủ. Nhưng thật khó để dung hợp một lão ông tươi cười và ân cần trước mặt tôi với chàng thanh niên cứng cỏi lạnh lùng mà ông đã từng. John đã làm việc cho cùng một bộ máy an ninh quốc gia khét tiếng không kém những đội mật vụ ném người vào những chuồng cọp - những xà lim chật ních trên đảo Côn Sơn nơi hàng ngàn người đã bị tra tấn, bỏ đói, và giết chết trong suốt cuộc chiến.

Những ông chủ của John, Tổng thống và em trai ông, sống ngay trong dinh phủ gần chốt gác của John. Ông đã dành gần chín năm để làm việc bên cạnh Ngô Đình Nhu và vợ ông, bà Nhu.

Tôi ngồi vào vị trí của mình trên tràng kỷ khi tôi nhìn thấy vật trang trí trên bức tường trước mặt tôi. Chúa Jesus bị treo trên thập giá vàng, và ngay sát bên ngài, một bức chân dung Tổng thống Ngô Đình Diệm. Một lá cờ sọc đỏ vàng treo trong góc. Ngài Tổng thống đã chết hơn bốn mươi năm, Việt Nam Cộng hòa đã mất ba mươi năm, nhưng trong ngôi nhà này, quá khứ hãy còn rất sống động.

Tôi trò chuyện với John đến tận chiều. Mùi củ chanh, giấm, và thịt rán xông lên từ nhà bếp. Vợ John bước vào, hay tay đặt trên tạp đề, hỏi chúng tôi có muốn dùng một bát súp không. Bà đã làm món bún bò Huế, một món thịt bò có vị rất cay từ miền Trung Việt Nam. Đang khi tôi húp súp những sợi bún dài lướt trượt, John tiếp tục nói về cuộc sống trong những dinh thự của ông Diệm, nỗi hoài nhớ về quốc gia thời trai trẻ chất chứa trong giọng ông.

Trong ngôi nhà này, Jesus và Diệm đều là những đảng cứu tinh và trường tồn.

Sinh ra ở miền Trung Việt Nam vào năm 1901, Ngô Đình Diệm là một học sinh giỏi khi còn là một cậu bé, nhưng thay vì theo chân các anh đến Pháp hoặc vào học trường dòng, ông đã dấn thân vào những hoạt động chính trị địa phương. Ông Diệm bước chân vào chính quyền tỉnh dưới thời Pháp thuộc với chức quận trưởng khi ông hai mươi tuổi. Những cán bộ công chức ở Việt Nam là những sĩ phu trí thức được gọi là quan lại; họ là những sản phẩm của sự đào tạo khắc khe và phải vượt qua những kỳ thi của triều đình về các môn viết, văn chương, lịch sử, và toán học. Chỉ trong một vài năm, ông Diệm đã leo lên chức giám sát hành chính; ông là người thu thuế, quận trưởng, và thẩm phán của cả vùng. Chức vụ của ông cho phép ông ngồi xe kéo, nhưng ông Diệm thích cưỡi con ngựa của chính mình do một anh phu dất đi hơn. Ông đã đề xuất những cuộc cải cách táo bạo cho những cấp quan chức Việt, bao gồm nhiều sự tự quyết hơn trước người Pháp và được giáo dục tốt hơn, nhưng đã bị làm ngơ. Được bổ nhiệm làm Tuần vũ Phan Thiết ở vùng đông nam bộ Việt Nam vào năm 1929, ông Diệm đã nổi tiếng là người công bằng và chính trực một cách không thể lay chuyển. Ông ngay thẳng đến độ khi người Pháp tiếp tục cự tuyệt những cải cách mà ông đã đề nghị, ông trả lại tất cả các tước hiệu, huy chương và lui về ở ẩn. Với ông thì hoặc là tất cả hoặc không gì cả.¹

Ông Diệm đã đột ngột rút lui khỏi sân khấu chính trường vào năm 1933 nhưng không phải là hoàn toàn im hơi lặng tiếng. Ông vẫn tiếp tục làm việc sau hậu trường đến năm 1954, khi ông xuất hiện trở lại như một nhân vật của công chúng.

Ông bà Nhu và ba người con của họ đến sân bay Tân Sơn Nhất tại Sài Gòn vào chiều ngày 25 tháng Sáu năm 1954, chỉ để biết rằng chuyến bay đến từ Âu châu đã bị hoãn lại. Cùng với ông bà Nhu, một đám đông vài trăm người đã chờ đợi chuyến bay hạ cánh, bao gồm một tướng lĩnh cấp cao trong quân đội thuộc địa Pháp, các thành viên của hoàng gia, những nhà ngoại giao nước ngoài, và những quan chức trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa.² Chồng bà Nhu đã nhất quyết yêu cầu vợ và các con cùng gia nhập phái đoàn gồm một vài trong số những nhân vật quan trọng nhất toàn cõi Đông Dương đang chờ đợi sự trở lại của anh trai ông Nhu. Cuối cùng, Ngô Đình Diệm đã được bổ nhiệm làm tân Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa tại một hội nghị hòa bình ở Genève, Thụy Sĩ. Trong cái mà sau này sẽ được gọi là Hiệp định Genève, các bên tham dự - Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Liên Xô, và Trung Quốc - đã đặt dấu chấm hết cho cuộc chiến giữa Việt Minh và Pháp bằng việc thống nhất chia Việt Nam thành hai quốc gia ngăn cách bởi vĩ tuyến mười bảy. Hồ Chí Minh sẽ làm chủ tịch của quốc gia Cộng sản miền Bắc, từ tổng hành dinh của ông ở Hà Nội. Bảo Đại, cựu hoàng đế, sẽ là quốc trưởng danh nghĩa của nhà nước mới không Cộng sản phía nam, nhưng ông vẫn đang ở Pháp. Quyền lực thật sự của chính phủ sẽ vào tay vị Thủ tướng hãy còn khá vô danh mà người Mỹ ủng hộ, người đàn ông trên bức tường của John Phạm và là anh chồng bà Nhu: Ngô Đình Diệm.

Dưới thời ông Diệm, miền Nam Việt Nam sẽ được "giải phóng" - giải phóng khỏi chủ nghĩa thực dân, giải phóng khỏi chủ nghĩa Cộng sản, nhưng còn giải phóng khỏi cái gì khác nữa thì chưa rõ. Trên lý thuyết, trong vòng hai năm, vào năm 1956, cả nước sẽ tổ chức tổng tuyển cử. Người Việt Nam sẽ tự quyết định những gì họ muốn, nhưng cho tới lúc đó, Bắc Việt Cộng sản ở trên vĩ tuyến mười bảy, và một cái gì đó hoàn toàn mới đã được tạo ra ở phía dưới vĩ tuyến ấy.³

Chờ ông Diệm tại sân bay, bà Nhu ôm bé trai út, Quỳnh, vào lòng để trấn an nó. Trong bóng mát nhà chờ máy bay, bà kẹp đứa bé bên hông và liên tục đi qua đi lại trên đôi xăng đan của mình. Chẳng còn tay nào để giữ hai đứa nhỏ còn lại; sau khi quan sát chúng ngo ngoáy không yên và bứt rứt những chiếc cô áo xinh đẹp của mình, bà gật đầu với bé gái tám tuổi và em trai năm tuổi của nó, và chúng chạy đi, lao qua bên kia con đường nhựa sạch bong chơi trò cút bắt. Bọn trẻ đã không cần được gọi lại khi máy

bay đến.

Nó chỉ là một cái chấm đen trên nền trời sáng rõ, nhưng nó tượng trưng cho một cái gì đó lớn lao và hơi đáng sợ vì nó xa lạ: tự do. Lệ Thủy và Trác đã chạy đến đứng bên cha mẹ chúng, và cùng nhau cả gia đình năm người đương đầu với tiếng gầm rống của cỗ máy đang lao đến với đôi tay bịt chặt tai.

Một người đàn ông năm mươi ba tuổi bước ra khỏi phi cơ và vẫy tay về phía những cái đầu ló nhỏ. Ông Diệm nheo nheo mắt - lẽ nào ông không quen với ánh mặt trời nhiệt đới chói chang trong suốt thời gian xa xứ? Lẽ nào ông thậm chí có thể nhìn thấy họ đang đứng đó đợi ông? Rốt cuộc vào ngay lúc này, ông Diệm trông vẫn không giống như người đàn ông trong trí tưởng tượng của nhiều người. Ông có một gương mặt tròn vành vạnh và một cái đầu hầu như dính liền với vai. Mái tóc đen của ông Diệm, bóng bẩy vuốt ngược ra sau như những chiếc lông của con thú ướt lướt thướt, làm nổi bật ấn tượng tổng thể của một chú chim cánh cụt đến từ cái bụng bự của ông, bộ com lê màu da cá mập trắng tiêu biểu, và dáng đi vòng kiềng. Ông thậm chí có lẽ đã trở nên tròn trĩnh hơn sau những chuyến đi của mình.

Bà Nhu đã không nhìn thấy ông Diệm trong bốn năm, kể từ khi ông ra đi khỏi Việt Nam. Ngoại trừ lần ở lại ngắn ngủi với vợ chồng bà Nhu ở Đà Lạt vào cuối những năm 1940, anh trai ông Nhu đã luôn luôn có vẻ là một nhân vật xa cách với bà. Ông hầu như suýt soát tuổi cha bà, và trước Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, ông Diệm đã quá bận bịu xây dựng một đảng chính trị bí mật dưới cái tên Đại Việt Phục Hưng Hội hơn là quan tâm nhiều đến cô vợ trẻ của em trai mình. Khi người Pháp săn lùng ông vào năm 1944, ông Diệm đã phải trốn chui trốn nhủi. Ông trốn thoát với sự giúp đỡ của viên lãnh sự Nhật, người đã lén đưa ông ra khỏi thành phố bằng cách cải trang ông thành một sĩ quan Nhật. Ông Diệm đã vào lại Sài Gòn trong khi ông bà Nhu vẫn ở lại Huế. Ông được an toàn ở đó cho đến sau khi người Nhật đầu hàng vào cuối Thế chiến thứ hai. Giống như bà Nhu, ông Diệm đã bị những người Cộng sản cầm tù vào năm 1946. Ông bị chặn lại trên một chuyến tàu lửa trở lại Huế, bị đưa đến một túp lều trên vùng núi xa xôi, và bị giam ở đó ba tháng trước khi được đưa tới Hà Nội. Lãnh tụ của Việt Minh, ông Hồ Chí Minh, đã yêu cầu một cuộc gặp mặt tay đôi. ⁴

Hồ Chí Minh và Ngô Đình Diệm có một vài điểm chung. Cả hai đều đến từ miền Trung Việt Nam, và cả hai đều được cha họ thấm nhuần những phẩm cách của một nhà dân tộc chủ nghĩa chống Pháp và chống thực dân. Ông Hồ thậm chí đã học tại ngôi trường ở Huế do cha ông Diệm sáng lập. Giống như ông Diệm, Hồ Chí Minh hy vọng rằng người Mỹ sẽ giúp người Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Ông có lý do để nghĩ như vậy. Cơ quan Tình báo Chiến lược (OSS), tiền thân của CIA, đã can thiệp vì ông Hồ khi ông bị giam cầm ở Trung Hoa Dân Quốc. Ông đã trích dẫn một phần của Tuyên ngôn Độc lập Mỹ khi ông tuyên bố nền độc lập của Việt Nam vào tháng Tám năm 1945, và những người lính Việt Minh của ông đã tham gia vào các sứ mệnh chống Nhật của Mỹ. Cùng lúc, Hồ Chí Minh là một người Cộng sản sắt đá, một môn đồ của Karl Marx và là người tin vào cuộc cách mạng vô sản. Ông những muốn xây dựng một Việt Nam độc lập, xã hội chủ nghĩa, nhưng ông cũng biết rằng cơ hội tốt nhất để đưa Việt Nam đến sự độc lập đó là bằng việc tạo ra một sự nghiệp chung cho những người tư bản chủ nghĩa, địa chủ, và tư sản, chỉ ít trong một thời gian.

Xét đến sự việc họ sẽ đối đầu với nhau chỉ vừa vặn một thập niên sau, không có gì đáng ngạc nhiên khi ông Diệm không bao giờ công khai thừa nhận đã từng tiếp xúc với những lãnh tụ Việt Minh. Nhưng những nghiên cứu gần đây về những hoạt động của ông Diệm trong quãng thời gian đó chứng tỏ rằng trên thực tế ông đã có liên hệ. Ông Diệm đã quan tâm đến việc đề ngỏ những lựa chọn của mình càng lâu càng tốt. Ông đang chờ xem liệu một phương án thứ ba, không phải người Pháp cũng không phải người Cộng sản, có khả thi hay không. Trước năm 1949 ông Diệm rốt cuộc đã đi đến một quyết định

dứt khoát, ông cự tuyệt Việt Minh và đồng thời tuyên bố sự hợp tác của cựu hoàng Bảo Đại với người Pháp là không thể chấp nhận được. Đứng một mình thì nguy hiểm thật, nhưng ông Diệm đã chán ngấy những giải pháp nửa vời. "Tôi tán thành những cải cách xã hội triệt để và táo bạo, với điều kiện là phẩm giá con người sẽ luôn được tôn trọng và được tự do phát triển".⁵ Với ý nghĩa này ông Diệm đã công bố một hiệp ước dưới tên ông vào ngày 16 tháng Sáu năm 1949, hy vọng rằng, theo học giả Edward Miller, tập hợp được mọi người dưới ngọn cờ đại nghĩa của ông. "Lời tuyên bố này đã được rất nhiều người Việt Nam đọc và ghi nhớ, nhưng nó đã không tạo ra một làn sóng mến mộ mới mẻ dành cho ông Diệm... Tác động ngay tức thì của nó là làm cạn kiệt lòng kiên nhẫn của cả người Pháp và Việt Minh". Ông Diệm đang tuyệt giao với mọi người nhằm bắt đầu lại một cái gì đó mới mẻ.

Sau chuyến lưu trú ngắn ngủi với gia đình ông Nhu ở Đà Lạt, ông Diệm xuất dương để tìm kiếm những đồng minh mới, mà đầu tiên, không có kết quả, đến Nhật Bản và sau đó đến Mỹ. Ông Diệm đã nhận ra ông có thể lợi dụng mọi ác cảm lịch sử của người Mỹ đối với chủ nghĩa thực dân. Ông đã đến vào một thời điểm không thể thích hợp hơn. Đó là vào thời kỳ đỉnh điểm của Nỗi Sợ Đỏ; những người Mỹ đang xây hầm tránh bom và dạy trẻ em trốn tránh những bức xạ của bom hạt nhân Nga dưới bàn học ở trường. Kỷ nguyên McCarthy là thời điểm hoàn hảo để ông Diệm xuất trình tấm căn cước chống cộng của mình. Ông đã thành công một cách khó tin trong việc tìm kiếm những người có ảnh hưởng đồng cảm với chính nghĩa của ông. Hồng y giáo chủ đầy quyền lực Francis Spellman, cùng với các học giả, hàng tá thành viên Quốc hội, bao gồm thượng nghị sĩ trẻ đến từ Massachusetts, John F. Kennedy, và ngay cả Wild Bill Donovan, người sáng lập ra OSS, thấy đều bày tỏ sự khâm phục đối với ông Diệm.

Sự ủng hộ và khích lệ tinh thần thực là tốt đẹp và gây phân chấn, nhưng công việc quyết định thì đang diễn ra ở Việt Nam, như bà Nhu biết rất rõ. Chồng bà, em trai ông Diệm, là người đang đặt nền móng cho sự trở lại của ông Diệm. Chỉ có chống cộng không thôi thì không đủ; ở đây còn cần đến một triết lý chính trị thật sự. Ông Nhu đã mô phỏng triết lý nhân vị chủ nghĩa của đạo Công giáo sao cho phù hợp với tình hình đặc thù của Việt Nam, một công cuộc đồ sộ gây ấn tượng bởi tính táo bạo hơn là những kết quả của nó. Đảng Cần Lao đã sẵn sàng để trở thành nền tảng thiết thực cho một phong trào chính trị. Ông Nhu liên kết với các nhà hoạt động công đoàn, ủng hộ sự xây dựng các liên minh công nông, và xuất bản một tập san chính trị gọi là Xã Hội, bênh vực các nghiệp đoàn.

Bà Nhu đã rời Đà Lạt năm 1953 khi ông Nhu kêu gọi bà và các con chuyển về Sài Gòn để hỗ trợ ông Diệm lên nắm quyền. Họ thuê năm phòng kề nhau sát bệnh viện St. Pierre. Hai phòng làm nhà in cho tờ tuần san của ông Nhu, và ba phòng còn lại được dùng làm khu vực sinh hoạt cho gia đình năm người. Bà Nhu đã trang hoàng phòng ngủ bằng những đồ đạc cũ bà tìm thấy ở chợ trời. Những hoa văn chạm trổ trên đồ gỗ làm bà vui thích; chúng đủ tao nhã để khiến người ta hình dung rằng một gia đình thực dân khá giả nào đó đã bỏ lại chúng khi họ trốn chạy về Pháp. Đó là sự an ủi đôi chút cho cái đại bản doanh "đầy cứt ruồi" mà họ sống trong đó.

Bà Nhu mô tả những ngày đầu ở Sài Gòn là vô vị đến mức bà muốn khóc. Nhà văn Pháp Lucien Bodard đã từng nhìn thấy khung cảnh lờ lờ rẻ tiền lúc bà còn ở Đà Lạt. Ông tả lại hoàn cảnh ở Sài Gòn của bà thậm chí tồi tệ hơn. "Lần đầu tiên tôi đến đó, tôi băng qua một cái sân bụi bặm phơi đầy quần áo. Từ một hành lang lợp tôn hiện ra một phụ nữ trẻ mặc áo dài trắng và quần xanh. Trông cô ta thật lồi thối lếch thếch. Bọn trẻ con bám lấy cô ta. Cô ta tiều tụy bởi nỗi thất vọng đến độ tôi đã không nhận ra cô ta". Đây không phải là cuộc hôn nhân hay cuộc sống mà cô đã được sửa soạn cho. "Tất cả những gì cô ta phải làm là giặt giũ, nấu ăn và tắm rửa cho con".⁶

Một buổi chiều, bà Nhu đang thiêu thiêu chợ măt thì giạt mình dậy bởi những tiếng thui ăm ỉ đến từ phòng in tờ tạp san của chồng ở sát bên. Bọn trẻ vẫn đang ngủ nên bà len vào bên trong không một

tiếng động. Bà nhìn thấy những tấm lưng của tám người đàn ông, mặc quần áo trắng và đội nón rơm giống hệt nhau, châu đầu xung quanh một cái gì đó dưới đất. Tâm nhìn bị khuất, và bà không thể nhận rõ cái gì đang ở trước mặt họ. Thay vì cảm thấy sợ, bà Nhu điên tiết với ý nghĩ rằng những người lạ đã xâm phạm vào chỗ ở của gia đình bà. Bà sắp sửa hiểu được cái gì đang diễn ra. Bà tháo một chiếc guốc ra, một loại guốc đế mềm bà mang đi trong nhà. Nhưng bây giờ bà sử dụng nó với mục đích khác. Bà đập chiếc guốc vào lưng người đàn ông gần bà nhất.

"Chuyện gì đang xảy ra ở đây?" Bà hỏi.

Bảy người kia dừng cái việc họ đang làm và bước lùi lại đủ để lộ ra một người đàn ông đang cúi thu lù dưới sàn. Anh ta ngồi thẳng dậy và hạ hai tay xuống khỏi đầu, và đó là lúc bà Nhu thấy rằng họ đang đánh đập người đàn ông mà chồng bà đã thuê để chạy nhà in. Anh ta bò lết trên hai chân, máu chảy xuống mặt. Thay vì nói lời cảm ơn, anh nhô người lên thành một cái nhún vai và cười với bà Nhu một nụ cười gượng gạo.

"Ồ, không có gì đâu", anh ta nói với tất cả vẻ hờ hững. Anh ta có thể huy động và tự làm mình bận rộn bằng việc rút một điều thuốc ra khỏi bao thuốc rúm rỏ.

Bà Nhu nhìn xung quanh, nhưng không ai khác trong phòng cử động. Người đàn ông này rõ ràng không muốn sự giúp đỡ của bà, nên bà bước lùi lại. Bà có thể làm gì đây? Niềm kiêu hãnh bị tổn thương và nỗi thất vọng trào dâng, bà Nhu mang lại chiếc guốc và sải bước ra khỏi phòng.

Bà giam mình trong nhà cho đến lúc chồng về. Bà lao vào vòng tay ông, gắng hỏi chuyện gì đã xảy ra. Những người đàn ông đó là ai? Nhưng ông Nhu không đáp. Bà tự thấy mình đang lấy làm kinh ngạc về người đàn ông bà đã kết hôn. Chẳng phải bà đã cứu người làm của ông khỏi bị thương hay sao? Chuyện gì xảy ra nếu ông Nhu ở trong văn phòng, hay đang bày mưu tính kế như thường lệ trong một tiệm cà phê vô danh nào đó? Liệu họ có làm hại ông ấy không?

Nỗi âu lo của bà Nhu rốt cuộc đã khơi ra một câu trả lời, nhưng không phải câu trả lời mà bà mong đợi. Ông Nhu giữ một thái độ lạnh nhạt và nở nụ cười toe toét như thường lệ. "Hãy lo việc của em và đừng dính vào", ông nói, và mặc cho nụ cười trên gương mặt ông, bà biết đó là một lời cảnh cáo. Về phần người đàn ông làm việc trong nhà in, người mà bà Nhu biết chắc chắn mình đã cứu mạng anh ta vào ngày đó, anh ta tiếp tục làm việc ở phòng sát bên. Và mỗi lần nhìn thấy anh ta, bà Nhu lại một lần nữa được nhắc nhở về việc giữa bà và người chồng lúc bấy giờ là một khoảng cách xa xôi vời vợi đến thế nào.

Ông Diệm, tân Thủ tướng, đã đối mặt với tất cả mọi loại vấn đề trong lần trở về Việt Nam năm 1954, bắt đầu với sự kiện rằng ông đã kế thừa một hệ thống đổ vỡ. Ngân khố quốc gia trống rỗng. Người Pháp đã không đào tạo những nhà quản lý người Việt thạo việc. Việt Nam Cộng hòa hoàn toàn bị tê liệt về quân sự và chính trị. Những băng đảng thống trị các thành phố. Chợ đen mọc lên như nấm. Những thành phần chi phối kinh tế là ma túy, cờ bạc, và mại dâm. Dòng người tị nạn từ miền Bắc chỉ làm cho mọi chuyện tồi tệ thêm. Không có đủ chỗ cho tất cả những người tị nạn sống và làm việc. Họ dồn nhùng nhúc xung quanh Sài Gòn; những gia đình ngủ chen chúc trong những ống xây dựng bằng xi măng.

Sau khi chia đôi đất nước, Hiệp định Genève có một điều khoản cho phép người dân vượt qua cả hai phía của đường biên giới, nhưng mọi sự di cư sẽ phải diễn ra nội trong giới hạn nghiêm ngặt một năm. Quân đội Pháp và hải quân Mỹ đã cung cấp phương tiện vận tải hậu cần cho những người miền Bắc đang chạy vào Nam, trong đó Hoa Kỳ tài trợ hầu như tất cả ngân sách. CIA cũng gửi một đội quân để thuyết phục càng nhiều người miền Bắc di cư vào miền Nam càng tốt, tạo ra bằng chứng rằng nhân dân đang "bỏ phiếu bằng chân" cho người của Mỹ, ông Diệm, và lời hứa về một Việt Nam tự do. ² Nhưng

không ai tưởng tượng được lại có nhiều người đã ra đi như vậy. Một cuộc di cư khoảng một triệu người từ miền Bắc Cộng sản đổ vào miền Nam. Với tất cả những gì Việt Minh đã làm, lời cuốn bản năng dân tộc chủ nghĩa nơi nhiều người Việt Nam và thành công trong công cuộc đánh đuổi người Pháp ra khỏi bờ cõi, một bộ phận dân chúng vẫn quá khiếp sợ chủ nghĩa Cộng sản để nán lại và chứng kiến nó hành động. Có những lời thì thầm về những cái sắp xảy đến: sự thanh trừng giai cấp, cải cách ruộng đất, và sự xâm phạm của nhà nước vào những sự vụ địa phương - đó là chưa nói đến tôn giáo. Đặc biệt những người Công giáo đã lũ lượt tháo chạy.

Dòng người đi ngược lại hầu như chỉ là nhỏ giọt. Những cán bộ Cộng sản cao cấp nhất ở miền Nam tập kết ra Bắc, và chính phủ ông Hồ Chí Minh đã triệu hồi những đơn vị quân đội nhân dân nổi bật nhất nhưng kêu gọi những người còn lại vốn đã biểu thị sự tán thành Chủ nghĩa Cộng sản ở lại: "ra Bắc nghĩa là chiến thắng, ở lại miền Nam là gặt hái thành công".⁸ Những người ủng hộ Việt Minh ở miền Nam lui vào vòng bí mật. Họ sẽ có ích vào một lúc nào đó khi cuộc đấu tranh tái thống nhất được khởi sự.

Áp lực dân số tức thời trên Việt Nam Cộng hòa đã đe dọa làm sụp đổ chế độ mới. Ngay cả sự đánh giá của quân đội Mỹ về hoàn cảnh mà ông Diệm lâm vào cũng đáng lo ngại. Những vấn đề mà vị tân Thủ tướng đối mặt thật quá nhiều và quá khó khăn, bản báo cáo kết luận, đến độ có lẽ là "không khắc phục được".²

Không lâu sau khi ông Diệm trở lại, bà Nhu nhận ra với nỗi khiếp sợ rằng việc ông lên nắm quyền cai trị Việt Nam Cộng hòa đã là một mưu đồ tinh vi. Bất kỳ ai đối mặt với tình trạng hỗn loạn này đều chắc chắn phải thất bại - và người Pháp căm ghét ông Diệm đủ để muốn hủy hoại ông. Ông anh chồng của bà hiển nhiên đã thể hiện một cá tính độc lập và vô ơn đối với sứ mệnh khai hóa của người Pháp. Nếu ông Diệm thất bại, người Pháp có thể biện luận một cách hợp lý việc thay thế ông bằng một ai đó dễ phục tùng ảnh hưởng của họ hơn.

Bà Nhu không phải đang tưởng tượng ra mọi chuyện. Người Pháp thật sự đang tìm cách tống khứ ông Diệm, như Edward Lansdale đã xác nhận. Lansdale đã gia nhập quân đội Mỹ sau vụ Trân Châu Cảng và được tuyển mộ vào ngành tình báo quân sự, sau đó là OSS, bởi Wild Bill Donovan. Ông đã trở nên nổi bật với sự thành công trong những chiến dịch chống nổi loạn và được gọi đến Việt Nam năm 1954 để điều hành sứ mệnh quân sự ở Sài Gòn. Khi các quan chức người Mỹ khác cố truyền đạt những nỗi ngờ vực về vị lãnh tụ Việt Nam Cộng hòa với Tổng thống Dwight D. Eisenhower và Bộ Ngoại giao ở Washington, Lansdale đã khéo léo lẩn tránh và phản bác lại, xác định một lập trường tái xác nhận sự ủng hộ của Mỹ vào vị lãnh tụ ở Sài Gòn. Một số người nói rằng Graham Greene đã xây dựng nhân vật hảo hán giang hồ và ngây thơ một cách nguy hiểm Alden Pyle trong Người Mỹ Trầm Lặng dựa trên Lansdale, nhưng nhiều người Mỹ nghĩ rằng ông là một người hùng của sự nghiệp chống cộng. John F. Kennedy là một trong số những người coi Lansdale là một James Bond có ria mép ở bên này Đại Tây Dương. Nếu có một điều gì nữa về ông, thì Lansdale là một nhân chứng về sự can thiệp của người Pháp vào chính quyền ông Diệm. Theo quan điểm của Lansdale, người Pháp cảm thấy ông Diệm "là một thứ muối xát vào vết thương nhức nhối của họ". Việc Pháp mất Đông Dương vào tay của một đạo quân Cộng sản đã đủ tồi tệ, và giờ thì ông Diệm lên nắm quyền, một thể kỷ của niềm kiêu hãnh thực dân Pháp đang lâm nguy. Ông lại đang thay tên những con đường theo tên những nhà ái quốc Việt Nam, quốc hữu hóa các ngành công nghiệp của Pháp, và ra sức làm cho những người Pháp còn lại ở Việt Nam cảm thấy không được hoan nghênh. Người Pháp nhận thấy rằng để tự bảo vệ bản thân và lợi ích chiến lược lâu dài của mình ở Đông Dương, họ cần rũ bỏ ông Diệm.

Có những người đã hiểu chuyện nhanh hơn. Ngay từ ban đầu, chồng của bà Nhu đã tỏ ra "vô cùng lo

lăng" việc anh trai ông "không ý thức đầy đủ về mức độ nghiêm trọng cực kỳ của tình hình ở Việt Nam" khi ông tiếp nhận chức Thủ tướng từ hoàng đế Bảo Đại năm 1954. Ông Diệm đã hình thành một "nỗi căm ghét mù quáng với người Pháp" và với người đã ban cái vinh dự hiểm độc của chức Thủ tướng cho ông. Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ đã khuyến cáo rằng "Bảo Đại đừng bao giờ nên trở lại Việt Nam vì ông sẽ gặp nguy hiểm tính mạng". ¹⁰ Một khi những hàm ý sâu xa đã được hiểu rõ, bà Nhu coi âm mưu đó là chuyện rất riêng tư. Sau tất cả những giờ ở bên ông anh họ ở Đà Lạt, vượt ve niêm kiêu hãnh và đánh bóng cái tôi của ông, bà cảm thấy mình bị phản bội. Bà đã còn dám nghĩ rằng vì bà, Bảo Đại đã trao cho ông Diệm một cơ hội làm người vĩ đại. Bà có thể đã tự hào về chuyện đó khi nhiều điều khác chưa lộ ra. Giờ đây bà thấy rằng anh họ bà đã lợi dụng bà và gia đình bà. Bà sẽ không tha thứ cho ông ta lẫn người Pháp.

Năm 1954 và 1955, ông bà Nhu đã kết thân với những người Mỹ, và bà Nhu đã trở nên gắn bó với một phụ nữ trạc tuổi bà tên là Virginia Spence. Spence là một nhân viên hợp đồng của CIA mà nhờ nói trôi chảy tiếng Pháp đã được gởi đến Sài Gòn không kinh qua sự huấn luyện tác nghiệp. CIA mô tả tình bạn của cô với bà Nhu là "chân thành", và ông Nhu tất nhiên đã khuyến khích vợ theo đuổi nó. Vì tình bạn của họ, bản thân ông Nhu nổi lên trong mắt Spence như "kẻ hứa hẹn nhất với một phần số không mấy ấn tượng". Mô tả của cô về ông đầy sự hoài nghi: ông là một "kẻ lập mưu bẩm sinh", và bản chất vụng trộm của vai trò ông trong chính quyền ông Diệm dường như đã củng cố phân tích đầu tiên của cô. Cô cũng mô tả ông như một gã thôn quê mùa ngờ ngạc nhiên có thể mau chóng rước lấy những rắc rối quá sức vào mình. "Ông ta hoàn toàn cả tin trước bất kỳ điều gì một người bạn nói ra. Ông có một tư thế chính trị nhất định và một thiên bẩm tuyệt vời trong việc biến không thành ra như có". Vì vậy ông Nhu là một nhà chiến thuật có đôi chút đáng dấp, và theo như Spence nhận thấy, không ai sánh được với Nhu trong tư cách một nhà hoạt động chính trị hiệu quả.

Những người bạn Mỹ khác của ông bà Nhu ở Sài Gòn, ông bà Paul Harwood, cũng là những nhân viên CIA. Ông bà Harwoods đã làm cha mẹ đỡ đầu trong lễ thêm sức của con gái lớn nhà ông bà Nhu: Lệ Thủy. Các nhân viên CIA và ông bà Nhu đã có mối quan hệ thân thiết đến độ họ có thể đùa cợt với nhau về hầu hết mọi chuyện. Ông Nhu trêu chọc vợ trước mặt những người bạn Mỹ bằng cách gọi bà là một kẻ ngoại giáo vì việc bà cải sang đạo Công giáo khá mới đây, và bà Nhu trêu trả về việc các anh trai của ông Nhu trông mới vụng về thô kệch thế nào. Bà Nhu hài lòng bầu bạn với những người Mỹ đến ở Sài Gòn: họ là "những người thật thà", "với họ ta [có thể] dễ dàng hòa thuận", mà không có cái gánh nặng thực dân và sự tự phụ kênh kiệu của người Pháp. Giống như người bạn Nhật từ thời thơ ấu của mình, những người bạn mới của bà Nhu cũng là những người ngoại cuộc, vốn làm cho bà cảm thấy dễ chịu khi ở với họ. Bà Nhu thích chia sẻ một chuyện buồn cười về con trai bà, Quỳnh, người mà bà gọi là "Quang Quang".

Câu chuyện đã bằng cách nào đó vào được những bức điện tín gởi về đại bản doanh CIA. "Đứa trẻ có lần đi lang thang vào cuộc họp nội các để tìm bác Diệm của nó. Ai đó chỉ vào cánh cửa phòng vệ sinh ở cuối phòng hội nghị và Quang Quang mở cửa ra, thấy ông Thủ tướng đang ngồi. Bất chước điệu chào theo lễ nghi, Quang Quang giơ tay và bắt đầu hát quốc ca". ¹¹



Tướng Nguyễn văn Hình



Thủ tướng NGuyễn Văn Tâm

Thay cho ông Diệm ở Sài Gòn, người Pháp thật sự mong muốn tướng Nguyễn Văn Hình nắm quyền. Ông ba mươi tám tuổi và không có kinh nghiệm chính trị nào ngoại trừ việc đã chứng kiến sự nghiệp

sụp đổ tan tành của cha ông, Nguyễn Văn Tâm, vị Thủ tướng bất lực đã làm việc cho người Pháp trong hai năm 1952 và 1953. Hình là một quân nhân, được đào tạo ở Pháp và đã chiến đấu cùng người Pháp chống lại người Ý và Đức trong Thế chiến thứ hai. Trong suốt Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, ông Hình lãnh đạo Quân đội Quốc gia Việt Nam, lực lượng người Việt chiến đấu bên phe Pháp chống lại Việt Minh - và chống lại cách diễn giải về độc lập của Việt Minh. Người Pháp tin rằng nếu người của họ là ông Hình cầm quyền, ông sẽ giữ cho mọi thứ vận hành trôi chảy, trong khi họ chắc chắn là ông Diệm sẽ cố cắt đứt các mối quan hệ với họ. Ông Hình sẽ tiếp tục sử dụng các kênh giao dịch đã sẵn có - các công ty của Pháp - và cung cấp tiền trả nước đầu ra đó. Ông Hình và người Pháp đã tìm thấy một trợ thủ đắc lực chống Diệm ở Bình Xuyên, một băng thủy tặc điều hành ngành cờ bạc, mại dâm, và bảo kê ở Sài Gòn. Cùng với nhau, họ bắt đầu lập mưu hạ bệ ông Diệm. Tất cả họ đều biết rõ là nên đứng về bên nào.

Sài Gòn hãy còn là một thành phố nhỏ về nhiều phương diện. Chỉ một vài quán cà phê và nhà hàng mua vui cho những thị hiếu đã Âu hóa. Hầu hết những hoạt động kinh doanh cao cấp đều nằm dọc theo con đường mà lúc bấy giờ vẫn được gọi là Catinat, mặc dù ông Diệm đã đổi tên nó thành đường Tự Do sau khi Pháp bị bại trận và bắt đầu rời bỏ đất nước. Cercle Sportif, một câu lạc bộ bơi lội và quần vợt, vẫn ở lại hoạt động bằng cách thay đổi lực lượng thành viên là cộng đồng doanh nhân và chính trị người Việt. Bà Nhu biết về những việc làm của tướng Hình xung quanh thành phố đủ để khiến bà tức giận. Bà biết rằng ông ta đang được chống lưng bởi người Pháp và rằng anh họ bà, Bảo Đại, sẽ ban cho Hình sự hỗ trợ thiết thực hơn là ông ta đã từng cho Diệm. Tay tướng quân đội đã công khai khoe khoang với các bạn bè rằng ông ta sẽ hạ gục ông Diệm và còn dám nói thêm rằng ông đã có kế hoạch giữ bà Nhu lại làm vợ lẽ của mình. Như chuyện vẫn thường thấy trong cái thế giới nhỏ bé của Sài Gòn, bà Nhu và tướng Hình đã gặp mặt nhau tại một bữa tiệc. Bà rướn thẳng hết chiều cao chưa tới mét sáu trên giày cao gót của mình và ném sự khinh miệt vào mặt vị tướng đang giật mình hoảng hốt. "Ông sẽ không bao giờ lật đổ được chính quyền này vì ông không có gan". Gần như không thể kiềm chế sự run rẩy trong giọng nói, bà Nhu tiếp, "Và nếu ông lật đổ được nó, ông sẽ không bao giờ có được tôi vì tôi sẽ cắt cổ ông trước". Bà đã công khai tham chiến. ¹²

Công chúng nhìn nhận ông Diệm là một người ngay thẳng với những chuẩn mực đạo đức vời vợi không dễ dàng bị hủ bại và sẽ không tha thứ tội hối lộ. Nếu ông có lỗi gì, đó là việc ông thiếu sự tinh ranh đường phố - ông không biết thật đầy đủ về hoàn cảnh ông đưa chân vào. Để làm trầm trọng thêm vấn đề, bên cạnh những nỗi gian nan từ bên ngoài mà ông Diệm mới chân ướt chân ráo trở về phải gánh vác - một vị tướng được người Pháp bảo trợ, đang tính chuyện tảo bạo, một triệu người tị nạn vô gia cư, hai giáo phái tôn giáo hùng mạnh, một lực lượng cảnh sát bị băng đảng giật giây, và những khốn khổ không nói thành lời của một nền kinh tế ảm đạm - ông là một chính khách tồi. Ông đơn giản là không thể kết nối với những người mà ông đã tận tâm ra sức đại diện cho họ. Lansdale đã nhận xét từ ngày đầu về việc một quan chức cấp cao Việt Nam có thể hoang phí vốn liếng chính trị của mình một cách bất cẩn đến thế nào.

Lansdale đã đến Sài Gòn ngay trước ông Diệm, và ông đang háo hức chờ đón vị tân Thủ tướng. Nhưng vào ngày ông Diệm trở lại Sài Gòn theo lịch trình, Lansdale tự nhiên quyết định theo dõi sự trở lại thành phố của ngài Thủ tướng cùng với dân chúng Việt Nam thay vì gia nhập phái đoàn ngoại giao tại sân bay. Những đường phố đông đúc. Những cảm xúc dâng trào; người ta địu con lên vai để chúng một lần được thoáng nhìn thấy tương lai mới mẻ của Việt Nam. "Và chúng tôi chờ đợi, chờ đợi và chờ đợi một cái gì đó xảy ra... và bất thành lĩnh vượt qua chúng tôi với tốc độ sáu mươi dặm một giờ là một đoàn mô tô hộ tống một chiếc xe hơi đóng kín cửa. Bạn không thể thấy bất kỳ ai trong đó". Có một nỗi thất vọng thật sự giữa những người Việt Nam, những người thậm chí đã không thể thoáng nhìn thấy ông

Diệm. "Ở đây là nhiệt tình sôi sục của một đám đông dân chúng thân thiện đã không được nhìn thấy sờ diễm mà họ mong muốn hay tung hô người đàn ông của họ". Lansdale nghĩ điều đó cứ như thể ông Diệm đã hoàn toàn không muốn gần gũi với dân chúng. ¹³

Trên thực tế, Lansdale đã bỏ lỡ cái điều dự kiến là thật sự đáng xem. Ông Nhu đã cố gắng hết sức để đánh dấu lần trở về Sài Gòn của anh trai ông như một dịp trọng đại. Để vinh danh ông Diệm, các công chức đã được cho về sớm để gia nhập vào, cùng với hàng trăm người khác, một cuộc tụ họp trước Dinh Độc Lập. Kế hoạch của ông Nhu đã không sơ sẩy một ly; khi ông Diệm về tới Dinh, ngay cả những chiếc loa cũng được lắp đặt hoàn hảo. Những lời bình luận của ông Diệm gây một tác động tốt đẹp. Ông nhận được sự tung hô vang dội từ đám đông, nhưng điều đó không được các nhà ngoại giao và quan chức chứng kiến bởi họ không có mặt ở đó. Thay vì vậy, họ rời khỏi phi trường với ấn tượng rằng ông Diệm chẳng có gì nổi bật, đó là may mắn; một vài người, như Lansdale, nghĩ vị tân Thủ tướng là kẻ kiêu kỳ lạnh lùng. ¹⁴ Những toan tính sai và hiểu lầm giữa anh em nhà họ Ngô với người nước ngoài sẽ còn dai dẳng trong suốt thời gian cầm quyền còn lại của ông Diệm.

Thay vì bận tâm về nghi thức ngoại giao hay tưởng tượng ra những phương thế khác để tranh thủ sự ủng hộ của cử tri, ông Diệm dành thời gian tự tay ký tất cả những thị thực xuất nhập cảnh. Sự không sẵn lòng giao phó ngay cả những nhiệm vụ nhỏ nhất nhất có nghĩa là ông làm việc mười sáu hay mười bảy giờ một ngày. Khi không còn có thể mở mắt bên bàn làm việc, ông sẽ đem một chồng giấy tờ lên giường. Ông Diệm là một nhà quản lý tệ hại phần nào vì ông không tin tưởng bộ máy quan liêu mà ông được thừa kế. Người Pháp đã huấn luyện nên những thuộc cấp người Việt thụ động và lo chuyện bảo toàn tấm thân hơn là gìn giữ nước nhà. Ngân khố trống rỗng của ông Diệm và sự thiếu khả năng trả lương cho nhân viên chính phủ càng làm trầm trọng thêm cái hệ thống đã suy sụp. Tuy nhiên, các anh em ông là những người ông biết có thể nhờ cậy.

Vị tân Thủ tướng đã không gọi lên nhiều hy vọng nơi tướng J. Lawton Collins, đặc phái viên chính phủ Hoa Kỳ ở Việt Nam.

Collins thấy ông Diệm "hoàn toàn cứng đầu cứng cổ, không sẵn lòng tiếp nhận những gợi ý và vận dụng óc suy xét tồi tàn đến độ chính phủ của ông rốt cuộc sẽ thất bại". Thay vì làm cho mọi chuyện tốt hơn, theo quan điểm của Collins, các anh em của ông "lượn lờ xung quanh vị lãnh tụ, lôi kéo rầy rà suốt cả ngày", và ông cảnh báo rằng việc gia đình kẹp ngày càng cứng vào chiếc cổ của chính quyền Việt Nam Cộng hòa sẽ làm trầm trọng thêm tình hình vốn dĩ đã tàn tệ. ¹⁵

Bà Nhu đã dần thân vào một khoảng trống chính trị tạo ra bởi vị Thủ tướng lạnh nhạt suốt ngày cạo giấy và người em trai thậm thụt của ông. Cả hai anh em đều không có khả năng thiên bẩm, không có óc kịch nghệ, và có lẽ không có bụng dạ nào để chiến đấu nữa. Bà Nhu có cả ba - có chỗ thừa thãi là đằng khác.

Nỗ lực của óc sáng tạo chính trị đầu tiên của bà đã diễn ra tại một nhà hàng ở Chợ Lớn, một khu phố người Hoa. Buổi ăn tối được thết đãi bởi vị tân Phó thủ tướng của ông Diệm, người đồng thời là Bộ trưởng quốc phòng của ông và anh họ của bà Nhu về đảng cha của bà - một người đàn ông tên Nguyễn Văn Xuân. Với bà Nhu và chồng cùng những người Việt khác trong chế độ ông Diệm, khách dự bữa tiệc tối bao gồm hai cố vấn cấp cao ở Tòa Đại sứ Pháp. Bà Nhu đã lợi dụng dịp xã giao này để thúc ép những người Pháp. Bà biết rất rõ họ không thể thú nhận rằng người Pháp muốn hắt cẳng ông Diệm - nhất là tại một bữa tiệc tối được chiêu đãi bởi vị Phó thủ tướng và trước mặt cô em dâu của ông Diệm. Nhưng nụ cười xã giao của bà Nhu che đậy một trí tuệ chính trị sắc sảo. "Vì lẽ gì", bà hỏi một cách duyên dáng, "họ không đẩy tướng Hình qua Pháp cho rồi?" Một trong hai vị cố vấn Pháp đưa ra thử thách nhẹ nhàng như thể cho một cô bé nữ sinh: nếu bà có thể đưa ra năm dấu hiệu cho thấy ông Hình

là người thừa, họ sẽ đích thân tiễn ông Hình ra đi. Bà Nhu bỏ qua những tình tiết giao đãi câu kỳ và ném cái nhìn chăm chăm vào hai người đàn ông. "Các ông sẽ có hàng triệu", bà bảo với họ. Những người Pháp có thể vẫn đã cho rằng cuộc trao đổi này chẳng gì hơn là sự tán tỉnh vờ vịt giữa buổi tiệc tối thì bỗng họ kêu lên qua món ăn đang dở đầu tiên, "Nhưng bà thật nguy hiểm, Madame!"

Thử thách này ắt hẳn sẽ làm khuất phục bất kỳ ai, nhưng bà Nhu đã có một sứ mệnh. Trong vòng vài giờ của buổi tiệc tối, bà cũng gặp một sự trùng hợp ngẫu nhiên hữu ích. Chồng bà đã giữ im lặng suốt buổi tối. Nếu ông có bất kỳ suy nghĩ nào về cuộc trao đổi giữa vợ với những người Pháp, ông giữ nó cho riêng mình. Sau khi rời khỏi nhà hàng, ông và vợ mỗi người mỗi ngả. Ông Nhu về Dinh gặp anh trai, và bà Nhu về nhà một mình như thường lệ. Tại cửa bà gặp hai người đàn ông trông lồi thối lếch thếch. Họ thất thểu và xây xức, tự giới thiệu mình là Quang và Hồ. Họ đang đợi chồng bà, họ giải thích. "Chúng tôi đại diện cho hàng triệu nạn dân đã đến khi chúng tôi nghe ông Diệm nhận được quyền bính từ vua Bảo Đại. Nhưng tình hình thực tế không thể chịu được vì cảnh sát Bình Xuyên đã quấy nhiễu chúng tôi. Ngay cả nếu chúng tôi muốn quay lại cũng không được! Chúng tôi sẽ làm gì đây?"

Đây là thời cơ cho một triệu dấu hiệu mà bà đã hứa tại buổi tiệc tối. "Đừng làm gì trong lúc này", bà Nhu lạnh lùng trả lời, "nhưng khi đến lúc, các anh hãy nghe và làm chính xác điều tôi nói".

Trong tháng tiếp theo, bà Nhu làm việc trong âm thầm. Bà đã cho in những băng rôn và làm việc để sắp xếp những đám đông dân lánh nạn miền Bắc vào mạng lưới những người tham gia. Bà đang lên kế hoạch cho một cuộc biểu tình đại quy mô ủng hộ ông Diệm; những người tham gia sẽ tuần hành trên đại lộ Hứa Bồn Hòa, rẽ qua đường Chasseloup-Laubat cũ, và đột ngột đến trước Dinh Độc Lập. Ngay cả người Pháp cũng không thể phủ nhận một sự thể hiện ý muốn rõ ràng như vậy của người dân.

Nhưng đến thời điểm bà Nhu đến địa điểm mít tinh đã định vào sáng ngày 21 tháng Chín năm 1954, cảnh sát đã có ở đó. Họ là người của tướng Hình, với những khẩu súng thuê của băng đảng Bình Xuyên. Họ đang cố gắng giải tán một đám đông 4.000 người bằng cách chĩa lưỡi lê và gào thét vào đám dân lánh nạn đang run lẩy bẩy. Bản tường trình của quân đội Pháp mô tả những phát súng nổ, một số người bị thương, và ít nhất một người chết. ¹⁶

Bà Nhu trên chiếc xe hơi Panhard nho nhỏ màu lục nhạt len lỏi qua một biển xe xích lô và những vành nón lá bập bênh của những phụ nữ đang trên đường đến chợ. Bà đã rẽ ngoặt để tránh những chiếc xe đẩy hàng rong, nhưng đó là một cảnh tượng nhốn nháo vô cùng.

Bà Nhu nhảy ra khỏi chiếc xe hơi nhưng còn để nổ máy. Sải những bước dài hết mức xẻ đôi của tà áo dài, bà tiến thẳng lại chỗ những gã đàn ông mang vũ trang. Bà không thể để cho những tên du côn này làm trật đường rầy cuộc biểu tình của mình và phải động não thật gấp gáp. Bà đã làm cái điều mà bà giỏi nhất: bà gây một màn cãi vã kịch tính. Bà Nhu bắt đầu nhấc móc đám người, vận dụng hết hơi sức trong buồng phổi hét to, "Các anh là loại cảnh sát gì? Các anh tính làm gì những người nghèo khổ, vô phương tự vệ này? Các anh có sợ tôi không?"

Bất thành linh, một đám đông thù địch Bình Xuyên vây lấy bà. Khi họ tiến tới gần bà với những khẩu súng vẩy lên, bà nhảy vào xe hơi, gào to, "Bắt tôi nếu các anh có gan!" và lái xuyên qua hàng rào những tên ác ôn vai mang súng tiểu liên Thompson.

Những hành động rất sân khấu của bà Nhu đã làm xao lãng đám lính đủ lâu để cho phép cuộc mít tinh tiếp tục. Dân chúng diễu hành từ nhà thờ lớn đến Dinh giảng những biểu ngữ "thống nhất và Độc lập cho Việt Nam", và "Đả đảo những kẻ phá hoại nền độc lập Quốc Gia". Đám đông hô khẩu hiệu ủng hộ ông Diệm. Ông Diệm có vẻ giống như là một người anh hùng đã cứu giúp dân lánh nạn, và tướng Hình

bị đẩy vào tình thế bất lợi. Từ nước Pháp xa xôi, vua Bảo Đại không thể công khai ủng hộ ông Hình mà không tự biến mình thành một quân vương nhần tâm và đánh mất chút ít sự tôn kính cuối cùng dành cho ông. Không lâu sau đó, ông Hình bị trục xuất qua Pháp và không bao giờ quay trở lại. Bà Nhu hưởng nhận tất cả công trạng của việc đạo diễn cuộc mít tinh, và sau đó là một phần công trạng của việc đến giải cứu một cách táo bạo bất chấp đám tay sai của bọn giặc cướp. ¹⁷

Những người cùng dự tiệc tối với bà Nhu từ Tòa Đại sứ Pháp đã phản đối. Người phụ nữ này, họ nói, đang gây phiền hà! Bày ra một cuộc mít tinh trong một bầu không khí chính trị đã quá nóng bỏng là hoàn toàn vô trách nhiệm. Những người Pháp đã than phiền với người Mỹ, những người này mách lại với ông Diệm, người rốt cuộc đã đồng ý gởi bà Nhu đi xa trong vòng vài tháng. Bà đã nổi giận về việc bị xua đuổi, nhưng đó chỉ là để giữ gìn trật tự an ninh, và chỉ đủ lâu để ông Nhu trấn an ông Diệm; chỉ ít, đó là cách giải thích hợp lý mà họ đã đưa ra với bà.

Bà Nhu được gởi đến Hồng Kông để "hồi phục sức khỏe" trong ba tháng tại một nữ tu viện Ý, nữ tu viện de Chanoinesses de Canossa. Các con và chồng bà ở lại phía sau. Thay vì coi điều đó như là sự trừng phạt, bà Nhu bắt đầu cho việc họ gởi bà đi như là sự thừa nhận quyền lực tiềm tàng của bà. Nếu bà không đáng gờm, ắt họ sẽ để bà ở nhà. Rõ ràng là bà quá nguy hiểm để làm ngơ.

Cuộc mít tinh của bà Nhu đã đánh dấu sự khởi đầu một chương mới cho anh chồng bà.

Trong vài tháng tiếp theo, chính quyền của ông Diệm sẽ tiếp tục làm việc để thiết lập sự kiểm soát Sài Gòn và miền Nam. Không ai chờ đợi vị Thủ tướng người Công giáo đầy nguyên tắc của Việt Nam Cộng hòa làm điều đó. Kẻ thù không đội trời chung của ông Diệm là sự trụy lạc. Sông bạc Đại Thế Giới (Grand Monde) mỗi ngày kiếm 10.000 đô la. Trong những buồng kính sáng lóa nhà thổ hạng sang Paradise (Đại La Thiên) là ba trăm cô gái ăn bận vải lụa hở hang uốn éo - và mua vui cho một danh sách khách chơi dài dằng dặc. Những nhà ngoại giao và tướng lãnh chia sẻ với nhau một ống điều tại những phòng hút á phiện trước khi đi đến các hộp đêm.

Vì vậy mọi người đã rất ngạc nhiên khi Ngô Đình Diệm xuất hiện trong dáng dấp kẻ chiến thắng. Ông tỏ ra không nung tay. Cảnh sát của ông đã đóng cửa năm trăm ổ hút á phiện và tịch thu hàng ngàn ống điều tre, chất thành một đồng củi cao bị thiêu rụi trong một ngọn lửa khổng lồ nhen lên từ những trang tạp chí khiêu dâm xé ra. Ông Diệm đã ra lệnh cho các hộp đêm ở Sài Gòn phải đóng cửa vào 2 giờ sáng, và tung ra nhiều quy định cho ngành kinh doanh thoát y vũ của thành phố đến mức đã làm sụp đổ nó. Khoảng chừng 2.000 gái điếm có giấy phép nhẹ nhàng biến mất, làm sụp đổ rường cột của làng chơi Sài Gòn. Ông Diệm đã biến nhà thổ Paradise bóng loáng thành một trung tâm phục hồi cho những cô gái điếm, nơi họ được dạy khâu vá và điều dưỡng.

Ông đã quyết định không đóng cửa những nhà thổ ở nông thôn nơi quân đội đồn trú: Ông Diệm biết ông cần cảnh sát và quân đội đứng về phía mình.

Đáng ngạc nhiên nhất trong tất cả mọi điều là sự từ chối thương lượng của ông Diệm. Ông sẽ không nhượng bộ với bất kỳ thỏa thuận chia sẻ quyền lực nào. Lập trường này đi ngược lại những chỉ thị của nhà vua, chủ nhân trên lý thuyết của ông; nó cũng đi ngược lại lời khuyên của người Pháp. Mâu thuẫn kịch liệt giữa ông Diệm, người Pháp và Bảo Đại nằm ở lợi ích chính trị của ông, nhưng trong trường hợp này, ông cũng tỏ ra rằng ông có thể chịu đựng áp lực từ Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ.

Tướng Bẩy Viễn

Nhóm Bình Xuyên

Nhóm Bình Xuyên xuất thân từ một băng cướp đường sông từ những làng nhỏ ở phía nam Chợ Lớn,

phố người Hoa ở Sài Gòn. Thủ lĩnh của họ, một người đàn ông tên Bảy Viễn, đã cộng tác với người Nhật trong suốt giai đoạn chiếm đóng của họ. Lập trường chống Pháp của băng Bình Xuyên biến họ thành những đồng minh tình thế của Việt Minh, nhưng mối liên kết này đã không tồn tại lâu. Sự rạn nứt chính trị giữa họ quá lớn. Bảy Viễn đã quay trở lại với người Pháp vào năm 1945, ngay khi điều đó có vẻ có ích lợi. Ông ta đã mua sự nhượng bộ của cảnh sát ở Sài Gòn với giá 40 triệu đồng Đông Dương và sau đó là nhà máy chế biến thuốc phiện vốn cung cấp hàng cho chính những ổ hút mà các cảnh sát này có nhiệm vụ đóng cửa. Ngoài những sòng bạc và nhà thổ, băng Bình Xuyên của Bảy Viễn cũng sở hữu cửa hàng bách hóa sầm uất nhất trong thành phố trên đường Catinat sang trọng. Băng cướp này có một đội tàu thuyền, hai mươi ngôi nhà, và một trăm cửa hiệu khắp thành phố. Một con hào đầy cá sấu vây quanh ngôi nhà của Bảy Viễn và đại bản doanh của băng Bình Xuyên. Ông ta xích một con báo to lớn vào một chốt gác bên ngoài phòng ngủ của mình, và bên trong phòng ngủ là chiếc lồng nhốt một con cọp cái. Người ta đồn rằng Bảy Viễn sẽ cho con cọp cái này ăn thịt bất kỳ kẻ nào trong số 15.000 thuộc hạ dám làm trái ý ông ta.

Địa bàn của Bảy Viễn rộng lớn và tầm ảnh hưởng của ông ta sâu xa đến độ chỉ một người cứng cỏi và cực kỳ cẩn trọng như ông Diệm mới nghĩ tới chuyện hạ ông ta. Đối với vấn đề Bình Xuyên ông Diệm tỏ ra không khoan nhượng. Người Mỹ đã thử đề nghị tài trợ 12.000 đồng Đông Dương cho bộ binh và 28.000 đồng Đông Dương cho cảnh sát của Bình Xuyên, để hiệp lực với ông Diệm, và họ đã cố làm cho ông Diệm hiểu ra sự thật là: Bình Xuyên là một thực tế bất hạnh của cuộc sống ở Sài Gòn. Nhưng ông Diệm đã không thỏa hiệp. ¹⁸ Trận chiến cuối cùng nổ ra vào ngày 27 tháng Tư năm 1955, một ngày sau khi ông Diệm bổ nhiệm một cảnh sát trưởng không chịu sự khống chế của Bảy Viễn. Lực lượng Bình Xuyên bắt đầu nã pháo vào Dinh. Bên trong, ông Diệm chứng tỏ một quyết tâm cứng rắn. "Bắn lại", ông ra lệnh. Tính cả thảy, 4.000 phát đạn cối đã nã về phía nhà của thủ lĩnh Bình Xuyên, Bảy Viễn, và sở chỉ huy của chúng. Đó là một hàng rào hỏa lực cuồng nộ ngay cả trước khi có sự tham gia của không quân. Tám trăm thường dân thiệt mạng, và 20.000 ngôi nhà bị phá hủy. Lực lượng của ông Diệm với lực lượng những tên côn đồ, gangster, cảnh sát do băng Bình Xuyên chống lưng và, ít công khai hơn, người Pháp, đã tiến hành một trận đánh giáp lá cà trên những đường phố Sài Gòn.

Trận chiến với băng Bình Xuyên đã chứng tỏ khí phách của ông Diệm. Vị lãnh tụ đã đặt cược vào sự chính trực và giành chiến thắng. Nó cũng chứng tỏ một lần cho mãi mãi rằng ông Diệm đã không cần thậm chí là sự ủng hộ hời hợt nhất của vị hoàng đế. Một vài tháng sau khi triệt hạ băng Bình Xuyên, vào mùa hè năm 1955, ông Diệm đã trục xuất vua Bảo Đại và đứng lên làm lãnh tụ duy nhất của Việt Nam Cộng hòa. Không còn giới hạn bởi chức danh Thủ tướng, ông Diệm đã tự xưng là người đứng đầu nhà nước, Tổng thống của Việt Nam Cộng hòa.

Tất cả những diễn biến này đã xảy ra để chứng tỏ với người Mỹ, hay chỉ ít là Lansdale, việc người Pháp đã "sai lầm chết người" đến thế nào khi đánh giá thấp vị tân Thủ tướng của Việt Nam Cộng hòa. ¹⁹ Một bức điện tín của Bộ Ngoại giao Mỹ cho John Foster Dulles đã cung cấp bản tóm lược có lẽ là hay nhất về hoàn cảnh mà ông Diệm nhận thấy mình trong đó. "Diệm thiếu kinh nghiệm và là người khó thỏa hiệp". Hơn nữa ông "nhất quyết xây dựng một chính quyền không tham nhũng và hiến mình cho sự nghiệp giành lấy nền độc lập quốc gia đích thực". Các nhà làm chính sách Mỹ có thể nhìn thấy những thiếu sót về cá nhân của người đàn ông này, như tính ương ngạnh, ưa gây bức dọc của ông, nhưng trớ trêu thay, "chỉ một chính quyền thuộc loại như ông Diệm mới xứng đáng với sự hỗ trợ của chúng ta - mới có nhiều cơ hội đứng vững". Viện trợ của Mỹ cho Việt Nam Cộng hòa trong năm tài khóa 1955 lên tới 77.500.000 Mỹ kim. Một ít trong số tiền đó dùng để giúp đỡ dân tị nạn; một ít dùng để hỗ trợ chuyên môn về giáo dục, y tế, và quản trị công. Nhưng phần lớn là để giúp ông Diệm tranh thủ sự ủng hộ của đông đảo công chúng vào một hệ thống chính quyền không Cộng sản. Số tiền viện trợ

sau đó chỉ có tăng lên mà thôi. Vị nguyên thủ mặt tròn nhỏ con đã sắp sửa trở thành người đàn ông mà tạp chí Life tung hô là "Người Đàn Ông Cứng Rắn Kỳ Diệu của Đông Nam Á". [20](#)

Những nét tiểu sử tổng quan của Diệm trích từ The Last of the Mandarins: Diem of Vietnam - Vị Quan Cuối Cùng: Diệm Của Việt Nam của Antoine Bouscaren, (Pittsburgh, PA: Duquesne University Press, 1965); Anne Miller, And One for the People - Và Một Người Của Nhân Dân (bản thảo chưa xuất bản dựa trên những cuộc phỏng vấn với Diệm và gia đình, 1955), Douglas Pike Collection, Texas Tech University, Virtual Vietnam Archive, Box 5, Folder 2; Miller, "Vision, Power and Agency"; Denis Warner, The Last Confucian: Vietnam, Southeast Asia and the West - Nhà Nho Cuối Cùng: Việt Nam, Đông Nam Á Và Phương Tây (Baltimore: Penguin Books, 1964).

1 Miêu tả về vụ đánh xuống phi trường, xem Miller, Misalliance, 1-4.

Với quyền sách này tôi đã chọn theo cách nói chuyện của người Mỹ đương thời gọi quốc gia nằm dưới vĩ tuyến mười bảy là Nam

3 Việt Nam, bất chấp sự kiện chính quyền Nam Việt Nam đã chính thức dùng tên Việt Nam Cộng hòa (RVN) để chỉ vùng đất họ đang kiểm soát và cai quản.

Muru đồ chính trị của Diệm với Việt Minh trích từ Miller, Ascent, 437- 441. Cuộc nói chuyện giữa Diệm và Hồ Chí Minh được kể lại

4 trong Higgins, Our Vietnam Nightmare, 157-158, và trong Bernard Fall, The Two Vietnams: A Political and Military Analysis (New York: Frederick A. Praeger, 1963) 240. Tình tiết bước ra khỏi những cánh cửa mở toang là từ Caillou Blanc, 74 của Madame Nhu.

5 Tuyên bố năm 1949 của ông Diệm trong Ascent, 441 của Miller.

6 Du Berrier, Background to Betrayal.

7 Ellen J. Hammer, A Death in November: America in Vietnam - Một Cái Chết Vào Tháng Mười Một: Người Mỹ ở Việt Nam, 1963 (Oxford: Oxford University Press, 1988), 60-61.

8 Hammer, A Death in November, 23.

9 US Army Saigon to Department of Army, Washington, D.C, 23/10/1954.

10 Nỗi căm ghét mù quáng của Nhu và sự đe dọa của Diệm đối với Bảo Đại trích từ hồ sơ mật của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, 4 tháng 7 năm 1954, từ Sài Gòn, văn kiện số 44207.

Về tình bạn của Virginia Spence và Harwood, xem Thomas Ahern, CIA and the House of Ngo: Covert Action In South Vietnam, 1953-63, 2000, được phép công bố vào năm 2009, <http://www.scribd.com/doc/57818376/Vietnam-Declassified-Doc-1-CIA-and-the-House-of-NGO>.

11 Bà Nhu kể điều này cho Charlie Mohr trong suốt tám tiếng phỏng vấn về tiểu sử sơ lược của bà "Queen Bee", trên Time, 9 tháng 8, 1963, 23.

Về chiếc limo do Lansdale cầm lái, xem Robert Shaplen, The Lost Revolution: The Story of Twenty Years of Neglected Opportunities In Vietnam and of Americas Failure to Foster Democracy There - Cuộc Cách Mạng Thất Bại: Câu Chuyện Về Hai

13 Mười Năm Của Những Cơ Hội Bị Bỏ Lỡ Ở Việt Nam Và Sự Thất Bại Của Mỹ Để Thúc Đẩy Nền Dân Chủ Ở Đó (New York: Harper and Row, 1965), 103; để có câu chuyện theo lời kể của chính Lansdale, xem "Phỏng vấn Edward Geary Lansdale, 1979 [phần 1 chương 5]", 31 tháng Giêng, 1979, WGBH Media Library and Archives.

14 Miller, Misalliance, 5.

15 Memo for the record, Gen. Joe Collins comments 4/22/55 DE Library White House Office OSANSA NSC series, Briefing Notes Indochina 1954.

16 SHAT Archives 10H 4195, Bulletin de Reseignements № 8312, 21 tháng 9, 1954.

17 Madame Nhu, Caillou Blanc; "Queen Bee", Time, 9 tháng 8, 1963; SHAT Archives Bulletin № 8312.

18 SHAT Archives 10H 4198, Vincennes Bulletin de Reseignements, № 96, 10 tháng 5, 1955.

19 Ed Lansdale viết thư cho James Nach, thư kỷ thứ hai của đại sứ quán Hoa Kỳ, Sài Gòn, tháng 6, 1972, Box 9, Edward Geary Lansdale Papers, Hoover, Institution Archives, Stanford University.

John Osborne, "Diem, the Tough Miracle Man of Vietnam: Americas Newly Arrived Visitor Has Roused His Country and Routed

20 the Reds - Diệm, Người Đàn Ông Cứng Rắn Lạ Thường Của Việt Nam: Vị Tân Khách Của Mỹ Đã Lay Tỉnh Quê Hương Và Đánh Tan Tác Người Cộng sản" Life, 13 tháng 5, 1957, 156.

Chương 9

ĐỆ NHẤT PHU NHÂN TRONG DINH ĐỘC LẬP

Gia đình ông bà Nhu đã dọn vào Dinh Độc Lập vào tháng Tư năm 1955, nhưng không có bà Nhu vì bà hiện vẫn đang ở Hồng Kông. Bà Nhu sống khá thoải mái. Bà được trao một căn phòng trong nữ tu viện Công giáo, có khá nhiều thời gian để trầm tư mặc tưởng và học tiếng Anh. Môi trường lai đã quen thuộc với bà. Hồng Kông là sự kết hợp giữa Trung Quốc và Anh Quốc, và mặc dù bà đã quen với một sự trộn lẫn văn hóa khác, Việt và Pháp, sự pha trộn Đông - Tây vẫn tạo cảm giác thân quen và dễ chịu. Các sơ ân cần, cũng như các em học sinh dễ thương ngoan ngoãn mỗi khi xếp hàng vào lớp và ra khỏi lớp đều dành một nụ cười bên lề cho vị khách thanh lịch đứng giữa chúng. Bà Nhu dành buổi sáng học tiếng Anh và đi bộ loanh quanh những khoảnh hoa hình ô van trong khu vườn của tu viện. Những buổi chiều của bà trôi qua một cách chậm chạp hơn với những giấc ngủ ngắn và việc đọc sách. Bà Nhu sử dụng những giờ tĩnh lặng xa gia đình để suy ngẫm về những việc làm của bà trong sáu tháng đã qua. Những gì mà bà đã xoay sở để đạt được quả thật là một kỳ công! Cuộc mít tinh đã bùng nổ thành một làn sóng ủng hộ thật sự dành cho ông Diệm. Sự thể hiện táo bạo là điều mà bà Nhu biết mình có thể làm, nhưng với người khác, đó là một điều đáng ngạc nhiên. Mặc dù có lẽ với ý định quả phạt, theo cách nghĩ của bà Nhu, sự trục xuất qua Hồng Kông này chứng minh rằng sức ảnh hưởng của bà đã được nhận ra.

Có lẽ ông Nhu và ba người con dọn vào Dinh trong thời gian vợ ông vắng mặt là vì ông muốn gần gũi với anh trai hơn, hoặc có lẽ ông hy vọng điều đó sẽ giữ cho gia đình ông an toàn. Nếu vậy ông đã lầm. Trong những đêm đầu tiên của họ ở ngôi nhà mới, một cuộc tấn công giữa đêm của băng Bình Xuyên vào dinh phủ đã đánh bật đôi bức rèm đồ sộ từ những cửa sổ mái trên tầng hai. Một mớ bùng nhùng những vải, lụa, gỗ, và vữa tường đã từ độ cao ba mét rơi xuống bé Quỳnh, con trai ba tuổi của ông Nhu. Nó gần như chết ngạt trước khi được cứu thoát và hồi tỉnh.

Bà Nhu kinh hãi khi nhận được tin tức. Nhưng chẳng những không coi tai nạn xém chết người như một điềm họa sắp xảy đến, bà xem việc gia đình dọn vào Dinh ở là một bước tiến. Họ đã dọn từ những ô cửa sổ có chấn song và mái tôn của Bệnh viện Saint Pierre vốn kêu lộp độp mỗi khi trời mưa vào một dãy phòng nằm ở cuối đại sảnh dẫn đến phòng của vị Tổng thống Việt Nam Cộng hòa.

Trước khi ông Diệm dọn vào và đổi tên thành Dinh Độc Lập, tòa nhà trát vữa vàng đã được gọi là Palais Norodom, đặt theo tên quốc vương Campuchia láng giềng và xây trên một đại lộ cùng tên. Dinh được dùng làm văn phòng và nơi ở của vị toàn quyền Pháp ở Đông Dương - một dạng Nhà Trắng thực dân Pháp. Được thiết kế bởi kiến trúc sư người Pháp Achille Antoine Hermitte, người đã xây dựng tòa thị chính vương giả của Hồng Kông, vẻ hùng vĩ của nó có ý chứng tỏ với người bản xứ quyền lực và sự giàu có vô cùng của Pháp quốc. Đá granite lát nền Dinh đã được nhập khẩu từ Pháp, cũng như những khối đá trắng mượt để chạm trổ những hoa văn trang trí mặt tiền. Chỉ những mặt nền ở gian trung tâm là bằng đá cẩm thạch; phần còn lại được lát gạch vuông, một sự nhượng bộ với khí hậu nhiệt đới của Sài Gòn. Dinh có hình chữ T, với hai dãy cửa sổ vòm cong thanh nhã dọc theo mặt trước, nhìn ra thành phố. Ở tầng một là những văn phòng và phòng tiếp tân chính thức; tầng hai là nơi ở của ngài Tổng thống và những căn phòng của gia đình ông Nhu. Phòng tiếp tân lớn và những phòng khiêu vũ liên kề nhau làm thành chân hình chữ T và nhô ra mảnh vườn cây lá sum suê.

Khi bà Nhu trở lại, bà thấy một căn phòng mà bà rất đổi ưa thích: những bức rèm nặng trĩu đã được

lắp lại và chặn gôi trên giường làm từ lông vũ, ga trải giường bằng lụa với một tấm màn trướng lớn, thảm trải sàn đẹp. Đồ đạc cực kỳ bóng loáng. Một đội quân giúp việc nhà sẵn sàng túc trực để đánh bóng lại ngay khi nó bị ố bẩn. Bà Nhu có thể mở toang những cánh cửa kiểu Pháp nhìn ra ban công rộng vào buổi sáng sớm để hít thở làn gió nhẹ. Mùi đồ ăn cay không còn suốt ngày vương vất qua cửa sổ như trước đây trong căn hộ ở ngang mặt đường của họ. Mùi dầu rán và gừng, thịt và tỏi ở lại trong nhà bếp, chỉ bay ra từ những chiếc đĩa đầy ắp được phục vụ trong phòng ăn vào giờ ăn. Bà Nhu hiểu rằng tất cả những điều này là do một cái gạt đầu của ông Diệm, anh chồng bà, thừa nhận những đóng góp của vợ chồng bà.

Nhưng bà Nhu không thấy hạnh phúc trong Dinh. Chỉ ít là ban đầu. Bà đang tìm kiếm ý nghĩa chân chính trong đời mình, và bà phải mất một thời gian trước khi nhìn thấy một bước tiến rõ ràng.

Trong vài năm đầu ở Dinh, Ngô Đình Diệm và chế độ gia đình trị của ông đã làm được rất nhiều việc. Một triệu dân lánh nạn đã được an cư ở miền Nam. Sản lượng gạo đã tăng từ 2,8 lên tới 4,6 triệu tấn. Sản lượng cao su tăng từ 66.000 lên 79.000 tấn. Những chương trình tín dụng nông nghiệp và cải cách điền địa đã phá bỏ những đồn điền thời thực dân, giúp người dân đầu tư công sức vào đồng ruộng của mình và nỗ lực đa dạng hóa cây trồng. Ba quốc lộ quan trọng đã được hoàn thành, hai trường đại học mới được thành lập, và sản lượng điện năng tăng gấp đôi đã đẩy nhanh tốc độ tái thiết cần kíp sau chín năm chiến tranh giành độc lập. Năm mươi một xí nghiệp sản xuất mới đã được xây dựng, nhiều nhất là trong ngành dệt, ngành mà người Pháp đã luôn luôn kiểm soát. Chi phí nhập khẩu của miền Nam Việt Nam đã giảm hơn 40 triệu Mỹ kim một năm, số tiền đáng kể với một quốc gia hãy còn rất nghèo. Nhưng tất cả những thành tựu này đã đạt được dưới sự che chở của viện trợ Hoa Kỳ - lên tới 150 triệu Mỹ kim mỗi năm trong năm năm, từ 1955 đến 1960. Con số này nghe có vẻ nhỏ nếu tính theo thời giá đô la hiện nay, nhưng đó là gần 15 phần trăm ngân sách viện trợ của Hoa Kỳ cho việc phát triển kinh tế và kỹ thuật của tất cả các quốc gia. ¹

Tin tức từ Sài Gòn đặc biệt đáng khích lệ khi so sánh với những thông tin ảm đạm có thể thu thập được về điều kiện sống dưới chế độ Cộng sản ở miền Bắc, vốn chịu đựng lũ lụt và đói kém triền miên. Lối khoa trương đậm nét dân tộc chủ nghĩa của Việt Minh đã quay ngoắt về phía tả sau Hiệp định Genève, phần nào vì Hà Nội đang nhận sự giúp đỡ từ Trung Hoa của Mao. Nhưng sự chuyển biến này bao nhiêu phần do áp lực từ Trung Hoa và bao nhiêu phần do khả năng lãnh đạo của Việt Minh để cuối cùng nó đã rũ bỏ mọi sự vờ vịt rằng nó là cái gì khác hơn một Đảng Cộng sản trong thực chất? Để củng cố quyền hành, những người Cộng sản phải đập tan quyền lực truyền thống của tầng lớp cai trị. Những chiến dịch "đấu tố" để thanh trừng khỏi hàng ngũ Việt Minh mọi thành phần "xấu" (tức giai cấp thượng lưu). Dân chúng được yêu cầu tố giác những hàng xóm, thậm chí các thành viên gia đình, và tình hình này đã dễ dàng bị lợi dụng cho những trò trả thù. Có những vụ xét xử, hành quyết và một chương trình tái phân phối ruộng đất gây đổ vỡ tan hoang. Không giống với những khoảnh đất rộng lớn ở miền Nam, ruộng đồng ở miền Bắc tương đối nhỏ hẹp. Ruộng đất được đo theo đơn vị gọi là mẫu - Ở miền Nam một người phải có năm mươi mẫu để được coi là địa chủ trong khi ở miền Bắc thì chỉ cần năm. Mức độ chênh lệch giữa người thuộc giai cấp này với giai cấp khác rất nhỏ bé, điều đó làm cho sự phân phối lại đất đai trở thành chuyện đầu đầu ngay cả với những điền chủ quy mô nhỏ. Nó cũng khiến cho những người hàng xóm quay ra chống đối nhau; người ta tìm cách hãm hại lẫn nhau vì những mối lợi nhỏ nhất.

Nhưng với tất cả những diễn văn say sưa của mình, ông Diệm cũng không lãnh đạo một quốc gia tự do. Bất kỳ cái gì giống với một nền dân chủ đích thực đơn giản chỉ là vẻ ngoài lòe loẹt giả dối. Theo những điều khoản của Hiệp định Genève năm 1954, sự phân chia Việt Nam thành hai quốc gia Nam -

Bắc với các thủ đô lần lượt là Sài Gòn và Hà Nội chỉ là tạm thời. Một cuộc Tổng Tuyển cử được dự định sẽ diễn ra vào năm 1956 ở cả hai miền đất nước để tái thống nhất chúng dưới sự lãnh đạo của một Tổng thống được chọn. Nhưng chính quyền Việt Nam Cộng hòa của Ngô Đình Diệm đã từ chối tổ chức Tổng tuyển cử với lý do rằng chính quyền Việt Nam Cộng hòa của Ngô Đình Diệm đã không thật sự ký vào Hiệp định Genève; họ đã chỉ được ban cho một địa vị quan sát viên, chế độ ông Diệm cũng cáo buộc rằng những người Cộng sản không có khả năng tham gia một cuộc bầu cử trung thực. Không chỉ có những người miền Bắc sống dưới chế độ Cộng sản đối mặt với vấn đề này; miền Nam vẫn là nơi ở của những du kích quân có vũ trang, cựu Việt Minh, những người Cộng sản trung thành và rút vào bí mật, chờ thời cơ để lại trời dậy. Chế độ miền Nam có một lý do tốt hơn nữa để không tổ chức bầu cử: Ông Diệm sẽ thua. Ông không cách gì có thể thắng được người đã dẫn dắt quân đội Việt Nam đánh bại người Pháp và đi đến nền độc lập. Hồ Chí Minh sẽ chiến thắng mọi cuộc tranh chấp về lòng mến mộ.

Vào tháng Mười năm 1955, ông Nhu đã giúp tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý ở miền Nam Việt Nam cho ông Diệm để truất phế cựu vương Bảo Đại mãi mãi. Trong một chiến thắng long trời lở đất, ông Diệm đã trút bỏ lớp vỏ bọc của mình như là Thủ tướng được Bảo Đại bổ nhiệm và trở thành quốc trưởng chính thức và Tổng thống đầu tiên của Việt Nam Cộng hòa. Sự chênh lệch hoàn toàn áp đảo - gần 6 triệu so với 63.000. Các báo cáo rò rỉ từ những điểm bỏ phiếu tiết lộ những thủ đoạn đe dọa và áp bức. Những phong bì đỏ, biểu thị một lá phiếu cho ông Diệm, đã được lén vào những thùng phiếu dưới cặp mắt những người giám sát của ông Nhu, và những kẻ bất tuân có nguy cơ bị ăn đòn. Ông Diệm được 98 phần trăm số phiếu, nhưng chiến thắng ở Sài Gòn của ông thậm chí còn gây sốc hơn: con số 605.025 phiếu của ông vượt qua số cử tri được đăng ký của thành phố đến hơn một phần ba. ²

Bà Nhu đã được bầu vào Quốc hội vào ngày 4 tháng Ba năm 1956. Bà cùng với 122 thành viên khác, hầu hết là nam giới, nằm trong cơ quan lập pháp của chính quyền mới. Bà Nhu phủ nhận việc chạy đua vào chức vụ này là ý của bà, khẳng định rằng một người nặc danh đã đề cử tên bà để đại diện cho những nạn dân miền Bắc mà bà đã bênh vực một cách "anh hùng", và bà chế giễu cái ý tưởng rằng bất kỳ cái gì khác ngoài niềm cảm phục thật sự đã thúc đẩy việc bầu cho bà. ³ Tuy vậy, có một kiểu mẫu dễ nhận thấy đến mức khó chối cãi. Những người nắm quyền kiểm soát Việt Nam Cộng hòa hoặc là thành viên gia đình họ Ngô hoặc có quan hệ với họ qua hôn nhân.

Cha của bà Nhu, Trần Văn Chương, được giao phụ trách lĩnh vực kinh tế và tài chính; sau đó ông và vợ được bổ nhiệm làm nhà ngoại giao và được phái đến Hoa Kỳ. Ông Chương là đại sứ Việt Nam Cộng hòa của chế độ ông Diệm, trong khi bà Chương là quan sát viên tại Liên Hiệp Quốc của Việt Nam Cộng hòa. Chú của bà Nhu phụ trách đối ngoại, em họ của cha bà làm Phó Tổng thống của ông Diệm, và chồng của chị gái bà, Nguyễn Văn Châu, là một trong những cố vấn được tin cậy nhất của ông Diệm trong một thời gian. Thanh thế mới của bà Nhu thậm chí đã đảm bảo một chiếc ghế cho em trai của bà, ông Khiêm. Em trai bà đã được nuông chiều, bao bọc và hư hỏng trong thời niên thiếu, và có lẽ vì vậy, ông đã là một sinh viên hải ngoại rất tệ. Ông theo học một trường ở Paris trong một thời gian nhưng bỏ học trước khi lấy bằng, sau đó cũng không hoàn tất nổi các lớp hàm thụ về ngành luật. Khi người Pháp rời khỏi Việt Nam năm 1954, ông Khiêm đang có một cuộc sống phóng túng du thủ du thực ở một vùng duyên hải Algérie cùng một người vợ Đức. Sự đời thật tẻ nhạt ngao lăm nổi: Đứa con trai mà ông bà Chương luôn nâng niu ấp ủ trở thành một nỗi thất vọng đến vậy, và người chị giữa của ông có lẽ là người đã làm xoay chuyển tình thế bằng cách gọi ông trở về Việt Nam và bổ nhiệm làm phát ngôn viên của Dinh Tổng thống. Khi vị tân Đệ nhất Phu nhân Việt Nam Cộng hòa vẫy tay, ông Khiêm chạy đến mau chóng, bỏ lại người vợ của mình phía sau. Việc xoay xở được một điều mà ngay cả mẹ cũng không thể làm ắt hẳn đã khiến bà Nhu rất lấy làm thỏa mãn.

Bên cạnh bản chất gia đình trị, chế độ họ Ngô còn phân biệt đối xử với những người không Công giáo. Thành kiến này có thể được giải thích hợp lý từ bối cảnh của những năm tháng tuổi trẻ - cộng đồng Thiên Chúa giáo đã cung cấp cho ông Diệm và Nhu một khối cử tri chống Cộng nhiệt thành - nhưng anh em họ Ngô đã đẩy nó đi tới chỗ cực đoan. Có những câu chuyện về những người cải sang đạo Công giáo chỉ để tranh thủ sự ủng hộ chính trị và được thăng tiến. Rào giậu xung quanh với các thành viên gia đình và những tín đồ Công giáo cùng khuynh hướng đồng nghĩa với chế độ này đang tự cách ly nó khỏi những người có quan điểm thật sự khác biệt. Nhưng đời sống chính trị ở Việt Nam luôn là như vậy ở một chừng mực nào đó. Nhiều thế kỷ trải qua nền quân chủ Việt và sự cai trị của thực dân Pháp đã để lại một di sản chính trị coi trọng sự tuân phục, và dưới thời Diệm, sự trung thành triệt để với một tư duy độc nhất càng được củng cố. Có một ý thức đã hằn sâu giữa những chính trị gia rằng sự bất đồng hoặc xa rời nguyên trạng, thậm chí là việc áp dụng sáng kiến, đưa đến rủi ro cho sự nghiệp. Những cố vấn Mỹ ở miền Nam Việt Nam đã gây áp lực với Diệm để mở cửa chính quyền của ông và tạo ra một môi trường đa nguyên chính trị, nhưng Diệm đã cự tuyệt. Có quá nhiều thứ để đánh mất. Cuộc hành trình đến với nền dân chủ sẽ là một hành trình bắt buộc và cam lạng. Chế độ nói nó cần sự ổn định trước khi nó có thể xây dựng một nhà nước mạnh mẽ. Bà Nhu đã biện luận những khuynh hướng hẹp hòi của nhà họ Ngô với ký giả người Úc Denis Warner, khi giải thích, "Nếu chúng tôi mở toang cửa sổ, không chỉ có ánh mặt trời, mà nhiều thứ tồi tệ cũng sẽ bay vào".

Một sự bất dung hòa đích thực sớm đã nổi bật lên giữa hình ảnh ông Diệm như một con người đạo đức chính trực và bầu không khí sợ hãi đã bắt đầu tràn ngập khắp Sài Gòn. Những người không hợp tác với chế độ đã bị bịt miệng bằng cách này hay cách khác. Họ có thể bị gởi đi xa, tới những vùng thân Cộng sản xa xôi hẻo lánh, nơi họ có thể bị giết hại. Họ có thể bị cảnh sát chìm bắt bớ và đánh đập hoặc bị giam cầm đến khi đã học được bài học của mình. Những tin đồn về sự tra tấn và bỏ tù lan truyền khắp nơi. Người ta không ngớt thán thở về cái tên của em trai ông Diệm: Ngô Đình Nhu.

John Phạm, vệ sĩ của ông Diệm, xác nhận nhiều nét thánh thiện đã được mô tả trong tiểu sử của ông Diệm. Ngài Tổng thống có một cuộc sống khổ hạnh như thầy tu. Những căn phòng riêng của ông trên tầng hai tòa cổ Dinh của Pháp có sàn gỗ trơn trượt, và giường ngủ của ông là một chiếc đệm rom. Chỗ ngủ của ông liền kề văn phòng, nơi ông trải qua hầu hết thời gian khi thức. Đồ đạc bao gồm một chiếc bàn cà phê tròn bằng gỗ và một chiếc ghế da mòn vẹt. Ông Diệm ăn tại bàn giấy trong khi làm việc qua những bữa sáng, trưa, và tối. Vào buổi sáng ông uống cà phê với đường và thường ăn cháo với cá kho (cá nhỏ).⁴ Những bữa trưa và tối của ông cũng rất đơn giản, gồm cơm và rau cải, thịt heo ba chỉ rán, hoặc một loại cá nào đó. Để tráng miệng, ông dùng hai trái bắp với đường. Ông Diệm có những sở thích giản dị; ông ăn gần như cùng một thực đơn trong mọi ngày với chỉ món cá thay đổi. Ông không uống rượu vang hay whisky, chỉ có trà nóng, nhưng ông hút thuốc liên tục, vừa tắt điếu này đã lại đốt điếu khác. Ông Diệm bập bập từng hơi ngắn và chờ cho tàn thuốc dài ra trước khi rảy vào gạt. Ông hút nhiều đến độ những ngón tay ám khói vàng ệch.

Ông Diệm ăn một mình trong hầu hết thời gian; những bữa ăn và giấc ngủ của ông rất thất thường vì giờ giấc làm việc của ông. Đôi khi ông nhịn ăn cho đến 4 giờ sáng. Từ chỗ của mình, ông có thể kéo một cái chuông để gọi nhà bếp. Hai hoặc ba người hầu được phân công túc trực suốt ngày đêm, nhưng ông luôn luôn rất rộng lượng với những người làm việc cho mình. John kể với tôi rằng ông Diệm thậm chí đã dùng tiền lương của mình cho các nạn dân để giúp họ ổn định cuộc sống.

Là người tận hiến cuộc đời cho quốc gia, ông Diệm không có thì giờ cho những mối quan hệ cá nhân bên ngoài gia đình mình. Ông là người đàn ông độc thân, nhưng từ này ngụ ý một lối sống thanh thoi vô tư lự vốn hoàn toàn không có trong tính cách của ngài Tổng thống Việt Nam Cộng hòa. Sự quyến luyến

cá nhân duy nhất của ông là với khu vườn. Sau khi làm việc, ông Diệm sẽ tản bộ qua những mảnh vườn tược của Dinh. Khi những chức sắc ngoại quốc thăm viếng, mang theo trái cây và những thứ cao lương mỹ vị như một món quà từ xứ sở họ, ông Diệm để dành phần ngon cho những vệ sĩ của mình; ông chỉ kêu họ đưa lại hạt để ông trồng chúng trong khu vườn của mình.

Người phụ nữ duy nhất ngoài Tổng thống gặp gỡ thường xuyên sống cách ông có một vài cánh cửa: vợ em trai ông, bà Nhu. Có một tin đồn rằng khi còn trẻ, ông Diệm đã đính hôn với một cô gái ở quê nhà ngoài Huế nhưng mọi chuyện đã chấm dứt khi ông quyết định theo đuổi hoạt động chính trị thay vì cuộc sống gia đình. Chính trị là một trò chơi nguy hiểm dưới thời Pháp thuộc, nhưng đó dường như vẫn là một lý do kém thuyết phục để không lấy vợ. Chánh văn phòng của ông Diệm nghĩ rằng ngoài Tổng thống chưa bao giờ có các mối quan hệ giới tính, và một bức tiểu sử sơ lược năm 1955 của ông Diệm trên tạp chí Time cho hay rằng ông đã "có lời thề sống trinh bạch từ lâu". Sự mô tả tính cách ông Diệm là "nhút nhát" và "không thoải mái" khi ở với phụ nữ có thể đã xui khiến vị chánh văn phòng của ông tiết lộ rằng ngoài Tổng thống thích giữ "những người đàn ông ưa nhìn xung quanh ông" thay vì phụ nữ. ⁵

Sự thật vẫn là ông Diệm cần một nữ gia chủ để giúp ông trong các nghĩa vụ xã giao, một người với sự duyên dáng trong giao tế và một nụ cười xinh xắn. Ông Diệm có thể đã lựa chọn một trong những em gái hoặc vợ của các anh hay em trai ông. Nhưng ông đã chọn bà Nhu.

Bà là người quan hệ rộng rãi, xinh đẹp, và thông minh, nhưng quan trọng hơn hết, bà đã có sẵn ở đó. Có lẽ bà Nhu đã luôn luôn dự định kết quả này. Vì gia đình ông bà Nhu đã sống trong Dinh, có vẻ như là điều khôn ngoan khi giữ cho vợ của em trai ông luôn bận rộn. Vị chánh văn phòng - người đã nhận xét rằng ông Diệm thích có những người đàn ông điên trai làm việc cho mình, đã mô tả mối quan hệ của ông Diệm với bà Nhu là khá thoải mái: "Bà duyên dáng, nói chuyện với ông, làm ông vui bớt căng thẳng, tranh luận với ông, châm chọc ông và như một người vợ Việt Nam, bà quán xuyến mọi việc trong gia đình". Ông ví mối quan hệ của Tổng thống Diệm với bà Nhu giống như giữa Hitler và Eva Braun vậy. ⁶

Vệ sĩ John Phạm không đồng ý. Ông kể với tôi rằng ông Diệm không hoàn toàn thích bà Nhu. Ông nghĩ cô em dâu của mình "trông như một quý cô nóng bỏng, quá huênh hoang". Mọi điều về tính cách phô trương của bà đều trái ngược với bản tính trầm lặng của ông Diệm, nhưng ông vẫn kiên nhẫn chịu đựng bà. Ông nhận ra rằng ông mắc nợ cậu em Nhu về tính cách thực tế chính trị của ông - về việc làm những điều cần phải làm nhưng có thể phương hại tới những chuẩn mực đạo đức khắt khe của ông. Theo quan điểm của John Phạm, ông Diệm không nói toạc những gì không hay về bà Nhu vì ông không muốn gây phiền hà cho em trai mình.

John nhớ lại với một nụ cười về cái lần ông nhìn thấy ông Diệm không thể dần lòng. Đó là vào tháng Mười năm 1956. Một tấm hình sắp sửa được chụp trước Dinh với tất cả những thành viên của chính phủ. Người thợ chụp ảnh đã mất nhiều thời gian để căn chỉnh mọi thứ đầu vào đó, vì bản thân sự sắp xếp những người đứng xung quanh Tổng thống là cả một sự thương lượng chính trị. Mọi thứ trong hoàn cảnh ngày hôm đó rất đổi căng thẳng. Bà Nhu thấy mọi người bị xao lãng tâm trí và đã lợi dụng khoảnh khắc này. Bà rón rén đi lên tầng hai của Dinh và đứng vào một trong những ô cửa sổ, xoay xở làm sao để lọt được vào khung hình. Khi tấm hình được rửa và đưa cho vị Tổng thống xem, ông Diệm điên tiết.

Khi tôi hỏi liệu có phải bà ấy không xứng để được xuất hiện trong khung hình, John trông có vẻ bối rối. "Bà ấy luôn muốn quá nhiều, quá nhanh", ông nói với một cái lắc đầu.

Mặc dù vẫn bị bủa vây bởi sự đầu đá chính trị và những thách thức từ băng Bình Xuyên và những giáo

phái tôn giáo, ông Diệm và chế độ mới của ông là những cực cùng của thế giới chống cộng tự do. Hiểu theo nghĩa như vậy, họ có một thể diện ngoại giao rất cao để gìn giữ. Ở Dinh đã diễn ra những bữa tiệc tối và lễ tiếp tân bất tận, bao gồm những bữa tiệc chiêu đãi cấp nhà nước phức tạp dành cho các nhà ngoại giao đến viếng thăm. Những khoảnh vườn trong công viên đằng sau Dinh treo đèn kết hoa, và những lối đi lung linh bởi những lồng đèn giấy. Sau khi những vị khách mời đi hết con dốc đôi dẫn vào sảnh đường, bà Nhu chào đón họ với một nụ cười duyên dáng và chìa bàn tay đeo gang thon thả. Tiếng nhạc Việt truyền thống và những chiếc ly lanh canh họa theo khi bà sánh bước với ông Diệm quanh phòng, hòa lẫn vào giữa các thành viên của ngoại giao đoàn và dừng lại tán gẫu với các vị khách danh dự trước khi ngồi vào chiếc ghế bà chủ tiệc đẩy thanh thế và cực kỳ nổi bật tại bàn ăn bài trí trang nhã.

Bà đã thực hiện ngay lập tức những bổn phận của một Đệ nhất Phu nhân, như mở những trường tiểu học mới, tổ chức những cuộc triển lãm hoa, và viếng thăm các trại mồ côi ở khắp miền Nam. Bà Nhu đã sắp xếp một bữa tiệc chiêu đãi khổng lồ tại Dinh cho hơn 1.000 học sinh và đi chu du khắp thế giới trong sứ mệnh ngoại giao. Tại một bữa tiệc tối dành cho gia đình Nhu ở Rangoon được chiêu đãi bởi Thủ tướng Miến Điện, bà đã tán gẫu với vợ của nhà lãnh đạo, bà U Nu, về niềm say mê các loài hoa. Khi bà Nhu đã sẵn sàng rời khỏi Rangoon trên một chuyên cơ không lực Việt Nam bay về lại Sài Gòn, họ nhìn thấy trên máy bay một món quà đặc biệt từ vị nữ chủ nhân: một cây hoa giấy Burma đang trổ nhiều hoa trắng dành cho bà Nhu để bà trồng trong vườn.⁷ Ở Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Pháp, và Áo, bà được đại diện của những hội phụ nữ chào đón. Bà Nhu thậm chí đã bằng cách nào đó gọi cuộc trò chuyện với vị đại biểu Nga tại Liên minh Nghị viện Thế giới khi họ phát hiện từng ngồi gần nhau ở Brazil. Vị đại biểu người Nga, bà Lebedeva, là một phụ nữ chắc nịch được biết đến với cách xử sự lỗ mãng, nhưng bà Nhu đã cuốn hút bà ta vào một cuộc tranh luận ở Pháp về nhu cầu kinh tế của sự đầu tư nước ngoài. Và ở Washington, D.C, nhân một chuyến viếng thăm bán chính thức cùng chồng vào tháng Ba năm 1957, bà Nhu đã được mời ăn trưa ở Thượng viện. Bà quan sát những thượng nghị sĩ tranh giành nhau một chỗ ngồi tốt tại bàn và nhận xét với người ngồi sát bên về cái vẻ cực kỳ trẻ con của nghi thức bữa trưa này. Vị chính khách nghe được lời bình luận của bà và cười xòa là một thượng nghị sĩ trẻ từ Massachusetts, John F. Kennedy.

Nhân viên CIA hộ tống ông bà Nhu, người bạn cũ của họ, Paul Harwood, nhớ lại rằng bà Nhu đã gây một tí vết duy nhất trong một chuyến đi đáng ra đã rất thành công. Bà đã "chè chén say sưa" giữa bao cặp mắt chú ý của Allen Dulles và những nhân sĩ từ Bộ Ngoại giao và Quốc phòng trong một bữa tiệc tối chiêu đãi tại Cầu lạc bộ Alibi, một ngôi nhà gạch ba tầng cách Nhà Trắng vài khối nhà. Tư cách thành viên ở đây vẫn giới hạn trong thành phần tinh túy nhất - năm mươi người quyền lực nhất Washington - và những thành viên mới chỉ được nhận vào sau khi một thành viên cũ chết. Có lẽ bà Nhu đã say sưa quá trớn với thanh thế của mình, vì lẽ đó chồng bà đã không hài lòng với bà. Ông không vui với sự phô bày vẻ yêu kiều, duyên dáng, và sự thông thạo tiếng Anh của vợ. Bà đã là ngôi sao của buổi tối - và ông Nhu ắt hẳn đã coi đó là chuyện nhắm vào cá nhân ông. Theo quan điểm của Harwood, bà "không phải là vấn đề, mà là một chuyện giật gân".⁸

Ông Nhu có vẻ như đã nghiêng theo quan điểm của những người chỉ trích vợ mình. Những người không thích bà Nhu nói rằng bà đang lợi dụng sự xa lạ với phụ nữ của ông Diệm. Vậy thì còn căn cứ nào nữa để ông phải nghe bà? Bà có thể làm cho bộ ngực phập phồng vì xúc động. Bà có thể đá lông nheo. Ngôn ngữ thân thể của bà hiệu quả đối với ngài Tổng thống, họ nói, hơn cả một kho vũ khí. Bà có những phương thức khác tùy nghi sử dụng mà ông không biết phải đối phó cách nào, như những cơn hờn dỗi và vui giận thất thường. Đồng thời họ buộc tội bà lợi dụng sự nữ tính của mình như một thanh gươm bén, họ nói bà cũng có thể dùng nó như một chiếc khiên để đỡ gạt những luận điệu cho rằng bà mới là người đàn ông đích thực trong gia đình.

Bà Nhu đã học cách nhún vai coi khinh sự soi mói. Bà có những chuyện hay hơn để làm, thay vì lo lắng người khác nghĩ gì về bà. Bà đang dốc lòng tạo dựng cho mình một vai trò trong chính quyền, một vai trò hơn cả việc được phục vụ như một nữ chủ nhân xinh đẹp.

Những người Cộng sản ở Việt Nam đã tìm mọi cách khơi dậy ý thức chính trị nơi nữ giới, hứa hẹn với họ rằng họ có một mục đích và nhắc nhở họ về việc xã hội phong kiến cổ xưa, chưa nói đến xã hội thực dân, đã ngược đãi họ như thế nào. Họ cũng đã cho phụ nữ những công việc thật sự để làm. Sự nghiệp Cộng sản coi trọng sự đóng góp của họ và mở rộng lời hứa về sự bình đẳng - một lỗ hổng toang hoác trong những diễn văn khoa trương cách mạng của anh em họ Ngô. Những nữ cán bộ tin theo sự nghiệp Cộng sản đã vào ra các ngôi làng một cách dễ dàng, tuyên truyền giữa nơi họp chợ như thể họ chỉ đơn giản đang tán chuyện tâm phào với bạn bè hay đang mua đồ về cho bữa ăn gia đình. Trên thực tế họ đang kích hoạt một mạng lưới bộ binh. Những người phụ nữ này là chuỗi cung ứng của cái mà về sau sẽ trở thành Mặt trận Giải phóng Dân tộc. Học giả nghiên cứu về Việt Nam Douglas Pike đã hoàn toàn thể hiện sự kính trọng khi ông gọi những người phụ nữ này là "những con trâu của cuộc cách mạng". ⁹

Bà Nhu đã quyết nhận trách nhiệm đua tranh với những sự tiến bộ mau lẹ mà những người Cộng sản đang thực hiện cho người phụ nữ. Nếu họ giải phóng phụ nữ, bà cũng sẽ làm vậy. Bà Nhu chỉ có một lý do duy nhất để tự coi mình là một chuyên gia về chủ đề này: bà cũng là một phụ nữ. Bà sẽ kêu gọi những người giống như mình chung tay hành động. Nhưng vấn đề của bà lại chính ở điểm này. Bà Nhu không bao giờ là một phụ nữ Việt Nam điển hình. Bà nói tiếng Pháp tại bàn ăn và dạo quanh thành phố trong một chiếc xe hơi có tài xế riêng. Chuyến đi bị cưỡng ép bởi người Cộng sản qua vùng nông thôn đã là một sự gian khổ ghê gớm đối với bà, nên bà đơn giản không thể sẻ chia những kinh nghiệm của những người phụ nữ đã gánh chịu quá nhiều nổi bất công dưới chế độ thực dân và quá nhiều đau khổ trong những thập niên đói kém và chiến tranh trước đó.

Bà Nhu tuy vậy vẫn nỗ lực. Bà đã dùng cương vị đại biểu Quốc hội để hứa với "các chị em" rằng bà sẽ chăm sóc cho họ. Bà sẽ làm cho tiếng nói của họ được nghe thấy và bảo vệ họ. Vào tháng Mười năm 1957, bà Nhu đã đưa ra bộ luật Gia Đình. Khi có hiệu lực vào tháng Sáu năm 1958, nó đặt ra ngoài vòng pháp luật tục lệ đa thê và việc lấy vợ lẽ. Nó cũng cho phụ nữ quyền kiểm soát tài chính của họ sau hôn nhân; họ có thể mở tài khoản ngân hàng, sở hữu của cải, và thừa kế tài sản. Những tiếng cầu nhàu từ một vài thượng nghị sĩ nam đồng nghiệp của bà Nhu là điều được chờ đợi. Họ nói những quyền mới này dành cho phụ nữ là quá nhiều và quá sớm. Sẽ có "sự chọn lọc lâu dài" tại nhiều điều khoản khác nhau của dự luật. Bà Nhu đã nêu giả thuyết là những vị nam đồng nghiệp của bà sợ dĩ chống lại bộ luật này là vì họ muốn giữ lại những thê thiếp của mình, và có tin đồn rằng bà đã gọi vị Chủ tịch Quốc hội là "con lợn". Có một lúc người ta đã đưa ra đề nghị trì hoãn bộ luật đã được đề xuất, nhưng không ai có khả năng chống đối bà Nhu đủ lâu. Khi bà khẩn khoản yêu cầu ông Diệm, ông dùng tư cách Tổng thống gây áp lực lên cơ quan lập pháp, và Luật Gia Đình đã được phê chuẩn với chỉ một đại biểu duy nhất chống lại. ¹⁰ Có vẻ như đại đa số dân chúng Việt Nam hoan nghênh một pháp chế cải thiện thân phận người phụ nữ trong Bộ luật - ngoại trừ một điều. Bộ luật của bà Nhu cũng cấm ly dị. Mục nhỏ này đã khiến cho toàn thể bộ luật bị nhiều người phê phán vì lẽ, như một người hóng chuyện ngôi lê đôi mách bất chợt nhất ở Sài Gòn biết rõ, bà Nhu có một câu chuyện riêng tư quan trọng trong vấn đề này.

Chị của bà Nhu, Lệ Chi, đã sống trong một cuộc hôn nhân không tình yêu.

Cha mẹ của bà đã lựa chọn Nguyễn Hữu Châu, một luật sư trẻ đang lên làm việc cho ông Chương ở Hà Nội, làm chồng bà. Đôi vợ chồng trẻ đã kết hôn năm mười bảy tuổi. Nhưng sự cộng tác với người

Nhật của ông Chương đã đẩy sự nghiệp người con rể mới của ông vào nguy hiểm; để tồn tại về mặt nghề nghiệp, anh ta đã phải lẩn lút trong cảnh tăm tối. Phải chăng Lê Chi đã bức bối với việc em gái bà đã có cuộc hôn nhân tốt hơn? Ông Nhu, nguyên là quản thủ thư viện, giờ đây là người điều hành quốc gia trên thực tế. Bà Nhu đã đảm bảo sao cho mọi họ hàng của bà đều có vị trí trong chính quyền mới. Ông Châu giờ đây đang cặm cụi soạn thảo luật pháp cho chế độ mới, tiếp nhận mệnh lệnh từ cô em gái của Lê Chi. Thay cho lòng biết ơn vì chồng đã được chiếu cố, Lê Chi cảm thấy phẫn nộ vì bà đã bị làm lu mờ. Có lẽ đó là lý do vì sao bà ít nỗ lực đến vậy trong việc giữ bí mật chuyện ngoại tình của mình.

Tình nhân của Lê Chi là một người đàn ông Pháp, một thợ săn thú rừng tên Etienne Oggeri, người đã giết nhiều voi ở vùng cao nguyên Việt Nam để lấy ngà, cũng như là nhiều hổ và min, một loài bò rừng nặng nề ở Đông Nam Á. Ngay khi bắt đầu gặp người phương Tây, Lê Chi đã thay đổi vẻ ngoài của mình. Bà dùng son môi sáng màu và đánh phấn mí mắt màu trắng để làm cho đôi mắt trông to hơn. Và thay vì vắn tóc theo mốt của những quý bà trong xã hội Sài Gòn, bà đã để xõa thành một mái tóc thẳng, dài, và mượt mà. Theo ý bà Nhu, đó là một hành xử đáng xấu hổ và không thể chấp nhận từ một người thân cận với Dinh Tổng thống đến như vậy.

Đài Catinat đã ngay lập tức khai thác câu chuyện. Đó không phải một đài phát thanh thật sự mà chỉ là cách nói giễu cợt về những trận huyền thoại không ngớt lan truyền khắp Sài Gòn. Những lời đồn đãi rộ lên trong những nhà hàng và quán bar trên đường Catinat cũ; trong một chớp mắt chúng truyền sang nhiều đôi tai, đôi môi, khi những kẻ ngồi lê đôi mách di chuyển từ ghế này sang ghế khác trong quây bar. Bà Nhu và gia đình bà là một đề tài được ưa thích. Có vẻ như mọi người đều đưa ý kiến về việc liệu bà Nhu có ngủ với ông Diệm không. Một số nêu giả thuyết rằng bà giống mẹ của mình hơn, chuyên mời chài những người Mỹ mà hình như đã bất thành linh hiện diện khắp nơi. Họ chĩa vào số tiền viện trợ đang đổ vào những két bạc của Việt Nam Cộng hòa như là bằng chứng rằng những ân huệ xác thịt của bà được đền bù. Thậm chí còn có một câu chuyện rằng một vị tướng lãnh trẻ tuổi đã từng là một trong những nhân tình của bà Nhu đến khi vợ anh ta phát giác ra và bắn bà Nhu trúng cả hai cánh tay. Dường như không có ai bận tâm tới chuyện bà Nhu không hề có vết băng bó nào.

Thoạt đầu, Dinh Tổng thống đã cố gắng chặn đứng những chuyện ngồi lê đôi mách. Họ đăng những thông cáo trên báo chí và công khai phủ nhận mọi cáo buộc từ tham nhũng cho tới những mối tình tay ba. ¹¹ Nhưng bà Nhu không thể làm ngừng lại những lời đồn đại. Bà than thở về điều đó với Charlie Mohr của tạp chí Time: "Nếu một người đàn ông được thăng chức và anh ta không quá xấu trai, người ta liền nói, 'Một gã được bà Nhu che chở.'" Nhưng việc thanh minh cho từng lời đồn đoán dường như chỉ làm thổi bùng thêm ngọn lửa, vì vậy vợ chồng bà Nhu dừng lại. Bà Nhu tự dặn mình không quan tâm.

Nhưng mớ bong bóng với Lê Chi là một vấn đề thực sự đối với bà Nhu. Bà có thể đã bớt lo lắng đi chút ít nếu chỉ bà không tuyên bố Etienne Oggeri không chỉ là một cuộc vui thoáng qua. Lê Chi khẳng định ông ta là tình yêu của đời bà. Chồng bà, từng là một thành viên được trọng vọng trong nhóm giặt dây của chính quyền, đã mất tất cả uy tín và lòng tự trọng; bị tước bỏ mọi ảnh hưởng, ông đã bị giáng cấp làm một công chức bình thường. ¹² Giờ đây ông muốn một vụ ly dị, và điều đó đặt ra một mối đe dọa - ông Châu biết quá nhiều về những hoạt động trong đảng chính trị của ông Nhu, cách thức nó vận hành, và nó được tài trợ ra sao. Người ta kháo nhau lời đồn đoán rằng bà Nhu muốn cấm việc ly dị để ngăn ông Châu nói những điều có hại cho gia đình.

Tuy nhiên, công chúng không biết rằng cuộc hôn nhân của bà Nhu đang đến hồi rạn nứt. Với người bàng quan, vợ chồng bà Nhu là một cặp đôi quyền lực ghê gớm, nhưng nổi thất vọng cá nhân của bà

Nhu đã thám hiểm những trang nhật ký mà bà bắt đầu viết từ năm 1959.

Tôi để ý tới quyển nhật ký vào tháng Tám năm 2012, khi James Văn Thạch, một đại úy về hưu của quân lực Hoa Kỳ, đã bắt liên lạc với tôi. Ông trạc tuổi tôi, sống ở Bronx, và đã tìm thấy tôi qua Google search. Giống như tôi, James quan tâm đến lịch sử chiến tranh Việt Nam, nhất là câu chuyện về bà Nhu.

Tôi đã hoài nghi khi James nói với tôi rằng anh có quyển nhật ký của bà Nhu. Việc một quyển nhật ký năm mươi tuổi giờ đây xuất hiện trong tay một cựu đại úy quân lực Hoa Kỳ ba mươi sáu tuổi ở New York có vẻ, chà, hơi lạ thường. Hơn nữa, bà chưa bao giờ đề cập về nó.

Tuy vậy tôi vẫn đến nhà song thân của James ở Queens. Đó là một ngôi nhà phố có mặt tiền phẳng với lớp vữa ngoài màu nâu khác lạ. Con bão Sandy đã quét qua vùng lân cận hai tuần trước nhưng chỉ làm thiệt hại có ba cây xanh ở đây. Những đám người vẫn đang ở ngoài trời dọn dẹp đồng ngổn ngang. Cha của James ở đâu không thấy khi tôi bước vào cửa. Là một cựu quân nhân Mỹ, giờ đây ở tuổi bát tuần, ông đã có hai chuyến đi đến Việt Nam, nơi ông đã gặp mẹ của James. Bà trẻ hơn ông, chỉ mới qua tuổi sáu mươi. Bà thật sự đã bước cách quãng xuống những bậc tam cấp để gặp tôi nhưng rung mình ớn lạnh khi gió luồn qua những khe hở chiếc áo len mỏng manh của bà. Bà cao hơn hầu hết phụ nữ Việt Nam một cái đầu, với mái tóc đen dài xõa xuống vai. Những móng tay của bà được sơn phết, và đôi môi cong, mềm mại như vẽ lại những đường nét bên dưới chiếc áo len dài tay. Hồi còn thiếu nữ, bà đã từng là một vận động viên nhảy cao trong đội Olympic Việt Nam Cộng hòa trước khi bà rời Việt Nam năm 1974. Bà đi vừa đúng lúc. Miền Nam đã thất thủ trước miền Bắc không đầy một năm sau khi bà ra đi, và phải mất một thập niên làm giấy tờ trước khi bà có thể bảo lãnh những thành viên khác trong gia đình và đưa họ rời đi.

James đã không, hoặc không thể, giải thích nhiều về việc làm thế nào anh có quyển nhật ký, nhưng nó có gì đó liên quan đến những thành viên trong gia đình đã phục vụ trong lực lượng cảnh sát Việt Nam Cộng hòa năm 1963. James lắc đầu, từ chối kể bất kỳ chi tiết chính xác nào hơn với tôi ngoài câu "Tôi đã đến tuổi trưởng thành, và tôi có quyển nhật ký". Tôi không chắc liệu là anh ta sợ đâm đầu vào rắc rối khi cho tôi biết nơi anh tìm được quyển nhật ký hay đó chỉ do căng thẳng mà thôi. James đã kể với tôi rằng việc có nó trong tay khiến anh bồn chồn bất an: "Cứ như thể tôi mang tấm bia mục tiêu trên lưng mình". Anh không đọc được nó - nó viết bằng tiếng Pháp - nhưng anh hy vọng tôi sẽ cho anh biết những trang viết nói gì.

Tôi thật khó mà tưởng tượng được James có thể sợ sệt bất kỳ cái gì. Anh có một dáng dấp nhà binh mạnh mẽ, với chiều cao 1,88m và cuộn cuộn cơ bắp, nhưng những lần bị thương ở Iraq và Afghanistan đã khiến anh bị tàn tật suốt đời. Anh bị hành hạ bởi những cơn đau nửa đầu và mất trí nhớ ngắn hạn do chấn thương sọ não, bị tổn thương dây thần kinh, và rối loạn căng thẳng sau sang chấn. Bất chấp những điều đó, James có vẻ tràn trề hy vọng vào tương lai. Những khoản tiền từ lương hưu và trợ cấp tàn tật sẽ được gửi đến hàng tháng và anh có thể xoay sở ổn thỏa. James lái chiếc xe tải Mercedes màu trắng và mang một chiếc cặp da Louis Vuitton bên tay không cầm gậy. Anh đưa mẹ đến một tiệm xoa bóp gần bên và đổ mặt nói về một chuyến đi sắp tới về Việt Nam cùng đi anh để gặp gỡ một cô em họ xa: cô ấy chỉ mới mười bảy, nhưng những việc như thế này thế tất phải làm vì đó là cách thức truyền thống Việt Nam, anh giải thích.

James cho phép tôi xem lướt qua quyển nhật ký tại một quán cà phê Starbucks trên đại lộ Jamaica. Nó có cỡ chừng 13 X 18cm, kích cỡ hoàn hảo để đút nhanh vào ngăn kéo bàn sau khi ghi đôi dòng trong ngày và đủ nhỏ để nhét vào dải thắt lưng bộ đồng phục để đưa lên ra ngoài Dinh. Giấy cạc tông ô vàng do thời gian tạo thành bìa trước và bìa sau, được buộc lại bởi một băng vải mà mỗi lần lật sang trang

mới liền như muốn rút khỏi gáy sách. Nét chữ thảo nghiêng sang phải choán đầy ba trăm trang giấy bằng thứ mực viết máy màu nâu, mực bút bi xanh, và đôi chỗ là bút chì. Một vài mực trông như đã được viết bằng bút chì sáp đỏ, loại mà mẹ tôi dùng để đánh dấu đồ khâu vá của bà. Nhưng tất cả đều hoàn toàn khớp với nét chữ viết tay của bà Nhu. Để cho chắc, tôi đã kiểm tra chéo những thời điểm, nơi chốn nhất định mà tôi biết bà đã ở đó, những sự việc và những người mà tôi biết bà đã gặp. Ông Nhu, ông Diệm, và các con là những nhân vật chính trong câu chuyện của bà Nhu kể từ tháng Giêng năm 1959 cho đến mực cuối cùng vào tháng Sáu năm 1963. Quyển nhật ký này của bà, tôi chắc chắn.

Quyển nhật ký này ắt hẳn là nơi bà Nhu trút nỗi lòng mà không phải đối mặt với sự chỉ trích hoặc áp lực sống theo những kỳ vọng. Bà ắt hẳn đã ở vào thời kỳ đẹp nhất đời mình khi bà khởi sự quyển nhật ký như một Đệ nhất Phu nhân. Là người mẹ trẻ quyền rũ và xinh đẹp của ba đứa con, bà tìm thấy sự thoải mái trong hầu hết những sự việc thường nhật. Bà Nhu yêu những bộ phim Hollywood và tiểu thuyết Nga. Bà thích đi nghỉ lễ với các con ở miền biển và miền núi. Bà sợ bị già nua; bà sợ cuộc đời trôi qua lạnh lùng. Và trong những trang viết nguệch ngoạc, bà để lộ nỗi bất hạnh của cuộc sống làm vợ ông Nhu.

Bà Nhu đã hy vọng những vấn đề hôn nhân giữa họ sẽ tốt lên một khi họ đã sống với nhau trong Dinh. Lần đầu tiên trong cuộc hôn nhân của mình, bà đã có thể chờ đợi chồng về nhà. Ông đã làm việc cật lực để đưa anh trai vào Dinh Tổng thống, và bà Nhu cảm thấy bà đã chứng tỏ giá trị bản thân với chiếc ghế trong Quốc hội và với tư cách bà chủ nhà của ông Diệm. Bà đã chờ đợi mọi thứ khác bắt nguồn từ đó: sự hỗ trợ về tình cảm, tình yêu xác thịt, rằng ông Nhu sẽ bỏ thuốc lá và tử tế với bà. Nhưng điều đó không đến, đã có những cuộc cãi vã hung bạo và những cánh cửa đóng sầm. Bà Nhu đã chán ngán việc phải ngoan ngoãn chờ đợi chồng, bà nói - vì lẽ ông không bao giờ gọi. Thoạt đầu bà không thể hiểu tại sao. Bà hãy còn trẻ trung và xinh đẹp. Ông Nhu ắt hẳn đã quá già để thích thú với điều đó, bà viết. Ban đầu, bà hình như thấy thương xót ông; sự thiếu quan tâm đến tình dục của ông là một mất mát của sự già nua. Nhưng trong những mực khác, bà Nhu bày tỏ nỗi buồn tủi cho bản thân mình; bà bị gắn vào đời một lão già bất lực và phải nghĩ ra những phương cách để làm dịu bớt "ngọn lửa ham muốn" hùng hực thiêu đốt. Có một bằng chứng sinh học cho thấy ông Nhu đã gần gũi bà ít ra một lần, vì bà Nhu lại mang thai năm 1959, nhưng điều đó dường như là một ngoại lệ trong cuộc sống cô đơn đầy thất vọng của bà. Khi bà Nhu mang thai đứa con út tháng thứ bảy, bà phát hiện ra ông Nhu rút cuộc vẫn có thể thức dậy ham muốn tình dục, nhưng là bởi ai đó khác.

Bà Nhu miêu tả chi tiết cuộc tranh cãi giữa họ khi bà đối chất với ông Nhu về tội ngoại tình của ông. Bà nổi xung thiên với ông, không vì tội ngoại tình cho bằng việc đã làm điều đó với một kẻ "thô tục" và "hèn hạ" đến như vậy. Bà Nhu không bao giờ viết tên cô gái trong quyển nhật ký, chỉ đề cập đến cô bằng từ "kẻ đó".

Ông Nhu đã biện hộ cho ông và người yêu: Cô gái ấy dịu dàng và tốt bụng, và "không hèn hạ - chỉ phải tội nghèo", và hơn thế nữa, cô không có gì giống với vợ ông, vì "bà làm tôi sợ", ông nói. Cuộc chiến tiếp theo thật khốc liệt, nhưng nó kết thúc, vài ngày sau, với một ghi chép lạnh lẽo. Bà Nhu và chồng bà đã đồng ý rằng cuộc hôn nhân của họ sẽ tốt hơn nhiều khi họ cách mặt nhau nhiều hơn.

Bà Nhu thấy mình nằm thao thức trên giường, cố nén những giọt nước mắt. Người đàn ông lạ lùng này sẽ ngủ với ai sau cô ta đây? Tình yêu như trên phim ảnh, tình yêu như những gì bà đọc thấy trong những quyển sách, sẽ chẳng bao giờ đến với bà. Để cứu vãn cuộc hôn nhân này, bà sẽ phải dùng giả vờ như nó từng khá hơn thế. Bà Nhu đã nghĩ bà có thể trói buộc ông Nhu với tuổi trẻ, sắc đẹp, sự duyên dáng xã giao của bà, hay thậm chí với việc bà là mẹ của các con họ, nhưng bà gần như là kẻ vô hình đối với ông trong Dinh Tổng thống. Thật sự thì không hề có cái nguy cơ rằng ông sẽ rời bỏ bà -

ông quá sùng đạo - và bà thì sẽ không rời khỏi ông. Vị trí của ông đăng sau ngai vàng đảm bảo sự an toàn cho bà, cho các con và gia đình mở rộng của họ. Không có ông, bà còn là cái gì?

Trong bối cảnh đó, lệnh cấm ly dị của bà Nhu có vẻ đáng trách. Bà không muốn người chị của mình thoát ra khỏi một cuộc hôn nhân bất hạnh nếu bản thân bà bị mắc kẹt trong đó. Một câu chuyện được tiết lộ rằng sau khi Lê Chi nghe nói về luật này bà đã lái xe đến Dinh với cổ tay bị cắt. Bà Nhu từ chối gặp bà; chuyện cần làm đã làm rồi, bà nói. Lê Chi chạy xồng xộc vào Dinh, nhổ máu xuống khắp nền sàn đá lát. Bà Nhu đã sai lính bảo vệ Dinh đưa chị đến bệnh viện và giam giữ bà ở đó.

Bà Nhu đã không viết về nỗ lực tự sát của chị bà trong quyển nhật ký, nhưng bà quả quyết rằng bà đã làm những gì phải làm để bảo vệ chị mình. Vị Tổng thống của quốc gia không thể bị dính líu đến một vụ tai tiếng như thế. Về sau, chị của bà Nhu đã kể lại với các ký giả các sự kiện theo cách nhìn của mình. Năm canh sát chìm ăn mặc như bảo vệ bệnh viện đã canh gác bên ngoài cửa phòng bà suốt ngày đêm. Bà đã viết một bức điện tín cho mẹ và thuyết phục một y tá thông cảm lên đưa nó ra ngoài bệnh viện. Mẹ bà từ Hoa Kỳ đã trở về để giải cứu Lê Chi và lợi dụng việc bà là mẹ của bà Nhu để bác bỏ ý muốn của Đệ nhất Phu nhân giam cầm Lê Chi trong phòng. Có vẻ như những người lính canh đã đủ cảm động, hoặc có lẽ họ thật sự lúng túng, để mặc cho người bệnh được đưa ra khỏi cửa bệnh viện.

Bất luận những sự kiện gì đằng sau câu chuyện này, chiếc máy phao tin đồn Sài Gòn không ngừng làm việc ngày đêm nhưng vẫn bỏ sót những dấu hiệu về một cuộc hôn nhân bất hạnh trong Dinh Tổng thống. Thay vì vậy người ta suy xét việc liệu bà Lê Chi đã bị tổng giam hay ở trong bệnh viện? Có phải bà Chương đã bay về từ Washington để lên đưa cô con gái lớn của bà ra khỏi đất nước? Phải chăng bà Nhu đã thật sự nói với chị mình, với hai cổ tay vẫn đang bị băng bó, "Tôi chỉ có một hối tiếc duy nhất - là chị đã không tự sát thành công"?

Dinh Tổng thống đã cố gắng làm cho tất cả chuyện đó trôi vào quên lãng. Mặc dù là một cố vấn giỏi trong nhóm giết dây của ông Diệm, chồng bà Lê Chi vẫn bị đuổi đi, đến Paris. Etienne Oggeri nhiều năm sau đã xuất bản một hồi ký khẳng định rằng bà Nhu đã sai ai đó tiêm vi-rút dịch tả vào người ông. Có lẽ đó là điều bà Nhu muốn nói khi bà viết rằng bà đã làm những gì phải làm.

Oggeri đã trải qua một thời gian trong nhà tù Việt Nam Cộng hòa trước khi được dẫn độ về Pháp, và từ đó ông đã theo chân chị bà Nhu đến Mỹ. Năm 1963, Tổng thống Diệm vẫn còn than phiền về Lê Chi; ông sợ bà ta "đang hành xử như một con điếm ở Washington", "gây tai tiếng ở Georgetown", và "thậm chí vồ vập những thầy tu". Nhưng ông không biết gì về tình yêu đích thực của bà. Lê Chi đã lấy người đàn ông Pháp, và mặc cho cái kết cục khủng khiếp đã xảy ra với những thành viên gia đình còn lại của bà, vợ chồng bà vẫn sống hạnh phúc bên nhau ở Bắc Carolina vào thời điểm những dòng này được viết. ¹³

Với việc ông Châu đã bị trục xuất đến Paris và Lê Chi dưỡng thương ở Mỹ, xi-căng-đan về vụ ly dị rốt cuộc đã chìm xuống yên ắng, và Luật Gia Đình vẫn không bị suy suyền. Đúng về mặt luật pháp, phụ nữ ở Nam Việt Nam có cùng những quyền như đàn ông. Phụ nữ có sự bình đẳng với chồng, cha, và anh. Nhưng trong Dinh thì không. Bà Nhu vẫn cảm thấy bất hạnh một cách sâu sắc. Những căn phòng âm ỉ - người người không ngớt chạy ra chạy vào, và những tấm trần cao và kích thước đồ sộ càng khuếch đại những tiếng ồn. Chẳng có mấy sự thanh bình bên trong, nhưng với bà Nhu, việc bước ra ngoài ở Sài Gòn đang trở nên ngày một khó khăn. Bà không thể chỉ cần khoác bộ đồ tắm và đi bơi tại Cercle Sportif với những phu nhân khác trong chính giới; bà cũng không thể chơi bài hoặc nói chuyện phiếm với bạn bè.

Edward Lansdale, sĩ quan tình báo Mỹ đã phát triển một mối quan hệ rất tốt đẹp với ông Diệm và

Nhu, đã nhìn thấy tình cảnh của bà Nhu trong bi kịch của Dinh Tổng thống:

Bà biết tất cả những thái độ xã giao cần có của một nữ chủ nhân trong một ngôi nhà giàu có và văn hóa. Vì vậy bà đã được đào tạo để trở thành một phu nhân thanh nhã biết cách mời mọc khách khứa và gọi những cuộc trò chuyện bên bàn ăn, có thể tiêu khiển bên cây đàn piano và sống cuộc sống đầy nét quyết rũ thanh bình. Bà đã lấy một người đàn ông trông như thể đây sẽ là cuộc đời dành cho ông... Bà bước vào một căn phòng trong dinh nơi mọi người tụ tập và hỏi liệu có ai thích nghe bà chơi dương cầm giữa cuộc hội họp không. Chồng bà thì bận bịu với anh trai, có một chuyện khủng khiếp nào đó đang diễn ra, có thể có những loại lính tráng nào đó chạy xồng xộc vào với những vấn đề hệ trọng và có thể là một tiếng chuông báo động rằng Dinh Tổng thống sắp bị đánh bom hay một cái gì đó rất khốc liệt đang xảy ra, một điều gì đó rất không hợp với các quý cô. Và những người đàn ông sẽ nói không, giờ chỉ cần để chúng tôi một mình. Vậy là bà không thể sắm vai trò đích thực mà bà đã được đào tạo cho cuộc sống sau này. ¹⁴

Sẽ dễ dàng hơn đối với bà Nhu khi bà hoàn toàn xa cách Dinh Tổng thống. Mỗi khi có thể, bà trốn tránh về miền sơn cước ở Đà Lạt và mơ mộng về một ngôi nhà trên núi bà sẽ xây ở đó, nơi bà có thể bơi trong bể bơi của mình, tản bộ trong khu rừng của mình, tìm được sự ẩn náu và tĩnh mịch mỗi khi cần. Đang khi giấc mơ đó vẫn được xây dựng và còn mất nhiều năm nữa, bà Nhu đã tận dụng một ngôi biệt thự Pháp nhìn ra bờ biển ở Nha Trang. Các con bà có thể chạy chân trần trên bờ biển, nô giỡn với sóng, và học câu cá.

Sau những trò vui, chúng chạy lại ôm mẹ, bà hít ngửi mùi hương của chúng. Chúng mang mùi của nước biển và mồ hôi và một cái gì ngọt ngào, có thể là những quả dưa trên bờ bãi, hoặc có lẽ đó chỉ là mùi của trẻ thơ. Nó là một cái gì cuộc sống ở Sài Gòn không cho họ nếm trải quá thường xuyên.

Điều duy nhất bà Nhu và chồng có thể đồng tình là mối quan tâm chung của họ dành cho các con. Lớn lên trong Dinh, "với quá nhiều kẻ hầu người hạ và không có bạn chơi cùng", là một tuổi thơ kỳ quặc, tuổi thơ mà họ lo lắng sẽ để lại những tác động lâu dài cho các con của họ. ¹⁵

Lệ Thủy sáng dạ nhưng nghiêm nghị. Điều đó khiến cô có vẻ cứng chặc hơn, buồn bã hơn là đáng vẻ của một cô bé mười ba nên có. Các em trai cô là cả một vấn đề nan giải. Trác nhút nhát và ủ dột ở trường; ở nhà nó cầu vẻo em trai Quỳnh và chọc thẳng nhỏ khóc. Nhưng Quỳnh, bà Nhu nhận xét, vẫn dễ thương, chạy đuổi theo anh trai và nài xin được chú ý, kể cả điều đó đến dưới hình thức của một sự ngược đãi. Bà đã cố nói chuyện với hai đứa con trai, cố thi hành kỷ luật với Trác, và cố khuyên Quỳnh biết tự bảo vệ mình, nhưng những gì hai đứa con trai cần là được ở bên cha nhiều hơn.

Chúng thậm chí không biết chúng đang nhớ ông. Ông Nhu đã vắng mặt hầu hết thời gian sau khi các con trai chào đời ở Đà Lạt. Ông đã lại ra đi khi gia đình lần đầu tiên đến sống ở Sài Gòn. Và giờ đây thì ông luôn luôn vắng bóng, đi về miền nông thôn, thăm viếng các anh em, hoặc làm việc trong văn phòng của mình. Để thư giãn, ông lại ra đi - để săn bắn hay đi thăm tình nhân của ông, "ả đó". Chẳng bao lâu sau họ đã có một em bé nữa, đứa con thứ tư, để chăm sóc và lo lắng. Một chút hy vọng trong bà Nhu mách bảo rằng đứa con út này, chào đời vào một thời điểm trọng yếu như vậy trong lịch sử quốc gia - và trong lịch sử gia đình họ - có thể thay đổi mọi chuyện. Và có lẽ một khi việc sinh nở này xong xuôi, bà Nhu sẽ thử một cách khác để thu hút sự chú ý của chồng, một cách dựa vào đầu óc hơn là sắc đẹp của bà.

Vào tháng Bảy năm 1959, bà Nhu đã hạ sinh đứa con út. Đó là một bé gái, và bé gái này, Lệ Quyên, trông rất giống cha. Họ có cùng một đôi mắt nghiêng xuống và cùng một nụ cười chên chích. Bà Nhu cho cô con gái út mặc đồ ngắn và tạo kiểu tóc như một cậu thị đồng. Những bộ quần áo tomboy nhỏ

nhân này tất nhiên là dễ xoay xở hơn những đám váy và nơ con bướm đầy kiểu cách, và chúng làm nổi bật sự giống nhau của đứa bé với cha. Ông Nhu dường như vẫn không chú ý. Gần như hằng đêm, ông đơn giản nói, "Tôi phải làm việc", và đẩy chiếc ghế xa khỏi bàn ăn, buông đôi đùi tựa vào vành chén cơm trên những miếng thức ăn đang dở.

Ông Nhu đi cầu thang xoắn ốc xuống một tầng và trải qua nhiều giờ trong văn phòng với cánh cửa đóng im ỉm. Từ sàn lên tới trần tràn ngập sách vở và giấy tờ. Đôi khi ông bàn bạc với anh trai, nhưng ông Nhu không chỉ xuống đó để làm việc - ông kiểm chỗ hút thuốc. Bà Nhu đã hối thúc ông bỏ thuốc trong nhiều năm. Bà căm ghét mùi khói thuốc lâu ngày. Nó làm hôi hám hơi thở, tóc, và không khí xung quanh ông. Ngay cả những ngón tay ông cũng ố vàng. Bà đã thử mềm mỏng khích lệ, sau đó là nhẹ nhàng trêu chọc. Khi họ chuyển vào Dinh, sự phản đối của bà trở nên kiên quyết. Dinh đủ rộng để ông có thể tìm được chỗ nuông chiều thói quen của mình. Bà không cho phép ông hút thuốc trên lầu trong chỗ sinh hoạt riêng tư của họ. Ông Nhu tuân theo nhưng không từ bỏ. Ông dấm dúi hút sao cho bà Nhu không thể nổi giận gay gắt với ông vì đã phá vỡ quy tắc của bà, nhưng ông vẫn thể hiện rõ rằng những phép tắc của bà sẽ không làm thay đổi thói quen của ông. Cuối những buổi chiều trong văn phòng, ông Nhu sẽ trút cả gạt tàn đầy vào một phong bì và đưa nó cho bảo vệ đi đổ bỏ. Bà Nhu không thể làm gì nhiều về chuyện đó.



Đó là lúc 3 giờ sáng ngày 11 tháng Mười Một, năm 1960, khi những tiếng pháo lép bốp từ xa đánh thức bà Nhu. Âm thanh nghe hoan hỉ một cách lạ kỳ, giống như tiếng pháo hoa hoặc tiếng khai sầm banh, không rõ lắm vì nó hãy còn xa quá. Ba giờ sau, tiếng nổ đánh giòn của súng trường đã xé tan ảo tưởng rằng đây chẳng phải là một chuyện nghiêm trọng chết người. Sau đó tin tức tràn vào Dinh nói rằng hai cháu trai nhà họ Ngô, các con trai của em gái họ, đã bị bắn chết. Những con đường ngay bên ngoài cổng thật hỗn loạn. Bà Nhu dắt díu những đứa trẻ giấu dưới tầng hầm Dinh Tổng thống.

Ông Diệm và ông Nhu đã được báo cho biết tình hình. Ba tiểu đoàn lính dù đã làm phản, được dẫn đầu bởi một nhóm quân nhân và dân sự đã oán hận chế độ ngày càng sâu sắc. Họ đã chán ngán chủ nghĩa gia đình trị. Họ đã phát ốm với việc gia đình cai trị này luôn luôn ngò vực họ. Những người lính dù đã chiếm các trung tâm chính phủ then chốt ở Sài Gòn và bây giờ đang lên kế hoạch tấn công vào Dinh.

Các anh em họ Ngô cực kỳ bàng hoàng. Họ bàn bạc trong văn phòng ông Diệm với những bộ pyjama vẫn còn trên người. Chỉ có Hải quân Việt Nam Cộng hòa ở Sài Gòn còn trung thành; nhiều địa điểm quân sự then chốt đã nằm trong tay bọn phiến loạn. Hai mươi tám thường dân đã bị giết. Một nhóm chủ yếu là thanh niên trai tráng tụ tập bên ngoài cổng vào lúc rạng đông. Họ không có tình cảm đặc biệt dành cho phía nào; họ chỉ đơn giản hiểu kỳ về những gì đang xảy ra và ai sẽ thắng. Cảnh sát cũng chẳng đứng về bên nào, chỉ làm mỗi việc hướng dẫn dòng giao thông vẫn đang bình thường một cách kỳ quái ra khỏi làn giao tranh. Điều điên tiết nhất với anh em họ Ngô giữa cảnh bao vây này là sự thiếu phản ứng từ phía Mỹ. Các đồng minh lẽ ra không tỏ ra trung lập như vậy. Ông Diệm và ông Nhu đang tính nước thoái lui.

Một người hầu sẽ đều đặn chạy lên lầu báo cáo diễn biến mới, rồi quay lại nơi bà Nhu và bọn trẻ đang chui rúc với nhau dưới tầng hầm để cho hay tình hình hiện tại. Tổng thống giờ đây đang họp với tướng Nguyễn Khánh, họ nói. Mắt bà Nhu rục lên. Bà tự hỏi người đàn ông này đã ở phía nào đêm đó. Bà Nhu biết quá rõ về Nguyễn Khánh để có thể tin tưởng ông ta. Mẹ của ông ta điều hành một hộp đêm ở Đà Lạt mua vui cho những người Pháp. Cha ông ta từng là một địa chủ giàu sụ ở miền Nam có tình

nhân là một ca sĩ và diễn viên nổi tiếng. Khánh đã gia nhập Việt Minh trước khi chạy sang phía Pháp, có lẽ vì làm một người lính trong quân đội Pháp hưởng bổng lộc nhiều hơn. Ông ta đã vào học viện quân sự ở Pháp và quay lại chiến đấu cho phe Pháp trong Chiến tranh Đông Dương Lần Thứ Nhất. Ông ta thích khoe khoang rằng mình đã từng phục vụ dưới trướng của tướng Pháp nổi tiếng Jean de Lattre de Tassigny, người mặc quân phục may bởi Lanvin, một nhà thiết kế thời trang lừng danh ở Paris, để đánh trận. Một chút oai nghiêm nào đó của vị tướng lãnh Pháp đã truyền sang ông ta: Nguyễn Khánh để chòm râu dê và đi đứng nghênh ngang ở Sài Gòn như một chú gà trống chân vòng kiềng lượn quanh chuồng gà. Đã gần một thập niên kể từ khi Nguyễn Khánh hộ tống bà Nhu và vua Bảo Đại trong những chiều dã ngoại ở Đà Lạt. Bà Nhu nhớ lại rằng trong lần đầu tiên đi chơi cùng nhau, Nguyễn Khánh đã để ý cận kề những gì bà chọn trong giỏ picnic và nhìn chòng chọc vào từng cử chỉ của bà. Lần tiếp theo họ ở với nhau, ông ta mang đến những thứ bà Nhu thích nhất và ra mặt chiều lòng bà. Thay vì coi những hành vi ấy là đáng mến, bà Nhu nhận thấy Nguyễn Khánh thâm hiểm.

Việc Nguyễn Khánh chường mặt tại Dinh giữa cơn binh loạn khói lửa làm cho bà Nhu nghi ngờ. Bà rất lo ông ta sẽ đánh liều gây tổn hại tới nơi nương náu quý giá của mình. Ông ta hẳn đã có sự bảo vệ của những kẻ âm mưu đảo chính, bà lý luận. Vì vậy bà Nhu giao phó việc chăm sóc bọn trẻ cho bà bảo mẫu người Hoa đang ẩn nấp với chúng dưới tầng hầm và một mình đi băng băng qua các hành lang tĩnh lặng để tìm ông Nhu.

Trong ánh sáng đang lên buổi sớm mai, bà nhìn thấy một con hươu chết trên trắng cỏ trong Dinh. Nó đã bị bắn xuyên đầu và bằng cách nào đó đã nằm bẹp bụng xuống, bốn chân nó xoạc ra một cách khủng khiếp. Cảnh tượng cái chết quá gần Dinh Tổng thống gây choáng váng hơn rất nhiều so với tất cả những lời cảnh báo trù tượng về sự nguy hiểm đưa đến tai bà khi bà đang co rúm trong tầng hầm. Con thú chết đã khơi dậy một bản năng nguyên thủy, vốn đã thức dậy đúng lúc ngay khi bà tìm thấy chồng và ông Diệm trong văn phòng ở tầng một, đang suy tính nước đi kế tiếp.

Ông Diệm đã bắt đầu đàm phán những điều kiện với những kẻ âm mưu đảo chính. Ông đã hứa hẹn với họ một chính phủ mới và thay đổi, và khi bà Nhu vào đến văn phòng ông, ông thậm chí đã đến đài phát thanh để tuyên bố điều đó. "Ngài Tổng thống quá đồi mề lòng", bà nhận ra; một ai đó sắp sửa phải gánh lấy trách nhiệm. Hòa giải là dấu hiệu của sự yếu đuối. Cũng như ông Diệm đã tỏ ra mạnh mẽ khi đối mặt với những tên cướp Bình Xuyên, giờ đây ông cần phải đứng vững.

Bà Nhu sải bước về phía ông Diệm. Bà không che giấu nỗi thất vọng. Trong những cuộc phỏng vấn sau này, bà nói rằng khi Tổng thống cư xử như một đứa trẻ, bà đã muốn tát ông ta. Trong nhật ký của mình, bà đã cáo buộc ông Diệm hành động như một đứa bé. Bà cũng viết, "Tôi chán ghét ông ta; ông ta không có lòng tin vào chính mình và đã hạ thấp bản thân qua việc nói chuyện với bọn phản loạn". Một mô tả đã được công bố về tình thế đôi đầu sáng hôm đó vẫn xác nhận rằng bà Nhu thật sự đã tát ngài Tổng thống, cái tát mạnh vào giữa mặt, trước khi nắm lấy đôi vai nghiêng của ông và lắc mạnh trong cơn giận dữ. Nhưng điều đó nghe giống như một câu chuyện đã được thêu dệt qua những kẻ ngồi lê đôi mách bên bàn cà phê trước khi nó xuất hiện trên tờ St. Louis Post-Dispatch ba năm sau.

Ngay cả khi bà Nhu không tát ông Diệm, những lời của bà đã có một tác động lâu dài. "Chỉ giữ lại đây những người cần thiết để bảo vệ Dinh", bà ra chỉ thị. "Phải những người còn lại đi tái chiếm Đài phát thanh".

Những đơn vị quân đội vẫn còn trung thành với ông Diệm đang di chuyển nhanh hết mức có thể từ những vị trí ở vùng nông thôn, nhưng họ tính toán rằng để thực hiện một cuộc tấn công toàn diện vào những kẻ âm mưu đảo chính sẽ phải mất mười hai giờ. "Tình trạng ở trong đó thế nào?", một binh sĩ trung thành đã đánh điện hỏi vị đại úy phụ trách bảo vệ Dinh.

"Bà Nhu rất cứng rắn", vị đại úy trả lời. "Bà muốn chiến đấu kể cả phải chết. Ông Nhu im lặng. Ông hình như không biết phải làm gì". ¹⁶

Nhưng ông Nhu đã nhận ra điều đó đủ nhanh và thuyết phục ngài Tổng thống rằng vợ ông đúng. Họ cần đứng vững trước bọn phản loạn. Các anh em họ nghe theo chỉ thị của bà Nhu từng li từng tí. Một vài giờ sau, đúng như bà Nhu đã tiên đoán, người của ông Diệm đã chiếm lại những trung tâm then chốt trong thành phố. Những kẻ phản loạn cả tin, lơ là phòng bị khi chúng hò reo ăn mừng dự định đầu hàng đã được công bố của ngài Tổng thống, đã bị nghiền nát.

Bà Nhu đã cứu hai anh em tại một thời điểm quyết định. Mỗi lần ông Diệm nhận được lời chúc mừng, ông gật đầu với cô em dâu và ân cần cảm ơn bà: "C'est grâce à madame" (Tiếng Pháp: Đó là nhờ Madame).

Nhìn vào mớ giấy tờ lộn xộn tràn như thác xuống bàn và vào bức tường sách bừa bộn trong văn phòng chồng, bà Nhu nhận ra rằng bà đã có một chỗ trong chế độ này. Sự biểu lộ lòng biết ơn của hai anh em đã xác nhận điều đó. Bà không chỉ còn là một gương mặt xinh đẹp trong Dinh Tổng thống nữa. Không có bà, anh em nhà họ Ngô trở nên quá đổi ngây thơ, quá đổi trí thức và xa rời hiện thực. Suy cho cùng họ là những người không vững vàng. Bà cảm thấy trách nhiệm là mũi thép nhọn trong ngọn roi của chế độ đã đặt lên vai mình. Đó là một niềm xác tín kỳ lạ, nhưng bà chắc chắn về nó. "Mãi cho đến lúc ấy", bà nói với ký giả New York Times David Halberstam năm 1963, "họ chưa hề coi trọng tôi. Nhưng từ đó họ đã bắt đầu chú ý đến tôi". ¹⁷

¹ Frederick Nolting, *From Trust to Tragedy: The Political Memoirs of Frederick Nolting, Kennedy's Ambassador to Dien Bien Phu* (Westport, CT: Praeger Publishers, 1988). "Tổng chi tiêu ngân sách cho việc phát triển kinh tế và kỹ thuật nước ngoài trong năm tài khóa 1955 ước tính 1.028 tỉ Mỹ kim, trong đó 150 triệu Mỹ kim được dùng để "hỗ trợ nỗ lực của những người bạn của chúng ta chiến đấu chống lại sự xâm lược của Cộng sản ở Đông Dương. Dwight D. Eisenhower, "Thông Báo Ngân Sách Thường Niên trình lên Quốc hội: Năm Tài Khóa 1955" 21 tháng Giêng, 1954, American Presidency Project, www.presidency.ucsb.edu/ws/index.php?pid=9919.

² Để có những chi tiết về các cuộc bầu cử năm 1955, xem Shaplen, *The Lost Revolution*, 201. Thông tin về Quốc hội có trong Robert Scigliano, *South Vietnam: Nation Under Stress* (Westport, CT: Greenwood Press, 1964), 28.

³ Để tìm hiểu thêm về việc đề xuất tên bà Nhu, xem Robert Trumbull, "Đệ nhất Phu nhân của Việt Nam", *New York Times Magazine*, 18 tháng 11, 1962, 33.

⁴ John Phạm nhắc lại những thực đơn của Diệm trong một cuộc phỏng vấn với tác giả. Hồi tưởng của ông mâu thuẫn với điều mà anh trai ông Diệm là Ngô Đình Thục đã viết trong tự truyện của mình: rằng khi còn là cậu bé, Diệm cực kỳ dị ứng với cá và sẽ bị ói sau khi ăn nó. Có lẽ chứng dị ứng này đã hết khi ông trưởng thành. "Misericordias Domini in aeternum cantabo: The Autobiography of Mgr. Pierre Martin Ngô-dinh-Thuc, Archbishop of Huế", *Einsicht* 1 (March 2013): http://www.einsicht-aktuell.de/index.php?svr=2&ausgabe_id=180&artikel_id=1920.

⁵ Những mô tả chi tiết của tướng Trần Văn Đôn về mối quan hệ giữa Diệm và bà Nhu, xem Central Intelligence Agency Information Report: Major General Tran Van Don Details the Present Situation in South Vietnam; the Plan to Establish Martial Law; and, His View on South Vietnam's Future - Báo Cáo Của CIA: Đại Tướng Trần Văn Đôn Trình Bày Chi Tiết Về Hiện Tình Ở Nam Việt Nam; Kế Hoạch Thiết Lập Bộ Luật Hôn Nhân; Và, Quan Điểm Của Ông Về Tương Lai Của Nam Việt Nam - 23 tháng 8, 1963, Folder 11, Box 2, Douglas Pike Collection: Unit 1—Assessment and Strategy, Vietnam Center and Archive, Texas Tech University; về sự trong sạch của Diệm, xem "South Vietnam: The Beleaguered Man", *Time*, 4 tháng 4, 1955.

⁶ Nguồn từ tướng Trần Văn Đôn; xem ghi chú 5.

⁷ Những ghi chú của tác giả về tư liệu trong thư khố quốc gia về chuyến đi của bà Nhu tới Burma, 20 đến 23 tháng 12, 1957.

⁸ Ahern, CIA và Nhà họ Ngô, 114, và DE papers of Christian Herter, Box 1, Chon File, March 1957 ³.

⁹ Douglas Pike, *Việt Cộng: Tổ chức và Kỹ thuật của Mặt trận Giải phóng Dân tộc và Việt Nam Cộng hòa* (Cambridge: MIT Press, 1966), 174.

¹⁰ Scigliano, *Việt Nam Cộng hòa*, 44-45.

¹¹ Vợ chồng Nhu lấy những mảnh quảng cáo trên báo chí Sài Gòn để công khai phủ nhận những cáo buộc vào ngày 24 tháng 8 năm 1957, nhưng sự phủ nhận của họ chỉ làm tăng thêm tin đồn thay vì dập tắt chúng; "Sụp đổ, Hai nước Việt Nam", 252.

¹² FRUS, Vol.1, Việt Nam, 1958-1960. Để hiểu thêm về vị trí bị đánh giá thấp của Châu, xem "Cuộc trò chuyện thứ hai với Nguyễn Hữu Châu", ngày 31/12/1958.

Về việc ông Diệm nói Lệ Chi "hành xử như con điểm", xem "Điện tín của Đại sứ Lodge từ Tòa Đại sứ ở Sài Gòn gửi Bộ Ngoại giao", № 805 (29/10/1963), FRUS, 4:445. Về Lệ Chi tự tử và nói rằng bà Nhu tiếc là chuyện đó không thành, xem Newsweek 62, № ¹³ 2:41; "Người chị gái cay đắng chỉ trích Madame Nhu", Arizona Republic, October 27, 1963. Về những chuyện liên quan đến vụ tự tử này, xem Nguyen Thai, Is South Vietnam Viable? (Manila: Carmelo & Bauermann, 1962).; Etienne Oggeri, Fields of Poppies: As Far As the Eye Can See Bloomington, IN: Trafford Publishing, 2007).

Về bà Nhu hiểu lầm, xem "Phỏng vấn Edward Geary Lansdale", 1979 [phần 1 của chương 5], 31/1/1979, WGBH Media Library & ¹⁴ Archives.

Nhu tiết lộ với Richardson; xem John H. Richardson, Cha tôi, tay điệp viên: Một hồi ức điều tra (New York: Harper Collins, 2005), ¹⁵ 189.

Về mọi chuyện liên quan đến cuộc đảo chính, xem Langguth, Việt Nam của chúng tôi, 108; Malcolm w. Browne, Khuôn mặt mới ¹⁶ của chiến tranh (Indianapolis: Bobb.s-Merrill, 1965); 251. Về quyền lực của bà Nhu, xem Richard Dudman, "Intrigue Tantrums", St.Louis Post-Dispatch, 14/9/1963.

David Halberstam trong David Halberstam, The Making of a Quagmire, biên tập và giới thiệu bởi Daniel J. Singal, revised. (New ¹⁷ York: Random House, 2008), 55.

Chương 10

Những Tấm Da Cọp

Ngay từ đầu tôi đã rất ấn tượng khi nói chuyện với bà Nhu. Bà quá quyền lực, quá tai tiếng, và quá quyền rũ. Tôi đã mất gần hai năm nói chuyện qua điện thoại mới có can đảm thúc đẩy mình tìm hiểu sâu thêm. Tôi quan tâm đến những chi tiết thường ngày bị bỏ quên sau những ồn ào. Trong tất cả tin tức báo chí nói về người đàn bà quyền lực một thời, không thấy đề cập nhiều đến cuộc sống trong Dinh, bà ăn uống gì và ăn mặc ra sao. Tôi hy vọng những chi tiết ấy sẽ cho tôi biết thêm về người đàn bà này đằng sau những bức ảnh hào nhoáng và hình tượng Rồng Cái. Nhưng đối với bà Nhu, đó là những chi tiết khó gọi lại nhất. Chúng đã trôi xa gần nửa thế kỷ và ở xa nửa vòng trái đất. Ký ức là tất cả những gì bà Nhu đã bỏ lại sau lưng, dù chúng mới đang bắt đầu mờ nhạt. Khi tôi thúc giục bà nhớ những chi tiết về cuộc sống trong Dinh Độc Lập, giọng nói bà Nhu mỏng dần trên dây nói, và tôi phải ép ống nghe sát vào tai mới nghe được. Như thể bà ở xa ngàn dặm. "Hình như tôi không thể nhớ được căn phòng nó như thế nào - ý tôi là tôi không nhớ được chính xác...".

Bà cho tôi biết rằng bà thường thức dậy lúc 7g30 sáng, dùng điểm tâm nhẹ với trà, cơm hay bánh mì, rồi mặc quần áo cho một ngày mới. Bà dành cả buổi sáng sau đó để làm việc. Nếu không thảo những bức thư với thư ký của mình trong phòng làm việc, bà sẽ đi thăm cử tri của bà, nhưng gần như luôn quay về vào buổi trưa. Bữa ăn trưa là bữa ăn chính trong ngày, diễn ra dưới những ngọn đèn treo khổng lồ với vải lanh và đồ sứ tuyệt đẹp. Mặc dù Tổng thống thường dùng những bữa ăn giản dị trong văn phòng của ông, nhưng khi nào có khách, hoặc tự mình mỗi tuần một hai lần, ông đến dự bữa tối trang trọng hơn với em trai và em dâu trong phòng ăn của họ ở tầng hai. Những buổi dạ tiệc bán chính thức cũng được tổ chức tại phòng ăn của vợ chồng ông Nhu; ở đó không gian rộng rãi và lịch sự nhưng thần mật hơn, chứ không phô trương nghi thức như ở phòng ăn chính của Tổng thống ở tầng một. Bà Nhu ước gì năm căn phòng của gia đình trong Dinh có thể rộng hơn một chút. Họ có một sảnh khang trang, hai phòng ngủ mênh mênh, và hai phòng khách có ban công, nhưng bà Nhu muốn nhà bếp kề sát hơn nữa. Thường khi thức ăn mang đến phòng ăn từ nhà bếp trên tầng một phía sau Dinh thì đã nguội.

Sau bữa ăn trưa, bà Nhu thường nằm nghỉ trong phòng ngủ của bà. Trời nóng đến mụ mị đầu óc khiến bà không làm được gì khác. Trong ngày, đây là thời điểm bà luyến nhớ nhất về bốn mùa ở Hà Nội. Nhớ những mặt hồ, những đại lộ và nơi đi dạo. Ở Sài Gòn, bà thấy mình như đang nhìn chăm chú cuộc sống trôi qua từ sau những cánh cổng đồ sộ của Dinh. Bà nghĩ mọi thứ sẽ khác nhiều lắm nếu bà chỉ sống một cuộc đời bình thường. Bà sẽ làm gì nếu bà không bị kẹt trong cạm bẫy? Bà Nhu tưởng tượng bà sẽ bằng lòng sống trong một ngôi nhà nhỏ miễn là có một sân vườn lớn cho lũ trẻ chơi đùa; bà sẽ chuẩn bị những bữa ăn thanh đạm cho cả nhà và dành hết thời gian trong ngày viết truyện thiếu nhi.

Đáp lại những mơ mộng của bà, tôi nghĩ rằng tôi hẳn đã chép miệng thông cảm trong điện thoại khi bà đang nói. Nhưng người đàn bà tám mươi ba tuổi này không chờ đợi sự cảm thông. Có thể cuộc sống như một Đệ nhất Phu nhân của bà trong Dinh không phải là cuộc sống do bà chọn lựa, nhưng nó là cuộc sống do Chúa chọn cho bà. Đúng vậy, bà không đòi hỏi sự trắc ẩn mà là sự quyết tâm. "Tôi có thể giải thích sự theo đuổi quyền lực của tôi thế nào nữa đây? Chương trình hành động của tôi nhằm thay đổi đời sống của phụ nữ ư? Tôi, bản thân tôi, lẽ ra đã bằng lòng với một cuộc sống bình yên! Tôi đã nói đi nói lại với cô điều đó rồi mà. Nhưng Chúa đã có những kế hoạch khác cho tôi. Bỏ phận của tôi là theo đuổi đến cùng".

Bà Nhu giao tôi một thử thách khác. "Tôi muốn nhìn lại nó. Nếu có thể, cô tìm giúp tôi những tấm hình chụp các căn phòng của tôi ở trong Dinh, như vậy mới thực là cô được Chúa sai phái đến". Sứ mệnh hết sức rõ ràng: tìm những tấm hình chụp các căn phòng trong khoảng năm 1961, mang đến cho bà Nhu. Điều đó khiến người đàn bà già nua này hạnh phúc, và đánh thức ký ức của bà. Để thôi mà. Trừ phi những căn phòng của bà Nhu hứng chịu trực tiếp trận đánh bom phá hủy Dinh Độc Lập vào năm 1962. Mọi thứ tìm thấy được trong đồng hồ nát lại bị thất lạc mười tám tháng sau đó.

"Tôi không bao giờ cho ai thấy phòng ngủ của tôi. Chưa có vị khách nào được phép vào chỗ riêng tư của tôi". Bà Nhu để lộ một tiếng cười gượng. "Nhưng có một lần, tôi thực lòng muốn gây ấn tượng cho các vị khách của tôi. Một khoảnh khắc tự phát đối với tôi".

Các vị khách mà bà muốn gây ấn tượng mạnh là một nhóm trong phái đoàn của Phó Tổng thống Mỹ. Lyndon Johnson và đoàn ngoại giao tùy tùng đến Nam Việt Nam vào tháng Năm, 1961.

"Ô, họ rất ngạc nhiên!" Giọng bà Nhu sáng lên khi nhớ lại khoảnh khắc phu nhân Phó Tổng thống Mỹ, bà Bird Johnson, và bà Jean Smith, em Tổng thống Kennedy, đi vào phòng.

"Khi tôi mở cửa phòng, họ có thể nhìn thấy một dãy dài những bộ da cạp [trải trên nền nhà]. Những cái móng sắp thành hàng thẳng. Những cái đầu gắn vào nhau". Nghe có vẻ kinh khủng với tôi, nhưng bà hít vào một hơi sâu, như thể nhớ lại mùi thơm những trái cam ngày Tết thay vì những mẫu da thú.

Một phút sau thì tôi hiểu, khi bà nói tiếp, "Nếu tôi có những tấm hình ấy, ít nhất thì tôi cũng có được cái gì đó của chồng tôi. Anh ấy đúng là một thợ săn thiện nghệ. Rất cừ. Anh ấy đã bắn hạ những con thú đẹp nhất, và giao cho tôi giữ từng chiến quả của anh".

Sự mỉa mai về những bộ da cạp bị mất của bà Nhu luôn ở trong tâm trí tôi. Tôi biết rằng trong khi người Mỹ gọi bà là Ròng Cái, những người Việt Nam cả gan công khai chống bà Nhu lại nhắc đến bà với biệt danh Cạp Cái - xuất phát từ sự tôn trọng trong văn hóa dành cho con rồng.

Lúc bấy giờ tôi rất ngạc nhiên thấy mình quan tâm đến bà không dứt. Suy cho cùng, bà đã ngó lơ tôi - theo đúng nghĩa đen, ở nhà thờ, và theo nghĩa bóng. Bà tiếp tục nhử tôi với lời hứa về những đoạn hồi ký của bà trước mặt tôi, nhưng tôi cứ kẹt trong những nghi ngờ rằng chúng không tồn tại ngoài trí tưởng tượng của bà. Bà vẫn hay nhắc đến cái gọi là những đoạn hồi ký này kể từ năm 1963. Bà nói bà viết hàng trăm trang, giấy viết vương vãi khắp phòng, thậm chí dưới trường kỷ. Tại làm sao mà lúc ấy tôi tin rằng, gần năm mươi năm sau, cuối cùng bà cũng sẵn sàng tập hợp chúng vào trong một bản thảo? Khi tôi tìm cách thúc ép bà, bà nạt nộ tôi. Giọng lưỡi sắc bén nhắm lẹ của bà, tôi đã nghe nói đến nhiều. "Cô không nên nói về những gì cô không hiểu", bà mắng mỏ, riết róng. Nhưng sự thực là, tôi biết rằng nếu tôi không giả vờ đồng ý, tôi sẽ không bao giờ có bất kỳ cái gì để viết ra. Và tôi phải nói rằng, khao khát của bà là muốn thấy lại cái gì đó của chồng mình cứ day dứt trái tim tôi, đúng như bà dự cảm.

Thách thức của bà Nhu hóa ra khá dễ dàng. Sau vài email và vài cuộc điện thoại cho các nhân viên lưu trữ tại thư viện Tổng thống Lyndon B. Johnson ở Austin, Texas, tôi có được những gì tôi tìm kiếm.

Khi tôi mở các tập tin đính kèm từ máy tính của tôi, tôi nghẹt thở. Những tấm hình màu nâu đỏ đem một thế giới đồ nát trở lại với cuộc đời.

Bốn người đàn bà đứng trong một không gian rõ ràng là phòng ngủ, một cái bánh kem bọc xatanh với những tấm màn dài lê thê treo trên cửa sổ và chung quanh cửa ra vào. Những khuôn viên trang trí tường trần và những sàn nhà lát gỗ hoàn tất cái ấn tượng về cung điện này. Và ở đó có: một hàng dài bộ da những con cạp miệng há to trải hết chiều dài căn phòng đến chân giường, chạm bàn chân trần lên

đó thì thế nào nhỉ? Những bộ da cộp này có thô cứng không? Tôi cứ thắc mắc làm sao bà Nhu có thể nhớ để tránh vấp ngã vào những cái tai, con mắt và những hàm răng của chúng khi bà ra khỏi giường mỗi sáng?

Tôi dễ dàng nhận ra ba trong số bốn người đàn bà trong hình, và tôi đoán người thứ tư hẳn là phu nhân của đại sứ hoặc phu nhân của một quan chức cao cấp Mỹ nào đó. Phu nhân Phó Tổng thống, bà Bird Johnson, đứng dựa vào mép giường, đôi giày màu trắng nằm thẳng góc trên sàn, như thể bà cẩn trọng đi quanh những con thú chết thay vì đi ngang qua chúng. Ăn mặc thanh nhã trong bộ váy bó chần sát nách và giày cao gót để đi thăm Dinh, bà Bird cười mạnh dạn trước ống kính, nhưng trông bà có vẻ hơi ủ ê vì nóng nực. Găng tay của bà không còn, mũ lệch đi, và những lọn tóc rũ xuống vì độ ẩm. Bà nhìn thẳng vào máy quay, cặp lông mày nhướng lên ngạc nhiên.

Bà Nhu có vẻ thoải mái hơn nhiều. Mặc chiếc áo dài cổ khoét sâu thay vì cổ đứng hẹp, bà mở rộng bàn tay đón tiếp các vị khách vào căn phòng treo rèm. Trong tấm hình kế tiếp, bà đứng thẳng, hông hướng về máy quay, vai uốn ra sau. Dường như bà có sự nhạy cảm cơ thể của một diễn viên múa ba-lê. Bà Nhu trông như sẵn sàng mỉm cười - chỉ ít là cái cằm của bà nâng lên theo hướng máy quay. Sự hiện diện mạnh mẽ của bà làm tôi quên đi ý đến vóc dáng bà khi so với những người Mỹ cho mãi đến sau này. Bà nhỏ con. Nếu không có đôi guốc cao gót và kiểu tóc tổ ong bồng bênh, có thể bà chỉ đứng tới vai bà Bird.

Em gái Tổng thống Kennedy, Jean Smith, có cằm vuông giống như anh mình. Bà mặc bộ váy dài vải bông kẻ và đeo chuỗi ngọc, và có vẻ như bà không thể rời mắt khỏi những bộ da cộp xếp chung quanh chân bà - thậm chí không ngược nhìn lên để chụp ảnh - như thể bà lo sợ chúng có thể sống lại và tấn công. Hai khuỷu tay bà thu sát vào người, tay này nắm tay kia, như cái đai an toàn, hai đầu gối bà khép chặt vào nhau như thể bà sẽ khụy xuống nếu không làm vậy.

Jean Smith là con út trong gia đình Kennedy. Chồng bà, Stephen, là cố vấn chính trị và chủ tịch tài chính của Tổng thống, nhưng Jean cũng đã dành nhiều thời giờ và công sức cho Jack Kennedy. Bà làm việc không mệt mỏi với các chiến dịch, tiếp đãi khách các buổi tiệc trà và gõ cửa nhiều nơi. Sau cuộc bầu cử, Tổng thống Kennedy viết vào một tấm hình gởi cô em gái út, cảm ơn bà vì tất cả những nỗ lực của bà. Jean xúc động, vinh dự, bà nói, vì những nỗ lực của bà đã được nhìn nhận - cho đến khi bà nhận ra tất cả các chị và vợ của các anh bà đều nhận được điều tương tự. ¹

Bà Nhu, một người châu Á giàu nghị lực tuyệt vời, và bà Jean Smith, người phụ nữ thuần Mỹ, có nhiều điểm tương đồng hơn người ta có thể hình dung từ lúc thoáng nhìn tấm hình chụp hai người đứng cạnh nhau. Cả hai người phụ nữ này đều nhờ những mối ràng buộc mạnh mẽ của gia đình dẫn đưa đến chính trị. Cả hai đều có chồng làm việc cho gia đình; cả hai gia đình đều theo đạo Công giáo và chống cộng và cam kết làm điều "phải". Cả hai đều duyên dáng và hiểu biết rộng, và cả hai đều tự xưng luôn hết mình vì mục đích. Dường như có một sự thu hút tự nhiên, không chỉ giữa hai người phụ nữ này mà còn giữa chính phủ Kennedy mới được tấn phong và chế độ của ông Diệm ở Sài Gòn.

Hinh

TLX

Chính Tổng thống Kennedy đã thông báo về chuyến công du của Johnson đến Đông Nam Á, gọi đó là "sứ mệnh tìm kiếm sự thật". Có những tường trình mâu thuẫn nhau về những gì đang diễn ra ở Nam Việt Nam. Ở đó, cái quốc gia nhỏ bé này, có gì để xứng với hàng triệu đô la viện trợ mà Hoa Kỳ đã đổ vào từ năm 1954? Anh em họ Ngô này có đang hậu thuẫn cuộc chiến chống chủ nghĩa Cộng sản như họ tuyên bố, hay họ đang cản trở nó? Năm ngoái, chứng kiến sự gia tăng bạo lực và các hoạt động của

Cộng sản, có thể là lý do khiến Phó Tổng thống Johnson không muốn đi. "Thưa Tổng thống", Johnson nói, "Tôi không muốn gây rắc rối cho ngài bằng cách để người ta bắn nát đầu tôi ở Sài Gòn". ²

Dĩ nhiên, không ai trong đoàn tùy tùng của Johnson bị tổn hại ở Nam Việt Nam. Chế độ Ngô Đình Diệm lo cho những người Mỹ rất tốt, đón tiếp họ tại nhà khách trong khuôn viên Dinh. Đêm đầu tiên ở Sài Gòn, vợ chồng Johnson, vợ chồng Smith, và tân đại sứ của Kennedy tại Việt Nam Cộng hòa, Frederick Nolting và vợ ông, thưởng thức bữa ăn tối kiểu Pháp ngon lành trong nhà hàng sân thượng khách sạn Caravelle. ³ Những người phụ nữ khả ái nhẹ nhàng bước đi dưới những hàng keo dọc các con đường rộng với hai hàng cây hai bên; những âm thanh vui đùa của trẻ con nơi bãi trống vọng đến tai họ theo làn gió buổi tối êm đềm. Tuy nhiên cũng thấy rõ không khí căng thẳng, cảm nhận được những nguy hiểm sắp diễn ra, của những người Cộng sản lẩn khuất trong bóng tối. Các bản tin tình báo khẳng định rằng nhiều người từng chiến đấu bên cạnh Việt Minh trong chiến tranh chống Pháp đã ở lại miền Nam hiện giờ quyết tâm thống nhất đất nước dưới sự lãnh đạo duy nhất của Hà Nội. Những người Cộng sản đã và đang thành công mặc dù nhiều người không thoải mái thừa nhận sự thực đó.

Người ta nói những người Cộng sản kiểm soát một phần ba vùng nông thôn phía nam. Họ lập căn cứ ở các vùng đồng bằng và trên cao nguyên; những vũ khí từng được dùng để chống người Pháp, giờ được bọc trong bao ni-lông chôn giấu dưới ruộng lúa trong gần mười lăm năm, giờ được lấy lên và cải tiến để sử dụng. Lê Duẩn, lãnh đạo Cộng sản cao nhất ở miền Nam, tổ chức cho những tay súng ngày xưa đứng vào đội ngũ mới. Ông có quá trình tham gia cách mạng khá ấn tượng, từng trải qua bảy năm trong các nhà tù Pháp trước khi gặp Hồ Chí Minh ở Trung Quốc thập niên 1940. Vì thế, dù là người Nam, ông hiểu rõ các đồng chí của ông ở Hà Nội. Ông có thể biện hộ cho đồng bào miền Nam của ông: Đồng bào chúng ta đang phải chịu đau khổ dưới chế độ Ngô Đình Diệm và sẵn sàng chiến đấu. Họ phải nổi dậy. Nếu chúng ta không lãnh đạo họ, họ sẽ hình thành phong trào kháng chiến của riêng mình, và chúng ta không còn có vai trò nữa. Bộ Chính trị nhất trí với Lê Duẩn và quyết tâm đấu tranh vũ trang ở miền Nam bên cạnh những nỗ lực chính trị. Năm 1959, một nhiệm vụ bí mật được đề ra là vận chuyển vũ khí và hậu cần đi dọc đường Trường Sơn để khởi động chiến tranh. Phương Tây thường gọi con đường rừng núi hiểm trở vốn chạy ngoằn ngoèo phía tây đất nước này là Đường mòn Hồ Chí Minh. ⁴

Một năm sau, Đại hội Đảng Cộng sản ở Hà Nội nêu quyết tâm đẩy mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh vũ trang. Tháng 12 năm 1960, Hà Nội thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam (MTDTGPMNVN), danh xưng hợp thức cho nỗ lực tái thống nhất đất nước của Cộng sản ở miền Nam, mặc dù người Mỹ thường gọi họ một cách nôm na là Việt Cộng. Dù tên gọi có là gì đi nữa, sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm là mục tiêu số một của họ. Hà Nội đã ra lệnh cho họ lật đổ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa và "quan thầy của ông ta" là Hoa Kỳ, bằng bất cứ phương tiện nào cần thiết. Vào thời điểm Johnson đến thăm Sài Gòn, những người Cộng sản đang gây thiệt mạng trung bình mỗi tháng từ năm đến tám trăm binh lính, công chức, và thường dân ở Nam Việt Nam. Những con số này được giữ kín.

Những con số nghiêm trọng xuất phát từ Việt Nam này được xào nấu vì hai lý do, và cả hai đều dính tới chính trị. Về phía Mỹ, đại sứ Mỹ tại Việt Nam, Frederick Nolting, và Đại tướng tổng tư lệnh Paul Harkins, lo lắng những đánh giá tiêu cực có thể làm xói mòn quyết tâm của Tổng thống Kennedy muốn tiền bạc viện trợ và các cố vấn của Mỹ tiếp tục đổ vào Việt Nam. Khi Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara thực hiện chuyến đi khảo sát hai ngày khắp quốc gia này, Nolting và Harkins cảm nhận viên của mình nói với ông bất cứ điều gì có thể mang đến một ấn tượng không tốt. Những kiểu tránh né này là con đóc trượt dẫn đến sự thao túng công khai sẽ diễn ra sau này, như ghi nhận số thương vong

của đôi phương thiếu căn cứ vững chắc và lột bỏ những miếng dán màu đỏ ra khỏi tấm bản đồ cho thấy nơi Cộng sản đứng chân khi cảm thấy có vẻ chúng "quá nhiều". Các nhà báo Mỹ, mặc dù không bị kiểm duyệt thẳng thừng, được yêu cầu phải hiểu rõ những hướng dẫn của nước Mỹ liên quan đến việc gửi về tòa soạn "những tường trình không mong muốn". Phải tránh nói đến những con số cụ thể, cũng như tránh chỉ ra những điểm mạnh và điểm yếu chiến thuật. Bất kỳ ai vi phạm những qui định căn bản này sẽ không được tiếp tục làm nhiệm vụ. ⁵

Một lý do khác để giữ kín những con số xấu là bởi cá nhân Tổng thống Ngô Đình Diệm sẽ diên tiết. Sau vụ đảo chính hụt năm 1960, ông Diệm đã thông báo miệng đến các chỉ huy quân sự không được tiến hành các cuộc hành quân có thể gây ra thương vong lớn. Vị Tổng thống này kết luận rằng những người lính nhảy dù bất mãn đảng sau cuộc đảo chính hụt rất giận dữ chế độ vì những thương vong mà họ phải chịu trong các chiến dịch tấn công. Ông Diệm không thể, hoặc đã không hiểu rằng chế độ gia đình trị, thiên vị Công giáo, và sự áp bức các quyền tự do mới thực sự là những nguyên nhân gây nên sự oán giận. Ông Diệm không muốn thấy một cuộc đảo chính nữa, cho nên ông không muốn quân đội chịu tổn thất.

Các cố vấn người Mỹ cho quân đội Việt Nam Cộng hòa cuối cùng sẽ hiểu ra rằng các chỉ thị "không đánh" từ những chỉ huy cấp cao nhất hoàn toàn làm xói mòn những lời khuyên giao chiến với Việt Cộng của họ, nhưng điều đó không ngăn cản họ chuyển những con số thương vong giả về Washington. Tổn thất của Cộng sản bị thổi phồng, thương vong của Nam Việt Nam được xem nhẹ, và không kèm theo bất kỳ lời cảnh báo nào về những con số không chắc chắn. Những con số đó được diễn dịch thành chính sách, và chính sách đó nói rằng cuộc chiến đang diễn tiến tốt. ⁶

Mục tiêu của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam - đập tan chế độ miền Nam - là mệnh lệnh tối cao từ Hà Nội phải được thi hành từ dưới lên. Chiến tranh sẽ bắt đầu "ở các làng mạc... lan rộng đến các huyện, rồi các cấp chính quyền tỉnh thành đã rồi cuối cùng sẽ là một cuộc tổng tấn công nhắm vào bản thân chính quyền trung ương". Ủy ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam ban hành những chỉ thị cụ thể về những mục tiêu cần nhắm tới để tối đa hóa tác động của các cuộc tấn công bất chợt và ngẫu nhiên: các trung tâm thông tin, kho bãi, sân bay, và các cơ quan của Mỹ được "đặc biệt" chỉ rõ.

Những mục tiêu đầu tiên từ các chiến dịch của MTDTGPMNVN là vùng nông thôn các tỉnh Long An, Tây Ninh, Long Xuyên, An Giang. Vào tháng Mười Hai, 1960, bạo lực lan dần đến thành phố khi một khu bếp tại Cầu lác bộ Gôn Sài Gòn bị đánh mìn, làm chết một nhân viên và hai đầu bếp. ⁷

Các hoạt động quân sự của MTDTGPMNVN rất thành công nhờ họ khéo léo tận dụng các phương tiện thông dụng. Chẳng hạn, quả bom đặt trong chiếc xe máy bình thường là chết chóc, hiệu quả, và gần như không thể phát hiện cho đến khi quá muộn. Toàn bộ khung xe chứa đầy chất nổ; những sợi dây điện mảnh nối với các đầu đựng thuốc nổ bên trong khung xe chạy ngang luôn qua dây thắng, giúp nguy trang, và nối vào cái bóng đèn trước xe có kèm cái đồng hồ hẹn giờ. Chỉ cần dùng một cái đèn pin nhỏ kích hoạt là chiếc xe nổ tung, gây ra sự hủy hoại khủng khiếp giữa đường phố đông đúc. Việt Cộng gọi cái biến thể hai bánh xe của họ dựa theo con ngựa thành Troy là "ngựa sắt". Họ tuyển mộ những người trẻ vào làm công việc chết người đó - độ tuổi lý tưởng vào khoảng 18, nhưng các cậu bé 13 hay 14 cũng là "những kẻ phá hoại thành phố", hay những kẻ ném lựu đạn rất tốt. Các nhà hàng, khách sạn bắt đầu lắp những tấm lưới trước hiên nhà; mọi người sợ ngồi trước hành lang, vào rạp hát, hay thậm chí đi chợ. ⁸

Ngày 22 tháng Ba năm 1961, chỉ hơn một tháng trước chuyến công du của Johnson đến Sài Gòn, một

chiếc xe tải chở hai mươi cô gái phát nổ tanh bành trên một con lộ hoang vắng trong vùng Rừng Sát. Các cô gái đang trên đường từ Sài Gòn về nhà ở tỉnh Phước Tuy; họ mới trải qua buổi chiều đứng nghe bà Nhu, Đệ nhất Phu nhân, đọc bài diễn văn nồng nhiệt ca ngợi phụ nữ Việt Nam nhân ngày lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng. Đó là buổi lễ tưởng nhớ hai chị em Bà Trưng, hai nữ anh hùng Việt Nam đã chiến đấu chống lại nhà Hán. Bà Nhu coi hai bà như gương mẫu cho những người phụ nữ dũng cảm của Việt Nam Cộng hòa hiện đại. Tuy nhiên, đối với các cô gái kia, ngày hôm đó đã kết thúc trong thảm kịch. Trong những khoảnh khắc sau khi chiếc xe trúng phải mìn chôn trên đường, hàng loạt đạn trút xuống như mưa. Người tài xế xoay sở lái chiếc xe ị ạch chạy đến đồn lính gần nhất, nhưng hai cô gái đã chết.

Một tuần sau, bà Nhu đến một bệnh viện ở Chợ Lớn thăm bốn trong số các nạn nhân trẻ của vụ tấn công đang nằm đợi hồi phục. Một người hỏng một con mắt, một người khác cụt chân, và một phụ nữ lom khom vì bị thương cột sống. Bà Nhu cũng đến thăm khu vực xảy ra vụ nổ, nói chuyện với các cô gái sống sót sau trận phục kích. Trong ngôi nhà của cô Nguyễn Thị Bàng, hai mươi ba tuổi ở huyện Cần Giò, bà Nhu đặt vòng hoa lên ngôi mộ mới xây và chia buồn với mẹ và chị của cô gái bị sát hại.

Một ngày sau khi đến Sài Gòn, Phó Tổng thống Johnson gặp gỡ Tổng thống Ngô Đình Diệm tại Dinh, nơi họ nói chuyện chi tiết về sự viện trợ từ Hoa Kỳ. Trong khi Johnson trình trọng tặng món quà của ông - bộ sách bìa cứng Di sản Mỹ về lịch sử Hoa Kỳ - và trình ủy nhiệm thư, các bà vợ đi một vòng bên trong Dinh với bà Nhu để nhìn những bộ da cạp. Bức ảnh chụp lúc gặp nhau ở cầu thang văn phòng cho thấy Johnson cúi hẳn người xuống để nói chuyện với ông Diệm. Sau buổi gặp gỡ, Phó Tổng thống Mỹ trình bày chương trình tám điểm bao gồm việc cung cấp thêm vũ khí và tiền bạc. Chiều hôm đó, Johnson, vẫn với phong cách phóng khoáng người vùng Texas, đã xuống phố Sài Gòn đi dạo để hòa đồng với dân chúng miền Nam Việt Nam. Phóng viên Stanley Karnow nhận xét rằng Johnson bắt tay mọi người và mỉm cười như thể ông "đang đón chào các quận trưởng cảnh sát trong chiến dịch tranh cử ở Texas", nhưng theo một nghĩa nào đó, đó là công việc của ông. Ông Johnson được phái đến đây để trấn an người dân miền Nam Việt Nam rằng Hoa Kỳ sẽ tiếp tục cung cấp vũ khí và tiền bạc để cải thiện tình hình xã hội và chiến đấu chống chủ nghĩa Cộng sản.²

Bà Nhu ngồi ở vị trí danh dự cạnh Phó Tổng thống, bên tay phải ông, tại tiệc khoản đãi chính thức. Họ đã gặp nhau một lúc ngày ông đến. Bà Nhu có mặt ở sân bay, cùng với các vị phu nhân khác, để đón phái đoàn của Phó Tổng thống. Khi bước xuống sân bay, vị Phó Tổng thống rảo bước qua đội danh dự đến gần bà, bắt tay bà. Phong cách của ông gây thích thú cho bà Nhu lần nữa tại bữa tiệc.

Bà không quen với những người đàn ông chờ bà ngồi xuống trước khi họ ngồi vào ghế của họ, cũng như không quen được nói đến trước những người đàn ông như Tổng thống và chồng bà. Nhưng bà Nhu thích cách nịnh đầm của Johnson tuy bà không biết rõ lắm ý nghĩa của nó. Trong buổi tiệc, ông cố nài bà đồng ý đến thăm nông trang của ông ở Texas. Bà khúc khích cười, lấy cái khăn ăn che miệng, nhưng ông cứ khẳng khẳng nhiều lần khiến bà cuối cùng đồng ý sẽ đến - "khi ông lên làm Tổng thống", bà hứa. Sau đó, Johnson nắm bàn tay trái của bà Nhu bằng bàn tay to bự của mình và trước mặt vợ ông cùng các nhà ngoại giao ngồi cùng bàn, dẫn bà ra ban công. "Chỉ cho tôi thấy quang cảnh ở đây đi", ông thì thào. Bà đã phải cố đi thật nhanh để bắt kịp những bước chân của người đàn ông cao lớn vùng Texas, nhưng vị Phó Tổng thống có vẻ không để ý. Ông nhìn bà mỉm cười để mọi người trong tiệc khoản đãi chính thức có thể nhìn thấy.

Tháng Năm năm 1961, bà Nhu vững tin vào chính mình hơn bao giờ hết. Dự án tham vọng của bà muốn tái cấu trúc xã hội đang tiến triển tốt, trong đó phụ nữ là những tác nhân cho sự thay đổi. Dự án này rất đáng hài lòng, bà đã viết vội vàng trong nhật ký của mình tháng Một năm đó. Bà không nhận thấy mình thông minh đến thế! Bà Nhu đã có sáng kiến lập ra Phong trào Liên Đới Phụ nữ mùa hè năm

trước. Đó là một hội đoàn công chức dân mình vào việc giúp đỡ các gia đình quân nhân Việt Nam. Họ có thể mang thức ăn cho ai đó trong bệnh viện hay đem thuốc men cho các gia đình ở nông thôn; họ cũng có thể hiến máu và viết những lá thư khích lệ binh sĩ ngoài mặt trận. Ý tưởng là đem đến cho phụ nữ một mục đích khác bên ngoài gia đình, một phương cách để tham gia vào xã hội tích cực hơn và nhận thức được vai trò quan trọng của họ trong việc xây dựng quốc gia mới này.

Bà Nhu còn lập ra một tổ chức bán quân sự. Con gái bà, Ngô Đình Lệ Thủy, tham gia vào một đơn vị dự bị của tổ chức này. Họ được huấn luyện sử dụng súng, cứu thương và đi điều binh trong quân phục kiểu cách với cái áo thắt lại ở eo. Bà Nhu gọi các thành viên trong lực lượng nữ binh của bà là "những người yêu bé nhỏ của tôi".

Hình

Hình

Hình

Nguồn cảm hứng của bà Nhu đối với "những người yêu bé nhỏ" của bà đến từ huyền thoại Hai Bà Trưng, hai người phụ nữ trẻ đã khởi binh chống lại quân Hán xâm lược vào năm 40, gần hai ngàn năm trước. Những người Cộng sản cũng sử dụng huyền thoại này - họ tìm thấy yếu tố giai cấp trong câu chuyện - nhưng với những mục đích của mình, bà Nhu nhấn mạnh đến sức mạnh của phụ nữ và các bà mẹ trong chiến đấu. Tương truyền rằng, bà Trưng Trắc trả thù cho chồng bị quan thái thú nhà Hán giết hại. Em gái bà cùng một đội nữ kỵ binh ưu tú sát cánh bên bà. Một trong những người phụ nữ này đang mang thai và sinh con trong trận tiền nhưng vẫn tiếp tục chiến đấu với đứa bé sơ sinh buộc chặt sau lưng. Bà Nhu hy vọng rằng câu chuyện lịch sử đó sẽ thúc đẩy những người phụ nữ thời đại bà học tập những kỹ năng bảo vệ gia đình mình. Thậm chí bà còn cho dựng tượng đồng Hai Bà Trưng, đứng chào đón những chiếc tàu cập cảng Sài Gòn. Nhưng khi tượng được dựng lên, khuôn mặt và vóc dáng của Hai Bà Trưng giống bà Nhu quá đến mức thành lời ong tiếng ve. Bà Nhu muốn phụ nữ miền Nam ngưỡng mộ hai vị nữ anh hùng thời xa xưa hay Đệ nhất Phu nhân của họ? Rất có thể bản thân điêu khắc gia đã áp đặt những đường nét tương tự với ý định nhại bợ Đệ nhất Phu nhân, nhưng diễn giải phổ biến nhất là, một lần nữa, bà đang sử dụng phong trào phụ nữ để phục vụ cho những mục đích riêng của mình.

Hầu hết phụ nữ gia nhập tổ chức Liên Đối là những bà vợ trung lưu ở Sài Gòn. Họ tham gia để cầu cạnh bà Nhu hoặc để đảm bảo cho chỗ làm công chức của chồng mình. Bà Nhu vẫn không biết cách kết nối với đa số phụ nữ Việt Nam. Bà cứ đặt hết niềm tin vào lòng hăng hái của mọi người, coi đó là tất cả. Khi bà Nhu về nông thôn để kiểm tra sự hòa nhập của các tổ chức phụ nữ với làng xóm, bà được tặng hoa và được chào đón nồng nhiệt. Bà kể với Elbridge Durbrow, cựu đại sứ Mỹ ở Việt Nam, khi bà đến thăm, những người phụ nữ trong các ngôi làng đó đã cảm ơn bà như thế nào đối với Bộ luật Gia đình cấm đa thê và ly dị. "Bà không nhận ra bà nổi tiếng và được mọi người yêu mến như thế nào". Bà cũng không biết rằng mọi người nóng lòng muốn nói với Đệ nhất Phu nhân chỉ những điều bà muốn nghe. ¹⁰

Chế độ Ngô Đình Diệm bao gồm toàn những thành viên gia đình hoặc những người ngoan ngoãn phục tùng. Hoặc theo họ hoặc chống lại họ. Các bộ trưởng chính phủ hoặc các đại biểu Quốc hội có thể đi chỗ này chỗ nọ lác đác và trong thâm tâm thừa nhận mình không hài lòng, nhưng giữa bá quan văn võ thì không ai dám lên tiếng. Sách vở - phi hư cấu, tiểu thuyết, hoặc, tầm thường nhất là thơ - phải chịu kiểm duyệt. Giấy phép của chính quyền vốn có thể bị thu hồi bất cứ lúc nào nhằm kiểm soát báo chí trong nước, và các nhà báo nước ngoài phải nộp bản thảo để kiểm duyệt. Quản lý thông tin là chiến

lược của Cộng sản, nhưng đó là vấn đề: Việt Nam Cộng hòa được cho là quốc gia tự do. Sự oán giận dâng lên, thâm lắng và gây xói mòn.

Tình báo Mỹ gửi từ Sài Gòn về Washington nhiều tin đồn cho thấy bà Nhu và chồng bà dính dáng tham nhũng, mua bán ảnh hưởng và kết tội họ đưa ra những lời khuyên tồi cho Tổng thống. Như một nhà ngoại giao nhận xét một cách tinh ranh: "Không có chút khác biệt nào nếu không có điều sai trái nào được gán cho bà ta là có thật, vấn đề quan trọng là người ta tin nó". Các báo cáo nghi ngờ về ảnh hưởng mà các tổ chức phụ nữ của bà Nhu thực sự có thể gây ra đối với quốc gia này. Họ dường như xem chúng là chuyện hão huyền. ¹¹

Bà Nhu không coi ra gì những lời chỉ trích về công việc của bà. Bà sốt ruột với những thứ vụn vặt của những người chung quanh và viết vào nhật ký những điều bức bối: "Sự thông minh nuôi dưỡng lòng tham vọng, nhưng có phải là tệ hại không khi phải cộng tác với lũ ngu để mưu việc lớn? Chắc hẳn Chúa tạo ra lũ ngu dốt này để thử thách ta". Rõ ràng, những người này không thấy được bức tranh lớn, và bà Nhu đã đi quá nhanh để có thể dừng lại, giải thích cho họ biết.

Vẫn đầy tự tin, bà Nhu trình bày với các đồng nghiệp của bà ở Quốc hội năm 1961 một loạt ý tưởng vĩ đại về phương cách bảo vệ phụ nữ, gia đình, và đất nước. Bà đặt tên cho những ý tưởng này là Những Luật lệ Đạo đức. Bà Nhu cấm nhảy đầm và các cuộc thi sắc đẹp vì sẽ làm sao nhãng một đất nước đang có chiến tranh. Bà cũng đặt các tệ nạn cờ bạc, bói toán, đá gà, và mại dâm ra ngoài vòng pháp luật. Bà coi phá thai là bất hợp pháp - "Dân số chúng ta còn ít", bà nói - và còn cấm áo ngực có gọng. Đó là thời điểm bà Nhu thuyết phục mọi người phải thực hành tiết kiệm. Đừng bao giờ quan tâm đường nét của cái áo ngực đai lưng rộng phơ ra qua làn lụa mỏng chiếc áo dài của bà.

Những Luật lệ Đạo đức không đạt được gì nhiều ngoài việc làm nhiều người giận dữ - những người dù gì cũng cứ nhảy đầm. Chubby Checker và anh em Isley làm cho điệu nhảy "twist" trở nên phổ thông đến độ những kẻ bất chấp lệnh cấm nhảy đầm vẫn đến các hộp đêm được biết với tên gọi "twist easies". Lệnh cấm không chỉ áp dụng với thể loại "rock and roll" nhập khẩu; các ca khúc trữ tình Việt Nam cũng bị ảnh hưởng. Việc này đặc biệt gây khó chịu cho những người lính Việt Nam, những người thường xuyên hát ngoài mặt trận, vì tình đồng đội hay để được thoải mái ở những nơi bốn bề rừng rậm, họ có thể chạm trán một trận phục kích hoặc rơi vào một bẫy mìn bất cứ lúc nào. "Đêm mưa trên mặt trận" là một bài hát ưa thích như vậy. "Khi bầu trời chuyển sang màu hồng... Người lính trẻ nghĩ về người thân ở quê nhà... Tâm hồn đầy yêu thương". Mặc dù vậy nó vẫn bị cấm vì chưa chống cộng đủ đồ. ¹²

Các luật lệ đó rất trịch thượng, hàm ý rằng bà Nhu biết rõ hơn mọi người những gì họ nên và không nên làm, mặc, và nghe. Sự phản đối kịch liệt tất yếu về những luật lệ om sòm đó đã che mờ lập trường chung của bà Nhu - và đó là một lập trường khá tốt. Hàng đông đô la đổ vào miền Nam Việt Nam làm cho Sài Gòn có vẻ trở thành một thị trấn tiệc tùng thay vì một thành phố chuẩn bị cho chiến tranh. Nhiều người tin rằng viện trợ Mỹ cho Việt Nam Cộng hòa đã tạo ra một tầng lớp trung lưu các thương nhân và doanh nhân hậu thuẫn ông Ngô Đình Diệm. Một lối sống thoải mái là cách tự vệ tốt nhất trước tình trạng kích động của Cộng sản. Nhưng các chương trình nhập cảng hàng tiêu dùng lại chỉ tài trợ cho một lối sống tốn kém khác. Hoa Kỳ cho Việt Nam hàng hóa để bán, giúp người Việt ngăn chặn lạm phát, và trả tiền cho một mức sống cao - cộng với hầu hết phí tổn cho quốc gia. Nhưng không chỉ người Việt Nam hưởng lợi. Hòn ngọc Viễn Đông đang biến thành một sân chơi cho 12.000 quân nhân Mỹ ở đây. Số quán rượu trên đường Catinat (nay là đường Đồng Khởi) tăng vọt. Các tiệm bánh pizza mở ra, và các tài xế taxi tăng lên gấp đôi để phục vụ khách Mỹ. Có các cơ sở kinh doanh mở ra với mục đích tìm các cô gái Việt đi chơi với những chàng lính Mỹ cô đơn.

Những tờ quảng cáo hứa hẹn đẹp, quyến rũ, và đẳng cấp. Một người lính Mỹ phải tốn hai đô rưỡi để được nhìn ảnh các cô gái của cô Lee và thêm hai đô rưỡi nếu anh ta thực sự muốn trực tiếp gặp một cô tại hãng. Một cái hẹn sẽ được thu xếp với giá gần bốn đô, cộng thêm phí tổn khi đưa cô gái đi chơi. Tất cả tiến trình Tây hóa đó cung cấp chất liệu cho cỗ máy tuyên truyền của Cộng sản. Nếu người miền Nam đổi những cô gái trẻ của họ để lấy vũ khí của người Mỹ, thì dễ dàng tin rằng quốc gia này cũng đang bán linh hồn của mình.

Bà Nhu bảo vệ những luật lệ nghiêm khắc của mình. "Ai cũng biết, để đánh bại Cộng sản, bạn phải có đường lối và bám chặt vào nó". Bà nói đúng. Ý niệm phổ biến cho rằng người Mỹ "mua" miền Nam Việt Nam sẽ là công cụ tuyên quân tuyệt vời đối với Cộng sản, và bà Nhu đủ sắc sảo để sớm nhận ra vấn đề. Nhưng bà đã sử dụng cái vôi rồng chữa lửa để dập tắt một que diêm. Người ta ghét bà vì phong cách độc đoán. Những năm thuộc địa và chiến tranh đã làm chai sạn đồng bào của bà! Bà Nhu thích nói mình đại diện cho đồng bào, nhưng bà hầu như không biết họ. Thay vì vậy, những luật lệ và qui định của bà là sự bành trướng những nguyên tắc đạo đức của riêng bà và những lời nhắc nhở thường xuyên về quyền lực của bà. Lối sống của bà trong Dinh sặc mùi xa xỉ và phung phí khi mà hầu hết người Việt Nam vẫn phải sống ở nông thôn và vật lộn để tồn tại. Bà không có quyền gì không cho họ có được chút ít niềm vui.

Chồng bà Nhu không được dân chúng yêu thích bằng bà. Vị trí của ông trong chính quyền Ngô Đình Diệm được xác định một cách lỏng lẻo là cố vấn của Tổng thống, nhưng nhiều người tin rằng ông điều khiển cuộc chơi. Để minh họa quyền lực to lớn của ông Nhu, đặc phái viên David Halberstam cố gắng đặt ông vào bối cảnh nước Mỹ cho bạn đọc của tờ New York Times: "Hãy hình dung Ngô Đình Diệm là Tổng thống Hoa Kỳ; trong hoàn cảnh đó Ngô Đình Nhu sẽ kiểm soát tất cả báo chí trong nước, đứng đầu CIA, FBI và Quốc hội, làm Bộ trưởng Tư pháp và Bộ trưởng Ngoại giao, và viết tất cả tường trình mà Tổng thống nhìn thấy. Những gì ông Diệm biết về thế giới bên ngoài là những gì ông Nhu muốn ông ta biết; những gì ông ta thấy là thấy qua cặp mắt của ông Nhu; những người ông gặp chỉ là những người đã được ông Nhu chấp thuận".

Ông Nhu lập ra các tổ chức khác nhau để thực hiện các chiến lược chính trị mà ông đề ra. Có tổ chức Thanh niên Cộng hòa, những người trẻ mặc đồng phục xanh dương được coi là đại diện cho tiếng nói của thanh niên miền Nam Việt Nam. Thay vì bày tỏ chính kiến của mình, đa số họ nhai đi nhai lại những câu nói của người sáng lập và lãnh đạo của họ là Ngô Đình Nhu. Thanh niên Cộng hòa có 1.386.757 thành viên vào cuối năm 1962, giảm gần 300.000 so với hai năm trước đó. Lực lượng này đã được thanh lọc kỹ, không có khả năng trở thành những người Cộng sản phá hoại; 21.061 thanh niên có vũ khí, và họ tuyên bố đã giết được 234 Cộng sản. Về phía mình, họ cũng mất gần 500 người trong những vụ ám sát của Cộng sản và 2.413 người khác trong các vụ bắt cóc. Những con số thống kê này dường như không làm giảm bớt lòng hăng hái của họ đối với lãnh tụ của mình. Trong buổi lễ tái bổ nhiệm - ông vừa được chọn làm Chủ tịch toàn quốc của Thanh niên Cộng hòa - Phó Tổng thống Việt Nam Cộng hòa và các thành viên Quốc hội đứng dậy khi ông Nhu đón tiếp các đại biểu của các đơn vị thanh niên. Mặc dù trời mưa tầm tã, ông Nhu vẫn đứng, cả người ướt nhẹp trong bộ đồng phục của tổ chức, trong khi từng người một, các bạn thanh niên quì xuống tuyên thệ thực hiện những mệnh lệnh của lãnh tụ và ủng hộ điều lệ của Thanh niên Cộng hòa, tìm mọi cách huy động toàn thể nhân dân miền Nam Việt Nam tham gia vào cuộc đấu tranh chống Cộng sản. ¹³

Một trong những dự án mà ông Nhu quan tâm nhất là Chương trình Ấp Chiến lược. Người Anh đã làm điều tương tự tại Malaya để chống lại quân nổi dậy Cộng sản. Những người nông dân chuyển đến các khu vực được củng cố vững chắc và được quân đội bảo vệ, được bao bọc bởi các lớp dây thép gai,

đạn dược, và súng ống. Ông Nhu cố gắng sao chép chiến lược của người Anh; về lý thuyết, áp chiến lược ngăn chặn Cộng sản tiếp cận với nguồn tiếp tế và nhân lực. Ông Nhu rất thích kế hoạch này bởi vì, một lần nữa, nó mang cuộc cách mạng chính trị ra khỏi Sài Gòn để đến với các vùng nông thôn. Không chỉ là một chiến lược quân sự nhằm đánh bại Cộng sản, nó còn là thành quả hợp lý của cuộc cách mạng kinh tế - xã hội của ông, và là cơ hội để xây dựng một nền móng chính trị mới, cho ông Ngô Đình Diệm, ở nông thôn. Nhưng vì tính nóng giận và thiên vị của ông Nhu, các quan chức địa phương báo cáo sai sự thật về áp chiến lược khi chúng không thực sự tồn tại. Chúng không hoàn toàn là những khung cảnh yên ả. Những ngôi làng được bao bọc bởi những bụi tre đặt bẫy treo, và hai cái tháp canh hướng về phía rừng hoặc đồng ruộng. Giữa hai lớp dây thép gai là những hàng chông, mũi chông trét đầy phân người để gây thương tích cho bất kỳ kẻ xâm nhập nào. Nhưng làm hàng rào thép gai rất tốn thời giờ, và bản thân thép cũng là loại vật liệu đắt tiền. Thay vì mười bốn tấn dây thép gai dành riêng cho việc xây dựng một áp chiến lược, mười tấn thép gai được kéo giãn ra để xây dựng 163 áp chiến lược, không an toàn chút nào. Người dân địa phương thường không được bồi thường vì mất đất, và những người bị dí lưỡi lê buộc phải rời bỏ nhà cửa để đi cư trú chỗ khác mà không được báo trước bởi vì chiến lược của ông Nhu là ập tới những vùng có nhiều Cộng sản mà không thông báo, không chuẩn bị, hay không có sự bằng lòng trước. Ông không tính đến thời gian cần thiết để đưa các dịch vụ khác vào hoạt động để thuyết phục dân chúng, như an sinh, y tế, và trường học. Thay cho mô hình những ngôi làng an toàn, ông Nhu đã lập ra một cái gì đó giống như một vùng quê rải rác các trại tập trung nhỏ.

Đáng sợ nhất trong tất cả là Sở Nghiên cứu Chính trị Xã hội của Phủ Tổng thống do ông Nhu lập ra, về cơ bản nó là một tổ chức của những người chỉ điểm hoạt động như một nhân viên CIA. người Việt. Người Mỹ đã hào phóng cung cấp tiền bạc để giúp cho tổ chức này phát triển. Dù vậy nó đã sớm mang tiếng hung hiểm. Sở Nghiên cứu Chính trị Xã hội còn hơn là một tổ chức thu thập thông tin tình báo. Nó thực thi công lý thông qua các đơn vị cảnh sát đặc biệt với những biện pháp thô bạo. Bởi vì khó mà phân biệt những người làm cách mạng kiên định với những người hợp tác chỉ vì yêu nước, cả hai nhóm người này đều bị xử lý như nhau. Những người bị Sở Nghiên cứu Chính trị Xã hội ruồng bỏ có thể bị đánh đập hoặc tra điện vào bộ phận sinh dục, nhưng hầu hết họ bị bỏ mặc trong ốm yếu tiêu tụy với tư cách là những tù nhân chính trị, vốn chiếm một phần ba trong tổng số 30.000 người bị giam cầm trong năm chục nhà lao trên cả nước. ¹⁴

Ông Nhu luôn bảo đảm chiều theo ý của anh mình, Tổng thống, giữa công chúng, nhưng mọi người ngày càng tin rằng ông Nhu đang nắm quyền. Điều đó biến ông thành mục tiêu. Trong một chuyến đi săn bắn ở Đà Lạt, Việt Cộng tấn công đoàn xe của ông, và người chỉ huy cận vệ của ông bị bắn chết trong cuộc phục kích. Chính quyền tìm cách ém nhẹm, cho đó đơn giản chỉ là một tai nạn xe cộ trên con lộ nông thôn tối trời. Họ không bao giờ giải thích tại sao chiếc xe lẫn chỗ những vết đạn.

Trong một cuộc phỏng vấn với phóng viên Marguerite Higgins, ông Nhu thành thật cho biết dân chúng không thích ông đến độ nào, "tôi bị ghét, và vợ tôi cũng vậy", nhưng ông sẵn sàng nhận lãnh trách nhiệm của mình, "chính quyền nào cũng có tay cứng rắn, người làm những việc dơ bẩn và khó ưa. Ngay cả Eisenhower cũng phải có một Sherman Adams [cước chú của Higgins: ông Nhu lấy làm tự hào khi theo dõi sát những việc làm kín đáo của chính phủ Hoa Kỳ]... Ở Việt Nam, nơi bạo lực và hiểm độc có ở khắp mọi nơi, tôi là người nhận những công việc không dễ chịu. Tôi chính là kẻ bị lãng mạ, nhờ đó mà người khác có thể được dung thứ". ¹⁵

Sự bất mãn của dân chúng đối với ông Nhu và người vợ khả ái của ông được nhiều người Mỹ nghe thấy ngay cả trước chuyến công du của Johnson. Vậy thì tại sao Phó Tổng thống đưa ra tất cả những

hứa hẹn tươi sáng về sự cam kết của Mỹ đối với chế độ này? Như Johnson giải thích trong một cuộc chất vấn chính thức về chuyến công du, không phải chỉ mình ông Diệm và gia đình ông chịu đối xử như vậy. Ông Diệm phức tạp, xa cách, và chung quanh ông là những người "không xứng đáng và kém năng lực". Nhưng sự thật vẫn là không có người nào khác để Mỹ sử dụng nhằm giữ vững lập trường chống chủ nghĩa Cộng sản ở Đông Nam Á. Khi ở Sài Gòn, trong một khoảnh khắc phấn khởi và vui sướng, Johnson hào hứng tuyên bố Ngô Đình Diệm là Winston Churchill của châu Á.

"Ông có thực sự muốn nói vậy?", nhà báo Stanley Karnow hỏi.

"Cút", Johnson lè nhè trả lời, "Diệm chỉ là cậu bé duy nhất chúng ta tìm được ở đây".

Karnow không thể viết điều đó lên báo Saturday Evening Post, như phóng viên tờ New York Times Homer Bigart đã sáng chế ra cụm từ nói về tình thế khó khăn của Mỹ ở Việt Nam: "Chìm hoặc bơi cùng với Ngô Đình Diệm". Nó là dòng đầu của một ca khúc mà Bigart đã phịa ra để hát với bạn bè trong giới báo chí Sài Gòn theo giai điệu bài I'm an Old Old Cowhand":

Chúng ta phải

Chìm hoặc bơi

Cùng với Ngô Đình Diệm

Chúng ta sẽ

Không nghe nói

Về bà Nhu

À, ồ,

Ồ, ye

Vân vân. [16](#)

Sáng ngày 27 tháng Hai năm 1962, hai phi công bắt đồng chính kiến lái máy bay bỏ nhào xuống Dinh rồi ném bom. Mục tiêu của họ là cánh phải của Dinh, nơi gia đình ông Nhu đang ở. Bà vú nuôi người Tàu của đứa bé nhỏ nhất bị trúng một mảnh bom, chết. Cô con gái lớn của vợ chồng ông Nhu, Lệ Thủy, vẫn giữ được bình tĩnh trong cơn hỗn loạn. Cô gái mười sáu tuổi bò lê lét để cứu hai đứa em nhỏ, một đứa hai tuổi và một đứa chưa tới mười tuổi, khi cầu thang chính đổ sập trong đồng lửa.

Toàn bộ trần nhà của phòng ngủ đổ sập xuống khi bà Nhu chạy vào nhà tắm để lấy áo choàng mặc phủ lên áo ngủ. Bà thoát khỏi chỗ đó nhưng lộn nhào từ tầng hai xuống một đồng sắt, gỗ, sỏi rồi ngã vào một đồng tro than âm ỉ cháy. Bà phát hiện mình bị ba vết bỏng nặng độ ba và những vết cắt sâu trên cánh tay, nhưng lạ một điều là bà không cảm thấy đau đớn gì cả. Bà không có bất cứ cảm giác gì ngoại trừ thấy khó cử động, khó xua đẩy những thứ đè lên người mình để chui ra khỏi đồng hỗn độn. Nhưng bà biết bà phải chui ra. Một thung lũng ánh sáng đang vẫy gọi; một làn gió thoảng qua xua tan đám khói khỏi người bà. Bà chưa bao giờ thấy rõ ràng đến thế. Bà nhìn vượt qua đồng tàn tích. Vượt qua những cái bóng dài gãy đổ của Dinh, một nguồn sáng rực rỡ đang dâng lên. Phức lành và thương xót. Loạng choạng đến gần bà là một bóng hình đi trong lửa cháy. Đó là chồng bà đang đi tìm bà, kêu lên mừng rỡ khi thấy bà vì ông nghĩ bà đã chết. Những phiên toái hôn nhân của họ được dẹp qua một bên, họ lại là một bên nhau - ít nhất là trong giây phút đó. Bà Nhu ngất lịm vào vòng tay chồng.

Bà Nhu mất gần như tất cả của cải trong đám cháy. Một vài bộ quần áo nằm ở tiệm may còn nguyên vẹn, và, như sau này tôi biết, một cuốn nhật ký. Những chiến lợi phẩm của bà, những bộ da cạp quí giá, chỉ còn là một mớ da cháy khét. Chỉ còn những ký ức ở lại với bà. Nhưng bà ngạc nhiên thấy mình

không buồn nản. Một cái gì mới mẻ mở ra trong tâm hồn bà, đúng như nó đã mở ra khi bà rảo bước qua một cây cầu ở miền Trung Việt Nam khi còn là một phụ nữ hăm một tuổi với đứa con nhỏ trên tay. Bà sẽ không bao giờ quan tâm đến những cái vụn vặt như quần áo hay của cải vật chất nữa.

Những tấm ảnh chụp những người phụ nữ giữa những bộ da cạp trong phòng ngủ Dinh của bà Nhu càng thêm phần xúc động bởi thảm họa ập đến đã biến Dinh thành một cảnh tượng tan tành vỡ vụn.

Tôi cẩn thận dán từng tấm ảnh vào cuốn album, mỗi tấm một trang và mỗi trang được bảo vệ bằng một miếng giấy da mịn. Cuốn album tôi đã chọn có màu đỏ, để được may mắn, tất nhiên. Tôi gởi đi sau khi đã chèn đóng xộp viên đậu bằng thư tín ưu tiên. Đáp lại, bà hết lời ca tụng tôi. Việc tôi hoàn thành thách thức của bà chắc chắn là một dấu hiệu thiêng liêng. Nhưng bà chưa hoàn toàn sẵn sàng, bà nói, thực hiện lời hứa chuyển giao cuốn hồi ký. Tôi nên kiên nhẫn, bà quả trách.

Dĩ nhiên, tôi sẽ biết rõ hơn.

-
- [1](#) Martha T. Moore, "Phòng vấn Jean Smith", USA Today, 26 tháng 9 năm 2010.
 - [2](#) Lời trích dẫn của LBJ trong President Kennedy: Profile of Power của Richard Reeves (New York: Simon and Shuster, 1994), 118.
Ghi chép về hành trình ở Sài Gòn của Johnsons, xem Death of a Generation: How the Assassinations of Diem and JFK Prolonged the Vietnam War - Cái Chết Của Một Thế Hệ: Những vụ ám sát Diệm và JFK đã kéo dài chiến tranh Việt Nam như thế nào của Howard Jones (Oxford: Oxford University Press, 2004), 61-65.
 - [3](#) Về việc Lê Duẩn và Việt Cộng đã lật đổ Diệm và các quan thầy thực dân, xem Langguth, Our Vietnam, 113-114.
 - [5](#) Langguth, Our Vietnam, 389, 393, 399; "Điện tín từ Bộ Ngoại giao gởi đến Đại sứ quán ở Việt Nam", FRUS, 1961-1963, 2:159-160.
 - [6](#) Về những chỉ thị miệng và những con số thương vong bị làm sai lệch, xem A Bright Shining Lie: John Paul Vann and America in Vietnam của Neil Sheehan, (New York: Vintage, 1989), 123- 125.
 - [7](#) Thông tin về những sách lược của Việt Cộng đối với sứ mệnh của Hoa Kỳ ở Việt Nam, "A Study: Viet Cong Use of Terror", Tháng 5, 1966, USAID, http://pdf.usaid.gov/pdf_docs/PNADX570.pdf.
 - [8](#) Malcolm w. Browne, The New Face of War - Diện Mạo Mới Của Chiến Tranh (Indianapolis: Bobbs-Merrill, 1968), 27-28.
 - [9](#) Những chi tiết về hành trình ở Sài Gòn của LBJ và lời trích dẫn của Karnow trong Jones, Death of a Generation, 61.
 - [10](#) Xem ghi chép về cuộc trò chuyện giữa Elbridge Durbrow và bà Nhu, Foreign Service Dispatch № 28, 8 tháng 7 năm 1960.
Về thái độ hoài nghi, xem Elbridge Durbrow, Foreign Service Dispatch, 15 tháng 7 năm 1960. Về nhận định của nhà ngoại giao rằng nếu lời đồn đại là thật thì cũng chẳng có gì khác biệt, xem Rene George Inagaki, w. Fishel Papers, Michigan State University, Archives and Historical Collections, box 1223, folder 40.
 - [12](#) Halberstam, Quagmire, 101.
 - [13](#) Xem Airgram A217 từ Sài Gòn, 1 tháng 11, 1962, dẫn những số liệu đăng trên Thời Báo Vietnamese news vào 24 tháng 10 năm 1962. Scigliano, South Vietnam, 173.
 - [14](#) Shaplen, Lost Revolution, 157.
 - [15](#) Higgins, Our Vietnam Nightmare, 195.
Về lời bình "shit" của LBJ, xem Stanley Karnow, Vietnam: A History (New York: Penguin Books, 1997), 230. Về bài hát của Bigart, xem William Prochnau, Once upon a Distant War: Young War Correspondents in the Early Vietnam Battles (New York: Random House, 1995), 48-49.
 - [16](#)

Chương 11

TRAI TRẺ VÀ LÃO LÀNG

"David Halberstam chết hôm qua", tôi thận trọng báo tin này với bà Nhu vào tháng Tư năm 2007. "Đó là một vụ đụng xe". Tôi không biết chắc bà theo dõi những biến cố thời sự sâu sắc đến mức độ nào. Tôi thậm chí còn ít chắc chắn hơn về việc bà sẽ phản ứng ra sao khi nghe đến tên của phóng viên từ New York Times và là ngòi bút viết nhiều, người bà từng biết ở Sài Gòn nhiều năm trước đây.

Cáo phó về ông chạy trên tờ báo ra buổi sáng:

Cao, cầm vuông, hấp dẫn với giọng nói gây ấn tượng trầm sâu như thể nó vang lên từ mắt cá chân ông ta. Ông Halberstam thành công hoàn toàn với tư cách nhà báo trong những năm đầu thập niên 1960 khi viết về cuộc chiến sơ khởi của người Mỹ ở Nam Việt Nam cho tờ New York Times.

Những tường thuật của ông, bên cạnh những tường thuật của đồng nghiệp, gieo ít nhiều hồ nghi rằng chính quyền tham nhũng Nam Việt Nam được hậu thuẫn của Hoa Kỳ không sánh bằng những du kích quân Cộng sản và các đồng minh Bắc Việt của họ. ¹

"Hừm, những kẻ giỏi nhất và những kẻ thông minh nhất", bà nói, khiến tôi ngạc nhiên bằng cách nhắc ngay đến tựa cuốn sách xuất bản năm 1972 của ông ấy. "Không, tôi không biết ông ấy chết. Rất tiếc".

Bà không có vẻ buồn lắm, nhưng điều đó không có gì lạ. Từ những gì tôi biết về cách đưa tin của Halberstam, ông ấy không thích bà Nhu, và bà ta cũng không ưa gì ông. Ông cho rằng bà "kiêu hãnh và vô dụng" và kết tội bà đã "bới sâu vào chính trị của bọn đàn ông bằng sự ngu dốt rõ rệt và không che giấu được". Trong cuốn sách năm 1964 của mình, "Tạo ra một vùng lầy", Halberstam nói về bà Nhu, "Đối với tôi, bà lúc nào cũng giống như một nhân vật của Ian Fleming bước vào cuộc sống thực: một phản nữ thần, một người đàn bà độc tài - tính dục xinh đẹp nhưng hiểm ác, điều khiển một số cơ cấu bí mật mà James Bond tìm cách hủy diệt" ². Ông đã phê phán kịch liệt sự khao khát quyền lực chính trị của bà Nhu đến mức tin lời đồn bà nói với ai đó vào năm 1963, "Halberstam sẽ bị nướng quay, và tôi sẽ vui sướng cung cấp mỡ và diêm quẹt".

Có thể bà đã già dặn hơn sau bốn chục năm, hoặc có thể ký ức của bà đã trở nên mềm mại hơn. Nhưng phản ứng của bà Nhu trước cái chết đột ngột của David Halberstam bốn mươi bốn năm sau làm tôi sửng sốt khi bà nhớ đến ông ta sâu sắc làm sao. "Ông ấy thông minh, một trong những người hiếm hoi nói sự thật".

Quả thật, ông đã làm vậy, cả trong cuốn sách "Những kẻ giỏi nhất và những kẻ thông minh nhất", mà bà Nhu đã đề cập, lẫn trong lối đưa tin sắc sảo, trực diện đã giúp ông giành giải Pulitzer năm 1964. Những sự thật của Halberstam làm cho chính quyền Mỹ khó chịu và giới chức quân sự điên tiết. Ông từng là người đầu tiên vạch cho thấy rằng chiến tranh ở Việt Nam sẽ không đi đến đâu. Thỉnh thoảng ông lại chỉ cho thấy rằng Hoa Kỳ đang làm hỏng sứ mệnh của nó ở Đông Nam Á. Giới hàn lâm và trí thức trẻ thành đạt trong chính quyền Kennedy ngạo mạn đặt ra những chính sách thách thức lương tri thông thường. Đối với bà Nhu, hẳn cũng đã có ít nhiều minh oan khi thấy những kẻ lật đổ gia đình bà bị lu mờ bởi cách đưa tin của Halberstam.

Nhưng Halberstam cũng lớn tiếng, và lặp đi lặp lại, đổ lỗi cho gia đình họ Ngô về thất bại của Mỹ ở

Việt Nam. Tin tức của ông được Washington đọc rất kỹ. Bản thân Tổng thống Kennedy yêu cầu CIA nghiên cứu từng bài báo do nhà báo trẻ này viết, và mỗi một báo cáo của CIA bao gồm nhiều trang phân tích cách dòng đơn. CIA kết luận rằng nhà báo trẻ này có được thông tin về các sự kiện trực tiếp ở Nam Việt Nam chính xác hơn đa số các "cố vấn" quân sự. Anh ta đúng khi nói rằng Cộng quân đang thắng và lại đúng khi tuyên bố rằng các du kích quân Cộng sản được trang bị tốt và "thao túng vùng đồng bằng sông Cửu Long". ³

CIA đi đến một kết luận quan trọng khác về những tin tức của Halberstam. Những bài báo "lúc nào cũng bi quan" góp phần trực tiếp vào sự khủng hoảng chính trị ở Nam Việt Nam. CIA đòi David Halberstam chịu trách nhiệm về sự rạn nứt của chế độ họ Ngô. Những tin tức của ông, họ nói, góp phần dẫn đến sự suy sụp của nó. Liệu bà Nhu có biết đến chi tiết này? ⁴

Halberstam và những nhà báo trẻ khác của phân bộ báo chí ở Sài Gòn tin vào sứ mệnh của Mỹ ở Nam Việt Nam. Họ ủng hộ học thuyết domino hết lòng đến mức khi họ nhìn thấy các chính sách từ chính phủ của họ bị bà Nhu và gia đình bà làm cho trầy trật, các nhà báo này dường như quyết định tự mình, với tư cách những người Mỹ tử tế, thay đổi tình hình ở Nam Việt Nam, cũng như đưa thông tin về nó. Mục đích của họ không có gì khác là thay đổi chế độ.

Họ đổ tội cho anh em họ Ngô vì đã để mọi chuyện gần như sai lạc so với nỗ lực hậu thuẫn của Mỹ ở Nam Việt Nam. Chỉ sau khi ông Diệm và ông Nhu chết đi thì chính Halberstam mới kết luận rằng vì tất cả tin tức về những sai lầm của chế độ Ngô Đình Diệm, ông đơn giản đã không đủ bi quan. Vấn đề không chỉ là sự ngạo mạn của ông Diệm quý tộc, chủ nghĩa duy trí trì trệ của ông Nhu, hay những mưu đồ vụ lợi cá nhân của bà Nhu. Những cơ hội thành công ở Việt Nam đã sa vào vũng lầy dày đặc. Nhưng vào lúc đó, đã quá muộn. ⁵

Bà Nhu hình như chưa bao giờ hiểu được vai trò của báo chí ở Việt Nam. Bà tưởng các phóng viên phải bám chặt vào lập trường chung và kỳ vọng họ lặp lại những gì Dinh Tổng thống nói với họ. Tìm kiếm những nguồn tin bên ngoài là thiếu tôn trọng. Bà, ông Nhu, và ông Diệm đều không nói dối, ít nhất là không cố ý nói dối, với báo chí. Họ tin những điều ngớ ngẩn mà họ đang tuyên truyền - như những thắng lợi vang dội mà quân đội của họ giành được ở nông thôn hay sự trung thành của dân chúng đối với chế độ. Họ cảm thấy các phóng viên không quan tâm đúng mức đến những câu chuyện tích cực. Tại sao không nói về các chương trình y tế và phúc lợi xã hội? Thay vào đó họ tập trung vào những cái tiêu cực. Bà Nhu tìm cách quở mắng họ. "Các bạn làm như thể mình chỉ là những khán giả ở đây, các bạn không hiểu rằng các bạn ở cùng chúng tôi và chúng tôi cần sự hậu thuẫn của các bạn sao?" ⁶. Dinh Tổng thống và báo chí không hiểu ý nhau. Các phóng viên châm biếm bà, còn bà thì cứ ra mặt khinh thường họ.

Vì tất cả những điều đó, nên khi nghe tin David Halberstam chết, bà Nhu có vẻ như không muốn nghĩ đến ý định của nhà báo trẻ là muốn cổ vũ cho việc lật đổ chế độ của gia đình bà. Thay vì vậy bà nhớ đến chuyện anh ta tặng bóc bà như thế nào. "Anh ta so sánh quyền lực của tôi với quyền lực của Tổng thống!". Bà nói điều đó như thể anh ta chỉ khen tặng cái váy đen mà bà biết bà đẹp khi mặc nhưng không muốn thừa nhận điều đó:Ồ, cái này cũ rồi! Như thể gán cho bà quá nhiều quyền lực là ngớ ngẩn, nhưng tặng bóc bà thì cũng vậy.

David Halberstam đúng là đã nhận ra những ưu điểm lớn nhất của bà Nhu: sự nhất quán và quyết tâm của bà. Ông bình luận về niềm tin sắt đá của bà vào chính bản thân và lý tưởng của bà. Nhưng Halberstam cũng nhìn thấy sự xác tín đúng đắn đó, trong khi thể hiện, có thể là khuyết điểm chết người về tính cách như thế nào. Bà Nhu không thể hoặc sẽ không thấy khía cạnh đó. Ngược lại bà chỉ thích

cách ông mô tả về bà: "Bà Nhu thực sự thèm khát những lễ nghi dành cho lãnh tụ. Bà là người duy nhất trong gia đình đi đứng theo cách một nhà độc tài - với năng khiếu tự nhiên và niềm vui thích rõ ràng, theo sau là một hàng người phục dịch - từ từ quay người trước hết qua phải, rồi qua trái để cười chào đám đông. Đó luôn luôn là màn trình diễn của bậc thầy".

Mô tả này hầu như có thể đọc như một lời khen tặng nếu không có dòng cuối cùng: "Đây là phong cách mà Mussolini hẳn đã thể hiện". ⁷

"Tôi đã tiếp ông ta", bà Nhu bảo tôi, như thể bà đã ban vinh dự cho một nhà báo hãnh tiến chỉ mới đến xứ sở này có mấy tháng. Không dễ được ngồi trước mặt Đệ nhất Phu nhân của Việt Nam Cộng hòa. Người nào muốn phỏng vấn bà đều phải trải qua những thủ tục nhiều khê. Trước hết anh ta phải trình trọng đề nghị một cuộc gặp kín và viết một lá thư thân tình gởi cho bà nêu rõ những gì anh ta muốn hỏi. Nếu người được phỏng vấn chấp thuận, chắc chắn như vậy, thì nhà báo sẽ được chờ đón một người cao hơn một mét rưỡi và nặng hơn bốn mươi ký là bà Nhu xuất hiện ẩn tượng. Bà thường diện áo dài, cẩn thận vuốt thẳng những nếp gấp lụa, rồi lụa thế nhẹ nhàng ngồi xuống để không làm nhàu chiếc áo. Cái ghế được chạm trổ cầu kỳ gần như cái ngai vàng - nó càng giống như vậy hơn khi bà ấn nhẹ cái chuông trong tay. Đâu đó vang lên một tiếng chuông. Halberstam viết về sự chạm trán của ông với những kỹ thuật phỏng vấn của bà Nhu trong cuốn sách *The Making of a Quagmire* và mô tả việc được tiếp trà và kẹo bạc hà "bởi những người hầu nam nhỏ bé cúi mình khúm núm trông giống như một thứ tra tấn thời trung cổ nào đó" ⁸.

Halberstam đến Sài Gòn đúng vào lúc một đặc phái viên khác rời đi. François Sully, một người Pháp làm việc cho Newsweek, đã làm bà Nhu khó chịu. Ông đã bị trục xuất sau mười lăm năm ở xứ này. Lý do? Một bài viết ngày 20 tháng Tám năm 1962 kèm theo tám ảnh chụp các người tình của bà Nhu - đội bán quân sự của bà - với chú thích "Nữ dân quân ở Sài Gòn: kẻ thù có thêm động lực và sự hăng hái". Giới báo chí Hoa Kỳ ở Sài Gòn không buồn khi thấy Sully ra đi. Tin tức của ông đầy u ám trong khi chính sách chính thức vẫn một mực lạc quan. Nhưng Halberstam đã ghi lại những ý kiến đáng chú ý. Sully rời Việt Nam như một người hùng báo chí, có thể nói vậy. Hai cô gái trẻ giữ ông lại trong một cửa hiệu để xin thủ bút của ông. Khi Sully chuẩn bị trả tiền thuế xuất cảnh như thường lệ cho chuyến ra đi của mình, một viên chức địa phương mỉm cười, bắt tay ông, và không nhận tiền. Ông gọi Sully là "người bạn chân chính" của Việt Nam vì đã nói sự thực, dù đau đớn.

Phóng viên hãng tin AP Malcolm Browne chia sẻ giải thưởng Pulitzer năm 1964 với Halberstam vì những tin tức của họ về Việt Nam. Họ còn có chung quan điểm về bà Nhu. "Bà ta là loại người rất tự phụ", Browne về sau khẳng định như vậy. "Bà luôn vui vẻ trò chuyện với cánh nhà báo chúng tôi, nếu bà có thể yên trí những gì chúng tôi viết là tâng bốc bà", điều này càng ngày càng không đúng. Browne cũng miễn cưỡng ca ngợi bà Nhu. "Bà là một trong những tài sản lớn nhất của ông Diệm và ông Nhu", không có nghĩa ông nghĩ rằng đó là điều tốt cho sự ủng hộ của Hoa Kỳ ở Việt Nam. "Bà thường hòa đồng với đám đông, rất nguy hiểm cho bà", ông nhớ lại. "Bà làm người ta điên tiết, nhưng bà can đảm".

Browne chụp bức ảnh nhà sư tự thiêu vào tháng Sáu năm 1963. Đó là một bức ảnh kinh hoàng. Khuôn mặt nhà sư nhăn nhúm lại trong đau đớn tột cùng. Thích Quảng Đức đã tự thiêu để phản đối chế độ họ Ngô, và bà Nhu chỉ có thể nói bà sẽ "vỗ tay cho một vụ nướng nhà sư khác". Bức ảnh đó, và phản ứng theo kiểu Marie Antoinette của bà, cho người ta hiểu thêm về những gì đang diễn ra ở Nam Việt Nam cũng nhiều như bất kỳ câu chuyện nào của các đặc phái viên nước ngoài. Bức ảnh của Browne để trên bàn làm việc của Tổng thống John F. Kennedy khi ông phái tân đại sứ đến Việt Nam Cộng hòa, Henry Cabot Lodge, người hiểu rằng nhiệm vụ của ông là làm tất cả để vô hiệu hóa bà Nhu. ⁹

John Mecklin, một cựu nhà báo sau chuyển sang làm công chức, đã đưa tin về sự kết thúc của Đông Dương từ 1953 đến 1955 và trở lại năm 1961 với tư cách là viên chức của Sở Thông tin Hoa Kỳ. Ông công nhận những tác động lịch sử mà các phóng viên đang gây ra và trong hồi ký của mình, *Mission in Torment*, cho rằng tin tức của những người như Halberstam và Browne góp phần lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm. Tôi chợt nghĩ trong khi đọc cuốn sách của ông rằng bà Nhu đã đúng. Các ký giả đã về bà Nhu như một người hoang tưởng và điên khùng; đến lượt mình bà nghĩ giới báo chí tìm cách hãm hại bà. Cả hai bên đều đúng.

Tôi chạy xe lên Maryland để thăm Stanley Karnow, người viết cuốn sách hoàn hảo gần tám trăm trang, *Vietnam: A History*, mà tôi đã mang theo trong chuyến đi đầu tiên đến Việt Nam. Ông mời tôi đến hàng lang có kính che nhà ông, ở đó chúng tôi uống cà phê đen, pha sẵn, và Karnow đốt hết điều thuốc này đến điều khác khi hồi tưởng lại những ngày ở Sài Gòn.

Bà Nhu, Karnow nói, là đàn bà hơn là nhà nữ quyền, "rất đóm đáng, luôn phô vẻ gợi tình của mình". Bà táo tợn, vui nhộn, nhảy nhót, và là "một cơn sóng ngầm - không ai có thể kiểm soát bà". Người Mỹ, bà Nhu nói, đang sử dụng viện trợ của họ để "tạo ra những tay sai người Việt và dụ dỗ phụ nữ Việt Nam vào con đường suy đồi". Bà tuyên bố rằng các phóng viên Mỹ đang hoạt động chống lại bà, rằng tờ *New York Times* đã nhận hối lộ 40.000 đô để đăng bài phỏng vấn một lãnh đạo Việt Cộng, và rằng tờ báo Mỹ uy tín này là một phần của "âm mưu Cộng sản quốc tế" muốn nhấn chìm đất nước bà. Karnow nhớ lại ông Diệm trong thâm tâm đã nao núng trước những gì em dâu ông nói. Bà buộc tội Tòa Đại sứ Mỹ đe dọa và tống tiền, tuyên bố với cả thế giới rằng cần "một cú sốc điện để lấy lại các giác quan của mình", và tố giác đại úy Mỹ John Paul Vann, cố vấn của một viên tướng quân đội Việt Nam Cộng hòa, là "nhà quân phiệt ngoại quốc", người đã "làm rối các quan chức [Nam Việt Nam]". Karnow không nghĩ sự xúc phạm của bà Nhu là điểm mạnh. "Mặc dù bà không ngốc nghếch, bà không có sự miễn cảm đặc biệt. Bà không nhận thức được rằng bà đang đổ dầu vào lửa" của công luận chống lại chế độ.

Như Browne và Halberstam, Stanley Karnow viết về những sai lầm nguy hiểm mà Hoa Kỳ phạm phải khi hậu thuẫn cho chế độ họ Ngô ở Sài Gòn. Nhưng không như những người khác, Karnow dám đi xa đến mức suy đoán rằng, dù họ có thể lạm dụng từ "tự do" xấu xa đến mức nào, thì nếu ông Diệm, ông Nhu, và bà Nhu còn tại vị, họ "sẽ không bao giờ để cho quân đội Hoa Kỳ vào", hoặc ít nhất là không cho vào với số lượng lớn như vậy. Chiến tranh với tất cả sự kinh hoàng của nó có thể đã không xảy ra.

Tờ báo tiếng Anh ưa thích của bà Nhu là *Times of Vietnam*, được xuất bản bởi những người bạn thân của bà ở Sài Gòn, Ann và Gene Gregory. Hai vợ chồng Gregory ở Sài Gòn lâu hơn hầu hết người Mỹ, họ đến đây vào năm 1952 như một bộ phận của Sở Thông tin Hoa Kỳ. Sau chuyến trở về Hoa Kỳ ngắn ngủi, họ quay lại khi Gene nhận được học bổng của Quỹ Ford để thực hiện một nghiên cứu về các cấu trúc xã hội - kinh tế đang phát triển của một quốc gia "chỉ mới thoát ra khỏi chế độ phong kiến".¹⁰ Vợ chồng Gregory bỏ lại sau lưng công sở và thế giới học thuật khi họ mua được cái lúc bấy giờ là tuần báo tiếng Anh. Trên tờ *Newsweek* năm 1963 có một tiểu sử sơ lược về vợ chồng Gregory mô tả Gene "mập mạp và có đôi mắt lúc nào cũng chậm chạp như ngái ngủ để đánh lừa người khác" nhưng sắc sảo đủ để sớm nhận ra được tiềm năng cho tờ báo của ông nếu ông mở các mục liên quan đến Dinh như một địa chỉ để bày tỏ các quan điểm của nó. Tờ *Times* rất thành công, và nó sớm trở thành nhật báo. Nói về nó như một cuộc phiêu lưu thành công thì có thể gây lảm lẫn. Nó phát hành chỉ vài ngàn bản, nhưng ai cần số lượng lớn khi đã có độc giả quan trọng nhất ở quốc gia này?¹¹

Các đặc phái viên ngoại quốc khác không quan hệ tốt với vợ chồng Gregory ở Sài Gòn. Hai vợ chồng sống trong một biệt thự màu kem tại khu ngoại ô toàn người Việt Nam. Bà Ann có mái tóc vàng và đầy

năng lượng như sự hòa nhã của chồng, và Gene béo lùn khiến người ta nghĩ ông hoàn toàn không giống gì với các nhà báo trẻ năng nổ đầy rẫy trong thành phố. Nghề làm báo không phù hợp với tính cách của ông đến mức trong nhiều năm mọi người nghĩ rằng đó chỉ là cái vỏ bề ngoài vụng về cho công việc chính của ông là điệp viên, một kiểu "nhân vật James Bond bèo nhèo" giả vờ thân cận với anh em ông. Nhưng giả định đó sai bét nhè. Vợ chồng Gregory đã dành quá nhiều trang báo của họ nhằm phá hoại các đồng nghiệp để đạt được bất cứ thứ gì khác hơn những kẻ bợ đỡ trung thành của chế độ. Một trong những tựa báo trang nhất của họ phê phán kịch liệt phóng viên hãng UPI Neil Sheehan viết, "UPI nói láo, nói láo, nói láo". Khi các biên tập viên của David Halberstam yêu cầu ông viết một bài về tờ báo đó, ông trả lời rằng viết bất cứ chút gì chính xác về những người đó sẽ là bôi nhọ, còn viết bất cứ cái gì không bôi nhọ thì sẽ là quá khoan dung. ¹² Học giả về Đông Nam Á Bernard Fall từng biết vợ chồng Gregory khi ông sắp hoàn thành bằng tiến sĩ về khoa học chính trị ở Đại học Cornell. Họ đã bất hòa đến mức tuyệt giao, có vẻ như ông nợ Ann tiền bạc, mà Ann là người giúp ông đánh máy luận án. Khi họ gặp lại nhau, cách Sài Gòn hàng ngàn cây số, cuộc tái ngộ hết sức vui vẻ. Fall viết mấy dòng cho vợ ông, Dorothy, về sự kiện đó: "Anh muốn em biết điều này để em có thể có hành động đúng mực với giới cầm quyền Hoa Kỳ, đề phòng có chuyện gì đó xảy đến với anh ở đây", ngụ ý rằng Ann và Gene đã lan truyền những tin đồn chê bai về ông và một lời nói xấu từ họ với những kẻ xấu sẽ rất nguy hiểm. ¹³

Tờ báo Times of Vietnam là vô giá đối với Dinh. Nó trao cho chế độ này một phương tiện để tuyên truyền những quan điểm của mình - bằng tiếng Anh. Nhiều người cho rằng Gene Gregory được xe đưa đón khắp thành phố trong chiếc xe Peugeot đen vì vợ chồng Gregory được gia đình ông Nhu quý mến đến vậy cơ mà. Ann điều hành tờ báo hằng ngày và giúp bà Nhu dịch ra tiếng Anh những tuyên bố của bà về Ngày Liên đới Phụ nữ hoặc lễ kỷ niệm Hai Bà Trưng. Các diễn văn của bà Nhu lúc nào cũng lê thê và thường chán ngán đến khó tin, và luôn gây khó hiểu.

Khi nghiên cứu về bà Nhu, tôi đã ghi lại đầy đủ các diễn văn của bà để nhận ra tính chất lan man của chúng. Bà dùng thì quá khứ, hiện tại và tương lai, và bà lặp đi lặp lại đến bực mình. Chỉ có một người bạn thân, như Ann Gregory, mới có thể tìm ra đủ chỗ trên tờ báo của bà để đăng chúng hoặc thậm chí chỉ từng phần. Nhưng, báo Times rất hay in lại toàn bộ các diễn văn. Tờ báo sớm được biết tiếng như là cái loa của bà Nhu. Thậm chí bà còn nhận là tác giả của một số bài báo, như bài buộc tội các nhân viên tình báo Mỹ ở Sài Gòn là "những gã thanh niên hoài nghi như Quốc xã" đang âm mưu lật đổ chính quyền. Phong cách của bà Nhu quá đặc trưng để mạo nhận phong cách người nào khác. Có ai khác cứ kết tội mọi người "say rượu"? Phóng viên News York Times Halberstam "say rượu". Tổng thống Kennedy "say rượu". Các Phật tử và thậm chí cha mẹ bà - "say rượu". Tờ Times of Vietnam in bài "chiến dịch giải rượu" của bà Nhu, với câu mở đầu rất lộn xộn: "Một chiến dịch giải rượu phải được mở ra ngay lập tức nhằm giải rượu cho những ai thực sự muốn được giải rượu".

Về tất cả những rắc rối bà Nhu gây ra khi bà nói các điệp viên CIA "giống như Quốc xã", cáo buộc của bà cho rằng Hoa Kỳ đang âm mưu lật đổ chế độ Ngô Đình Diệm đã tỏ ra chính xác vài tuần sau khi bài báo được viết thuê của bà Nhu xuất hiện. Sự suy sụp của gia đình họ Ngô cũng kéo theo sự suy sụp của vợ chồng Gregory. Báo Times bị đốt sạch. Ann Gregory phải chạy trốn và tìm nơi trú ẩn trong Tòa Đại sứ Mỹ. Bà rời Sài Gòn đến Thụy Sĩ ngay sau đó, nơi bà và bà Nhu tiếp tục trò chuyện. Khi tôi hỏi bà Nhu về tình bạn của bà với Ann, bà khúc khích cười và nói hai người đã từng vui vẻ với nhau đến độ thấy như mình trẻ lại.

Bà Nhu cũng có những người biện hộ cho mình trong báo giới chính mạch. Marguerite Higgins làm việc cho tờ New York Herald Tribune với tư cách là đặc phái viên chiến tranh trong hai chục năm

trước khi chuyển sang tờ Newsday rồi được phái đến Việt Nam. Bà tỏ ra thông cảm với cảnh ngộ của Ròng Cái.

Higgins đến Việt Nam để phỏng vấn bà Nhu và tìm hiểu sơ qua quốc gia này vào năm 1963. Lần đầu bà ném mùi xức sớ này là khi bà mới sáu tháng tuổi và bị bệnh sốt rét. Gia đình bà đang sống ở Hồng Kông, và bác sĩ ở đó khuyên cha mẹ đưa bé đem nó đến vùng núi đồi Đà Lạt ở Đông Dương thuộc Pháp để nó được thở không khí trong lành. Những cái hồ nhân tạo ở Đà Lạt thay vì trị liệu đã truyền thêm bệnh, nhưng đứa bé đã gặp may - hơn ông ngoại mình, một sĩ quan trong quân đội thực dân Pháp, người đã chết vì một căn bệnh nhiệt đới ở Việt Nam. Higgins lại gặp may khi bà được giao nhiệm vụ đưa tin về thất bại của người Pháp ở Điện Biên Phủ năm 1954. Bà đang đi bên cạnh nhiếp ảnh gia nổi tiếng Robert Capa thì ông ta đạp trúng mìn, chết. Lúc đó bản thân Higgins đã nổi tiếng. Tạp chí Life ca ngợi cô gái có đôi mắt sáng rực mặc quần kaki xắn cao và mang đôi giày tennis như cô gái gan dạ phi thường trong câu lạc bộ các nhà báo ngoại quốc toàn mày râu. Cái chú thích dưới tấm ảnh ghi, "Higgins vẫn cứ làm mọi cách để thu hút". ¹⁴

Cũng như bà Nhu, Higgins nổi tiếng là người tham vọng không che giấu. Cả hai người đàn bà này có thể rất nhẫn tâm và không hề sợ hãi khi đối mặt với kẻ thù. Cuối Thế chiến thứ hai, trong khi đưa tin Dachau được giải phóng, Higgins trung dụng một chiếc xe Jeep và lái chạy vào lãnh thổ nước Đức. Bản thân bà không trang bị vũ khí và chấp nhận sự đầu hàng của nhiều binh lính phe Trục đang rút lui, chỉ dừng lại khi chiếc xe Jeep không thể chở thêm vũ khí. Bà ở Seoul vào tháng Sáu năm 1950, khi những người Bắc Hàn xâm lăng. Bà bơi vào bờ sau khi tàu của bà bị chìm và phải đi bộ hơn hai chục cây số, nhưng rồi Higgins thoát được và nổi tiếng. Bà là người phụ nữ đầu tiên được giải Pulitzer vì đưa tin quốc tế, và được hãng tin AP (Associated Press) vinh danh là Người Phụ nữ của Năm, năm 1951. ¹⁵

Cũng như các đặc phái viên khác ở Sài Gòn năm 1963, Higgins hoàn toàn tin vào học thuyết domino. Nhưng bà phát biểu thẳng thừng lập trường chống cộng của mình hơn hẳn các nhà báo Mỹ khác. Higgins ủng hộ việc sử dụng bom nguyên tử chống lại Trung Cộng và gọi cuộc chiến chống chủ nghĩa Cộng sản là "Thế chiến Thứ ba". Bà sẵn sàng làm bất cứ cái gì để bảo vệ nước Mỹ - và Higgins muốn rằng những trận đánh như vậy diễn ra "cách xa San Francisco và New York". Bà thông cảm với tình trạng độc tài hiển nhiên của chế độ Sài Gòn, miễn là nó chuyên chế dưới chiêu bài dân chủ. Sau này Higgins sẽ phủ nhận điều này, nhưng tạp chí Time trích lời bà nói với một phóng viên trong bữa ăn tối ở Sài Gòn rằng các đặc phái viên Mỹ ở Nam Việt Nam "muốn thấy chúng ta thất bại trong cuộc chiến này để chứng tỏ họ đúng". Đó là một bình luận kích động. ¹⁶

Khi Higgins gặp bà Nhu ở Dinh, Đệ nhất Phu nhân mỉm cười và "trông không có chút gì hung dữ". Higgins mô tả bà một cách ngưỡng mộ: "Cái đầu búi cao từng lộn tóc đen, và mớ tóc lụa thừa trước trán. Cái áo dài lụa trắng của bà, trang phục truyền thống của Việt Nam, ôm sát cái thân hình cần đối làm gợi lên niềm kiêu hãnh phụ nữ. Bà mang đôi giày mềm với gót cao kiểu Pháp. Những cái móng tay dài tiêu thụ được chải chuốt bằng nước sơn hồng". ¹⁷

Higgins công khai ca tụng sự dũng cảm cá nhân của bà Nhu, và bà có thể đồng cảm với cung cách mà một phụ nữ có cá tính hung dữ và kiên quyết đối mặt với nguy cơ bị mất danh dự trước công luận.

Higgins từng là chủ đề của nhiều đồn đoán về những cuộc phiêu lưu tình dục của bà. Bà từng được cho là "ngây thơ như rắn hổ mang" và bị chế nhạo có nhiều nam tính chỉ vì bà thành công trong thế giới của đàn ông. Khi có người kể với Homer Bigart của tờ New York Times rằng Higgins mới sinh con đầu lòng, nghe nói ông đáp lại, "Tuyệt vời. Ai là mẹ vậy?" Phản ứng đó càng trở nên độc ác hơn khi đưa

bé đó chết năm ngày sau khi bị sinh non.

Higgins đến Sài Gòn vào mùa hè năm 1963 đúng vào lúc bà Nhu diễn tả vụ tự thiêu của một nhà sư là "tiệc nướng ngoài trời". Thật man rợ khi nói vậy. Nhưng khi Higgins hỏi bà về câu nói tiệc nướng ngoài trời, bà thỏa mãn với câu trả lời của bà Nhu: "Tôi dùng những chữ đó vì chúng có giá trị gây sốc. Cần thiết phải bằng cách nào đó gây sốc cho cả thế giới, để họ thoát khỏi cơn mê mà trong đó họ nhìn vào Việt Nam". Trong vòng vài phút gặp bà, Higgins thấy quá rõ vấn đề thực mà bà Nhu đối mặt. Làm thế nào Mỹ, một quốc gia theo Higgins là "một xã hội bình thần, bàng quan, vô tâm, đừng lôi tôi vào", có thể hiểu được "một Valkyrie phương Đông rắc rối hung tợn?" ¹⁸

Higgins nhìn thấy bà Nhu như một con người trọn vẹn hơn là con Rồng Cái mà bà chuẩn bị để gặp. Bà không có vấn đề gì với bà Nhu khi sử dụng vẻ đẹp ngoại hình của bà; sự hấp dẫn tính dục cũng là một vũ khí không thể thiếu trong kho của Higgins. Bà Nhu rõ ràng là một người mẹ ân cần: Khi đưa con gái bốn tuổi của bà chạy vào căn phòng nơi cuộc phỏng vấn đang diễn ra, bà Nhu không lên giọng rầy la mà vui vẻ xoa đầu đứa trẻ và cho nó cái ruy-băng để nó chú tâm chơi trong suốt thời gian còn lại của cuộc nói chuyện. Higgins nhìn thấy ở bà Nhu một người vợ đảm thắm và lễ phép mặc dù, như bà Nhu thừa nhận với Higgins trong buổi phỏng vấn, tình yêu bà dành cho chồng "không phải là thứ tình yêu đam mê dữ dội". Higgins cũng có thể cảm thông với điều này. Trước khi lấy chồng, bà than thở với một người bạn rằng chỉ khi nào đàn ông thú vị như chiến tranh lúc đó bà mới thấy mục đích của việc lập gia đình. Bà không thấy có dấu hiệu gì về lối sống xa hoa hay giàu có của bà Nhu như đồn đãi, và bà không thấy có vấn đề gì với sự khao khát quyền lực của bà. "Quyền lực là tuyệt vời", bà Nhu nói với bà. Higgins đồng ý.

Vì tất cả những lý do đó và nhiều lý do khác nữa, Higgins quyết định sẽ giúp bà Nhu. Bà hành động như một người bạn, bà nói, và "như một công dân Mỹ chứ không phải như một nhà báo". Đúng thế, Higgins cho bà những gợi ý về cách diễn đạt mọi thứ, bao gồm toàn bộ những đoạn văn để đưa vào các diễn văn tương lai của bà về các chủ đề chiến tranh, Phật giáo, và kiểm soát báo chí. Bà cũng cho bà Nhu những lời khuyên quan trọng về những gì không nói trước báo chí, cập nhật cho bà biết những từ ngữ có thể gây ấn tượng không tốt và khuyên bà không công khai chỉ trích Tổng thống Kennedy. Bà Nhu nghĩ bà có thể phớt lờ những kẻ gièm pha và đập lên những lời đồn về đầu cơ chiến tranh, rửa tiền, và các tài khoản ở ngân hàng ngoại quốc. Bà không hiểu được rằng những nhận thức của mọi người, dù không chính xác, vẫn tạo ra một thực tế mà bà cần đối phó. Higgins đã làm được. Bà tìm cách làm cho thanh danh của bà Nhu sáng tỏ, không dính gì đến tham nhũng. Higgins viết cho mẹ của bà Nhu:

Bộ Ngoại giao và Cục Tình báo Trung ương (CIA) nói rằng không có bằng chứng tham nhũng về phía con gái bà hay bất kỳ thành viên nào của gia đình Ngô Đình Nhu. Không có dấu hiệu nào cho thấy họ thu gom cả đồng tiền để sử dụng cá nhân. Điều đó có phù hợp với hiểu biết của bà về hoàn cảnh của bà Nhu không?

Thứ lỗi cho tôi đã đề cập thẳng thắn vấn đề này. Nếu bà cảm thấy không muốn trả lời, tôi có thể hiểu phần nào.

Trân trọng,

Marguerite Higgins

Mẹ bà Nhu trả lời bằng một câu, dù cộc lốc, xác nhận ý kiến của Higgins: "Tôi không tin Tổng thống Ngô Đình Diệm và vợ chồng Ngô Đình Nhu tham nhũng". ¹⁹

Chính bà Nhu tìm được sự hậu thuẫn công khai của một người bạn Mỹ có chỗ đứng rất quan trọng:

Clare Booth Luce. Luce là cựu phóng viên chiến tranh và một người cải đạo sang Công giáo. Bà cũng có trải nghiệm của một người phụ nữ tài năng, xinh đẹp, giàu có, và gây tranh cãi trong mắt công chúng. Là một nhà viết kịch thành công, bà đi lên từ vị trí thư ký tòa soạn của tờ Vogue và cưới người chủ hai tạp chí đế quốc Time và Life, Henry Luce. Cuộc hôn nhân tốt đẹp không làm bà hoàn toàn thỏa mãn. Luce được bầu vào Hạ nghị viện từ Hạt Fairfield, bang Connecticut, và được Tổng thống Dwight Eisenhower bổ nhiệm làm đại sứ Ý năm 1952. Bà biết ít nhiều về tham vọng.

Vợ chồng Luce cùng ủng hộ chính sách của Đảng Cộng hòa, chống Cộng sản. Họ đều là thành viên của Nhóm vận động Hành lang về Trung Hoa từng ủng hộ Tưởng Giới Thạch trước khi Mao lên nắm quyền. Tạp chí Time đã bênh vực chế độ Ngô Đình Diệm ngay từ đầu, chào mừng Tổng thống và gia đình ông như những nhà ái quốc kiên định, mộ đạo. Vì vậy không có gì ngạc nhiên khi Clare Luce đứng về phía bà Nhu. Luce nói rằng những gì đang xảy ra ở Việt Nam "giống một cách đáng ngạc nhiên với Thống chế Tưởng Giới Thạch và bà Tống Mỹ Linh ở Trung Hoa khi Bộ Ngoại giao đột ngột cắt viện trợ cho họ và rồi Mao Trạch Đông giành chính quyền ở Trung Hoa".

Luce tự mình làm mọi chuyện ngay lúc này và viết một bài đính cho tờ National Review biện hộ cho bà Nhu. Bà vẽ chân dung Đệ nhất Phu nhân Việt Nam Cộng hòa như một người mẹ và người Công giáo tận tâm, một kiểu pha trộn giữa Jacqueline Kennedy và Eleanor Roosevelt. "Trong giây phút, dù ngắn ngủi, của lịch sử, một phần nào uy danh nếu không nói là an ninh của nước Mỹ, dường như nằm trong bàn tay hồng nhát của cánh tay mảnh dẻ tuyệt đẹp của bà". Trong một nỗ lực dửng dưng nhưng trề tràng để dựng lại hình ảnh của bà Nhu vào tháng Mười Một năm 1963, Luce so sánh bà với một người phụ nữ Mỹ tiên phong và gọi bà là người xả thân vô vọng và nhà nữ quyền. [20](#)

Một ngày trước khi bài viết này xuất hiện trên báo, Luce đã nói chuyện qua điện thoại thật lâu với "Dick", Richard Milhous Nixon, bạn bà, người sẽ trở thành Tổng thống thứ ba mươi bảy của Hoa Kỳ. Lúc bấy giờ, Nixon đang lo chữa lành những vết thương chính trị sâu sắc, khi lần đầu tiên thất bại trong cuộc tranh cử Tổng thống năm 1960 trước Kennedy và sau đó là cuộc chạy đua vào chức Thống đốc bang California năm 1962. Luce và Nixon nói chuyện về tình trạng sụp đổ ở Việt Nam và sự hữu ích của hình tượng bà Nhu đẹp đẽ, bị vây khốn.

Luce không biện hộ cho bà Nhu vì sự thiện hảo trong tâm hồn bà. Với tư cách một thành viên trung thành của Đảng Cộng hòa, bà muốn Kennedy thất bại. Luce tin rằng John F. Kennedy đang để mất Đông Nam Á vào tay Cộng sản, và bà cho rằng cái nhìn của bà Nhu về tình hình Việt Nam là rất chính xác. Cuộc bầu cử Tổng thống Mỹ sắp diễn ra, và Luce nghĩ rằng một ai đó giống như Dick bạn thân của bà sẽ đại diện tốt hơn cho những giá trị bảo thủ và chống Cộng của bà trong Nhà Trắng. Luce dùng tất cả sự mê hoặc của mình để thuyết phục ông rằng bà Nhu xứng đáng được bảo vệ công khai, nhưng bà hẳn đã phải nghe ít nhiều hoài nghi từ phía Nixon vì rằng, trước khi kết thúc cuộc nói chuyện điện thoại, Luce tuyên bố, "Tôi ước gì tôi đang tranh cử Tổng thống!" [21](#)

Tại sao nhiều phụ nữ khác không cảm thấy sức lôi cuốn của bà Nhu như Marguerite Higgins và Clare Boothe Luce cảm thấy? Tại sao sự kết hợp của vẻ đẹp rạng ngời và sự nghiêm khắc lại thất bại khốn khổ như vậy nơi bà Nhu khi nó phát huy tốt nơi những phụ nữ khác trong chính trường - chẳng hạn, những người đàn bà dòng họ Kennedy như Jean Smith, Ethel vợ của Robert, và nhất là Jacqueline Kennedy, vợ của Tổng thống và là Đệ nhất Phu nhân của Hoa Kỳ? Có lẽ vì mọi người nhìn thứ chủ nghĩa nữ quyền của họ mang tính lật đổ? Nó khoác chiếc áo vừa vặn. Bà Nhu có nhiều áo dài đẹp, nhưng bà hoặc bị cười nhạo như một người đàn bà bất lực hoặc bị lăng mạ như "người đàn ông đích thực" trong gia đình họ Ngô.

Bà Nhu không phải là người phụ nữ đầu tiên người Mỹ gọi là Rồng Cái. Danh xưng này dường như

xuất phát từ nhân vật hư cấu trong truyện tranh Terry and the Pirates những năm 1930. Con Rồng Cái biếm họa đó là người đàn bà quyền rũ ghê gớm. Á được tạo ra từ những nét mực vẽ phác rất hung tợn làm nổi rõ xương gò má góc cạnh và cặp mắt lão liên. Á chỉ quan tâm đến tiền bạc và quyền lực. Từ đó, bất kỳ người phụ nữ châu Á nào không phù hợp với hình dung một phụ nữ phương Đông nhu mì, phục tùng mà lại sốt sắng đều bị dán nhãn "rồng cái". Nữ hoàng cuối cùng của Trung Hoa, Từ Hy, là một, cũng như Tống Mỹ Linh, người sẽ trở thành bà Tưởng Giới Thạch, và bà Mao. Ngôi sao điện ảnh Mỹ gốc châu Á đầu tiên của Hollywood, Anna May Wong, được chọn hoặc vào vai phụ khiếm tốn là một cánh hoa mỏng manh hoặc là con rồng cái quỷ quyệt và đầy mảnh khảnh trong các phim như The Thief of Bagdad và Old San Francisco.

Khi bà Nhu trở thành Đệ nhất Phu nhân của Việt Nam Cộng hòa năm 1954, Mỹ còn là một quốc gia phân biệt chủng tộc. Luật lệ Jim Crow cách ly mọi người theo màu da; luật lệ chống hôn nhân và sinh sản dị chủng có nghĩa là ngôi sao điện ảnh Anna Wong không thể đóng vai chính lãng mạn trong một bộ phim trừ phi cô có bạn diễn vai chính là người châu Á - tại nhiều tiểu bang, sẽ là bất hợp pháp nếu để cô ta hôn một người đàn ông da trắng trên màn ảnh. Trận đánh bom của Nhật xuống Trân Châu Cảng khiến ác thần châu Á trở thành một thứ côn đồ điển hình. Mặc dù chiến thắng của Mỹ trong Thế chiến thứ hai chấm dứt việc giam giữ những người Mỹ gốc Nhật trong các trại tù, thái độ phân biệt chủng tộc vẫn không thay đổi qua một đêm. Học giả người châu Á Sheridan Prasso cho rằng thắng lợi của Mỹ ở Thái Bình Dương cũng cố thêm định kiến người châu Á là yếu kém. Bằng việc ném bom nguyên tử xuống Hiroshima và Nagasaki, Hoa Kỳ chứng tỏ sự thống trị nam tính của nó. Vào thời kỳ Triều Tiên và Việt Nam, quốc gia này sẵn sàng đứng về phía "các dân tộc phục tùng, nhu nhược lẽ ra chịu thua sự căm dỗ của Chủ nghĩa Cộng sản". Prasso phát hiện những mô tả của người Mỹ về các lãnh đạo châu Á vốn đặt nặng những phẩm chất nữ tính đó: Mao Trạch Đông có giọng nói the the, cũng như hai cánh tay dài, nhạy cảm của phụ nữ và cái miệng đàn bà; Hồ Chí Minh nhỏ người và yếu đuối, sốt sắng và tế nhị; Ngô Đình Diệm thì "mỏng manh dễ vỡ như đồ sứ với những nét tính cách tinh tế và nước da màu ngà".

[22](#)

Việt Nam được coi là một nơi lạ lẫm, điều tàn, phụ nữ ở đó ân cần và khiêm tốn. Vì vậy người Mỹ thấy bà Nhu hoàn toàn khó hiểu. Bà không khớp với những trông đợi của họ về một người phụ nữ phương Đông và cũng không khớp với lý tưởng của người Mỹ: Bà là hình ảnh tương phản chính xác với người phụ nữ tóc vàng mỉm cười trên bìa tờ Saturday Evening Post ra tháng Mười Hai năm 1962. Số báo đó giới thiệu những mảnh ghép làm nên "người phụ nữ Mỹ" và cho thấy những thái độ của cô ta về gia đình, tính dục, tôn giáo, và xã hội. Ông Gallup, vua của các cuộc điều tra dư luận, đã khảo sát cả quốc gia, và kết quả được ghi nhận. Người phụ nữ Mỹ là người nội trợ và người mẹ làm việc tận tụy toàn thời gian. "Mặc dù người đàn bà ly dị, người vợ không con, [và] người mẹ làm lụng" tồn tại, họ không quá tiêu biểu và do đó "cực đoan", nên các tác giả loại họ ra khỏi cuộc khảo sát này. "Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy không nhiều người được hạnh phúc như bà nội trợ". Trách nhiệm của người VỢ: "Bạn phải ưu tiên cho chồng bạn". Và khác với những người đàn ông phải tìm kiếm ý nghĩa trong cuộc đời, cuộc điều tra kết luận, phụ nữ Mỹ sinh ra đã biết mục đích của họ một cách chính xác: làm một người vợ đảm đang và người mẹ hiền. Nói về việc đòi hỏi, các tác giả kết luận, phụ nữ dễ dàng bằng lòng với thực phẩm, quần áo, và phụ giúp chút ít công việc nhà. "Người đàn bà thực sự không kỳ vọng nhiều từ cuộc đời".

Một thay đổi lớn đối với phụ nữ Mỹ là sẵn sàng nắm bắt cơ hội làm việc hoặc thăng tiến. Với việc xuất bản cuốn The Feminine Mystique vào đầu năm 1963, Betty Friedan đã cất cao tiếng nói nêu lên "vấn đề không tên", vị thế thứ hai của phụ nữ trong xã hội, và cuốn sách này đã khởi động phong trào nữ quyền hiện đại ở Hoa Kỳ.

Bà Nhu mà phụ nữ Mỹ đọc trên báo không ngăn ngại đòi sự tin cậy khi nào bà nghĩ là xứng đáng - và lớn tiếng đòi hỏi. Bà không biện giải về việc thích quyền lực và đòi hỏi cao. Đa số phụ nữ Mỹ "chê" cái ý tưởng có một phụ nữ làm Tổng thống, và 20 phần trăm phụ nữ nói phụ nữ mà dính líu vào chính trị thường là điều không tốt. Phụ nữ rõ ràng là quá xúc cảm. Công chúng Mỹ vào năm 1963 đã có một số ý tưởng về những gì khả thi đối với một Đệ nhất Phu nhân. Bà Nhu không phải như vậy.

Jacqueline đóng vai đó tốt hơn nhiều. Bà trông như một ngôi sao điện ảnh, học thức cao, và nói được tiếng Pháp. Nhưng Jacqueline Kennedy cũng bị kẹt trong những qui ước và khuôn mẫu của thời đại.

Trong khi bà Nhu công khai ca ngợi Jacqueline Kennedy, dùng những từ "tao nhã" và "học thức" để mô tả bà, thì Jacqueline không nói về bà Nhu như vậy. Bà Nhu, Jacqueline Kennedy nói, "là tất cả những gì Jack thấy không hấp dẫn". Đệ nhất Phu nhân của Hoa Kỳ nói rất rành mạch trong cuộc phỏng vấn được ghi âm từ năm 1964. Những người phụ nữ nhiều quyền lực chính trị nói chung rất ghê gớm. Indira Gandhi, Thủ tướng tương lai của Ấn Độ, thực sự là "một phụ nữ ồ ạt, cay cú, huênh hoang, kinh khủng". Nhưng trong khi phán xét người khác, chính Jackie cũng tỏ ra khó ưa - và giống như một di vật thời xa xưa. ²³

Những người biện hộ cho bà có thể nói rằng Jackie Kennedy thừa nhận những câu thúc của thời đại bà, xác nhận chúng dễ nhẹ nhàng lật đổ chúng, đảo ngược chúng. Có thể. Vào năm 1964, quá rõ ràng bà là một sản phẩm của thời đại và không gian bà sống. Bà khoác lác bằng cái giọng thì thảo quen thuộc về cuộc hôn nhân "châu Á" với Jack, đánh đồng sự phụ thuộc với nữ tính. Nói về bà Nhu, một phụ nữ đích thực ngẫu nhiên đến từ châu Á, người không chịu cúi đầu quy lụy và khép nép, Jacqueline nghĩ bà chỉ là ghê gớm. Bà Nhu hành động như thể bà bức tức vì nhận được quyền lực từ đàn ông, thay vì biết ơn, và sự bức tức đó làm cho bà trở nên khô khan như đàn ông. "Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu họ là hai người nữ đồng tính", Jackie thì thầm nói về bà Nhu và Clare Boothe Luce. Những kiểu phụ nữ đó - những phụ nữ tham vọng muốn có cái gì đó để khẳng định mình và không xấu hổ về việc đó - không được chào đón ở nước Mỹ của Kennedy năm 1963.

- ¹ Clyde Haberman, "David Halberstam, 73, Reporter and Author, Dies" New York Times, 24 tháng 4 năm 2007.
- ² Halberstam, Quagmire, 27.
- ³ Lawrence Freedman, *Kennedy's Wars: Berlin, Cuba, Laos, and Vietnam* - Những Cuộc Chiến Của Kennedy: Berlin, Cuba, Lào và Việt Nam (New York: Oxford University Press, 2000), 388.
- ⁴ Một tổng kết khúc chiết về những căng thẳng giữa báo giới và những mục đích của Hoa Kỳ, xem Jones, *Death of a Generation*, 208-210.
- ⁵ Về nghị trình chính trị của báo giới ở Sài Gòn, xem *Once upon a Distant War*, 354 của Prochnau: "Nó có thể hạ bệ Diệm, và họ sẽ giúp nó hạ bệ Diệm. Họ không lừa dối bản thân về những mục tiêu của mình".
- ⁶ Bà Nhu được trích dẫn trong *The Furtive War: The United States in Vietnam and Laos* - Cuộc Chiến Ngầm: Hoa Kỳ ở Việt Nam và Lào của Wilfred Burchett, (New York: International Publications Company, 1963), 17; CIA theo dõi chặt chẽ việc xuất bản quyển sách này vì quan điểm Cộng sản và lập trường ủng hộ Việt Cộng công khai của tác giả.
- ⁷ Halberstam, Quagmire, 28.
- ⁸ Halberstam, Quagmire, 27.
- ⁹ Tổng thống Kennedy gọi Henry Cabot Lodge đến Sài Gòn làm đại sứ Hoa Kỳ nhằm phản ứng với cuộc khủng hoảng Phật giáo. Về quan niệm của Lodge đối với nhiệm vụ của ông và những trực giác đầu tiên của ông rằng 'Vợ chồng Nhu phải ra đi' vì đã cố tình chọc giận chính quyền Kennedy, xem Lodge in Vietnam: *A Patriot Abroad* của Anne Blair, (New Haven, CT: Yale University Press, 1995), 22, 37, 40; và Jones, *Death of a Generation*, 280, 304.
- ¹⁰ Joyce Hollman, *On Their Own: Women Journalists and the American Experience in Vietnam* (Cambridge, MA: Da Capo Press, 2008), 32.
- ¹¹ "The Gregorys of Saigon", *Newsweek*, 23 tháng 9 năm 1963, và "Mlle Readers in Saigon", *Mademoiselle*, tháng 3 năm 1957.
- ¹² Prochnau, *Once upon a Distant War*, 257.

- [13](#) Dorothy Fall, Bernard Fall: Memories of a Soldier-Scholar (Washington, D.C: Potomac Books, 2006), 91-92,117.
- [14](#) Carl Mydans, "Girl War Correspondent", Life, 2 tháng 10, 1950,51.
- Vận may của Higgins cuối cùng đã hết. Trong nhiệm vụ năm 1965, cô đã mắc phải căn bệnh Leishmaniasis, một căn bệnh nhiệt đới
- [15](#) chết người, và mất ở tuổi bốn mươi lăm. Xem thêm "1950: The Korean War-1950: Cuộc Chiến Triều Tiên" Columbia Journalism School, <http://centennial.journalism.columbia.edu/1950-the-korean-war>.
- [16](#) Higgins được trích dẫn bởi Charley Mohr, phóng viên tạp chí Time ở Sài Gòn, trong Prochnau, Once upon a Distant War, 350.
- [17](#) Về diện mạo của bà Nhu cho đến những móng tay sơn hồng của bà, Higgins, Our Vietnam Nightmare, 62.
- [18](#) Về bình luận "Valkyrie Phương Đông", xem Higgins, Our Vietnam Nightmare, 63.
- [19](#) Thư từ với bà Trần Văn Chương được trích từ những tập hồ sơ của bà Ngô Đình Nhu trong số giấy tờ của Marguerite Higgins, Box 10, Special Collections Research Center, Syracuse University Library.
- [20](#) Clare Booth Luce, "The Lady Is for Burning: The Seven Deadly Sins of Madame Nhu", National Review, 5 tháng 11, 1963.
- [21](#) Box 223, Giấy tờ gia đình và cá nhân, Clare Booth Luce Papers, Manuscript Division, Library of Congress, Washington, D.C.
- [22](#) Về những chân dung đã được ủy mị hóa của những lãnh tụ Á châu như Mao, Hồ Chí Minh, và Diệm, xem Sheridan Prasso, The Asian Mystique: Dragon Ladies, Geisha Girls and Our Fantasies of the Exotic Orient (New York: Public Affairs, 2006), 53, 56.
- [23](#) Michael Beschloss, ed., with a forward by Caroline Kennedy, Jacqueline Kennedy: Historic Conversations on Life with John F. Kennedy, Interviews with Arthur Schlesinger, Jr., 1964 (New York: Hyperion, 2011).

Chương 12

NHỮNG NHÀ SƯ TỰ THIÊU

Bà Nhu hài lòng với thành công của tôi khi tìm lại cho bà những bức ảnh da cộp - quá hài lòng, bà nói, đến độ bà quyết định đã đến lúc gởi cho tôi bản tóm tắt trong một đoạn duy nhất về những hồi ức của bà.

Tóm tắt cuốn sách của tôi: Hội Thánh phải được bảo vệ. Khi đã nhận Sứ mệnh khắp thế giới để cho mọi người biết Sự thật về những gì đang xảy ra ở Việt Nam, tôi bắt đầu những chuyến đi vào tháng Chín, 1963, ở Liên minh Nghị viện ở Belgrade. Trong khi tôi vắng mặt, Việt Nam bị đóng đinh như "Chúa cứu thế của Các Quốc gia"... Mọi chuyện quay trở lại với Hội Thánh, như Bí mật Fatima, để cứu thế giới khỏi bị hủy diệt... Bà Ngô Đình Nhu.

Cái gì đây? Bí mật Fatima? Chúa cứu thế của Các Quốc gia? Thay cho một bản tóm tắt ngắn gọn về cuộc đời một người đàn bà từng đầy quyền lực, đoạn văn trên nghe như một trích đoạn từ một lời công kích của tôn giáo. Khi tôi hỏi bà Nhu những hồi ức cá nhân của bà ở đâu - mùi vị, âm thanh - bà trả lời quanh co.

"Đến đây", bà hứa hẹn. "Tôi chỉ cần biết rằng tôi có thể dựa vào cô".

Tôi có thể sẽ biết nhiều hơn.

Thử thách kế tiếp của tôi - thử thách sau cùng, bà Nhu hứa - là tìm văn bản một bài diễn văn vào tháng Tám năm 2009 của một người Mỹ, một giám mục Công giáo tên là William Skylstad, trong chuyến đi thăm Việt Nam từ Spokane, Washington. Có người kể với bà Nhu về chuyến viếng thăm của vị giám mục đến một vùng gần sát với thành phố Huế, một địa điểm gần gũi với trái tim bà. Vị giám mục dừng chân ở Đền thờ Đức Mẹ La Vang. Đối với bà Nhu, tính biểu tượng của chuyến thăm La Vang của vị giám mục Mỹ - hơn thế nữa, một giám mục vốn là chủ tịch Hội nghị các Giám mục Công giáo - có thể chỉ nói lên một điều: lời tạ lỗi về những gì đã gây ra cho gia đình bà. Tôi không bao giờ nghe nói về vị giám mục và địa điểm đó, nhưng tôi hứa với bà Nhu tôi sẽ tìm hiểu.

Các tin đồn nói rằng vào năm 1789, hình ảnh Mẹ Maria hiện ra ở một nơi bây giờ là huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị, miền Trung Việt Nam. Các tín hữu Công giáo ở quốc gia này từng chịu bách hại khủng khiếp; tôn giáo của họ đánh dấu họ như những kẻ có cảm tình với thực dân, trong khi các ông vua Việt Nam vẫn đang cố gắng chống lại sự xâm lăng của người Pháp. Nhà Nguyễn ban hành chỉ dụ phá hủy các nhà thờ, các ông vua Minh Mạng và Tự Đức khuyến khích đàn áp đạo Công giáo bằng mọi cách, thậm chí bằng bạo lực. Tổ tiên Công giáo của ông Nhu gần như bị xóa sạch. Hơn một trăm thành viên của dòng họ Ngô bị dồn ép lại trong một ngôi nhà thờ và thiêu cho đến chết vào đầu những năm 1800.

Đức Mẹ Maria nghe nói đã hiện ra khi một nhóm tín đồ Công giáo đang chạy trốn một đám người tàn sát trong các khu rừng. Bà mặc chiếc áo dài Việt Nam và bồng một đứa bé. Trong hào quang vây quanh, bà bảo mọi người hãy thường xuyên cầu nguyện và trấn an họ rằng những lời cầu khẩn của họ sẽ được chấp nhận. Câu chuyện được kể đi kể lại cả trăm năm nay. Lúc bấy giờ, ảnh hưởng của thực dân Pháp ở Việt Nam đã cho phép các tín đồ Công giáo công khai thờ phượng, và địa điểm đó trở thành nơi hành hương cho hàng trăm ngàn người Công giáo Việt Nam. Vào ngày 22 tháng Tám năm 1928, các linh mục của Giáo hội Công giáo dâng thánh lễ trước 200.000 người hành hương. Bà Nhu chỉ là một cô bé, sống với gia đình Phật giáo của bà tận dưới vùng đồng bằng. Nhưng bà khám phá ra La

Vang năm 1943 như một người cải đạo khi bà chuyển đến Huế theo gia đình chồng. Có thể bà bị thu hút vào địa điểm này vì thánh lễ diễn ra đúng vào sinh nhật của bà. Có thể bà thích hình tượng Đức Mẹ Maria. Hoặc có thể bà chỉ muốn thoát khỏi những người bà con bên chồng và lấy cớ để rời khỏi thành phố. Năm 1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố địa điểm này là thánh địa quốc gia. Nhà thờ La Vang sau đó vào năm 1961 được nâng cấp thành Tiểu Vương cung Thánh đường, cho thấy Vatican ghi nhận tinh thần chống Cộng kịp thời của nó.

Cuối cùng, nói về bài diễn văn, tôi vẫn trắng tay. Văn phòng giám mục hết lòng giúp đỡ. Bản thân giám mục yêu cầu thư ký gửi cho tôi những ghi chép của ông về chuyến đi đó. Tôi có thể nói với bà Nhu những gì ông lão bảy mươi lăm tuổi mặc áo chùng đen và khăn thắt lưng đỏ mặc cho trời nóng nực - nhiệt độ khoảng 40°C đã nói. Có 1.500 người dự thánh lễ Misa tại đền thờ La Vang, nhưng về bài giảng, tất cả những gì vị giám mục nói đã biến mất trong không khí ẩm ướt.

Sự thất vọng của bà Nhu vì tôi không đem đến kết quả có thể thấy rõ. Bà muốn Giám mục Skylstad nói rằng Đức Mẹ Maria đã hiện ra ở Việt Nam nhưng không bao giờ hiện ra ở Hoa Kỳ. Bà muốn ông kết nối việc Đức Mẹ Maria không hiện ra với người Mỹ và những gì đã xảy ra cho gia đình bà. Bà muốn nghe nói rằng vị giám mục Công giáo ấy thừa nhận hành động kinh khủng mà người Mỹ đã gây ra và họ đang phải trả giá. Nhưng tôi không lấy được những điều đó cho bà.

"C'est dommage (tiếng Pháp: Tiếc quá), quá tệ", bà thở dài. "Cô giống như một thiên thần". "Thưa bà, tôi rất tiếc". Nhưng tôi có thực sự tiếc không? Tôi không còn chắc nữa. Những cuộc gọi của bà ngày càng thất thường, đến vào lúc khuya khoắt hoặc sáng sớm. Mới đây, bà có vẻ nản chí khi tôi không thể nói chuyện - vì đưa bé hoặc vì giờ giấc của bà. Tôi thậm chí còn bắt đầu tránh nghe điện thoại khi màn hình hiển thị cuộc gọi báo "Không có mặt". Khi chúng tôi đi nghỉ hè một tuần, có đến ba mươi bảy cú gác máy trên hộp thoại, mười sáu trong số đó diễn ra liên tiếp nhau. Tôi biết chắc người gọi kiên trì đó là ai.

Tôi bắt đầu hoài nghi việc bà Nhu lúc nào đó sẽ trao cho tôi những hồi ức của bà, hoặc, sau khi đọc bản tóm lược mà bà hãnh diện về nó quá đến nỗi thấy rằng những hồi ức ấy đáng được đọc. Tôi bắt đầu thấy mệt mỏi với trò chơi mèo vờn chuột. Vì thế tôi thách thức bà.

"Tôi không chắc bài giảng đó có ích thế nào cho hồi ký của bà", tôi nói. "Mọi người muốn biết những gì đã thực sự xảy ra. Với bà. Chứ không phải những diễn giải tôn giáo về mọi chuyện".

Tôi nghe rõ bà đang nén một hơi thở. Những tiếng xì dài khinh miệt trong giọng bà thổi đầy hai tai tôi.

"Người Việt Nam biết sự thực đó. Bất kỳ ai xứng đáng đều biết sự thực. Quá tệ cho những người khác. Ai mà để ý đến tất cả các bạn chứ".

Tôi đã khởi động đúng cái cơ chế tự vệ từng ngăn cách bà với thế giới ở Sài Gòn. Khi bà Nhu là Đệ nhất Phu nhân, thì luôn có "các nhà ngoại giao" hoặc "những người Cộng sản" tìm cách hạ uy tín bà. Chồng bà nói rằng "các thế lực ngoại bang" chống lại họ, "có thể... vì chúng tôi là Công giáo". Tôi không tìm cách chống lại bà Nhu vì lý do này hay lý do khác. Ý định của tôi là giúp bà. Tôi muốn có những hồi ức hầu giúp cho mọi người hiểu và cảm thông với bà. Nhưng tôi dám cãi lại bà, và vì tội lỗi của tôi, bà ta trừng phạt tôi bằng sự im lặng lạnh lùng kéo dài.

Bà Nhu đột ngột ngừng liên lạc với tôi. Gần một năm trước khi bà gọi lại cho tôi.

Cũng cái sự khẳng khái ương ngạnh cho mình luôn luôn đúng đã khiến bà Nhu và gia đình bà chịu nhiều rắc rối vào năm 1963 hơn là nhờ đó mà thoát khỏi rắc rối. Rắc rối với các Phật tử bắt đầu ở Huế, với người anh cả của năm anh em họ Ngô đang sống, Ngô Đình Thục.

Không thể nào nhầm lẫn nhân dạng của người đàn ông trong bộ áo nhà tu trên chiếc xe hơi chạy về hướng ngoại ô Huế một sáng tháng Năm. Ngũ quan trên mặt ông trông nặng nề hơn các em ông ở Sài Gòn, rất khác với vẻ mặt thanh thoát dễ nhìn của ông Nhu, và cử chỉ của ông thì điềm đạm và tự tin. ¹

Ngô Đình Thục, Tổng Giám mục địa phận Huế, đang được xe đưa về lại thành phố sau chuyến thăm nhà thờ La Vang vào sáng ngày 7 tháng Năm năm 1963. Sáu tháng trước, đích thân Đức giáo hoàng nâng cấp nhà thờ La Vang từ Tiểu Vương cung Thánh đường thành Vương cung Thánh đường. Trên thực tế, không có nhiều thay đổi ngoại trừ việc lắp đặt một cái conopaeum, cái dù lụa hai màu vàng đỏ để che cho Đức thánh cha nếu ngài đến đây. Nhưng đồ án La Vang đó có ý nghĩa đặc biệt đối với Ngô Đình Thục, bởi vì ông đã góp phần biến một mảnh căn cỗi thành như bây giờ: một địa chỉ hành hương, một trung tâm để sùng kính Mẹ Maria Đồng trinh, và một "lý do" tài chính. Ngô Đình Thục giám sát việc xây dựng Quảng trường Chuối Mân Côi, nạo vét Hồ Tịnh Tâm, và việc dựng ba cây đa bằng bê tông để tượng trưng cho Chúa ba ngôi. Các quan chức chính phủ, từ Phó Tổng thống trở xuống, đều đóng góp tiền bạc dù họ không phải người Công giáo, vì việc làm đó giúp họ được ông Diệm và ông em Nhu chiếu cố.

Với tư cách là Tổng Giám mục địa phận Huế và anh lớn của anh em họ Ngô, Ngô Đình Thục là người đứng đầu trong gia đình. Ông nghỉ lại trong Dinh Tổng thống khi vào Sài Gòn, có lúc sống vài tháng với ông Diệm và vợ chồng ông Nhu. Đó là một vị trí thuận lợi để thúc đẩy Công giáo. Tranh thủ làm đầy thêm các khoản hiến tặng, Ngô Đình Thục còn chuyển các nguồn tài trợ công khai dành cho Việt Nam Cộng hòa sang cho Giáo hội. Ông Thục làm mờ ranh giới giữa giáo hội và nhà nước khi nhận được "những nhân nhượng" từ chính phủ, chuyển nhượng đất đai, nông trại đồn điền, cơ sở thương mại, và bất động sản cho Giáo hội Công giáo, biến Giáo hội Công giáo trở thành người chủ đất lớn nhất trong nước. ² Ông Diệm khó mà nói không với người anh cả của mình, đặc biệt là khi ông Thục tuyên bố ông được chúa ở bên cạnh phù hộ mạnh mẽ. Tham nhũng không trực tiếp đem lại lợi ích cho ông Thục - đất đai và tiền bạc đổ vào Giáo hội. Những người thân cận nhất trong giới Công giáo của ông Diệm biết tiền bạc và đất đai đổ vào đâu, nhưng họ không kêu ca.

Nhưng hầu hết người Việt Nam không theo Công giáo. Họ là Phật tử, chỉ ít là pha trộn. Tôn giáo phổ biến nhất ở Việt Nam vẫn là sự pha trộn của Phật giáo, Khổng giáo, và Đạo giáo, cộng với một số hình thức thờ phụng tổ tiên. Đa số gia đình đều có một bàn thờ ở trong nhà, cũng như các tiệm buôn bán của người Việt có bàn thờ thần tài. Bà Nhu lớn lên trong một gia đình vừa theo đạo Phật vừa theo đạo Khổng. Mùi nhang nhắc bà nhớ đến bàn thờ gia đình ở Hà Nội, mà cứ vào ngày trăng non (ngày đầu tháng âm lịch) hương trầm lại trộn lẫn với tinh dầu cam và hoa đào mà mẹ bà chuẩn bị trước khi bắt cả nhà quỳ lạy trước bàn thờ ngập đầy hoa quả. Bà Nhu có lẽ đã biết rằng Phật giáo có thể gợi lên cảm xúc mạnh mẽ về tổ ấm và gia đình cho người Việt Nam, nhưng gia đình Công giáo mà bà hòa nhập khi lấy chồng không nhìn thấy mọi chuyện theo cách đó - Tổng Giám mục Thục càng không, vì ông cho rằng nghi thức lỏng lẻo của Phật giáo mà hầu hết người Việt Nam thực hành như một cảm trạng nước đôi tôn giáo. Ông thấy cảm trạng nước đôi đó là thử thách và cơ hội. Giấc mơ của ông biến Việt Nam thành một quốc gia Cơ Đốc giáo dường như gần gũi đến mức treu người. Và ông Thục không làm gì nhiều để che giấu tham vọng cá nhân của mình: trở thành đức hồng y của Giáo hội Công giáo, hay thậm chí cao hơn nữa.

Trên xe trở về từ La Vang, Ngô Đình Thục để ý thấy những lá cờ tung bay khắp thành phố Huế, những quảng trường đầy màu sắc xanh đậm, vàng, đỏ, trắng, cam để kỷ niệm 2.527 năm Phật đản sắp đến. Thành phố Huế gần như là trung tâm Phật giáo của Việt Nam. Nó là cố đô của Việt Nam.

Nhưng treo cờ như vậy về lý thuyết là bất hợp pháp. Một điều luật mơ hồ về việc treo cờ nói rằng chỉ

có các lá cờ của quốc gia mới được treo ở những nơi công cộng, và các loại cờ tôn giáo không được phép treo ở bất cứ chỗ nào trừ phi đó là những biểu ngữ của một "thiết chế" tôn giáo. Phật giáo không phải là một thiết chế như vậy. Một qui định của thực dân Pháp còn sót lại gọi Phật giáo là "hội đoàn" đã được dễ dãi đưa vào trong luật pháp của quốc gia mới vào năm 1954. Có quá nhiều vấn đề cấp bách khác. Khác với thiết chế, như Giáo hội Công giáo La Mã, một "hội đoàn" như Phật giáo chịu sự kiểm soát và hạn chế của chính quyền. Chẳng lẽ không ai nghĩ đến chuyện thay đổi luật lệ sao? Hoặc, khi hàng ngũ lãnh đạo Phật giáo thất bại bị cáo buộc, không ai sẵn sàng thay đổi sao?

Ông Thục ra lệnh lấy cờ xuống. Nghe được việc này sau đó ở Sài Gòn, ông Nhu giận điên lên vì sự thiếu suy nghĩ của anh mình". Tại sao anh mình cứ kiên quyết ban hành một cái lệnh ngớ ngẩn như thế về cờ quạt nhỉ? Ai thêm quan tâm đến những lá cờ gì họ treo chứ?".

Các lãnh tụ Phật giáo rất quan tâm. Họ chờ đợi cơ hội như thế này và nhanh chóng lợi dụng nó. Lễ kỷ niệm Phật đản nhanh chóng biến thành một cuộc biểu tình phản đối. Hàng ngàn người tràn qua các cây cầu đổ về trung tâm thành phố. Họ vẫy những biểu ngữ đòi bình đẳng tôn giáo, nhưng nhiều người chắc hẳn chỉ thấy quá vui sướng vì có cơ để hòa mình vào cuộc biểu tình chống chính quyền. Rõ ràng là các cuộc biểu tình của Phật giáo không thể được xem là biểu hiện tôn giáo thuần túy. Việc những người tuân hành viết tiếng Anh trên biểu ngữ cho thấy họ nhắm đến sự chú ý của các nhà nhiếp ảnh phương Tây. Các Phật tử biết rằng nếu họ muốn chế độ thay đổi, thì họ cần sự thông cảm của báo chí nước ngoài.

Quân đội chính phủ và các quan chức thực thi luật pháp của thành phố mai phục giữa trung tâm thành phố để bảo đảm kiểm soát tất cả tình hình. Và rồi, đột nhiên, bùng lên hai tiếng nổ dữ dội. Không ai biết chúng từ đâu đến và phía nào đã kích nổ. Đám đông được lệnh giải tán, và khi đám đông giải tán, vòi nước chữa lửa phun vào họ; dân vệ nổ súng chỉ thiên. Sự hỗn loạn lắng xuống. Lựu đạn được ném vào đám đông. Một làn sóng người la hét ngay sau những tiếng nổ lớn đột ngột. Khi khói tan, chín người đã chết, trong đó có hai trẻ em, và mười bốn người bị thương.³

Như một phản ứng bộc phát, chính quyền Sài Gòn đổ trách nhiệm sự cố này cho Việt Cộng. Ông Diệm và ông Nhu tuyên bố Cộng sản gây ra mọi lộn xộn ở Huế. Những người Cộng sản đã khai thác tình hình, hai ông nói.

Có lẽ nếu như hai anh em họ Ngô cố gắng xin lỗi một cách thật tâm, thì cuộc khủng hoảng có thể đã chấm dứt ở đó. Nhưng đằng này, ông Diệm và vợ chồng ông Nhu vận dụng những bài học mà họ đã học trong nhiều năm, từ ngăn chặn Bình Xuyên năm 1955 đến đánh bại lính nhảy dù năm 1960: Không lộ điểm yếu nào. Không thương lượng. Đứng trước sự bất ổn, tăng thêm sức ép.

Gia đình họ Ngô cảm thấy bị cáo buộc sai. Tự do tôn giáo đã được nêu rõ trong Hiến pháp của Việt Nam Cộng hòa, như thế chưa đủ sao? Tại sao những tín đồ Phật giáo cứ đòi hỏi phải có sự đối xử mới và khác biệt đối với tôn giáo của họ so với tôn giáo của người khác? Liệu các tôn giáo khác và các giáo phái - Hòa Hảo, Cao Đài và thiểu số Tin Lành, Hồi giáo - có đòi hỏi điều tương tự? Những yêu sách của họ gây chia rẽ, mà Việt Nam Cộng hòa cần sự thống nhất để chống lại Cộng sản. Gia đình họ Ngô đơn giản là không thấy sự bách hại tôn giáo như sự kêu ca chính đáng và nhìn người Phật tử như các phần tử cơ hội chính trị. Các lực lượng an ninh, cài cắm bên cạnh dân quân mật và các mạng lưới gián điệp, cùng với không khí áp bức chung dưới những luật lệ đạo đức của bà Nhu, làm cho tình hình chín muồi để có thể bùng nổ. Thế rồi chế độ họ Ngô hành xử với các Phật tử như hành xử với bọn cướp và những kẻ âm mưu đảo chính. Đó là một sai lầm khủng khiếp.

Các tín đồ Phật giáo tiếp tục tập hợp với nhau. Tại các thành phố khắp miền Nam Việt Nam, họ tiếp

tục chống lại chế độ Ngô Đình Diệm. Họ biểu tình đòi quyền hội họp công khai và đòi hỏi quyền treo cờ Phật giáo nơi công cộng. Họ cũng gào la chế độ Ngô Đình Diệm là thiên vị Công giáo. Các nhà sư đầu trục tập hợp trong áo choàng màu vàng nghệ và nói chuyện bằng loa pin với những đám đông hiếu kỳ đứng nhìn. Cảnh sát xuất hiện và giải tán những đám đông, nhưng họ can trọng. Đánh đập và bắt đi các nhà sư sẽ là một động thái quan hệ công chúng tệ hại cho chế độ đang bị theo dõi chặt chẽ.

Giết chóc và bạo lực là điều ghê tởm đối với triết lý hòa bình của Phật giáo, chỉ với một ngoại lệ duy nhất: tự thiêu. Sự hy sinh xác thịt khả tử của mình cho chính nghĩa chung của tha nhân thì được chấp nhận. Như một người phát ngôn Phật giáo nói rõ, "Một nhà sư Phật giáo có những nghĩa vụ nhất định mà ông ta phải chăm lo trong kiếp sống này trên con đường ông ta đi đến kiếp sau".

Một tháng sau các cuộc biểu tình phản đối tháng Năm, một nhà sư già tên là Thích Quảng Đức bước ra từ chiếc xe hơi màu trắng tại ngã tư nhộn nhịp Phan Đình Phùng - Lê Văn Duyệt giữa trung tâm Sài Gòn. Hai nhà sư trẻ đi bên cạnh ông và giúp nhà sư già ngồi xuống trên một cái đệm vuông, chần cở. Ông xếp bằng chân lại thành tư thế hoa sen, hai đầu gối cách mặt đất chừng một gang tay. Kế đó, thật lạ lùng, hai nhà sư trẻ tiến đến sát thầy mình, đổ chất lỏng màu hồng lên chiếc áo choàng màu vàng nghệ của người sư già, thậm chí tưới lên mặt và phía sau cái đầu trục của ông. Khi họ lùi lại một khoảng cách an toàn, Thích Quảng Đức quẹt một cây diêm và để nó rơi xuống tấm áo cà sa gấp lại của ông. Quả cầu lửa trùm lên ông. Vị sư Phật giáo ngồi bất động, như một cây cột, trong khi những ngọn lửa vàng tỏa khói thiêu cháy ông.



Các nhà sư đã báo trước cho một số thành viên truyền thông quốc tế rằng "một cái gì đó rất nghiêm trọng" sắp diễn ra, nhưng Browne là nhà báo duy nhất ở Sài Gòn có mặt ở đó. Các Phật tử đã cố ý làm mập mờ những chi tiết cụ thể - họ không muốn cảnh sát đề phòng - và dự đoán chính xác rằng người chứng kiến cảnh tượng đó sẽ không can thiệp, mặc dù ông ta chắc chắn có thì giờ. Khác với lửa xăng dầu thường thấy, vốn bùng lên dữ dội chỉ trong khoảnh khắc, đám lửa này rất mạnh và kéo dài. Browne kinh hoàng đứng nhìn cái khối hình đen sì bị bao phủ bởi những ngọn lửa liếm láp dần, nhưng nếu ông cảm thấy buộc phải làm gì đó, ông cũng ý thức rất rõ nhiệm vụ của ông như một nhà báo duy nhất mang máy ảnh có mặt để ghi nhận một vụ nhạo báng ở Sài Gòn. "Tôi có thể thấy, mặc dù mắt ông khép lại nhưng nét mặt nhăn nhúm vì đau đớn cực độ. Nhưng suốt cuộc thử thách ghê gớm đó ông không hề thốt ra một tiếng nào và cũng không nhúc nhích, dù cho mùi thịt cháy khét lẹt trong không khí". Đằng sau thân thể đang cháy đó, hai nhà sư mở tấm biểu ngữ viết bằng tiếng Anh: "Một Nhà sư Phật giáo Tự thiêu vì những đòi hỏi Phật pháp". Một vị sư khác nói qua micro bằng tiếng Anh và tiếng Việt: "Một nhà sư Phật giáo tử vì đạo". Browne đoán cuộc tự thiêu này kéo dài mười phút trước khi lửa tắt. Thích Quảng Đức đổ người tới trước, ngã lăn ra, và bất động. Ông là người đầu tiên và nổi tiếng nhất, nhưng ông sẽ không là người cuối cùng. Vào cuối mùa hè tệ hại năm đó, có thêm sáu Phật tử, gồm các nhà sư, một nữ tu, và một học sinh, cũng đã tự thiêu.⁴

Khi tình hình hỗn loạn của Phật giáo bùng lên ở Sài Gòn, Hoa Kỳ, chỗ dựa hoàn toàn của Việt Nam Cộng hòa, đe dọa sẽ cắt đứt khỏi chế độ này. Người Mỹ muốn ông Diệm mở rộng chính quyền, nói chuyện với các đối thủ chính trị và đưa họ vào cùng hàng ngũ - nói cách khác, họ muốn ông hành xử như một nhà dân chủ hơn là một nhà độc tài. Ông Diệm có "những hành động cân nhắc" trong một số vấn đề, nhưng về một số vấn đề khác, người Mỹ cảm thấy ông đang trì hoãn và làm cho vấn đề trở nên tồi tệ. Và ông từ chối hợp tác với báo chí nước ngoài - vốn chẳng có hiệu quả gì. "Thái độ [của chế độ] đối với báo chí Mỹ phản ánh thái độ của nó nói chung đối với chính phủ và dân chúng Mỹ" và nếu vợ chồng ông Nhu "công khai khinh thường" thì ông Diệm đơn giản là "dửng dưng". Như đại sứ Mỹ

Henry Cabot Lodge ghi lại trong hồi ký Vietnam Memoir năm 1967 của ông: "Hoa Kỳ có thể hòa hoãn với các nhà độc tài tham nhũng tìm cách tránh né báo chí", nhưng ông Diệm và vợ chồng Nhu không thể đi theo những quy tắc đó.

Ông Diệm thành thực nói rằng ông mệt mỏi khi phải tỏ ra cứng rắn trước những đòi hỏi từ Washington. Ông không phải là bù nhìn và ghét bị đối xử như một con bù nhìn. Sinh ra dưới thời thực dân Pháp, ông sẽ không là nạn nhân của "chủ nghĩa đế quốc thực dân" Mỹ, vì vậy ông Diệm rất nhạy cảm với mọi sự xâm phạm quyền tối cao của ông. Như Edward Lansdale chỉ ra trong giác thư gửi Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara năm 1961, "Nếu quan chức Mỹ sắp tới nói chuyện với Tổng thống Diệm cần có sự nhạy cảm để thấy ông như một con người đã trải qua khổ ải trong nhiều năm - chứ không phải như một đối thủ sẽ bị đánh quì - chúng ta sẽ bắt đầu tạo dựng lại ảnh hưởng của chúng ta đối với ông ta". Người Mỹ đã chỉ trích cách ông điều hành quân đội, họ xem thường gia đình ông và các cố vấn thân cận nhất của ông, ông Nhu và bà Nhu, coi đó là "những ảnh hưởng xấu xa", và bây giờ họ ép ông Diệm đấu dịu với các tín đồ Phật giáo. Ông Diệm không thể không dàn xếp mọi nhượng bộ với các Phật tử như nhượng bộ với người Mỹ: "Nếu bây giờ chúng tôi nhượng bộ, Hoa Kỳ sẽ đòi hỏi thêm", ông lý giải. "Bao nhiêu nhượng bộ chúng tôi phải đưa ra để làm thỏa mãn họ?... Tôi muốn tăng cường quân đội; Hoa Kỳ từ chối cung cấp vũ khí và các phương tiện khác. Hoa Kỳ chỉ muốn đưa quân vào Việt Nam". ⁵

Phong trào Liên đới Phụ nữ của bà Nhu đưa ra tuyên cáo mà tờ Times of Vietnam đăng nguyên trang vào ngày hôm sau: chiếc áo cà sa không làm nên thầy tu. Nó cảnh cáo người Việt Nam và người Mỹ cần phải nhìn kỹ vào những động cơ thực sự nằm sau những cuộc biểu tình Phật giáo. Bà Nhu cáo buộc các Phật tử sử dụng tôn giáo như tấm bình phong che đậy cho Cộng sản. Các Phật tử "bị lợi dụng và kiểm soát bởi Cộng sản và bị lái vào việc gieo rắc sự vô trật tự và chủ nghĩa trung lập". ⁶

Buộc tội người nào là Cộng sản trong cơn sợ hãi Chiến tranh Lạnh của Sài Gòn năm 1963 là sự xúc phạm ghê gớm. Nhưng nó chưa kết thúc ở đó. Chứa đựng trong tuyên bố đó là cú đánh chớp nhoáng vào "những người có khuynh hướng coi Việt Nam là tay sai của thế lực ngoại bang", qua đó bà Nhu rõ ràng muốn nói đến Hoa Kỳ. Các quan chức ở Tòa Đại sứ Mỹ choáng váng, sao một câu nói hớ về ngoại giao như vậy lại có thể không bị sửa lưng. "Nếu lời phát biểu đó là chính sách, thì nó là thảm họa", họ cảnh báo. ⁷

Nhưng lời tuyên bố xúc phạm nhất của bà Nhu vẫn chưa tới. Và lần này nó không bị chôn vùi trong bất kỳ tuyên bố nào của hội đoàn phụ nữ; chính bà nói ra. Các vụ Phật tử tự thiêu là "các bữa tiệc nướng ngoài trời", bà tuyên bố. Chỉ với một câu nói đó, bà Nhu đã định đoạt số phận của mình. Mọi lời kêu ca về chính phủ bỗng chốc trở nên đáng tin hơn nhiều sau khi bà Nhu cất lên tiếng nói tàn bạo của chế độ.

Tổng thống Diệm tìm cách kiểm soát sự tổn thất bằng cách lên Đài phát thanh nói ông phiền muộn sâu sắc như thế nào trước cái chết của Thích Quảng Đức. Rồi ông nhắc lại bởi vì hiến pháp bảo vệ Phật giáo, cá nhân ông là người canh giữ nó. Các cuộc đàm phán với Phật tử tiếp tục, và một văn bản gọi là Tuyên bố Chung ngày 16 tháng Sáu được lưu hành - ít nhất là về mặt lý thuyết. Vào những ngày lễ tôn giáo, cờ Phật giáo có thể được treo bên ngoài cổng chùa miễn là nó phải treo chung với lá quốc kỳ lớn hơn. Cờ Phật giáo chỉ được treo một mình bên trong chùa. Vào những ngày lễ của quốc gia, không bất kỳ lá cờ tôn giáo nào được treo. Gây ấn tượng hơn cả, trong một khoảnh khắc bộc lộ sự mềm mỏng, ông Diệm nói thẳng với các nhà báo rằng bà Nhu không phát ngôn thay cho chính phủ. Đối với hầu hết dân chúng, quyền hạn Tổng thống Ngô Đình Diệm bao gồm ba người: Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu và bà Nhu. Nỗ lực dập tắt tiếng nói thành viên xuất hiện nhiều nhất này đã giảm quyền lực của ông,

đặc biệt khi, rất nhanh chóng, bà Nhu bày tỏ sự bất mãn hoàn toàn trước động thái bắt bà im lặng.

Bà Nhu không thể bỏ qua. Có vẻ như quá bất công: Người Phật giáo đòi nhượng bộ thì chế độ đã nhượng bộ, theo ý bà, không có gì sai. Bà từ chối xin lỗi và ngày càng tự làm khó mình: "Tôi sẽ đập tan những chuyện đó [các hoạt động của Phật tử] mười lần nữa", bà nói với David Halberstam. Nếu có một vụ tự sát nữa, thậm chí ba chục vụ, bà Nhu nói bà sẽ vỗ tay vui mừng.

Trong chỗ riêng tư gia đình, anh em họ Ngô tiếp tục phụ thuộc vào bà Nhu, người đã cho họ những lời khuyên hiệu quả trong quá khứ. Giữ thông lệ đó, ông Nhu đến gặp vợ vào nửa đêm ngày 15 tháng Sáu, đêm trước khi thông cáo chung được ký để giải quyết vấn đề treo cờ. Ông hỏi bà, "Chúng ta nên làm gì?" Bà Nhu đã nói với ông Diệm những gì bà nghĩ về bản thông cáo - và ông ta. "Anh là kẻ hèn nhát", bà đã giận dữ thét lên trước mặt Tổng thống. Ông Diệm chỉ lắc đầu và bảo bà không hiểu. Lần này, vấn đề đã gây ra những hậu quả có tính quốc tế. Nó quá lớn đối với bà. ⁸

Đêm đó bà quá mệt mỏi để tranh cãi thêm nữa. Bà nói với chồng rằng họ đang lâm vào tình trạng bất lực. Chống lại Phật giáo có thể sẽ gây thêm rắc rối, nhưng ký thông cáo để xét lại lệnh treo cờ là nhận tội và khiến họ gặp thêm nguy cơ nếu các tín đồ Phật giáo muốn họ bồi thường hay đòi trả thù. "Yêu cầu ông Diệm ký vào", bà thở dài nghĩ về thông cáo chung. Nhưng điều rất quan trọng với bà là có một vấn đề đã không bị xem nhẹ. Khi ông Diệm ký vào văn kiện đó, ông nên viết rằng, trước hết, không phải tất cả những gì mà ông đồng ý ký đều là bất hợp pháp - lập lại một sự thực là hiến pháp bảo vệ tự do tôn giáo. Có lẽ ông Nhu chuyển lời khuyên này đến ông Diệm và vị Tổng thống đã làm đúng như vậy, theo một kịch bản chặt chẽ: "Những vấn đề đặt ra trong thông cáo chung này được tôi chấp thuận về nguyên tắc từ đầu". Giải pháp của bà Nhu đã xoa dịu được các tín đồ Phật giáo về việc treo cờ mà không thừa nhận rằng chính quyền đã hành xử sai trái, và bà Nhu nghĩ hai anh em phải biết ơn bà vì bà đã một lần nữa đưa họ thoát khỏi tình cảnh khó khăn. ⁹

Với việc thông cáo chung được ký kết, các vụ lộn xộn của Phật giáo đã lắng xuống. Nhưng việc treo cờ không bao giờ là vấn đề thực sự. Nó chỉ là ngòi nổ kích hoạt các vấn đề ngầm ngăm, và những vấn đề đó tiếp tục âm ỉ cháy. Chính phủ giận dữ khi báo chí nước ngoài, đặc biệt là báo chí Mỹ, không bỏ qua mọi chuyện. Các nhà báo cho thấy dân chúng bất mãn với chế độ, và càng được nói đến, dân chúng càng phản kháng. Có những cuộc biểu tình lớn ở Sài Gòn, Đà Lạt, Nha Trang, Qui Nhơn, và Huế. Các nhà sư tiếp tục dàn dựng các vụ tự sát giữa công cộng. Các biểu ngữ của họ không còn yêu cầu gia đình họ Ngô khoan dung tôn giáo; bây giờ họ kêu gọi lật đổ chính quyền. Dân chúng có vẻ như hăng hái đáp lại. Chính phủ sẽ phản ứng thế nào đây? Uy quyền của họ đang bị xâm lấn hàng ngày. Ông Nhu thổ lộ với vợ về nỗi sợ hãi của ông rằng thương lượng với Phật giáo đã có vẻ như là sự yếu đuối. Nếu cho thấy dấu hiệu bất lực, anh em họ Ngô sẽ mất các đồng minh chính trị; dân chúng từng quá sợ hãi không dám coi thường họ sẽ không còn sợ hãi như vậy nữa. Dinh rất dễ bị tấn công. Người dân Việt Nam cần được nhắc nhở rằng ai đang nắm quyền, và người Mỹ cũng vậy.

Vào ngày 20 tháng Tám, Tổng thống Diệm ban bố tình trạng thiết quân luật. Quân đội trấn giữ các vị trí chiến lược ở Sài Gòn, nhưng các ngôi chùa, ông Diệm nói, sẽ được đối phó hết sức cẩn trọng. Ông Diệm không muốn có bất cứ nhà sư nào bị tổn thương.

Ông nói ông không muốn gây thêm rắc rối, và các tướng lĩnh có vẻ tin ông. Nhưng ông Nhu có một kế hoạch khác.

Ngay ngày hôm sau, cảnh sát chiến đấu và lực lượng đặc biệt của ông Nhu, "các đội quân xung kích", được lệnh sẵn sàng chiến đấu. Ông lệnh cho quân lính mặc quân phục đã chiến thương lệ. Kế hoạch này nhằm gây ấn tượng Quân đội Việt Nam Cộng hòa đang chống lại lệnh của Tổng thống Diệm không

gây lo ngại cho chùa chiền. Đó là một hành động lá mặt lá trái điên rồ, nhưng ông ta rất muốn tạo một khoảng cách giữa những người Mỹ khó chịu và các tướng lĩnh Quân đội Việt Nam Cộng hòa, mà tham vọng tiếp quản đất nước này đang tăng lên khi sự kiểm soát đối lập một cách độc đoán của gia đình họ Ngô hình như đang ngày càng tệ hại. Ông Nhu biết rõ rằng người Mỹ sẽ không tha thứ cho một chiến dịch tàn bạo chống Phật giáo. Ý tưởng Quân đội Việt Nam Cộng hòa tham gia vào một cuộc đột kích triệt hạ chùa chiền chắc chắn sẽ gây chia rẽ giữa hai bên. Nhưng giả bộ dính líu quân sự vào các cuộc bố ráp chùa chiền, ông Nhu sẽ tạo lợi thế cho những người muốn ông ra đi.

Tiếng thét của các Phật tử, tiếng hô xáp chiến, tiếng kính vỡ nát, tiếng súng lục, và trên tất cả, tiếng chuông chùa vang lên liên tục đã tràn ngập không gian đêm 21 tháng Tám năm 1963. Chùa Xá Lợi là tổng hành dinh của Phật giáo ở Sài Gòn. Đó thường là một nơi yên tĩnh, nghe văng vẳng những hồi kinh đều đều và những hồi chuông vang vọng. Đêm đó nó trở thành hiện trường của một cuộc hỗn loạn bạo lực kéo dài hai tiếng và một màn phô diễn trắng trợn của quyền lực và sức mạnh. David Halberstam sững sờ chứng kiến, thấy trong cảnh ghê sợ phơi bày chung quanh ông "sự vỡ vụn của chính sách ngoại giao Mỹ". Bà Nhu cũng theo dõi cuộc đột kích từ một chiếc xe tăng nằm không xa Halberstam, nhưng bà nhìn thấy cảnh tượng đó với thái độ lạc quan hơn nhiều. Công lý đang được thực thi. ¹⁰

Tâm trạng vui vẻ của bà còn kéo dài đến ngày hôm sau, khi một đặc phái viên báo chí mô tả Đệ nhất Phu nhân đang ở "trong trạng thái ngây ngất, nói năng luôn miệng như một cô học trò sau cuộc đi dạo". Bà Nhu so sánh cuộc triệt hạ "Cộng sản Phật giáo" đêm qua với cuộc tiêu diệt băng đảng Bình Xuyên năm 1955, ngoại trừ bà dường như không nhận thức được rằng lần này chỉ có một bên nổ súng. Bà không chăm chú vào sự kiện rằng nạn nhân là các nhà sư không có vũ khí, đầu trọc. Đó là "ngày hạnh phúc nhất của đời tôi", bà nói, và một chiến thắng nữa cho gia đình họ Ngô". ¹¹

Đó cũng là sinh nhật ba mươi chín tuổi của bà Nhu. Hôm đó một điện tín của cha mẹ bà từ Mỹ gửi đến Dinh. Có lẽ bà mong đợi một bức thư thường lệ, có phần trịnh trọng, một kiểu chúc sinh nhật giản dị mà bậc cha mẹ của một dòng dõi gởi cho đứa con trưởng thành của mình. Nhưng rồi bà sẽ biết rõ hơn. Đó là bức điện tín thứ hai từ họ năm ngày sau.

Bức điện thứ nhất là bức điện được mã hóa. Bằng những từ ngữ mạnh mẽ, gần như dọa dẫm, mẹ và cha bà thúc giục bà rời khỏi Việt Nam cùng bốn đứa con của mình. "Hãy thoát ra khỏi trung tâm chú ý của công luận", họ bảo bà. ¹² Cá nhân bà Chương cũng chuyển thông điệp này đến Henry Cabot Lodge khi ông chuẩn bị rời Washington đến Sài Gòn: Chế độ họ Ngô bị căm ghét đến nỗi "nếu họ không rời khỏi đất nước, không có sức mạnh nào trên trần gian này có thể ngăn chặn một cuộc thăm sát Tổng thống Diệm, em trai ông là ông Nhu, và con gái tôi, bà Nhu". ¹³ Bà Nhu không hề biết mẹ bà can dự vào bằng việc đi gặp ông đại sứ tương lai sau lưng bà, nhưng bà điên tiết vì lá thư đó. Bà không còn là đứa trẻ con, và họ không thể bảo ban bà phải làm gì. Trong bức điện tín thứ hai, cha mẹ bà có vẻ đồng ý. Đó không hề là thông điệp mừng sinh nhật mà là một lá thư xin từ chức. Vợ chồng ông Chương từ bỏ các chức vụ đại sứ cao trọng, cha bà rời chức đại sứ Việt Nam Cộng hòa tại Washington, mẹ bà rời chức quan sát viên đặc biệt của Liên Hiệp Quốc tại New York. Ông Chương viết, "Tôi không thể tiếp tục đại diện cho một chính phủ phớt lờ lời khuyên của tôi và tôi không chấp nhận thái độ đó". Chế độ này công khai phủ nhận rằng ông Chương đã từ chức vì chỉ trích chính phủ. Họ nói ông ta bị bãi nhiệm. ¹⁴

Những gì chỉ là lời nói suông trước đây, về tiệc nướng các nhà sư Phật giáo và đánh đập họ tàn bạo hơn, đã trở thành một thực tế rùng rợn. Các cuộc ruồng bỏ chùa chiền Phật giáo biểu thị cho những gì bà Nhu đã phát biểu trong nhiều tháng. Ông Diệm không bao giờ công khai cắt đứt quan hệ với em trai về âm mưu bố ráp chùa chiền, nhưng ông có gởi cho bà Nhu một bức thư riêng, một chỉ thị từ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa gởi cho thành viên Quốc hội: Bà không được đưa ra tuyên bố gì về các cuộc

ruồng bỏ và không được phát biểu gì thêm với báo chí.

Dường như chỉ có lần này ông Diệm mới thuận theo yêu sách của người Mỹ đòi Đệ nhất Phu nhân của ông phải im tiếng. Nhưng ông làm cho sự việc bớt gây sốc. Một cuộc gặp của năm mươi chín thành viên Liên minh Nghị viện nhóm họp vào cuối tháng Chín ở Belgrade. Nó sẽ không có vẻ gì là trục xuất nếu bà Nhu là đại biểu của Việt Nam Cộng hòa. Bao nhiêu rắc rối bà có thể gặp phải nữa đây?

Bà Nhu vui vẻ ra đi. Bà có thể nhận của mọi người những lời mời khác và kéo dài chuyến đi. Bà được mời thuyết trình tại Câu lạc bộ Báo chí Hải ngoại ở thành phố New York, và tại sao không, bà nghĩ. Nếu họ cần bà, chắc chắn bà sẽ biện hộ thuyết phục cho bản thân bà và đất nước bà.

Một tấm hình mờ nhạt, chưa công bố chụp cả gia đình trên cầu thang của Dinh trước chuyến ra đi của bà Nhu. Đứa con lớn nhất, cô Lệ Thủy, đi cùng với bà Nhu ra nước ngoài, còn ông Nhu và ba đứa trẻ khác đứng cạnh nhau vẫy chào họ. Họ mỉm cười vào ống kính và bà Nhu đặt bàn tay trấn an lên vai cô gái út. Chỉ có cô gái bốn tuổi là có vẻ gì đó bất an về tương lai khi tất cả cùng lên đường ra phi trường.

hình

Một đám đông hoan hỉ tập trung chung quanh bà Nhu khi bà chuẩn bị đọc bài diễn văn từ biệt ở phi trường Tân Sơn Nhất. Hàng chục người, đeo cà vạt bản nhỏ mặc vét sẫm màu bất chấp trời nóng, chồm người về phía một mỹ nhân nhỏ nhắn trông ma mị đang mỉm cười giữa mọi người. Đối với một người tình cờ nhìn thấy, có vẻ như các nhà báo bị bà cuốn hút một cách tự nhiên, như những con thiêu thân lao vào lửa, không thể chống lại nhân vật khoa trương nhất của chế độ Ngô Đình Diệm. Chiếc trâm trên vai trái của bà chói lên, và đôi mắt bà long lanh niềm vui trước chuyến đi. Bà mặc chiếc áo dài màu nâu may khéo phủ lên chiếc quần trắng dập dờn và đôi giày cao gót. Bà khoác trên vai một cái túi du lịch cho hành trình dài và chiếc khăn choàng lông thú. Tóc bà được bới cao qua đầu, trông tuyệt đẹp theo một kiểu tóc thời trang của phụ nữ. Nếu không có những cái microphone và những thiết bị thu âm to tướng của thời đại, chắc hẳn bà sẽ giống như một phụ nữ được vây quanh bởi những người ngưỡng mộ khúm núm theo cung cách cổ điển.

Thay vì vậy, những người đàn ông vây quanh bà Nhu ở phi trường hôm đó nằm trong số những kẻ chỉ trích bà dữ dội nhất. Đối với họ và độc giả Mỹ, bà đã trở thành một "con đàn bà yêu quái", với "cái lưỡi rắn rít" và "những cái móng vuốt" sơn đỏ. Trong các câu chuyện của họ về Việt Nam Cộng hòa, họ ví bà với Lucrezia Borgia và Marie Antoinette.

Malcolm Browne nhớ đã nhìn thấy vợ chồng ông Nhu chào từ biệt nhau ở phi trường. Hai người ôm nhau vội vã với một cái hôn lo âu cuối cùng, trông như mọi cặp vợ chồng bình thường khác. Khi máy bay chở bà cất cánh, ông Nhu ngược mắt nhìn theo, hai tay bịt chặt tai để ngăn tiếng gầm rú của động cơ. Có ai biết được đó sẽ là lần cuối cùng ông nhìn thấy vợ mình? Hôm đó, vào thời điểm chiếc máy bay chở bà Nhu ở trên không trung, những cái bánh xe của một kết cục đẫm máu của chế độ này cũng đã khởi động.

Giờ nhìn lại hình ảnh các nhà báo chĩa micro thành vòng tròn quanh bà Nhu mới thấy rõ nó mang điểm triệu đáng ngại. Thay vì những con thiêu thân trước ngọn lửa cháy sáng, nó gợi nhớ đến một hình ảnh hung hiểm của những con cá sấu vây quanh. Có lẽ tự bản năng chúng ngửi thấy mùi máu trong làn nước.

¹ Về nhân dạng không thể lẫn lộn của Ngô Đình Thục, xem Hammer, A Death in November, 103.

Về việc Thục nhận được những nhân nhượng từ nhà nước, xem "Giác thư mật về một cuộc trò chuyện giữa cựu đại sứ ở Sài Gòn

[2](#) Elbridge Durbrow và Vũ Văn Mẫu", Paris, POLTO 361, 1 tháng 10, 1963, 3.

[3](#) Hammer, A Death in November, 113-114.

[4](#) Browne, New Face, 175-180.

Về Diệm và việc thỏa hiệp những yêu cầu của Mỹ, xem "Giác thư mật của Edward Lansdale gửi Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara", 19 tháng Giêng, 1961, Thư khố quốc gia, tướng Lansdale, Cục Viễn Đông (Bureau of Far Eastern Affairs); xem thêm

[5](#) "Điện tín số g-383 từ Đại sứ quán Sài Gòn đến Bộ Ngoại giao", 18 tháng Ba, 1961. Về sự hiểu sai của Diệm về những gì Hoa Kỳ mong muốn nơi ông, xem "Memorandum from the Chief Adviser, Michigan State University Group in Vietnam (Fox), to James B. Hendry of Michigan State University", 17 tháng 2, 1962, FRUS, 1961-1963, 2:152-155. Về lời trích dẫn của Diệm đối với mong muốn duy nhất của Mỹ là gọi quân đến Việt Nam, xem Hammer, A Death in November, 151.

[6](#) Langguth, Our Vietnam, 493.

[7](#) Về chính sách là một thảm họa, xem Halberstam, Quagmire, 127.

[8](#) Halberstam, Quagmire, 130.

[9](#) Madame Nhu, Caillou Blanc, 58.

Về những miêu tả cuộc tấn công vào chùa Xá Lợi, xem Prochnau, Once upon a Distant War, 372-373; Halberstam, Quagmire, 146;

[10](#) và Denis Warner, "Agony in Saigon: The Lady and the Cadaver - Nỗi Đau Thương Ở Sài Gòn: Phu Nhân và Tử Thi", The Reporter, 10 tháng 10 năm 1963, 39.

[11](#) Halberstam, Quagmire, 146.

[12](#) "Giác thư mật về một cuộc trò chuyện giữa cựu đại sứ ở Sài Gòn Elbridge Durbrow và Vũ Văn Mẫu", Paris, POLTO 361, 1 tháng 10, 1963.

[13](#) Về cuộc gặp gỡ của ông với bà Chương, xem "Phỏng vấn Henry Cabot Lodge, 1979 [part 2 of 5]", 1979, WGBH Media Library & Archives.

Về những tình tiết trong vụ từ chức của ông Chương, xem "Saddened Diplomat; Tran Van Chuong Wife Devout Buddhist Lived in Saigon" New York Times, 22 tháng 8 năm 1963, 2; và Nan Robertson, "Ex-Saigon Envoy Starts Sad Exile: Mrs. Nhus Parents Take a

[14](#) House in Washington; Daughter a Stranger", New York Times, 22 tháng 9 năm 1963, 3. Về việc Diệm triệu hồi đại sứ Chương trước khi ông từ chức, xem "Giác thư mật về cuộc trò chuyện giữa cựu đại sứ ở Sài Gòn Elbridge Durbrow và Vũ Văn Mẫu", Paris, POLTO 361, 1 tháng 10 năm 1963, 3.

Chương 13

QUÁ ĐẸP ĐỂ CÓ THỂ LÀM NGO

Bà Nhu đáp xuống New York trễ vài giờ so với kế hoạch. Chuyến bay của hãng Pan American từ Paris gặp nhiều loạn không khí đầu đó trên bầu trời Đại Tây Dương; những cơn gió ngược đập mạnh vào máy bay. Đó không phải là sức mạnh duy nhất chống lại bà. Cơn bão Flora vẫn còn quanh quẩn ngoài khơi nước Mỹ, tuy đã tiến sâu về phía nam. Nó đã làm thiệt mạng 4.000 người ở Haiti, và không ai biết chắc tiếp theo nó sẽ di chuyển đến đâu hay sẽ gây ra thiệt hại gì khi nó đổ bộ vào đất liền các tiểu bang. Máy bay chở bà Nhu hạ cánh xuống phi trường Idlewild trong sự yên ả trước bão tố.

Việc phi trường này sẽ được đổi tên thành JFK, và việc Tổng thống John Fitzgerald Kennedy mà những ký ức về ông nó được tôn vinh sẽ bị ám sát chỉ trong vài tuần tới, là không thể nào tưởng tượng nổi trong buổi chiều dịu nắng ngày 7 tháng Mười, năm 1963 ấy. Dường như không thể nào có chuyện những gì công luận Mỹ vẫn xem xét cuộc chiến nhỏ nhất ở Việt Nam, một vùng đất xa xôi ở phương Đông lạ lẫm, sẽ leo thang thành sự hủy diệt trong thập kỷ tới. Sự kiện Vịnh Bắc bộ vẫn còn một năm nữa mới xảy ra; nhân viên Mỹ hiện diện ở Việt Nam chỉ mới là 15.000 cố vấn quân sự - rất xa với con số 200.000 người sẽ có mặt ở quốc gia này vào cuối năm 1965. Vào năm 1963, vẫn chưa có bộ binh.

Nhưng Việt Nam đã đến với Hoa Kỳ - ít nhất là trong hình dáng bé nhỏ của bà Nhu để chuẩn bị cho một chuyến đi tiếp xúc báo chí trên toàn nước Mỹ. Lẽ ra bà nên sợ hãi. Mọi thứ đang bị đe dọa - gia đình bà, đất nước bà, thậm chí sự an toàn của bà. Hình như bà nhận biết mối nguy đó. Bà cảm thấy, bà thú nhận, mình như "con mèo con bị tóm cổ ném vào đầu trường sư tử". Cho nên lẽ ra bà phải biết bà đang đi trên băng vỡ. Lẽ ra bà nên im lặng. Lẽ ra bà không nên đến Mỹ. Nhưng nếu vậy nó sẽ làm bà Nhu trở nên khả đoán, mà bà hoàn toàn không phải như vậy.

Bà dặn dĩ bước ra khỏi máy bay, son môi hồng tươi và nụ cười rạng rỡ. Chuyến đi xuyên Đại Tây Dương lúc ấy vẫn còn là cái gì xa hoa - những bữa ăn thịnh soạn, phục vụ theo cung cách Trung Hoa, với vô vàn thức uống. Mọi người ăn mặc trịnh trọng cho những chuyến bay. Bà Nhu khoác chiếc khăn choàng lông chồn sẫm màu lên bộ váy nâu bó sát thân hình mảnh dẻ; đôi giày gót nhọn lòi ra dưới ống quần trắng. Bà đi dọc hai hàng ghế mà không chỉnh lại tóc, vốn đã lệch rồi chút ít trong chuyến bay dài. Một lọn tóc bướng bỉnh bật lên sau vành tai trái khi bà rảo bước tới sảnh nhà ga.

Một vài tùy viên cấp thấp của Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Washington, D.C, có mặt ở sân bay để đón bà Nhu. Bà đưa bàn tay đeo găng với cổ tay trắng vẫy chào họ, vẻ rất uy nghi. Còn có các thành viên của phái đoàn ngoại giao Việt Nam Cộng hòa ở Liên Hiệp Quốc, và bao trùm lên họ là vô số những gương mặt da trắng và ánh đèn rực sáng.

Bà Nhu phải mất bao lâu để nhận ra những sự vắng mặt đáng chú ý khác? Không có đại diện chính thức của Hoa Kỳ. Không có ai ở liên bang, tiểu bang, hay thậm chí quan chức địa phương đến gặp Đệ nhất Phu nhân của nước Việt Nam Cộng hòa, đồng minh chính thức của Hoa Kỳ trong cuộc chiến Chiến tranh Lạnh chống lại Chủ nghĩa Cộng sản. Chỉ có một sĩ quan cảnh sát, cùng cấp dưới của anh ta, và bốn cảnh sát tuần tra của thành phố New York có nhiệm vụ bảo vệ an ninh cho bà. Cựu đại sứ Trần Văn Chương và vợ ông cũng vắng mặt. Mặc dù thực sự họ đang ở thăm New York hôm đó, nhưng không nhằm mục đích đón con gái mình. Thay vì vậy, vợ chồng ông Chương đang gióng hồi chuông báo động cho khắp thành phố này về những tàn phá mà cặp vợ chồng đói khát quyền lực Nhu - Xuân đang gây ra cho Việt Nam Cộng hòa. Họ cảnh báo rằng chính phủ ở đó không thể cải cách được nữa.

Cha mẹ bà Nhu kêu gọi truất phế bà.

Bà Nhu tiếp tục đi, băng qua mặt sân nhựa đường để đến sảnh nhà ga Pan American - một khối tròn lớn lơ lửng trông như con tàu vũ trụ xa lạ. Một trăm nhà báo và phóng viên ảnh xô đẩy nhau để được nhìn rõ hơn những bước chân đầu tiên của bà trên đất Mỹ. Các nhà báo hẳn phải ngạc nhiên tự hỏi làm thế nào mà người đàn bà nhỏ bé này lại là tâm địa chấn của quá nhiều vấn đề như vậy. Những cái micro nhỏ xíu và những cái máy ảnh chực chờ ghi nhận mọi dấu hiệu thiếu tự tin, một điểm yếu trong tính cách. Nhưng bà Nhu đã quen với việc tự chủ trước đám đông. Nụ cười của bà trông khá tự nhiên.

Bà Nhu đi tới cái bục dành sẵn cho bà. Bà phải đứng trên một chiếc ghế nhỏ để sờ được cái micro. Giọng bà vang lên rần rỏi và rõ ràng như tiếng chuông khi bà đưa ra một vài nhận định đã chuẩn bị trước - bà đang trông chờ vào chuyến đi sắp tới, bà nói. Một chiếc khăn choàng đã che giấu một cái gì đó vốn có thể phơi bày trong mắt bà.

Một phóng viên từ cuối phòng hỏi bà Nhu về những chỗ trống ai cũng nhìn thấy trong đám đông. Bà Nhu quay sang cô con gái cả mười tám tuổi, người đã tháp tùng bà trong chuyến đi này, giúp việc phiên dịch, và Lê Thủy tiến lại gần mẹ. Lê Thủy để kiểu tóc ngắn chạm vai hình quả chuông. Một cái nơ to tướng gắn quá thấp vào một bên gây cảm giác nó có thể tuột ra bất cứ lúc nào. Đó là kiểu cách thời trang lúc bấy giờ. Cô đào Mary Tyler Moore hai mươi ba tuổi cũng xuất hiện với kiểu tóc ấy trong một hồi kịch truyền hình Dick Van Dyke Show sẽ phát sóng cuối tuần đó. Trông như một nữ sinh ngoan hiền, Lê Thủy thì thâm vào tai mẹ nửa tiếng Việt nửa tiếng Pháp.

Bà Nhu nhắm mắt lại, khẽ gật đầu.

"Tôi đã trở thành, ngoài ý muốn của tôi, một con người gây tranh cãi. Tôi không muốn gây rắc rối cho ai cả". Vì giờ đây đã ở trên nước Mỹ, bà Nhu nói bà làm mọi cách để "có hiểu vì sao chúng ta không thể sát cánh bên nhau".

Khi bà Nhu nói tiếng Anh, giọng bà trầm bổng lên xuống, và một số từ quện vào nhau rù rì. Lối nói của bà nghe gán như ve vãn. Nhưng cái nhún vai nhẹ buồn trước khi bà chui vào chiếc Cadillac cho đa số đàn ông trong phòng họp thấy chính xác cái gì họ đang chờ đợi: Họ cần trọng tâm bắt một cái gì đó mỏng manh và nhân văn bên trong người đàn bà mà họ đặt cho biệt danh là Ròng Cái.

Lịch trình khép kín xuyên nước Mỹ của bà Nhu sẽ đưa bà đi qua mười hai thành phố trong hai mươi hai ngày. Bà đã được mời trước đến nói chuyện mười bảy buổi trên đài phát thanh và đài truyền hình, cộng với mười bảy cuộc hẹn nói chuyện, mười một trong số đó tại viện đại học và trường đại học. Bà còn được mời với tư cách khách mời danh dự đến mười lăm buổi chiêu đãi trưa và tối. Nhưng sự nhiệt tình của người Mỹ có khía cạnh ám muội của nó.

Những lời mời nói chuyện với giới nhà báo và các sự kiện tư nhân, các câu lạc bộ báo chí, và các cơ sở học thuật đã được đưa ra bất chấp ý muốn của chính phủ Mỹ. Tự do báo chí như thế - và sự công khai coi thường những ý muốn của chính phủ - là không thể tưởng tượng được ở Việt Nam Cộng hòa. Vài chục năm sau, bà Nhu vẫn không hiểu được. Bà viện dẫn nó như một bằng chứng về sự vỡ mộng của bà đối với người Mỹ. Bà tự hỏi, tại sao giới truyền thông đại chúng Mỹ và các trường học danh giá nhất của quốc gia này có thể mời bà, để rồi sau đó chính quyền tìm cách nói, "Đừng đến".

Dân chúng Mỹ cần có một hiện tượng. Chính quyền Mỹ thì tìm cách ngăn chặn nó. Cho nên nó đã làm cái nó có thể làm, về mặt ngoại giao, để ngăn cản bà thăm viếng quốc gia này. Harlan Cleveland ở Bộ Ngoại giao gọi riêng tân đại sứ Việt Nam Cộng hòa ở Hoa Kỳ đến Washington để hỏi chính quyền sở tại có sử dụng biện pháp nào nhằm "giảm nhiệt" bà Nhu không. Tân đại sứ đến từ Sài Gòn đã nói rõ qua những cuộc nói chuyện bí mật với các quan chức Mỹ rằng cá nhân ông nghĩ bà nên bị "loại bỏ",

nhưng ông vẫn bóng gió nói làm sao việc đó có thể thực hiện được. Lo lắng cho cái ghế và có thể cả cái đầu của mình, ông phải tế nhị hơn. Ông gởi năm bức điện tín về Sài Gòn trước khi bà Nhu đến Mỹ. Ông chỉ biết rằng Đệ nhất Phu nhân đã được căn dặn riêng phải "trầm tĩnh". Mọi người không tin chuyện đó có thể xảy ra.

Các phóng viên Mỹ tác nghiệp rất giỏi. Họ có thể khiêu khích bà Nhu để bà cự cãi giữa đông người. Việc đó thêm dễ dàng vì quý bà này "không may lại quá xinh đẹp để có thể làm ngo". Vì thế chính quyền Mỹ tìm cách làm nhục giới truyền thông thay vì bà Nhu. Một viên chức cao cấp giấu tên trong chính phủ Kennedy đã chỉ trích không chính thức các tên tuổi lớn nhất trong giới truyền thông: CBS, NBC, Time, Newsweek, và New York Post. Họ đang chú ý quá nhiều đến ả Ròng Cái này. Lẽ nào họ không biết mỗi nguy hại tiềm tàng khi trao cho bà Nhu một diễn đàn để bà trình bày lập trường của mình trước dân chúng Mỹ? Nguy cơ của Mỹ ở Nam Việt Nam là rất cao, và người đàn bà nhỏ nhắn này đe dọa mọi thứ. ¹

Do bà Nhu đang làm lạnh xương sống chính quyền Kennedy, bà trở thành người bạn dễ gần trong năm tranh cử với các đối thủ của ông, như vợ chồng Dougherty, họ có cả một gia sản lớn ở Texas và một giếng dầu trước sân nhà, và Clare Boothe Luce đáng gờm, nghị sĩ Đảng Cộng hòa và là vợ của Henry Luce, người tạo dựng đế quốc báo chí Time-Life. Họ nằm trong số nhiều thành viên bảo thủ và Đảng Cộng hòa muốn chìa bàn tay nồng nhiệt ra mời Đệ nhất Phu nhân của Việt Nam Cộng hòa đến Mỹ. Marguerite Higgins cũng tỏ ra là người bạn chung thủy. Bà viết ra những điều cần nói và những điều cần tránh. Những điều cần tránh bao gồm một số cụm từ ưa thích của bà Nhu: bà phải tránh sử dụng những cách nói như "âm mưu có hệ thống" và "các nhà sư bị đầu độc". Higgins cũng cảnh báo bà Nhu không nên chỉ trích Tổng thống Kennedy thẳng thừng như vậy.

Vì không công nhận bà là khách mời "chính thức" đến Hoa Kỳ, Bộ Ngoại giao công khai nói với bà Nhu rằng họ không bảo đảm an ninh cho bà. Bà một mình tự lo lắng. Sự thiếu vắng các nghi thức ngoại giao khi bà đến New York truyền đi một thông điệp rõ ràng. Sự công nhận chính thức duy nhất đối với chuyến viếng thăm của bà Nhu được thể hiện bằng sự phản đối. Thượng nghị sĩ Stephen Young, một thành viên Đảng Dân chủ ở Ohio, nói rằng bà Nhu "quá tự cao tự đại" và nên đưa bà trở lại Việt Nam Cộng hòa. Hạ nghị sĩ Wayne L. Hayes, Chủ tịch Ủy ban Đối ngoại Hạ viện của Quốc hội Hoa Kỳ, đã cho lưu hành trên nội san Quốc hội đơn kiện chính thức "người phụ nữ xấu xa" đã vào đất nước này bằng hộ chiếu ngoại giao. Và mặc dù bà Nhu không biết điều đó, bà thậm chí còn nhận một lời cảnh báo từ đích thân Tổng thống Hoa Kỳ.

Vào tháng Tám và tháng Chín, bà Nhu đã gởi nhiều lá thư từ Sài Gòn và sau đó từ Paris đến Phó Tổng thống Lyndon Johnson, hỏi về việc bà có được hoan nghênh ở Hoa Kỳ không. Bà cảm thấy thoải mái khi hỏi ông Johnson - bà đã được biết ông trong chuyến công du của ông đến Việt Nam, và những cô con gái tuổi mới lớn của họ đã thành bạn bè. Nên bà Nhu nghĩ bà sẽ viện đến tính cách lịch lãm của người đàn ông cao lớn vùng Texas. Bà đã quyền rũ được ông không lâu trước đây và giờ đây bà chòng ghẹo ông trong thư để ông không "sợ hãi vì một quý bà".

Nhưng cá nhân Tổng thống Kennedy thì phật ý về chuyến viếng thăm sắp tới của bà. Trong cái nhìn của ông, bà Nhu làm nhu nhược những người đàn ông chung quanh bà. Bộ Ngoại giao đã cảnh báo hồi tháng Tám rằng bà làm xói mòn uy quyền bằng cách xuất hiện để dẫn dắt những người đàn ông vây quanh "quá phụ thuộc vào bà". Ông Kennedy không có ý định để cho sự tiếm quyền đó xảy ra trên đất Mỹ. Bản phác thảo lời hồi đáp cho lá thư của bà Nhu của văn phòng ông Johnson được gởi tới Nhà Trắng; ông Johnson muốn đích thân Kennedy chấp thuận nó.

"Đây không phải loại thư từ mà ông viết cho một phụ nữ đầy quyền dự", ông Kennedy quả trách với nư

cười nhạo báng. Ông đang đọc nó trong phòng tắm hơi, một kiểu văn phòng thay thế cho Tổng thống, người bị đau lưng nặng. Nghe nói rằng ông nảy ra được nhiều ý tưởng xuất sắc trong khi tắm. Thực vậy, các cố vấn của ông Kennedy thường tập trung quanh Tổng thống, người tiếp họ trong lúc ở trần từ thắt lưng trở lên và che đậy phần dưới thắt lưng bằng một chiếc khăn tắm - ít nhất đó là những gì ông thường được miêu tả. Trong khi đó, các cố vấn mặc vét, đeo cà vạt và thậm chí ngồi trên bệ cầu hoặc ngồi chồm hổm trên nền gạch ẩm ướt.

Ông Kennedy tập trung suy nghĩ một chút về cách viết lá thư trả lời bà Nhu. "Nó cần phải tế nhị hơn và..". Ý tưởng đó chững lại khi ông đang nghĩ cách viết thư hồi đáp. Ông Kennedy diễn giải về nhan sắc và sự quyến rũ của bà. Ông cũng gửi đến bà lời cảnh báo về "một số sự kiện chính trị về cuộc sống". Lá thư yêu cầu bà xem xét, "càng khách quan lạnh lùng càng tốt câu hỏi liệu bà đến đây sẽ hữu ích hay gây khó khăn thêm". Phó Tổng thống Johnson đọc bản nháp lá thư được biên tập lại và thấy "khá tốt". Ông nghiêm cẩn ký lá thư và gửi đến bà Nhu như lá thư của riêng ông.²

Bà Nhu có thể đã không biết ai là tác giả thực sự, nhưng bà đã nhận ra thông điệp giữa những dòng chữ. Tôi chỉ có thể hình dung cái cảm của bà bạnh ra khi bà dùng bút bi gạch bỏ lá thư hồi đáp trích thượng. Quyết định không im lặng đứng nhìn của bà là quyết định của lương tâm, bà nói. Bà sẽ đi Hoa Kỳ. Và tóm tắt sự mạnh mẽ trong ý định của mình với cách nói cường điệu điển hình, bà viết, "Tôi từ chối đóng vai đồng lõa trong một vụ thảm sát tàn bạo".

Có thể nói, vụ "thảm sát" mà bà đề cập đến trong lá thư là lỗi tu từ hoa mỹ. Thư ký Nhà Trắng đưa vào tập hồ sơ thư từ trao đổi hằn đã nghĩ thế khi cô viết nguệch ngoạc lên trên dòng chữ: "không cần hồi đáp". Nhưng vài tuần sau, khi chồng bà Nhu và người anh chồng của bà thực sự bị giết chết một cách tàn bạo, cụm từ đó trong lá thư của bà Nhu được xem như một tiên báo kỳ dị. Vào thời điểm bà Nhu viết những dòng chữ đó, cuộc đảo chính sẽ lật đổ và giết chết hai anh em họ Ngô đã nhận được sự hậu thuẫn của Hoa Kỳ. Mưu đồ đó lẽ ra phải được giữ thật kín, với những bức điện tín được mã hóa, những thư báo mật, và những cuộc họp bất hợp pháp ở Sài Gòn. Nhưng bà Nhu hình như biết điều đó. Và bà chuẩn bị đến Hoa Kỳ trong một chuyến đi mở rộng thăm một quốc gia mà bà gần như kết tội gây ra vụ thảm sát có chuẩn bị trước.

Bà Nhu đã được "khuyến can mạnh mẽ" không nên đi, bà giải thích với đặc phái viên đài CBS trên chuyến bay vượt Đại Tây Dương từ Paris. Bà muốn nói tới lá thư của ông Kennedy và lời từ chối không bảo đảm an ninh cho bà của Bộ Ngoại giao, bà cũng muốn nhắc đến những thông điệp khác mà bà nhận được từ các nhà ngoại giao Việt Nam đầy băn khoăn.³ Nhưng bà Nhu vẫn kiên định, theo cách mà bà gọi là "tinh thần nghịch lý của nữ tính - có thể nếu người ta mời, khăng khăng muốn tôi đến, thì tôi lại không đi!" của bà. Và sau đó, theo nhà báo này, bà Nhu cười khúc khích và rung nhẹ người lên như cánh bướm xao xuyến, chuyên viếng thăm của bà là sự bốc đồng đom đóm, như bà từng tìm cách thuyết phục nhà báo kia trên chuyến bay, hay bà là "nhà tuyên truyền khát khao quyền lực", như cha bà, cựu đại sứ, tuyên bố?

Sự thật là bà Nhu có nhiều quyền lực hơn cái chính quyền đang lung lay mà bà bỏ lại sau lưng ở Nam Việt Nam. Chế độ Ngô Đình Diệm đang bất lực, và bà biết điều đó. Nó yếu và thủ thế, trong khi bà sôi nổi và hùng hồn. Bà tin vào bản thân hơn cả tin vào chồng và anh chồng bà. Bà không chịu ở nhà làm một người nội trợ lặng lẽ trong khi đám du thủ du thực vây ráp bà. Suy cho cùng, bà từng đối mặt với súng đạn; bà từng gom nhặt quần áo và bong con nhỏ băng qua cầu an toàn. Bà đã khuất phục bằng đảng Bình Xuyên và Tướng Hình vĩ đại. Bà Nhu tin chắc vào bản thân, và sự tự tin của bà chưa bao giờ phản bội bà.

Sự tự tin của bà Nhu được hậu thuẫn bởi kỹ năng chính trị bẩm sinh. Ngay cả những người, như cựu

đại sứ Việt Nam Cộng hòa Lawton Collins, nghĩ bà là một "con cáo già", vẫn không thể không thấy sự vận động chính trị - và sự can đảm của bà - rất nổi bật. Các nhà báo ngoại quốc từng chứng kiến những lần bà thể hiện sự dũng cảm ở Sài Gòn đều bất đắc dĩ phải thừa nhận họ nể sự táo bạo của bà - và bà Nhu hẳn đã cảm nhận được điều đó. Bà không quan tâm việc họ đặt cho bà biệt danh Rồng Cái; bà hiểu được sự thu hút đó. "Tôi tỏ ra không sợ hãi, điều đó đúng". Cho nên người Mỹ đã mời bà rồi lại nói "Đừng đến" thì chuyện gì xảy ra? Do bà không được phép ở lại đất nước mình, nên bà thà đi vào một nơi bà ví như hang sư tử trong kinh thánh để xem bà có thể làm được gì hòng sửa chữa mối quan hệ đang căng thẳng giữa Việt Nam Cộng hòa và Mỹ bằng cách nắm giữ chí ít là ảo tưởng quyền lực từ bên trong.

Bà biết rằng bà không có gì để mất.

Các Viện Đại học Columbia, Harvard, và Princeton đòi mời cho được bà Nhu đến thăm trường mình. Tạp chí Time, báo New York Times, và các mạng lưới truyền hình cạnh tranh nhau để được tiếp xúc trực tiếp với Đệ nhất Phu nhân. Một số gia đình nhiều quyền thế ở Mỹ tiếp đãi bà trọng thị. Các nỗ lực của chính phủ Mỹ yêu cầu bà im tiếng chỉ củng cố thêm rằng bà thực sự là một nhân cách mạnh mẽ đáng gờm. Mọi sự chú ý, kể cả tiêu cực, dành cho chuyến đi thăm của bà chỉ làm bà thêm tự tin.

Bà Nhu ngụ lại New York chủ yếu ở tầng bảy của khách sạn Barclay. Khách sạn xa hoa này đã quen bảo vệ sự riêng tư cho khách của họ, trong đó có các ngôi sao nổi tiếng như Marlon Brando và Betie Davis. Ở tầng trệt là nhà thuốc tây Caswell-Massey uy tín. Greta Garbo và Katherine Hepburn từng là thân chủ của nó. Sarah Bernhardt có lần xài hết kem dưỡng da đưa chuột nổi tiếng của công ty này bèn yêu cầu hiệu thuốc chuyển gấp ba chục hộp cho chuyến lưu diễn châu Âu của bà. Sảnh khách sạn có những tấm thảm lông lầy và tường ốp ván mỏng. Một cái lồng chim mạ vàng khổng lồ án ngữ lối vào.

Bà Nhu không hề rời khỏi khách sạn trong ngày đầu tiên. Bà ẩn mình trong phòng 708, phòng suite với các cửa sổ treo màn dày kín, chỉ chừa cho bà một khe nhỏ để nhìn xuống Midtown Manhattan. Từ đó, Phố Bốn Mươi Tám chạy qua trước khách sạn để giáp với hai đại lộ, Lexington và Park, tạo thành hai góc vuông. Sự đối xứng đó tự nó không có gì nổi bật, nhưng thành phố này lúc nào cũng vậy, một làn đường trật tự với những chiếc Cadillac đen bóng, Buick mui mềm, xe buýt nội thành, và dĩ nhiên cả những chiếc taxi vàng. Cái thế giới này hẳn phải rất trật tự và phong lưu nếu nhìn từ trên cao đó, Những người đi bộ nhìn kỹ vạch giới hạn của vỉa hè. Những ngọn đèn đường điều khiển giao thông. Các doanh nhân mặc vét đen xử lý công việc thường ngày của mình bên trong các tòa nhà đứng san sát khách sạn của bà như những người anh em đua tranh xem ai cao hơn ai. Tất cả xác nhận những gì bà Nhu nghĩ - rằng người Mỹ có thể là một dân tộc chân thành, nhưng kiêu ngạo. Và không có gì ngạc nhiên; cứ nhìn quanh thành phố New York năm 1963 để xác nhận sự tự tin không-có-gì-là-không-thể đã ăn sâu vào các cấu trúc hạ tầng của nước Mỹ. Không thấy có dấu hiệu gì khép kín hay khiêm tốn. ⁴

Belgrade, Rome, và dĩ nhiên chẳng dừng chân cuối cùng của bà về phía Tây, Paris, từng rất đẹp theo kiểu thế giới cổ xưa đó - những con phố quanh co và tượng thạch cao vỡ vụn, những liên tưởng lịch sử và vinh quang phai nhạt. Đó là ấn tượng mà bà Nhu có thể thấu hiểu và là nền tảng của thế giới duy nhất bà từng biết đến. Mỹ học châu Âu và các chuẩn mực về cái đẹp đã định hình nên chính sách thuộc địa ở Đông Dương. Nhưng âm thanh của tất cả những thành phố Tây phương này vẫn còn quá xa lạ. Chúng là một nghịch âm của tiếng còi xe, tiếng xì xào, và tiếng còi hụ. Trái lại, những chiếc xe ngựa và xe xích lô chen chúc trên các ngã đường Sài Gòn là tiếng rừ rừ nghệt hòng mà chỉ cần một cơn mưa lớn là có thể át hẳn.

Chỉ cần vén tấm màn che của khách sạn Barclay là thấy ngay những người biểu tình phản đối. Họ đã có mặt trên con phố này từ đêm trước, hô to, "Biến đi Nhu! Biến đi Nhu!". Những người này không

giống như các nhà sư bình tĩnh tự thiêu ở đất nước bà Nhu. Họ cũng không giống những thanh niên hippie Mỹ hay các nhà hoạt động hòa bình tóc tai rối bù, những người sẽ phát động phong trào phản chiến chỉ trong vài năm nữa thôi. Thanh niên mặc vét, đeo cà vạt; phụ nữ mang giày và vớ cao. Kê trước người sau, họ tuần hành trật tự thành vòng tròn và trưng những tấm áp-phích qua vai, với thông điệp "Kết liễu Diệm" và "Chấm dứt Chiến tranh ở Việt Nam" viết trên giấy xăng-xin bằng những chữ rời rỏ to. Xem lại băng ghi hình của cuộc biểu tình này, thấy nó có vẻ kỳ quặc và vô hại, một biểu thị thận trọng của tự do ngôn luận. Những chia rẽ đau đớn trong xã hội gắn với Chiến tranh Việt Nam sẽ đến sau này - tại Đại hội Đảng Dân chủ ở Chicago năm 1968, tại đây cảnh sát đẩy lùi những người biểu tình đang đốt những tấm thẻ quân dịch, và dĩ nhiên ở Đại học Kent State. Nhưng nhóm người biểu tình bên ngoài khách sạn của bà Nhu năm 1963 là nhóm cực đoan thời đó. Hầu hết người Mỹ vẫn một dạ tin vào hiệu ứng domino và nhìn chung họ tin tưởng chính phủ của mình. Khi Tổng thống Kennedy nói rằng Hoa Kỳ có trách nhiệm ở Việt Nam Cộng hòa là chặn đứng Chủ nghĩa Cộng sản, chính sách đó phần lớn không ai nghi ngờ.

Một chàng trai tóc húi cua mang kính bước ra khỏi đội hình hình bầu dục để được Ben Horman, phóng viên CBS, phỏng vấn. Chàng trai đứng đắn mặc áo nịt len bên dưới áo cộc tay có huy hiệu, túi trước cài mấy cây bút. Horman hỏi cậu, vẻ rất trịch thượng, "Nào, cậu có nghĩ chúng ta nên rút hết quân về nước không? Và cứ để cho bọn Cộng vào chiếm đóng?". Cục yết hầu và thần kinh của chàng trai đe dọa làm anh nghẹt thở, nhưng anh bạnh hết quai hàm và nói thẳng vào cái micro CBS: "Cái đó để người Việt Nam quyết định". Rồi anh lặp lại lời tuyên bố cho chắc ăn: "Cái đó để người Việt Nam quyết định". ⁵

Bà Nhu hoàn toàn không đồng ý. Người Việt Nam không được tin cậy để quyết định chuyện đó, người Mỹ cũng thế thôi. Ý tưởng cho rằng Việt Nam Cộng hòa có thể không xứng đáng để đấu tranh bảo vệ là lời nguyên rủa đối với bà.

Bà xuất hiện tươi rói từ khách sạn của mình ngày hôm sau. Năm chục phóng viên và quay phim truyền hình chờ đợi bà ở sảnh. Bà đến đáp cho họ bằng một thoáng cười, phô hàm răng trắng như ngọc.

Những người đàn ông la hét gây chú ý, nhưng bà chỉ kéo sát chiếc áo choàng lông vào người rồi đi lướt qua.

Từ đó về sau, bà Nhu dường như có mặt ở mọi nơi một cách bất ngờ. Góp phần làm tăng thêm ấn tượng đó là việc các cửa hiệu quần áo thời trang trong thành phố đặt những người nộm ma-nơ-canh mắt quả hạnh và mớ tóc giả phồng lên ở tủ kính bày hàng. Một nhà thiết kế thời trang râu rĩ bình luận rằng bà Nhu rất có thể sẽ gieo ảnh hưởng thời trang lâu dài cho New York vì phụ nữ Mỹ không đủ nhỏ nhắn, hoặc ngực đủ lép, để có được vẻ đẹp của bà.

Đi đến đâu bà Nhu cũng làm ngưng trệ sự đi lại, đứng theo nghĩa đen. Hai trăm người biểu tình xuất hiện để cản trở sự kiện đầu tiên, nhưng số người đó bị nuốt chửng bởi 1.000 người tham dự buổi ăn trưa của bà Nhu tại Waldorf Astoria do Câu lạc bộ Báo chí Hải ngoại tổ chức. Tạp chí Time đưa tin số phụ nữ mặc áo choàng lông chồn đông vượt các nhà báo đang tác nghiệp. "Bà ấy bốn mươi?", một bà đứng tuổi trong đám người hỏi. Bà Nhu chỉ mới ba chín. "Ta không có những cái móng tay như thế, và phải làm việc nhà suốt ngày", một phụ nữ khác trong đám đông cầu nhàu. Một vài người trong cử tọa đã quên - có lẽ họ không bao giờ biết - tại sao bà Nhu ở New York. Bà đang tìm cách cứu gia đình bà. Bà đang cố gắng tìm sự hậu thuẫn cho cuộc chiến đấu chống Cộng sản. Bà không ở đó để chứng tỏ mình là người nội trợ giỏi giang.

Ngày hôm sau ba trăm người tụ tập chỉ để thấy bà bước ra từ chiếc limousine và đi vội vào Nhà hát

Radio City. Bà Nhu phải di chuyển khắp New York dưới sự hộ tống chặt chẽ của cảnh sát, gây tắc nghẽn giao thông qua lại ở các đại lộ bà đi qua từ Midtown đến Times Square, từ Columbia đến Sarah Lawrence và Fordham. ⁶

Vào ngày thứ tư ở thành phố này, bà gần như suy sụp. Bà Nhu đã có buổi nói chuyện trên truyền hình ngày hôm trước và mới về nhà sau buổi ăn trưa với các ông chủ của tạp chí Time. Khi bà bước lên sân khấu của trường Đại học Sarah Lawrence vào chiều muộn, giọng bà run run. Một phụ nữ ngồi giữa cử tọa nói bà Nhu "rõ ràng không được khỏe" và bà phải nhiều lần ngừng nói để nhấp vài ngụm nước và nuốt mấy viên thuốc. Bà đứng không vững dưới ánh đèn rực sáng của sân khấu và xin phép rời sân khấu trước khi ngất đi. Đó là một trải nghiệm khác hoàn toàn với trạng thái tinh thần thường ngày của bà. Nhưng trong trường hợp này, dường như điều đó có lợi cho bà.

Một nhóm phụ nữ đứng tha thẩn trong bộ đôi áo cổ chui với áo dài tay cùng màu và váy bút chì dài ngang gối tập trung lại sau buổi nói chuyện bên ngoài giảng đường để nhai kẹo swing-gum, hút thuốc, và trao đổi ý kiến về những ấn tượng của mình. "Tôi không ghét bà ta được!", một cô gái kêu lên, và bạn bè cô gật đầu đồng tình. Rồi họ ngắt lời nhau như những chú chim tranh nhau mổ cùng một hạt: "Tôi hết sức tức rồi". "Bà ấy xinh thật". "Tôi tiếc là bà ấy không khỏe hơn". Nhưng một phụ nữ khác bày tỏ sự thất vọng của mình. Đệ nhất Phu nhân mà bà mong đợi đã không xuất hiện. Danh xưng "không có vẻ gì phù hợp với người đàn bà ngọt ngào đó". ⁷

Có thể để đỡ vất vả hơn gia đình họ Ngô đã thuê một người dân New York phụ trách mọi thứ cho chuyến đi của bà Nhu. Cô ta và hai phụ tá làm việc trong hai phòng liền nhau ở khách sạn Barclay trong thời gian bà Nhu lưu lại đây. Họ điều phối từng chi tiết của chuyến đi xuyên quốc gia nhưng họ quả quyết với giới truyền thông rằng họ không phải là những nhà tư vấn quan hệ công chúng - và chắc chắn "không khuyên ai nên nói gì". ⁸

Một công ty quan hệ công chúng đã từ chối bà Nhu và cả gia đình họ Ngô từng là khách hàng của họ. Oram Group là một hãng tư vấn danh tiếng và rất được ngưỡng mộ về các vấn đề xã hội và chính trị. Thân chủ của họ bao gồm tổ chức Trợ giúp sức khỏe sinh sản Planned Parenthood (PPFA) và tổ chức Quyền công dân National Association for the Advancement of Colored People (NAACP), cũng như các nhóm bảo vệ môi trường, tôn giáo, và quyền công dân khác. Tổ chức Những người bạn Mỹ của Việt Nam đã thuê Oram Group một thời gian dưới thời chính phủ Eisenhower. Vì 3.000 đô la Mỹ một tháng, hãng này bị cáo buộc khuyến khích Tổng thống Diệm và bảo đảm rằng chính phủ Hoa Kỳ và dân chúng đóng thuế sẽ kiên định hậu thuẫn cho Tổng thống bị vây khốn của Việt Nam Cộng hòa. Chính Harold Oram đã góp phần sắp xếp chuyến công du thắng lợi của ông Diệm đến Hoa Kỳ năm 1957, khi đích thân Tổng thống Eisenhower ra tận sân bay ở Washington đón ông, và 50.000 người dân đã chứng kiến đoàn xe hộ tống của ông chạy qua thành phố. Khi ông Diệm trên đường đến Manhattan, thành phố này đã tổ chức một cuộc diễu hành ném hoa giấy truyền thống. Nhưng đội ngũ tư vấn ở Oram và các giám đốc của hãng này về sau đã tự phân hóa nội bộ trước câu hỏi về ông Diệm: Ông ta là nhà lãnh đạo mạnh mẽ hay nhà độc tài bạo ngược? Vào năm 1962, họ đã dứt khoát. Oram chấm dứt mọi cam kết làm đại diện và cổ vũ Việt Nam Cộng hòa như một chính nghĩa. Hãng sẽ không làm bất cứ cái gì để giúp bà Nhu trong chuyến đi này. ⁹

Như bất kỳ khách du lịch sành sỏi nào khi đến Big Apple (tên thường gọi của thành phố New York - ND), bà Nhu cũng đi thăm thú nhiều, trong đó có màn trình diễn ở Times Square và ăn tối ở hộp đêm nơi bà nghe nhạc jazz. Có vẻ bà sẵn sàng trải nghiệm mọi thứ. Bà Nhu đang nỗ lực thực sự để cho người Mỹ thấy rằng bà đánh giá cao nền văn hóa của họ. Quyết định mở lòng ra trên đất Mỹ là một chiến thuật khôn ngoan. Bà biết bà cần làm mềm mại hình ảnh của mình. Bằng cách đi thăm tất cả thắng

cảnh, thưởng thức mọi mùi vị và âm thanh mà thành phố New York mời gọi, bà đang muốn nói rằng phong cách và thú tiêu khiển của Mỹ rất tuyệt vời - ở châu Mỹ. Bà muốn chứng tỏ rằng không phải lúc nào bà cũng là nhà đạo đức chiến binh, Nhưng bà Nhu không xin lỗi - chí ít là không xin lỗi một cách thành thật. Vài tuần trước, ở Rome, bà Nhu đã bình luận trước báo chí rằng quân đội Mỹ ở Việt Nam hành động như "những chú lính đánh thuê". Một câu nói tệ hại, ngay bà cũng thực sự không hiểu bà hàm ý gì. Tân đại sứ ở Sài Gòn, Henry Cabot Lodge, đã mạnh mẽ lên án bà vì câu nói đó, và báo chí tận dụng câu chuyện này, thẳng thừng gọi bà là kẻ chống Mỹ và buộc tội bà xúc phạm đến sự hy sinh của 112 quân nhân Mỹ đã chết ở Nam Việt Nam. Tất cả những chuyện này góp phần tạo nên sự căng thẳng và giận dữ vây quanh chuyến thăm Hoa Kỳ của bà. ¹⁰

Bà Nhu từ chối, hoặc có lẽ bà không thể, hạ xuống giọng điệu thủ thế. Mặc dù bà đã xin lỗi vì gây xúc phạm, bà vẫn không thể làm vấn đề lắng xuống. Thay vì vậy, bà quyết định nhấn mạnh điều bà muốn nói. "Người Mỹ mang nhà cửa của họ trên lưng [đến Việt Nam]... Họ sinh hoạt rất tốn kém".

Bà có lý. Việt Nam Cộng hòa là một đất nước đang có chiến tranh. Sự chùng mực sẽ là thích hợp hơn. Như với mọi cặp vợ chồng gặp trục trặc trong hôn nhân, những cuộc cãi cọ về tiền bạc chỉ làm trầm trọng thêm căng thẳng giữa chính phủ Hoa Kỳ và chính phủ Việt Nam Cộng hòa. Vào thời điểm năm 1963, Hoa Kỳ đã đổ vào Việt Nam Cộng hòa 1,5 triệu đô la Mỹ mỗi ngày, gần 550 triệu đô la Mỹ hàng năm. Người Mỹ nghĩ người miền Nam Việt Nam nên làm việc nhiều hơn với dòng tiền khổng lồ chảy vào, nhưng người miền Nam Việt Nam biện luận rằng quá nhiều tiền bạc dành cho Việt Nam Cộng hòa đã chảy vào "các phí tổn hoạt động" của nhân viên và các cô vắn Mỹ - đem coca-cola lạnh, hamburgerr, và tivi màu đến vùng xa xôi hẻo lánh để an ủi các vị cô vắn ở đó. Anh em họ Ngô muốn cắt giảm số cô vắn Mỹ; trong khi đó, chính quyền Kennedy lại tỏ dấu hiệu cho thấy họ sẽ đưa thêm người vào Nam Việt Nam và cắt cả gói viện trợ. Đồng thời, những người Cộng sản chỉ cần vạch rõ sự Mỹ hóa ở Nam Việt Nam - từ kinh tế, thời trang đến các kệ đựng hàng trong các cửa hiệu tạp hóa - để khẳng định lập trường quốc gia của họ.

Người ta đã nói quá nhiều về cụm từ "bữa tiệc nướng sư" và bây giờ là lời bình luận "những người lính đánh thuê" đến nỗi, bà Nhu phản nản, ý nghĩa sâu xa của bà đã bị lạc mất. "Tôi không được lắng nghe tại đất nước tôi". Bà được lắng nghe khá trọng thị bởi 4.000 đến 5.000 sinh viên ngồi chật kín giảng đường Đại học Fordham trong ngày thứ năm của chuyến đi thăm. Cử tọa toàn nam giới đã dành cho bà Nhu sự chào đón nồng nhiệt khi bà bước lên sân khấu. Bà mặc một chiếc áo dài lụa, loại cổ thuyền, tóc bới cao xoắn gọn. Bà không còn dấu hiệu kiệt quệ của ngày hôm trước. Đây là một đám đông hoàn toàn khác. Từ dưới các hàng ghế, mọi người dán mắt vào một dáng vóc nhỏ bé trên sân khấu. Họ mặc com lê nghiêm chỉnh, đeo cà vạt sẫm màu và rì rầm cười sảng khoái khi bà Nhu bảo họ, "Tôi sẵn sàng trả lời mọi câu hỏi - nhưng tôi không muốn tước mất bữa ăn trưa của các bạn". Họ bị mê hoặc và có vẻ như hoàn toàn sẵn sàng ủng hộ bà Nhu khi bà yêu cầu họ điều cuối cùng, "Dù bạn nghe gì, xin đừng kết án tôi". Mọi người đứng dậy vỗ tay hoan hô bà hồi lâu.

Trước mặt những người đàn ông ở Fordham, bà Nhu dường như đã vượt qua được những e ngại hay hoài nghi dai dẳng từng làm bà khổ sở. Thành công đó được tiếp nối bởi những tiếng hoan hô từ hội trường đầy kín người ở Đại học Columbia. Mặc dù những kẻ gây nhiễu vẫn liên tục ném trứng và đá phẫn lên chiếc limousine của bà khi bà đi lại trong thành phố này, bà Nhu hình như nhận thấy, vào cuối tuần thứ nhất của bà ở Hoa Kỳ, bà sẽ ổn thôi, không cần đến cái chính quyền đã từ chối thừa nhận bà.

Vào buổi sáng Chủ nhật, bà Nhu và con gái đi lễ tại Nhà thờ Thánh Agnes trên Phố Bốn Mươi Ba gần nhà ga Grand Central. Bà Nhu mặc áo dài màu hồng cam, còn Lệ Thủy mặc áo dài màu ngọc lam; với những nụ cười tươi nhìn thật hòa hợp, hai mẹ con trông như mới chụp một tấm ảnh cho hãng quảng cáo

Howard Johnson. Bà Nhu có nhiều lý do để cười - buổi phỏng vấn của bà trong chương trình quen thuộc của NBC Meet the Press sẽ phát sóng tối hôm đó, và bà mới nhận được một bó hoa to từ các sinh viên Columbia thav lời xin lỗi vì những cuộc biểu tình phản đối mà họ đã gây ra trong sân trường hôm trước đó. Đó là một ấn tượng dễ chịu, và còn dễ chịu hơn nữa là buổi thăm hỏi của ủy viên sự kiện công chúng thành phố New York. Đó là buổi chào hỏi trực tiếp chính thức đầu tiên từ một viên chức chính quyền. Mọi sự ồn ã chung quanh bà Nhu khiến bà trở thành "mối quan tâm của ông" với tư cách đại diện thành phố New York.¹¹ Hẳn bà cũng tức cười khi thấy ngay cả ông ta cũng gặp rắc rối khi đi qua sảnh khách sạn Barclay. Bà Nhu đã có mặt trên đất nước này gần trọn một tuần, và sự náo động chung quanh bà vẫn chưa lắng xuống. Những kẻ tò mò tọc mạch, giới truyền thông, những người biểu tình, và những người hâm mộ vẫn tụ tập đầy bên ngoài khách sạn của bà. Sau khi gặp bà Nhu, viên chức nọ xác nhận với báo chí rằng bà là "một máy phát điện"¹². Đơn giản là không thể và sẽ không phớt lờ bà được.

-
- ¹ Về lời của bà Nhu rằng bà "bị nhận ra bởi làn da nơi cổ", xem "Phỏng vấn bà Ngô Đình Nhu, 1982", 11 tháng Hai, 1982, WGBH Media Library & Archives.
- ² Về cuộc trò chuyện giữa đại sứ Việt Nam Bửu Hội và Harlan Cleveland về những nỗ lực ngoại giao để trấn dịu bà Nhu, xem Jones, *Death of a Generation*, 385.
- ³ Về sự trao đổi thư từ giữa bà Nhu với Lyndon Johnson, từ ngày 7 đến 30 tháng Chín, cùng với giác thư hồi đáp bà Nhu bởi Bộ Ngoại giao và Nhà Trắng (bao gồm những giác thư do Tổng thống duyệt và yêu cầu Tổng thống Johnson ký vào nếu nó được phê chuẩn), xem LBJ Library: LBJA: Famous Names, Box 7, Folder N. Việc Kennedy viết cho bà Nhu một lá thư từ phòng tắm hơi được thuật lại trong Jones, *Death of a Generation*, 290.
- ⁴ Xem "Giác thư về cuộc trò chuyện", New York, 2 tháng 10, 1963, Document 168, FRUS, 1961-1963, 4:347-349.
- ⁵ Về niềm tin của bà Nhu rằng người Mỹ giàu thiện chí nhưng kiêu căng, xem "Phỏng vấn bà Ngô Đình Nhu, 1982", 11 tháng 2 năm 1982, WGBH Media Library & Archives.
- ⁶ Cuộc phỏng vấn của Ben Horman với người thanh niên bên ngoài Khách sạn Barclay vào 10 tháng Chín, 1963 là một cảnh trong chuyến viếng thăm của bà Nhu chiếu trên CBS. "Bà Nhu Đứng Chẩn Bên Ngoài Khách Sạn Của Bà", 9 tháng 10, 1963, WGBH Media Library & Archives.
- ⁷ Xem Central Intelligence Agency, "Vietnamese Summary Supplement, October 7-31, 1963", mô tả bà Nhu đến Mỹ, xuất hiện trên truyền thông, và chu du khắp quốc gia.
- ⁸ Về những bình luận của sinh viên, như lấy làm tiếc vì bà Nhu đã không cảm thấy khá hơn, xem "Madame Nhu at Fordham University: Bonze, Fordham/Student Comments Re: Madame Nhu [part 1 of 2]", October 11, 1963, WGBH Media Library & Archives.
- ⁹ "Visa to Mrs. Nhu Is Under Inquiry; Diplomatic Nature of Permit Questioned by Rep. Hays; Visa Issued Last Year; Mrs. Nhu Rests at Hotel Here; Telephones Kept Busy", New York Times, 9 tháng 10 năm 1963, 10. Giám đốc chương trình, Anita Berke Diamant, tiếp tục trở thành người đại diện xuất bản quan trọng (major literary agent), khởi sự công ty riêng và làm đại diện cho tác giả best-seller truyện kinh dị gothic V.C. Andrews, với những cốt truyện đầy những điều bí mật thâm kín trong gia đình và tội loạn luân.
- ¹⁰ Về Oram Associates, xem "Oram Group, Inc. Records, 1938-1992", Ruth Lilly Special Collections & Archives, Indiana University-Purdue University Indianapolis, <http://www.ulib.iupui.edu/special/collections/philanthropy/mss057>; về Những Người Bạn Mỹ Quyền Tặng Cho Việt Nam, xem Special Collections Bell-McClure Syndicate Drew Pearson tại American University Library.
- ¹¹ Blair, *Lodge in Vietnam*, 64.
- ¹² Ủy viên sự kiện công chúng (public events commissioner) NYC được dẫn lời trong "Vietnamese Summary Supplement, October 7-31, 1963", Central Intelligence Agency.

Chương 14

CỬA ĐÓNG

Năm 1943, Tống Mỹ Linh, vợ của Thống chế Tưởng Giới Thạch, đi dọc nước Mỹ, từ Bờ Tây sang Bờ Đông, New York đến California. Hành trình của bà rất giống với hành trình của bà Nhu hai mươi năm sau. Người ta cũng gọi bà Tưởng là Rồng Cái - vì sự quyết tâm, bạo dạn, và cổ tình quyền rũ. Và giống như bà Nhu, bà Tưởng cũng tham gia cuộc viễn chinh chống lại mối đe dọa đen tối do Chủ nghĩa Cộng sản đặt ra cho đất nước bà.

Nhưng bối cảnh thì khác. Chuyến đi thăm năm 1943 của bà Tưởng diễn ra chưa đầy hai năm sau vụ tấn công Trân Châu Cảng. Người phụ nữ Trung Hoa yếu điệu này xuất hiện ở phòng họp Thượng Viện Mỹ khắc họa nên một dáng vẻ thu hút; bà là nhân vật gây nhiều cảm hứng cho người Mỹ - họ đã chiến đấu chống kẻ thù chung trong Thế chiến thứ hai: Nhật Bản. Nếu bà Tưởng nói Cộng sản là một mối đe dọa khác đối với an ninh của Trung Hoa, nước Mỹ sẵn sàng tin bà. Công chúng Mỹ say mê cách ăn mặc của bà, cách bà phát biểu, và thậm chí vấn đề vệ sinh và trang điểm hàng ngày của bà. Báo chí cập nhật từng chi tiết chuyến đi của bà.

Dù vẻ ngoài lạ lẫm, với đôi mắt hình lưỡi liềm, tóc đen mượt, và dạng người nhỏ thanh mảnh, bà Tưởng vẫn khá quen. Bà từng đi học ở Wellesley. Bà biết cách nói chuyện với người Mỹ. Đây không phải là chuyến đi đầu tiên của bà đến nước Mỹ, và bà đã quen với văn hóa của nó.

Bà Tưởng hiểu một nghịch lý của Mỹ đã khiến bà hoài nghi một cách tự nhiên về cách mình được đối xử. Trong kinh nghiệm của bà, người Mỹ có thể thú nhận bị mê hoặc bởi câu chuyện lãng mạn phương Đông nhưng vẫn giữ thái độ phân biệt chủng tộc và trịch thượng. Bà Tưởng nổi giận với bất kỳ chủ nghĩa phân biệt chủng tộc hay thái độ trịch thượng mặc nhiên nào vì bà là người Trung Hoa, và bà nhất định đòi hỏi phải có những nghi thức long trọng trong suốt chuyến thăm Hoa Kỳ của bà. Giống như bà Nhu, về lý thuyết bà Tưởng không phải là vợ của quốc trưởng danh nghĩa: Tưởng Giới Thạch là người có nhiều chức vụ, nhưng chức chủ tịch Trung Hoa không nằm trong số đó. Bất chấp điều đó, đích thân Tổng thống và Phu nhân Roosevelt chào đón bà Tưởng khi chuyến tàu lửa của bà dừng bánh trên sân ga ở Washington, D.C. Bà ngồi trên xe của họ chạy tới Nhà Trắng. Tại đây có một lần vợ chồng Roosevelt mời bà qua đêm tại Phòng Hồng và chuẩn bị giường cho bà với những tấm trải lụa cho hợp với làn da nhạy cảm của bà. Trong suốt chuyến đi, gần như mỗi tháng một đêm, vợ chồng Roosevelt lại mời bà Tưởng đến ăn tối với họ. ¹

Trái ngược hoàn toàn, bà Nhu vẫn đang nhận sự đối xử lạnh lùng từ bộ máy hành chính Kennedy và toàn bộ chính phủ Hoa Kỳ.

Bà Nhu đến Washington, D.C ngày 15 tháng Mười năm 1963. Bà đã nói chuyện với sinh viên Đại học Princeton ở bang New Jersey sáng hôm đó, và ngày hôm trước ở Đại học Cambridge, Massachusetts, trường Luật Harvard và Radcliffe College. Bà sẽ mất thêm một tuần nữa ở Bờ Tây, ở giữa và chung quanh thủ đô của quốc gia này, trước khi bay đến Chicago. Một lịch trình mệt mỏi. An ninh tăng cường đã được thực hiện; có lẽ do dự báo những cuộc biểu tình phản đối sẽ còn tệ hơn ở Washington so với ở New York. Do đó bà Nhu có cả đoàn tùy tùng theo sát bà đi qua Hạt Columbia và các vùng phụ cận. Bà cùng con gái đi trên chiếc xe dẫn đầu, một chiếc limousine dài màu đen, được cảnh sát mở đường, chặn xe cộ; thậm chí đoàn xe hộ tống của Tổng thống Hoa Kỳ cũng phải ngừng lại, chờ bà

đi qua. Nghe cách bà Nhu tự hào nhớ lại điều đó năm mươi năm sau, bạn sẽ nghĩ bà là Moses rẽ Biển Đỏ để đi qua.

Bà Nhu bước lên thăm nhà cha mẹ bà vào tối thứ Tư, một ngày sau khi đến Washington. Ngôi nhà mới của vợ chồng ông Chương thật khiêm nhường. Sau khi bỏ lại sau lưng những phù hoa của Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa hồi tháng Tám, người cựu đại sứ và vợ mình lui về sống ở một con phố cây xanh hai bên đường trong một khu dân cư của vùng Đông Bắc Washington. Ngôi nhà gạch kiên cố có hai tầng và chỉ có năm phòng. Nó là một ngôi nhà khá thoải mái, nhưng đối với đôi vợ chồng mang dòng máu hoàng tộc trong người đã quen sống có kẻ hầu hạ và xa hoa tột bậc, thì ngôi nhà trung lưu kiểu Mỹ này chắc hẳn là sự xuống dốc thê thảm.

Không phải nỗi nhớ nhà đã đưa bà Nhu đến trước cửa nhà họ, tuy bà biết rằng cha bà, trong diễn văn từ chức chứa đầy danh dự, đã ghen ngào khi nhắc đến con gái mình. Bà nghi ngờ cảm xúc của cha bà. Giữa công chúng ông Chương chỉ nhắc đến bà là Madame Nhu. Ông nói với các phóng viên rằng ông đơn giản là "không muốn biết tin cô ta". Thực vậy, ông và vợ ông cảm thấy có bốn phận nói lên quan điểm của mình để "đánh tan mùi hôi thối" mà con gái họ đã gây ra. Cựu Tổng thống Harry Truman, mà con gái ông bằng tuổi bà Nhu, nghe nói đã nồng nhiệt khen tặng ông Chương đã đối phó xuất sắc với đứa con gái dữ dội của mình.²

Ông Chương tìm cách xem thường con gái mình trong vai trò Đệ nhất Phu nhân. Cô ta "không có thứ quyền lực mà người ta nghĩ là cô có", ông sụt sịt khi được hỏi về sự vận hành bên trong của chính quyền Sài Gòn. Trong buổi phỏng vấn của CBS được phát trên truyền hình mạng lưới, ông trình bày chi tiết hơn. Người sắp chín năm của ông, Tổng thống Ngô Đình Diệm, chỉ là người đứng mũi chịu sào. Quyền lực thực sự ở Việt Nam thuộc về em trai ông và là con rể của ông Chương: Ngô Đình Nhu. Bà Nhu có thể đã bị tiêm nhiễm căn bệnh "cuồng điên quyền lực" như chồng mình, nhưng cô ta "chỉ là cái bóng".³

Ông Chương đang tìm cách làm cho con gái mình trở nên tầm thường, nhưng ông đã thất bại.

Thay vào đó ông tái xác nhận những gì người Mỹ đã đi đến chỗ nghi ngờ và sợ hãi: rằng kết hợp với nhau vợ chồng ông Nhu có quyền lực cực kỳ lớn so với ông Diệm. Điều đó khiến cho bà Nhu có thêm, chứ không bớt, ảnh hưởng.

Những lời sỉ nhục vẫn còn gây kích động. Khi một nhà báo người Ý hỏi ông Nhu về cha vợ của mình, ông Nhu bày tỏ quan điểm của ông và vợ ông. Chỉ có lần này ông mới để rơi mặt nạ, và lời lẽ của ông thể hiện sự bạo lực trả thù vốn dường như hoàn toàn xa lạ với một người quản thủ thư viện thận trọng mà ông từng chứng tỏ. Nếu ông Chương trở về Sài Gòn, ông Nhu thản nhiên nói, như thể nhận xét thời tiết, "Tôi sẽ cho cắt đầu ông ta. Tôi sẽ treo cổ ông ta và để ông ta lơ lửng giữa quảng trường. Vợ tôi sẽ thắt nút sợi dây thừng vì cô hãnh diện là người Việt Nam và cô là người yêu nước thực sự".⁴

Ngôi nhà tối om khi chiếc limousine tấp vào bờ tường. Lê Thủy rung chuông cửa nhà ông bà ngoại trong khi mẹ cô đứng ngay sau lưng. Bà Nhu đứng chống nạnh, khuất tầm nhìn của người trong nhà khi nhìn qua khe lỗ khóa. Có thể nhìn thấy một ống quần lát phát qua khe tà áo dài, chân giày cao gót gỗ nhẹ - vẻ nôm nóng và căng thẳng. Bà Nhu đóng vai đứa con gái hồn dỗi rất hoàn hảo. Chỉ hai ngày trước bà thậm chí đã là một người như vậy khi bà rên rỉ với các phóng viên NBC trong chương trình Meet the Press về cách mà cha bà đã thể hiện chống lại bà từ thuở nhỏ.

Bực bội vì chờ đợi, bà Nhu kéo Lê Thủy qua một bên, rồi cong mấy ngón tay gõ cửa. Vẫn không có hồi đáp. Bà Nhu nhạy bén biết có khoảng hai chục phóng viên theo sát bà đến đây đang chăm chú từng cử động của bà. Đèn lóe lên, hắt ánh sáng lên những đường viền màu trắng của ngôi nhà, bắt lấy hình

ảnh Đệ nhất Phu nhân đang khiêm nhường đứng đó. Giờ này bà Nhu đang phần nộ vì bị phốt lò - và lại bị phốt lò trước đám đông. Bà xoay lưng lại và đi nhanh ra sân sau. Chọc những cái lỗ trên bãi cỏ bằng đế giày nhọn, bà rảo bước về phía cổng sau, ở đó bà băng lên mấy bậc hiên và nhìn chăm chú vào trong nhà qua cửa sổ.

Những căn phòng tối om và những bức tường bên trong gần như trống trơn. Bà có thể nhận ra những chiếc ghế mượn tạm mà cha mẹ bà đang sử dụng hay căn phòng không trải thảm. Tấm ảnh chụp hai vợ chồng dựa vào cái chụp đèn, và họa phẩm duy nhất là bức tranh lụa thanh nhã vẽ đôi bàn tay của bà Chương. Có lẽ còn có những cái hộp chưa mở. Khi vợ chồng ông Chương rời khỏi Tòa Đại sứ, chắc hẳn họ đã đem theo nhiều thứ hơn chứ không phải chỉ thế này - như bộ sưu tập sách, bình lọ và họa phẩm Á châu. Tấm ảnh chụp gia đình từng treo ở vị trí nổi bật trong Tòa Đại sứ, tấm ảnh chụp bà Nhu khi còn là cô bé nắm tay cha mẹ, giờ không thấy đâu nữa. Có một cái máy quay đĩa nhỏ mà ông Chương từng để bên cạnh bàn làm việc của mình ở Tòa Đại sứ. Ông dùng nó thường xuyên để nghe các vở kịch của Shakespeare. Chúng "đầy minh triết", ông nói; ông Chương thích nghe những câu chuyện kể hàng thế kỷ trước và tìm cách làm cho những thức nhận của chúng thấm sâu vào trong hành vi con người. Vở bi hài kịch tự nó đang diễn ra trong đời thực trên bãi cỏ trước nhà ông có tất cả sự khẩn thiết - và tiềm tàng sự hủy diệt - của màn chót một bi kịch Shakespeare. ⁵

Đó là tất cả những gì mà người làm báo ở Washington có thể làm để bám sát Đệ nhất Phu nhân khi bà lên vào cơ ngơi của cha mẹ bà. Bà Nhu cảm thấy khó chịu. "Thật không hiểu nổi. Mới hồi nãy tôi còn gọi điện nói chuyện với ai đó ở đây". Nhưng giây phút đó đã qua, và giờ đây vợ chồng ông Chương không có ở nhà hoặc họ đã làm một việc tuyệt vời là làm bộ không có ở nhà. Bà Nhu và Lệ Thủy thu người chui vào băng ghế sau chiếc limousine, và chiếc xe lao đi. Nó băng qua những đường phố vắng lặng của thủ đô cho đến khi đột ngột dừng lại trước Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa. Khi bà Nhu đi vào trước cửa và gõ mạnh, một dáng người mặc trang phục màu trắng mở cửa gần như ngay lập tức. "Châu!", bà Nhu kêu lên. Sau đó, theo các phóng viên đến đúng lúc để chứng kiến cảnh đó, bà Nhu gieo người vào hai cánh tay của người đàn ông nhỏ thó. Sau này có người giải thích với báo chí rằng Châu là người đầu bếp của gia đình bà trong nhiều năm. Ông ta dẫn bà Nhu và Lệ Thủy vào trong tòa nhà, tránh xa đám báo chí soi mói. Tân đại sứ Việt Nam Cộng hòa từng nói với người Mỹ một cách tự tin rằng ông không quan tâm nhiều đến Đệ nhất Phu nhân, nhưng ông đủ khôn ngoan để thết đãi một bữa ăn tối đẳng hoàng - công việc của ông, nếu không muốn nói là của cả đời ông, đã gặp nhiều hiểm nguy nếu làm khác đi. Và bởi vì nhà ngoại giao mới nhận chức để ông Châu tiếp tục làm việc sau khi vợ chồng ông Chương ra đi, bếp núc ở đây có lẽ vẫn đầy sẵn những nguyên liệu để làm ra những bữa ăn mà bà Nhu từng ưa thích khi còn nhỏ - có thể là món phở bắc đuôi bò vị cây hời hay những viên chả heo nướng bọc lá diếp thơm mùi bạc hà. Hương vị gia đình sau cùng của bà Nhu không đến từ cha mẹ bà, những người bỏ bà đứng trong giá lạnh, mà từ người đầu bếp họ từng thuê. Đó là một gợi nhớ cay đắng dù cũng quen thuộc, như tuổi thơ của bà quay lại lần nữa từ đầu, khi cha mẹ bà bỏ bà trong trang viên của ông bà nội và giao cho hai người vú nuôi chăm sóc.

Khi bà Nhu còn ở châu Âu trước khi đến Mỹ, mẹ bà đã gọi một cố vấn thân cận của Tổng thống Kennedy đến ngôi nhà mới của bà dự một cuộc họp "sống còn". Khi ông ta đến, bà nói thẳng: Yêu cầu ông Kenney loại bỏ anh em họ Ngô. Ông Diệm bất lực; em trai ông, ông Nhu, là un barbare (tên man rợ). Về đứa con gái của bà, bà Chương nói rằng bà đã khuyên mọi người trong cộng đồng người Việt ở New York và Washington "lấy xe hơi" tông bà Nhu khi bà ấy đến. Nếu họ không dám làm việc đó, thì nên ném cà chua và trứng thối. Liếc qua vành tách trà, bà thề với ông cố vấn Tổng thống Kennedy rằng nếu Nhà Trắng không làm gì để bịt miệng bà Nhu, thì bà, bà Chương, hoàn toàn có thể tổ chức "một cái gì đó chống lại con quái vật này".

Cuộc trò chuyện đó được ghi lại đầy đủ và xếp vào loại "mật". Một viên chức có óc mỉa mai đã viết nguệch ngoạc bên cạnh tài liệu này: "Tình thương của mẹ". ⁶

Trong mấy ngày tiếp theo ở Washington, bà Nhu đi ngược lại lời khuyên mà bà tiếp nhận từ Marguerite Higgins, phóng viên của tờ New York Herald Tribune. Người Đệ nhất Phu nhân này đã quay lại chỉ trích chính phủ Mỹ, một sự công kích dự tính sẽ cản trở và làm tổn hại đến chính quyền Đảng Dân chủ, mà bà buộc tội là mềm mỏng với Cộng sản. Một số người tự do giấu tên vây quanh Kennedy, bà nói, "chưa đỏ, nhưng hồng".

Hơn nữa, đám đông có vẻ cảm thông với bà Nhu. Năm trăm người ngồi chật kín ở Câu lạc bộ Báo chí Quốc gia để được nhìn thấy bà hôm thứ Sáu, ngày 18 tháng Mười. Cử tọa đó đã làm gián đoạn bài phát biểu của bà hơn hai chục lần bằng những tràng pháo tay - trung bình ba phút một lần khi bà Nhu ở trên sân khấu. Đáp lại, bà rừ rừ trong miệng và mỉm cười duyên dáng. Bà ngọp trong thiện chí của dân chúng Mỹ, bà nói. Tuy nhiên, bà vẫn còn chút buồn phiền và bất an. Chính quyền Kennedy tiếp tục đối xử lạnh nhạt với bà. Bà nói bà hiểu rằng đây không phải là chuyến công du cấp quốc gia. "Nhưng vẫn có cách thức để thực hiện những điều này". Bà Nhu chọn giọng điệu "đau khổ thay vì giận dữ" và gợi ý chính quyền Kennedy có thể xử lý toàn bộ vấn đề, thực chất là toàn bộ chính sách liên quan đến Việt Nam Cộng hòa, tốt hơn một chút. Bà hàm ví rằng chính quyền này không thực sự biết nó đang làm gì và đang đối phó với ai. Những lời nói bóng gió của bà hẳn đã làm ông Kennedy điên tiết. Nhưng, như mọi khi, bà Nhu không sai.

¹ Những chi tiết về cuộc viếng thăm Hoa Kỳ vào mùa xuân 1943 của bà Tưởng được mô tả trong Madame Chiang Kai-shek: China's Eternal First Lady của Laura Tyson Li, (New York: Atlantic Monthly Press, 2006), 197-198.

² Về Trần Văn Chương nghẹn ngào trong diễn văn từ chức của ông, xem "Sad-denied Diplomat", New York Times, 23 tháng 8, 1963. Về lời trích dẫn rằng bà Nhu "không có cái quyền lực mà người ta nghĩ là bà có", xem Henry Rayment, "Diems US Envoy Quitsin Protest", "New York Times, 23 tháng 8, 1963. Về lời dẫn cho rằng ông Nhu là một lãnh tụ đứng mũi chịu sào và bà Nhu là cái bóng của ông, xem Joseph Wershba, cuộc phỏng vấn Trần Văn Chương trên CBS, New York Post, 18 tháng 10, 1963.

⁴ Câu "Tôi sẽ cho cắt đầu ông ta" trích từ cuộc phỏng vấn của ông Nhu với tuần báo Ý Espresso; xem "Điện tín từ Lodge ở sứ quán Sài Gòn gửi đến Bộ Ngoại giao, 7 tháng 10, 1963, 7 p.m.", Document 186, FRUS, 1961-1963, 4:385-386.

⁵ Những mô tả về ngôi nhà và đồ đạc của ông Chương, xem Nan Robertson, "Ex-Saigon Envoy", New York Times, 22 tháng 9, 1963.

⁶ Cuộc trò chuyện của người hầu cận Kennedy với bà Chương về việc đã tông xe hơi vào bà Nhu, xem Document 18, September 17, 1963, FRUS, 1961-1963, vol. 4.

Chương 15

ĐẢO CHÍNH

Gần một năm đã trôi qua kể từ khi bà Nhu và tôi không còn liên lạc với nhau nữa. Khi tôi bắt đầu gọi lại vào mùa hè năm 2010, có vẻ như không có chuyện gì xảy ra. Tôi làm bộ vô vấp, như bà hoàn toàn kỳ vọng, nhưng rồi sự sẵn lòng của tôi đến thật bất ngờ. Tôi thấy ngờ ngợ là mình đã nhớ bà rất nhiều nhưng lại sợ quay lại trong ê chề.

Giọng bà Nhu nghe trầm sâu. Lần đầu, giọng bà nghe đúng như người đàn bà tám mươi tuổi. Bà bệnh lâu nay, bà nói; bà đã phải mổ chân và đi khỏi Paris. Tôi đoán có chuyện gì đó đã xảy ra với bà. Khi tôi gọi bà ba tháng sau ngày bà không nói chuyện với tôi nữa và dứt khoát sẵn sàng xin lỗi vì sự bộc phát của mình, tôi nhận được một giọng nói chuẩn quốc tế cho biết số điện thoại ấy không còn hoạt động nữa. Thoạt tiên tôi lo lắng một chuyện tồi tệ đã xảy ra. Tôi lướt qua các cáo phó hằng ngày, nín thở rồi thở ra nhẹ nhõm khi không thấy tên bà với phong chữ đậm. Tôi không hình dung được rằng bà sẽ thay đổi số điện thoại chỉ vì những bất hòa của chúng tôi. Nhưng tôi cũng không tưởng tượng được rằng bà đi đâu xa lâu như vậy mà không gọi cho tôi. "Quá đủ để làm thiên thần của bà rồi, và quá đủ để nói về những hồi ức đó rồi - hay đại loại vậy", tôi nghĩ.

"Các con tôi", bà nói để giải thích sự im lặng của bà, "chúng muốn tôi gần gũi hơn. Hiện tôi sống ở Rome". Bà nói huyền thuyên về những tin tức mấy tháng qua, những vấn đề về sức khỏe của bà, và nói thêm, gần như để giải thích thêm, nhân tiện cuốn hồi ký đã hoàn thành. Bà sẵn sàng gọi cho tôi.

Có một số khó khăn về kỹ thuật giữa cuộc trò chuyện đó và việc tôi nhận được những hồi ức qua hộp thư điện tử của tôi, một cái gì đó liên quan đến các con bà và những công việc toàn thời gian của họ và, tôi đoán, lòng kiên nhẫn của họ đang cạn kiệt đối với dự án làm hồi ký của mẹ. Về lý trí, tôi không thể giải thích nổi ám ảnh của tôi đối với việc lấy được câu chuyện của bà Nhu, nhưng cho đến năm 2010, có lẽ chính vì tôi đã bỏ quá nhiều thời gian, gần năm năm, hy vọng và chờ đợi đã trở thành một thói quen khó từ bỏ. Tôi hy vọng những hồi ức đó sẽ lấp đầy trí tò mò của tôi về bà Nhu. Tôi sẽ hiểu bà, tôi sẽ đưa được bà vào đúng bối cảnh, và tôi có thể đặt cái dấu kiểm gọn gàng bên cạnh tên bà trên bảng kiểm kỷ lục, đầy ám ảnh của tôi, và có thể đi tiếp.

Thay vì vậy, hai tập hồi ký gọi đến hộp thư của tôi làm tôi bối rối. Cái tựa đề chẳng giúp được gì: Le Caillou Blanc, hay Viên sỏi trắng. Sau này mẹ tôi làm rõ một chút ý nghĩa cái tựa đó cho tôi. Ở Pháp, người ta nói về một sự kiện quan trọng rằng ngày tháng của nó được đánh dấu bằng một viên sỏi trắng. Nhưng khi cuộn dần xuống các trang thì như là đang đọc một cái gì đó viết bằng mật mã. Có những mẫu tự và con số đặt trong ngoặc đơn, những tham chiếu từ kinh thánh bằng những đề mục viết chữ đậm, và những phụ đề viết nghiêng được sắp xếp theo thứ tự thời gian. Có vẻ như bà Nhu đã có một danh mục lớn những biến cố về đời bà, nhưng nó là một mê cung khó có thể giải mã được - chưa nói đến trở ngại để có được cái đại tự sự của bà Nhu.

May mắn thay, bà đã gửi những tấm ảnh. Tôi nhìn chúng thật kỹ, ước gì mình có thể nghe các nhân vật cất lên tiếng nói. Có một tấm ảnh chụp bà lúc mười tám tuổi, trước ngày cưới của mình, khoảnh khắc trước khi mọi thứ thay đổi. Ngắm kỹ chân dung bóng loáng của chồng bà, lần đầu tiên tôi nhận thấy ông Nhu, người được mệnh danh là Rasputin của Việt Nam, có cái mũi hạt nút hơi hếch lên. Thay cho cái vẻ lạnh lùng và đầy đe dọa, may quá, ông dễ mến.

Các phần trong văn bản của bà Nhu vốn giống với một hồi ký thông thường được phân bố rải rác trong gần hai trăm trang, nhưng những phần có giá trị tự thuật thì rất đáng đọc. Đây dứt khoát không phải là hồi ký mà nghe nói bà đã bán cho tờ Saturday Evening Post trong những ngày sau vụ đảo chính 1963; cũng không phải là hồi ký mà bà Nhu đang viết khi bà quá bận rộn để trả lời phỏng vấn báo chí vào những năm 1960 và 1970 với giá không ít hơn 1.000 đô la một lần. Tôi không tin rằng những trang viết này đã tồn tại đâu đó dưới dạng bản thảo giấy. Nếu bà đã từng viết chúng thì bà viết ở trong đầu. Hai tập gởi bằng email đến tôi hình như đã được khởi thảo gần đây, thậm chí có lẽ trong những tháng từ sau lần nói chuyện gần đây nhất của chúng tôi. Tôi đã không biết nhiều chuyện.

Bà Nhu tự mô tả mình đang viết ở bàn viết; bà viết về những lần té ngã và u đầu. Thật đau lòng khi đọc về tình trạng dễ tổn thương và già nua của bà. Bà nói về những cuộc cãi cọ về đất đai ở Ý giữa Trác, con trai bà, và những người láng giềng, những người đang tìm cách lấn chiếm cơ ngơi của họ. Nhưng khi bà quay về chìm sâu vào vùng đất màu mỡ của ký ức, bà gọi lại những chi tiết lấp lánh, như cơn mưa nặng hạt ở Đà Lạt làm ướt sũng cái ba lô của Lê Thủy trên đường cô đến trường. Hay chiếc xe ngựa kéo dễ thương của bà, với những cái bánh xe to đến mức tôi có thể dễ dàng hình dung mình ngồi vào chỗ của bà, nhún nhảy dọc con kênh ở Huế, có gì đó giống như cô bé Lọ Lem trên đường đến dạ tiệc khiêu vũ. Tuy nhiên cách viết của bà không theo tuyến tính; có lúc gần như không mạch lạc. Nhưng nếu chúng ta không bị cuốn đi theo dòng chảy gấp gáp của các sự kiện, thì nó rất hấp dẫn. Tôi gợi ý với bà rằng nếu bà hy vọng có nhiều người đọc, tập bản thảo này cần phải biên tập nhiều, nhưng đó sẽ là những phần bổ sung hấp dẫn cho hồ sơ lịch sử.

"Không". Giọng bà gay gắt và hơi thở bà mệt nhọc, bà hết sức cương quyết và lạnh lùng cắt đứt những lời huyền thuyên của cuộc trò chuyện buổi sáng lẽ ra vui vẻ giữa hai chúng tôi. "Tôi tuyệt đối tin tưởng giao cho cô cuốn hồi ký này. Cô hoàn toàn chịu trách nhiệm. Nhưng sẽ không được biên tập gì cả. Không được thay đổi gì hết. Chúng phải được xuất bản đúng như đã được viết ra. Tập một trước, tập hai sau. Và...", bà nói thêm, "tôi nóng lòng muốn in nó càng sớm càng tốt. Tôi không còn nhiều thời gian".

Tôi hoang mang. Tôi đã tiếp cận được những tư tưởng sâu xa của một trong những người ẩn dật nổi tiếng nhất thế giới. Tôi thấy mình gần gũi đến trên người nhưng vẫn phải tìm cách gắn lại những mảnh rời của trò ráp hình. Tôi thấy mình giống một nhân vật trong truyện cổ tích Việt Nam đi tìm kho tàng mê hoặc. Mỗi lần tôi muốn đi sâu để hiểu rõ hơn bà Nhu, bà lại hơi thu mình lại, tính cách khó nắm bắt của bà khiến bà luôn là đối tượng chú ý của tôi.

Lần sau cùng chúng tôi nói chuyện, bà Nhu nghe chừng tệ hẳn, giọng bà khàn đục. "Có những hôm tôi chỉ muốn nhắm mắt lại và ra đi trong an bình. Nhưng cái đánh thức tôi dậy là cảm giác rằng có một điều gì đó mà tôi phải làm, và tôi còn có điều phải nói". Ước mong cuối đời của bà Nhu là tự mình bày tỏ. Bà muốn tôi giúp bà, nhưng tôi không còn biết cách nào nữa.

Bà Nhu nói chuyện với chồng lần sau cùng vào ngày 27 tháng Mười, 1963. Từ khi bà ra khỏi nước, cứ vài ngày họ lại nói chuyện với nhau, lần đầu ở châu Âu và sau đó ở Hoa Kỳ. Đó là một chuyến đi dài. Bà Nhu và Lê Thủy rời Sài Gòn sáu tuần trước đó, và giờ đây gần như đã đến lúc quay về. Họ dự định bay từ California về Việt Nam với một chặng dừng ở Nhật. Ông Nhu sẽ gặp họ ở Tokyo để đi cùng họ chặng đường còn lại, và bà Nhu đang tìm cách hoàn tất lộ trình qua cuộc điện thoại đường dài bằng giọng kim kết nối bà từ San Francisco tới Sài Gòn.

Có một cái mụn mồi trên mí mắt bà, bà giải thích với ông Nhu. Bà muốn đi khám, nhưng bà nghĩ có thể đợi thêm vài ngày cho đến khi bà đến Tokyo. "Vậy được không?", bà hỏi ông. Nếu khám ở Nhật, bà lý sự, "sẽ rẻ hơn!". Bà Nhu đang cố gắng làm dịu lòng mình. Thật khó để hiểu được một người qua

hàng ngàn dặm dây cáp xuyên Thái Bình Dương, nhưng giọng nói ông Nhu nghe yếu và lạ lẫm đối với bà. "Anh sẽ không đến Nhật nữa. Anh ở lại Sài Gòn". Bà Nhu không muốn nài nỉ. Bà không muốn gây bất hòa trên điện thoại, nên bà bậm môi. "Cũng được". Bà sẽ phẫu thuật trước khi bay về nhà. Ở Los Angeles, tại sao không? Các bác sĩ ở đó đã quen chăm lo cho các khuôn mặt đẹp nổi tiếng. Bà sẽ ở lại thêm mười ngày nữa.

Sau Washington, D.C, các chặng dừng chân của bà Nhu bao gồm các thành phố và trường đại học ở Bắc Carolina, Illinois, và Texas. Bà tham gia Ngày Hiệp Chúng Quốc (US Day) 23 tháng Mười tại Nhà Tưởng niệm Dallas, nơi bà được mời lên sân khấu để nhận một bó hoa. Ngày Hiệp Chúng Quốc là một cuộc tuần hành phản đối được tổ chức đặc biệt diễn ra một ngày trước Ngày Liên Hiệp Quốc (UN Day) nhằm chào mừng Hoa Kỳ là thành viên Liên Hiệp Quốc ở cùng địa điểm. Các biểu ngữ "Hãy đưa Hoa Kỳ ra khỏi Liên Hiệp Quốc" và "Hãy đưa Liên Hiệp Quốc ra khỏi Hoa Kỳ" được trưng lên. Cuộc tập hợp chống Liên Hiệp Quốc huy động những người cực bảo thủ vốn chống lại chính quyền Kennedy ở Washington - những thành viên của Hội John Birch, The Minutemen, và The National Indignation Convention. Một người đàn ông tên là Lee Harvey Oswald cũng ở đó. Bà Nhu đứng gần Oswald ở Dallas trong Ngày Hiệp Chúng Quốc, kết hợp với chuỗi biến cố bi thảm sắp xảy ra ở Sài Gòn, khiến bà Nhu trở thành nhân vật chính trong một vài thuyết âm mưu điên cuồng ám sát Kennedy. ¹

Các cáo buộc là vô căn cứ - cái chết chưa hề có trong đầu bà Nhu khi bà ở Texas. Bà quá bận rộn thưởng thức những giờ phút làm khách mời VIP của tỉ phú dầu lửa Dudley Dougherty tại nông trại ngồn ngộn trải dài, San Domingo, ngay bên ngoài Beeville ở Nam Texas. Ông khuyến khích bà Nhu tự do nói lên suy nghĩ của mình với báo chí và cho bà và con gái hương vị hiếu khách vùng Texas.

Lệ Thủy đặc biệt thích thú, ở nông trại cô trút bỏ bộ áo dài cô mặc khi theo mẹ trong chuyến đi diễn thuyết để thay bằng quần dài, giày bốt đế thấp, áo len dài tay, rồi hoàn chỉnh bộ cánh châu Âu bằng cái mũ cao bồi. Lệ Thủy lần đầu tiên đeo súng săn trên trường bắn, bắn hạ những con bồ câu đất sét bằng loại súng 12 ly với tỉ lệ chính xác ấn tượng, sáu trên mười. Đó không phải là may mắn của người tập sự - Lệ Thủy đã có nhiều buổi tập súng máy trong tổ chức bán quân sự của mẹ cô ở Nam Việt Nam - nhưng cô vẫn gây ấn tượng cho các chủ nhà và câu được một bạn trai "thực" đầu tiên của cô, đứa cháu hăm bốn tuổi của Dougherty, Bruce B. Baxter III, ở thành phố biển Corpus Christi.

Anh chàng Baxter theo Lệ Thủy và mẹ cô từ Texas đến California. Tình yêu đam mê của anh không hề nao núng bởi Thống đốc bang California Pat Brown, người đã làm điều mà tạp chí Time coi là "lời nói dối trong tháng". Thống đốc Brown nói trước khi họ đến, "Bà Nhu là một nhân vật gây tranh cãi. Bà không phải là người đầu tiên đến thăm California, cũng sẽ không phải là người cuối cùng. Tôi kêu gọi mọi người dân California hãy hành xử như những người Mỹ văn minh và để cho quý bà này nói điều mình muốn nói". Baxter chắc hẳn đã hành xử như một người lịch sự. Anh mời mẹ con bà đi ăn tối với anh tại một tiệm ăn Tàu ở San Francisco, và đó là lúc Baxter tạm biệt, có lẽ để quay lại Texas trong vài ngày, anh không thể đi xa lâu. Anh gặp lại Lệ Thủy tại khách sạn của cô ở Los Angeles. Hai người đi dạo quanh khu hồ bơi Beverly Wilshire trước khi về thị trấn, rong chơi hai tiếng ở các hộp đêm Hollywood, nhưng lúc nào cũng có hai người đàn ông trung niên đi cùng để trông chừng. ²

Cách xa mười mấy ngàn cây số, ở Sài Gòn, Ngô Đình Nhu có nhiều chuyện lớn hơn để ưu tư so với câu chuyện tình lãng mạn đầu tiên của con gái hay phí tổn phẫu thuật mụn mồi trên mắt vợ ông. Vì bất chấp sự chú ý của báo chí đến bà Nhu và những người bạn mới quyền thế của bà, mọi chuyện ở Sài Gòn vẫn tiếp tục xấu đi. Ông Nhu tỏ ra xa lạ trên điện thoại với bà Nhu vì lúc đó ông biết rằng mọi chuyện gần như vô vọng.

Cuộc tấn công của ông Nhu vào chùa chiến hồi tháng Tám đã đầu độc mọi thiện chí còn lại trong quan hệ của ông với người Mỹ. Trước đó ở Washington mọi người nghĩ rằng Hoa Kỳ đơn giản là "không đủ cứng rắn" trong khi đối phó với ông Diệm và ông Nhu ở Sài Gòn, nhưng sau những cuộc càn quét và việc ông Nhu trắng trợn coi thường chỉ thị của Mỹ yêu cầu giải quyết căng thẳng với Phật giáo, chính sách của Washington thay đổi hoàn toàn. Hai anh em họ Ngô là hết thuốc chữa, và họ sẽ phải bị thay thế.

Vào ngày 24 tháng Tám, một bức điện tín tối mật gửi đến Đại sứ Mỹ Henry Cabot Lodge ở Sài Gòn ra lệnh cho ông đi gặp ông Diệm kèm theo các đòi hỏi khó chịu và ngay lập tức: Cho Phật giáo những gì họ muốn, và loại bỏ ông Nhu. Nếu ông Diệm không đồng ý hay không hành động nhanh chóng, "chúng ta phải đối mặt với khả năng bản thân ông Diệm cũng không thể được bảo toàn". Ông Lodge được bắt đền xanh tìm kiếm những người lãnh đạo thay thế. Mặc dù các lãnh đạo Mỹ ở Washington không xử lý những chi tiết tế nhị của việc thay đổi chế độ, bức điện tín đó trấn an Lodge rằng "chúng tôi sẽ ủng hộ ngài tối đa về những hành động mà ngài thực hiện để đạt được những mục tiêu của chúng ta". ³

Dĩ nhiên, một đại sứ Mỹ không thể đòi biết chính xác thông tin về chuyện thay đổi chế độ. Đó là việc của Fred Flott. Là một viên chức Sở Ngoại vụ Mỹ ở Trung Đông, Flott hiểu công việc của ông là làm cái việc dơ bẩn mà bản thân ngài đại sứ không thể làm - liên hệ với các đối thủ của chế độ Ngô Đình Diệm và hướng sự hậu thuẫn của Mỹ vào việc lật đổ chính phủ của một quốc gia bạn bè.

Anh em họ Ngô có thể không biết tất cả những gì đang diễn ra trong Tòa Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn, nhưng họ có một ý tưởng khá thông minh. Một người trung thành với gia đình họ Ngô đã lắp đặt các thiết bị nghe lén nhỏ xíu trong Tòa Đại sứ mà không bị phát hiện cho đến khi biến cố gia đình họ Ngô đi qua hẳn. ⁴ Nhưng ngay cả không có công nghệ do thám, thì sự chuyển đổi cũng đã hiển nhiên đối với ông Diệm và ông Nhu. Ngày 2 tháng Chín, 1963, Tổng thống Kennedy trả lời phỏng vấn của Walter Cronkite đài CBS National News rằng "chính quyền [của anh em họ Ngô] đã mất hết liên hệ với dân chúng" Việt Nam Cộng hòa. Kennedy tiếp tục, "Giờ đây tất cả những gì chúng ta có thể làm là nói rõ rằng chúng ta không nghĩ đây là cách để chiến thắng", và ông kêu gọi "những thay đổi về chính sách và nhân sự", một phát biểu được nhiều người diễn dịch là lời đe dọa yêu cầu ông Diệm phải loại bỏ ông Nhu.

Đại sứ Lodge giữ lập trường cứng rắn với anh em họ Ngô trong Dinh Sài Gòn ngay từ đầu. Thay vì làm vừa lòng ông Diệm và dùng lời lẽ ngoại giao để ông bớt tức tối, ông đại sứ vẫn giữ khoảng cách. Nhân viên Tòa Đại sứ Mỹ biểu lộ sự "thù địch không chút suy giảm" đối với ông Diệm và ông Nhu, và thái độ của Lodge rất gây gổ và hống hách. Khi một phóng viên hỏi Lodge tại sao ông không vào thăm Dinh nhiều tuần qua, ông trả lời, "Họ không làm bất kỳ cái gì tôi yêu cầu. Họ biết tôi muốn gì. Tại sao tôi cứ phải yêu cầu chứ?". ⁵

Thay vì tổ chức những cuộc họp tay đôi với ông Diệm, Lodge cho rò rỉ thông tin với báo chí Mỹ rằng ông sẽ giữ những đồng đô la viện trợ Mỹ làm con tin nếu ông Diệm không làm những gì ông ta được yêu cầu, và ông Lodge công khai chỉ trích bất cứ ai trong chính phủ Mỹ quá tử tế với anh em họ Ngô. Một trong những mục tiêu của ông ta là Trưởng trạm CIA Sài Gòn John Richardson. Nhiệm vụ của Richardson là làm việc với ông Nhu và tiếp cận với hy vọng tác động đến ông ta. Tuy nhiên, vì ông không cho thấy có bất cứ tác động gì, Lodge coi Richardson như một thất bại. Trong bức thư riêng gửi Bộ trưởng Quốc phòng McNamara, Lodge khéo léo tiến hành một chiến dịch tấn công-thụ động để Richardson bị sa thải, ngụ ý rằng chưa từng "có ý định không trung thành", ông ta quá a tòng với "những kẻ mà chúng ta tìm cách thay thế". Richardson là biểu tượng cho sự ủng hộ của Mỹ. Việc ông ta rút lui vào tháng Mười, 1963 là thêm một dấu hiệu nữa cho ông Diệm và ông Nhu thấy rằng thời của

họ gần như đã hết. ⁶

Hai anh em họ Ngô không thể thể hiện công khai sự bức bối của họ với người Mỹ, nên có vẻ như họ trút lên đầu dân chúng Nam Việt Nam. Lệnh giới nghiêm đã được gỡ bỏ, nhưng hàng ngày cảnh sát của ông Nhu vẫn bắt giam hàng chục "người bất đồng chính kiến". Người nào bị phát hiện đang phát tán truyền đơn chống chính phủ hoặc viết vẽ nguệch ngoạc lên tường lời lẽ chống chế độ họ Ngô đều bị bắt; thậm chí học sinh cũng có thể bị giam.

Anh em họ Ngô ở Sài Gòn không biết được rằng sự nhiệt tình ủng hộ đảo chính của Washington lúc lên lúc xuống. Bản thân Nhà Trắng cũng rối trí trước những lời khuyên trái ngược nhau mà họ nhận được. Giám đốc CIA John A. McCone trước sau như một chỉ trích mạnh mẽ một cuộc đảo chính. Tại cuộc họp của Nhóm Đặc biệt về Việt Nam, McCone nói rằng thay ông Diệm và ông Nhu bằng những kẻ không tên tuổi là "cực kỳ nguy hiểm" và chắc chắn sẽ dẫn đến "thảm họa toàn phần" cho Hoa Kỳ. Ông cũng nói riêng với Tổng thống Kennedy rằng cuộc đảo chính này "sẽ là cuộc đầu tiên trong những cuộc đảo chính khác sau này". ⁷ Nhưng ngược lại, Bộ Ngoại giao và Bộ Quốc phòng kiên quyết ủng hộ một cuộc đảo chính. Hoa Kỳ chia rẽ nhưng đã vượt qua giới hạn không quay lại được nữa rồi. Đại sứ Lodge tin chắc rằng: "Tiến trình của chúng ta không thể đảo ngược được nữa".

Bản thân Tổng thống Kennedy vẫn không chắc chắn trong suy nghĩ về một cuộc đảo chính chống lại hai anh em họ Ngô ở Sài Gòn. Tháng Mười, 1963, ông cử một phái đoàn đi tìm hiểu sự thật trong chín ngày do Bộ trưởng Quốc phòng McNamara, và Chủ tịch Liên quân, Tướng Maxwell Taylor, dẫn đầu. Chuyến đi mang danh nghĩa kiểm tra sự tiến bộ của cuộc chiến chống Việt Cộng, và mọi người phải giữ nghi thức ngoại giao bằng một cuộc hội kiến Tổng thống Diệm tại Dinh trong hơn hai giờ. Tuy nhiên, không xuất hiện trong nghị trình chính thức là ván tennis với Đại tướng Dương Văn Minh.

Tướng Minh còn được gọi là Minh Lớn vì hai lý do: Để phân biệt ông với một tướng khác cùng tên và cũng bởi vì tầm vóc bất thường của ông - ông cao gần một mét tám và nặng chín chục kí.

Ông Minh cao vượt các đồng nghiệp Việt Nam của mình và theo nghĩa đen, ông cúi nhìn hai anh em họ Ngô, hai sếp của mình. Tốt nghiệp Học viện Quân sự ở Paris và là cựu chiến binh của cuộc Chiến tranh Đông Dương Lần Thứ Nhất, chiến đấu bên cạnh người Pháp chống Việt Minh, ông đã ủng hộ ông Diệm chiến đấu chống lại các giáo phái và băng đảng đe dọa những năm đầu nhiệm kỳ Tổng thống Diệm. Giờ đây ông Minh đang âm mưu chống lại ông Diệm và ông Nhu. Theo ý kiến của nhà báo Stanley Karnow, ông không phải là người mưu tính chủ chốt, "nhưng với tư cách một tướng lĩnh cao cấp, ông là người hợp nhất các phe cánh khác nhau có cùng âm mưu chống lại ông Diệm".

Mặc dù dáng vóc to lớn, ông Minh chơi tennis khá đẹp mắt. Các quan chức Mỹ, McNamara và Taylor, dường như không chịu nổi cái nóng thiêu đốt ở Sài Gòn, họ xoay xở vượt qua ván đánh đôi trên sân cỏ của câu lạc bộ Cercle Sportif. Sau đó cả nhóm lui vào căn phòng gỗ ván màu gụ trong câu lạc bộ để nói chuyện tào lao "về ván đấu". Khi nghe nói về trận banh và cuộc trò chuyện riêng tư này, ông Nhu và ông Diệm chỉ có thể suy luận rằng những người đó cũng đang nói chuyện âm mưu. Thực ra họ không nói chuyện ấy. Ông Minh rất sợ rò rỉ tin tức ngày hôm đó. Nhưng ông Diệm và ông Nhu biết rõ những đường dây kết nối ông ta với những kẻ âm mưu và Tòa Đại sứ Mỹ và CIA. ⁸

Trong lúc tuyệt vọng, ông Nhu tìm cách sử dụng các chiến thuật khác, như tung tin ông đã tiếp xúc với chính phủ Cộng sản ở Bắc Việt. Vào cuối tháng Tám, 1963, ông Nhu tiếp nhà ngoại giao Ba Lan Mieczyslaw Maneli. Cuộc gặp gỡ bí mật với một đại diện Cộng sản khiến Hoa Kỳ tò mò muốn hiểu: Nếu quả thực ông Nhu sẵn sàng thỏa thuận với miền Bắc và tiến tới một nền hòa bình qua thương thuyết, thì liệu điều đó có biện minh cho hành động khẩn cấp để thành lập một chế độ mới, hay liệu nó

có buộc Hoa Kỳ tỏ ra phải chăng hơn với ông Diệm và ông Nhu? Hồ sơ cho thấy trong cuộc gặp gỡ đó, ông Nhu đã nói về việc "dọn đường cho sự trao đổi thương mại với miền Bắc", và ông nói về sự giận dữ của ông với người Mỹ nhưng ông không muốn cắt hoàn toàn quan hệ với Hoa Kỳ. Không có hồ sơ nào nói các buổi nói chuyện dự định khởi xướng với Bắc Việt là hoàn toàn có tính sơ bộ. Đơn giản là không có thời gian. ⁹

Vào ngày cuối cùng của tháng Mười, ông Diệm và ông Nhu chỉ còn một biện pháp tối hậu để giữ cho chế độ còn tồn tại. Đó là mưu đồ "khởi và gương" (một thủ thuật của ảo thuật gia chuyên nghiệp nhằm đánh lừa người xem - ND), mang nhãn hiệu ông Nhu: Ông và ông Diệm sẽ ngụy tạo một cuộc đảo chính. Sẽ có nhiều rủi ro, nhưng đó là hy vọng duy nhất của họ. Một cuộc đảo chính giả nhằm làm cho người Mỹ hoảng sợ phải nổi lại sự hậu thuẫn cho chế độ Ngô Đình Diệm. Những người lãnh đạo cuộc đảo chính giả được chọn lựa kỹ sẽ làm bộ "trung lập", giống như cuộc đảo chính trung lập bất ngờ năm 1960 ở Lào đã gây thiệt hại nặng nề cho các lợi ích của Hoa Kỳ ở Đông Nam Á. Đánh mất Việt Nam Cộng hòa vào tay những người trung lập sẽ là một vụ sụp đổ domino khác - một cú đánh hủy diệt vào chiến lược Chiến tranh Lạnh của Mỹ.

Đối với người quan sát ngẫu nhiên, ngày 31 tháng Mười, 1963 có vẻ cũng giống như những ngày khác ở Sài Gòn. Sáng hôm đó, Tổng thống Diệm trao đổi với Đại sứ Mỹ Henry Cabot Lodge và Tư lệnh Quân đội Mỹ ở Thái Bình Dương, Đô đốc Harry Felt. Felt tạt ngang Sài Gòn trong một động thái giống như kiểm tra thường kỳ về sự trợ giúp quân sự của Mỹ cho Việt Nam Cộng hòa, nhưng trên thực tế các tướng lĩnh quân đội Việt Nam Cộng hòa đang âm mưu chống lại ông Diệm đã dàn dựng sự xuất hiện của ông ta, đặc biệt sắp đặt để chuyển viếng thăm của Felt giữ ông Diệm ở trong Dinh suốt buổi sáng hôm đó. ¹⁰ Tổng thống Việt Nam Cộng hòa cảnh báo các vị khách rằng họ có thể đã nghe những tin đồn về một cuộc đảo chính nhưng đừng nên để ý đến. Vào buổi trưa, những cánh cửa chớp được hạ xuống trước các gian hàng. Xe máy, xe xích lô, và taxi Renault đưa mọi người về nhà, thoát ra khỏi cái nóng giữa trưa để có hai giờ ăn cơm và nghỉ ngơi. Thành phố vẫn yên tĩnh.

Dinh cũng yên tĩnh. Những đứa con nhỏ của vợ chồng ông Nhu đã đi Đà Lạt chơi, chúng đang nghỉ hè, và mấy cậu bé đòi cha cho chúng đi săn. Ông hân vui lòng khi thấy các con trai theo đuổi niềm đam mê của ông. Ông cho phép chúng đi săn nhưng yêu cầu phải có mười lăm thành viên phòng vệ Dinh đi theo chúng. Đứa con út của ông, cô bé Lệ Quyên bốn tuổi, không biết săn bắn, nhưng cô cũng đi lên cao nguyên cùng các anh và vú nuôi. Cô sẽ được chạy nhảy tung tăng trên núi đồi, thoải mái hơn so với những gì cô được làm trong sân vườn của Dinh. Ông Nhu có thể không biết rằng khi cho phép chúng rời khỏi Sài Gòn, ông đã cứu mạng sống của chúng.

Vài phút sau 4 giờ chiều, nhiều tiếng súng đại bác nổ vang. Tiếng súng nổ nghe như gần doanh trại của lực lượng phòng vệ Dinh. Nổ súng vào sát Dinh chắc chắn không phải là một phần của kế hoạch. Cho đến khoảnh khắc đó, hai anh em họ Ngô vẫn bình thản đánh giá việc tăng cường chậm chạp quân đội và xe tăng trong nội thành Sài Gòn. Họ theo dõi những diễn biến trong thành phố từ một chỗ kín đáo tại văn phòng của họ. Thay vì giương cờ cảnh báo, sự di chuyển quân lính và xe tăng lại làm ông Diệm và ông Nhu yên tâm. Họ tin vào kế hoạch của mình, bí hiệu Bravo Hai, sẽ khởi đầu trót lọt. Ngay trước khi bộ chỉ huy cảnh sát rơi vào tay các tướng lĩnh, một sĩ quan cảnh sát sợ hãi gọi điện cho ông Nhu biết họ đang bị tấn công.

"Không sao", ông Nhu nói. "Tôi biết cả rồi". ¹¹

Ông Nhu tỉnh bơ vì ông vẫn nghĩ rằng, theo kế hoạch, các lực lượng của ông sẽ dập tắt "cuộc nổi loạn", rồi ông và ông Diệm sẽ được chào mừng như những anh hùng. Lường trước sự hỗn loạn xảy ra sau đó, ông Nhu còn dự định tiến hành một cuộc tắm máu kín đáo. Các lực lượng đặc biệt và bọn du

còn được thuê mướn của ông Nhu sẽ thủ tiêu các tướng lĩnh của quân đội Việt Nam Cộng hòa và các quan chức cao cấp. Những người Mỹ gây rắc rối cũng được đánh dấu; nhà báo Stanley Karnow cho biết Đại sứ Lodge và nhà tình báo CIA lão làng Lucien Conein nằm trong danh sách phải thanh toán.

Đây không phải là mưu đồ đảo chính giả đầu tiên mà ông Nhu vạch ra. Vụ đầu tiên, bí hiệu Bravo Một, buộc phải dừng lại hồi tháng Mười sau khi lực lượng đặc biệt của ông Nhu nghe phong phanh có một âm mưu nổi loạn trong hàng ngũ quân đội. Bravo Hai, cuộc phản đảo chính dự kiến diễn ra hôm nay, có gần như đầy đủ mức độ lừa lọc hơi giống biếm họa: Nó sẽ là một cuộc đảo chính bên trong một cuộc đảo chính khác. ¹²

Nhưng hai anh em sớm nhận thấy rõ có cái gì đó đã hỏng bét. Họ đứng quanh máy điện đàm trong văn phòng Tổng thống, vẫn không có tín hiệu. Họ gọi cho các tỉnh trưởng lân cận, tất cả đều là sĩ quan quân đội. Họ cũng gọi cho các tư lệnh quân đoàn và tư lệnh sư đoàn. Không ai động đậy. Vào lúc ông Nhu nhận thức được những gì đang thực sự xảy ra thì đã quá muộn. Không còn cách nào thoát ra khỏi thành phố và không có ai để tin cậy. Những kẻ phản bội đã bao vây Dinh, đang siết chặt dây thông lọng. Ông Nhu chộp ống điện thoại. "Chuẩn bị chiến đấu". Ông hét lên, ra lệnh cho niềm hy vọng cuối cùng còn lại của hai anh em, những chàng trai của Thanh niên Cộng hòa và các Sư đoàn Phụ nữ bán quân sự của vợ ông.

Sự im lặng của họ là bản án tử hình.

hình

Các kế hoạch của ông Diệm và ông Nhu đã bị đánh cắp. Người mà họ tin tưởng giao cho thực hiện cuộc đảo chính giả, Thiếu tướng Tôn Thất Đính, đã quay lưng với họ. Là vị tướng trẻ nhất trong Quân lực Việt Nam Cộng hòa, ông Đính được những người quen biết mô tả như một người lính nhảy dù lớn lối, hay uống whisky. Ông Đính bù đắp cho sự thiếu thông minh của mình bằng tham vọng ghê gớm, và ông không đi đâu mà không có người chụp ảnh riêng. Trong số các nỗ lực của ông để lấy lòng chế độ Ngô Đình Diệm có việc ông cải sang đạo Công giáo và gia nhập đảng chính trị mơ hồ của ông Nhu. Các chiến thuật của ông Đính phần nào đó đều hiệu quả. Tổng thống Diệm đối xử với ông như con nuôi. Nhưng tính tự cao tự đại của ông đã khiến ông trở thành miếng mồi ngon cho các đối thủ của ông Diệm. Những kẻ mưu toan đã thuyết phục Tướng Đính rằng ông lẽ ra phải nằm trong nội các của Tổng thống. Khi ông Diệm từ chối ban cho ông vị trí ấy, lòng kiêu hãnh bị tổn thương của ông Đính biến ông thành một thứ trái cây chín mùi chờ người ta hái xuống. ¹³

Los Angeles đi sau Sài Gòn mười lăm giờ, và Đệ nhất Phu nhân đang nằm hồi phục trong phòng khách sạn ở Beverly Wilshire. Bà đã phẫu thuật cắt mụn mủ trên mắt vài giờ trước đó; cặp kính đen và băng gạc làm bà khó chịu. May là có Lệ Thủy ở đó giúp bà, đọc sách báo cho bà nghe, và trò chuyện với bà.

Bà Nhu và Lệ Thủy được đánh thức vào nửa đêm bởi một cú điện thoại âm ỉ từ tùy viên của Tòa Đại sứ Việt Nam Cộng hòa. Trong cơn hoảng loạn, ông ta mô tả cuộc khủng hoảng đang diễn tiến ở Sài Gòn. Ông nói các rào chắn đang được giăng ra khắp các con đường lớn chạy từ thành phố đến sân bay. Hai tiểu đoàn thủy quân lục chiến nổi loạn đeo khăn đỏ ngồi trên xe tiến vào trung tâm thành phố. Các sự kiện diễn tiến hết sức chính xác. Đâu ra đấy. Đài phát thanh, bưu điện, và bộ chỉ huy cảnh sát đều bị chiếm đóng, Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng cũng vậy.

Bà Nhu lắng nghe trong vô vọng từng chi tiết của cuộc khủng hoảng đang xảy ra cách bà hàng ngàn cây số. Bà viết "Ước gì tôi có mặt ở đó" nhiều lần trong hồi ký. Bà tự nhủ rằng bà sẽ ngăn không cho chế độ sụp đổ, như bà đã làm vào năm 1955, 1960, và một lần nữa vào năm 1962. Bà cho rằng lần này sự

văng mặt của bà đã làm suy yếu tai hại cho chế độ họ Ngô. Dĩ nhiên, một người duy lý sẽ nói rằng không có cách nào để bà có thể sống sót, và có ít lý do để nghĩ rằng nếu bà Nhu có mặt ở Sài Gòn, bà có thể làm được cái gì để ngăn chặn mọi chuyện xảy ra. Nhưng về mặt lý trí, bà sẽ không bao giờ sống sót được nếu băng ngược trở lại cây cầu kia vào năm 1946.

HÌNH

Tôi tệ nhất là bà không liên lạc được với các con, Trác mười lăm tuổi, Quỳnh mười một, và bé Lê Uyên mới lên bốn. Câu chuyện mà sau này chúng kể lại cho mẹ rất rùng rợn. Khi cuộc đảo chính bắt đầu, chúng vẫn còn ở Đà Lạt. Ở trên đó, ở giữa những người bảo vệ mang súng, họ không còn biết tin ai. Những đứa trẻ trốn chạy vào rừng phía sau nhà và qua đêm ngoài trời mưa lạnh. Chúng đi bộ suốt ngày hôm sau đến một làng miền núi, ở đó chúng xin được một ít cơm và thịt rừng. Và chờ đợi.

Anh em họ Ngô chạy trốn vào Chợ Lớn, khu người Hoa ở Sài Gòn. Có một số người nói họ dùng một đường hầm bên dưới nền nhà Dinh để đào thoát. Một số người khác lại nói chiếc xe Citroën màu đen dừng trước cổng Dinh, và hai anh em, mặc com lê xám đen, cứ thế đi tới và chui vào. Dù bằng cách nào thì họ cũng là những người lánh nạn. Sẽ mất vài giờ nữa trước khi các lực lượng đảo chính nhận ra họ đang đánh vào một dinh phủ trống không. Lúc bấy giờ hai anh em đang ẩn nấp trong nhà của một nhà buôn tên là Mã Tuyên.

Chạng vạng ngày 1 tháng Mười Một, 1963, cuộc bao vây chung quyết Dinh bắt đầu. Các đội hình chiến đấu của lính biệt kích Nam Việt Nam đi thành hàng phía sau những chiếc xe tăng. Họ nhắm các bức tường Dinh và bắt đầu nhả đạn. Chẳng bao lâu sau cuộc tấn công trong tầm đạn bắn thẳng khoan phá được một lỗ thủng lớn chồm. Các nhà báo Mỹ Ray Herndon và David Halberstam tuyên bố họ là người thứ ba và thứ tư đi vào Dinh, ngay sau hai trung úy người Việt chui qua cái lỗ trên tường. Một lá cờ trắng sau cùng cũng được giương lên từ cửa sổ tầng một ở góc Tây Nam của Dinh, báo hiệu cho những người lính khác và các nhân viên dân sự đang co rúm rằng mọi sự đã qua. Đã đến giờ phút hồi của tại Dinh.

Mọi người ùa vào, băng qua sân bãi và chạy lên lầu. Những tấm màn lụa toí tả, và gương đèn trang trí của Dinh, những thiết kế cố định trong nhà có từ thời Pháp thuộc nằm rải rác trên sàn. Những người lính biệt kích, đám lính trẻ, và các nhà báo lục lọi đồng đồ nát. Họ tìm thấy rượu whisky của ông Nhu và, nằm trên bàn làm việc của ông, cuốn sách có cái tựa khéo đặt mà ông chưa tìm ra thì giờ để đọc xong: Shoot to kill (Bắn giết), của Richard Miers, một cuốn hồi ký kể về thành tích chống Cộng của ông ở Malaya. Và trong khi ai cũng biết sở thích đọc của ông Diệm là những câu chuyện phiêu lưu về miền Tây nước Mỹ, những cậu lính háo hức đầu tiên mê những cái áo ngủ lụa mỏng của bà Nhu nên bỏ sót cuốn sách bìa nâu trong ngăn kéo của bà. Cuốn nhật ký của bà sau cùng cũng được tìm thấy, được cẩn thận nhét vào cặp quần, và được giữ mấy chục năm như món gia bảo và vật kỷ niệm.

Tại Dinh ngày hôm đó, Fred Flott, viên chức Sở Ngoại vụ của Tòa Đại sứ, tận mắt nhìn thấy thành quả lao động của mình trong việc lật đổ chính phủ này: "Thi thể người đàn ông số một tôi từng nhìn thấy bị bắn vào đầu bằng súng tiểu liên M-16 và nó giống như trái cà chua mà người ta giẫm lên. Lúc ấy ông ta bị kéo lê xuống cầu thang. Và có những người lính đang lặng lẽ hồi của, nhưng tình hình cũng có vẻ kỷ luật". Bản thân Flott cũng bỏ túi mấy cái gạt tàn thuốc lấy ở Dinh để làm kỷ niệm và gạt đầu chào David Halberstam khi họ đi ngang qua nhau trên cầu thang. Người làm việc ở Tòa Đại sứ này nhớ rằng hai tay của nhà báo bị che khuất bởi cặp ngà voi dài tới ba mét. Nhưng Halberstam thừa nhận chỉ lấy một thanh gươm Lào, có lẽ trong bộ sưu tập của ông Nhu.

Thanh gươm trang trí này đã không giúp gì được cho ông Nhu thời điểm đó. Hai anh em biết số phận

của họ đã được định đoạt, nên họ không tìm cách trốn lâu hơn. Họ chuyển từ nhà Mã Tuyên đến một địa điểm khác ở Chợ Lớn, Nhà thờ Thánh Francis Xavier (Nhà thờ Cha Tam) trát vữa hai màu vàng trắng. Ông Diệm gọi điện cho Bộ Tổng Tham mưu và yêu cầu được tiếp xúc với các tướng lĩnh để thu xếp đầu hàng. Quân đội bắt đầu kéo đến ngay sau đó. Các sĩ quan đi đến trước nhà thờ và chào người đã từng là Tổng thống của họ trong chín năm. Sau đó họ dẫn ông và em trai ông ra và đẩy họ vào phía sau chiếc xe tải nhỏ, bọc vải bạt hai bên hông. Sau đó, không ai biết rõ lúc nào, hai anh em được chuyển đến một chiếc xe bọc thép. Họ sẽ không còn sống để ra khỏi đó nữa. ¹⁴

Sài Gòn hỗn loạn.

Những kẻ phiến loạn ăn mặc ngụy trang bắn đạn tiểu liên lên trời để chào mừng. Đám đông hỗn tạp xé nát bất cứ thứ gì dính dáng đến chế độ họ Ngô. Văn phòng của tờ Times of Vietnam bị đốt cháy; hiệu sách Công giáo của Tổng Giám mục Ngô Đình Thục bị đập phá. Một đám người hùng hổ kéo nhau đi xuống bến cảng. Một đám đông mạnh mẽ dùng mấy chục mét dây thừng kéo đổ tượng Hai Bà Trưng, một người mà vẻ mặt trông rất giống bà Nhu. Một trong hai cái đầu vỡ nát và lăn lông lốc trên đường - như cái đầu của con quỷ cái bị máy chém cắt lìa.

Bà Nhu bị kẹt trong cảnh xa hoa yên ổn của Beverly Wilshire, với những căn phòng trải thảm, những tấm màn cửa lê thê và ánh nắng California, nhưng bà nóng lòng muốn đưa các con bà ra khỏi Việt Nam. Bà gọi điện cho Marguerite Higgins, nhà báo mà bà đã gặp ở Sài Gòn và trở thành bạn. Bà Nhu nức nở hỏi, "Bạn có thực sự tin là họ [ông Diệm và ông Nhu] đã chết? Liệu họ có giết các con tôi không?". Higgins giúp đỡ bằng cách gọi điện thoại đến những chỗ quen biết của cô trong Bộ Ngoại giao ở Washington.

"Gấp đi", bà Nhu van vỉ. "Làm ơn gấp gấp giùm".

Higgins gọi cho Roger Hilsman, cố vấn thân cận của Tổng thống Kennedy và trợ lý Bộ trưởng Ngoại giao phụ trách các vấn đề Viễn Đông, lúc 2 giờ sáng.

"Chúc mừng, Roger", bà chào ông. "Thấy thế nào khi máu ở trên tay bạn?"

"Ồ, thôi nào, Maggie" - Hilsman đáp. "Các cuộc cách mạng đều dữ dội. Nhiều người bị tổn thương". Nhưng giọng nói của Higgins trên điện thoại nửa đêm hỏi về những đứa trẻ trong gia đình họ Ngô hẳn là một nhắc nhở bất ngờ về quyền lực của báo chí. Phản ứng đầu tiên của Hilsman nhanh chóng quay ngược lại khi ông nhận ra rằng Hoa Kỳ không thể đứng một bên và để cho một điều gì đó tệ hại xảy ra với những đứa trẻ, bất kể cha mẹ chúng là ai. Việc chính đáng và hào hiệp phải làm là đưa bọn trẻ ra khỏi đất nước đó càng nhanh càng tốt. Hilsman bảo đảm với bà rằng Tổng thống Kennedy sẽ làm mọi thứ có thể để bảo vệ những đứa trẻ và hứa sẽ đưa chúng đến một nơi an toàn. ¹⁵ Chỉ trong ba ngày, bọn trẻ đã được an toàn ở Rome.

"HÌNH"

Người Mỹ hạnh phúc được ra tay giúp đỡ. Họ biết rằng nếu những đứa trẻ họ Ngô chết trong cuộc đảo chính, thì điều đó sẽ mang lại tiếng xấu khủng khiếp cho chế độ mới mà người Mỹ sắp sửa phải cộng tác. Mọi thứ đã khởi đầu tệ hại, có thể nói như vậy. Câu chuyện chính thức, rằng anh em họ Ngô tự sát, đã bị dập tắt khi hai tấm ảnh lọt ra ngoài cho thấy ông Diệm bị bắn xuyên qua đầu và thi thể ông Nhu vẫn vẹn dấu vết của hơn hai chục nhát lê đâm. Một tấm ảnh cho thấy cả hai thi thể nằm trong vũng máu trên sàn xe bọc thép, hai tay bị trói ngoặt ra sau lưng. Một tấm ảnh khác cho thấy cái xác đầy máu của ông Diệm nằm trên cáng trong khi người lính mỉm cười nhìn vào ống kính. Một sĩ quan nghe nói là chịu trách nhiệm về hai cái chết của anh em họ Ngô, Đại úy Nguyễn Văn Nhung, được phát hiện bị siết cổ chết trong Bộ Tổng Tham mưu ba tháng sau đó. Cái chết của ông chưa bao giờ được sáng tỏ.

Hồ sơ Ngũ Giác Đài, lịch sử dính líu về chính trị và quân sự ở Việt Nam của chính quyền Mỹ, kết luận về cuộc đảo chính năm 1963, "Khi sự cai trị chín năm của ông Diệm đi tới một kết cục đẫm máu, sự đồng lõa của chúng ta trong việc lật đổ ông làm tăng trách nhiệm và cam kết của chúng ta vào một Việt Nam về cơ bản không có lãnh đạo". Các tướng lĩnh đứng sau cuộc đảo chính bắt đầu dàn xếp để có một chính phủ dân sự. Tướng Minh Lớn trở thành Tổng thống, và sau khi trì hoãn trong một thời gian được coi là giai đoạn thích hợp, chính phủ Hoa Kỳ công nhận chính phủ mới của Việt Nam Cộng hòa vào ngày 8 tháng Mười Một. ¹⁶

Sự hài lòng của người miền Nam Việt Nam và người Mỹ vì đã tìm ra giải pháp thay thế cho ông Diệm và ông Nhu không được bao lâu. Một vị tướng khác lật đổ chính quyền của ông Minh chỉ hai tháng sau, vào tháng Một, 1964. Nối tiếp nhau nhanh chóng, có thêm bảy chính phủ ở Việt Nam Cộng hòa lên rồi đổ. Làm trầm trọng thêm sự hỗn loạn chính trị, Việt Cộng đã hình thành một quân đội có năng lực, và sự cân bằng quân sự bắt đầu nghiêng về phía họ - dù còn phải mất một thời gian dài nữa Hoa Kỳ mới chính thức thừa nhận điều đó.

Fred Flott, viên chức Sở Ngoại vụ ăn cắp gạt tàn thuốc và là người liên lạc không chính thức giữa Tòa Đại sứ Mỹ và những kẻ âm mưu đảo chính, được chọn làm đại diện chính thức của chính phủ Mỹ để hộ tống những đứa trẻ họ Ngô. Trác, Quỳnh, và Lệ Quyên đã được tắm rửa sạch sẽ sau lần trốn tránh khổ ải trong rừng rậm Đà Lạt. Bạn của mẹ chúng, ông Nguyễn Khánh, vị tướng nghênh ngang với chòm râu dê mà bà đã mất hết tin tưởng trong âm mưu đảo chính năm 1960, mang ba đứa trẻ về Sài Gòn trên máy bay riêng của ông. Ông không có gì để sợ hãi từ chính quyền quân sự mới, họ biết ông ở về phía họ một cách đáng tin cậy, nên ông có điều kiện để cứu giúp bọn trẻ. ¹⁷ Người Mỹ làm phần việc tiếp theo, đưa bọn trẻ lên chiếc máy bay quân sự C-54 của Hoa Kỳ bay đến Thái Lan. Sau đó Flott hộ tống "ba cục nợ" này đến Ý. Họ ngồi ở hạng nhất trên chuyến bay Pan Am được gọi là "chuyến bay dừng nhiều nơi", quá cảnh ở Rangoon, Calcutta, Delhi, và Karachi, trước khi hạ cánh sau cùng ở Rome. Flott ngồi cạnh cậu Trác mười lăm tuổi trong suốt chuyến đi.

"Tôi thực sự rất nể cậu ta, vì cậu rất biết nắm lấy cơ hội. Cậu không khóc, ít nhiều cho thấy sự cam chịu hay sự điềm tĩnh bề ngoài của người châu Á về chuyện đó [cuộc đảo chính]... Và cậu bé đọc tin tức về hoàn cảnh cha cậu và ông bác được tìm thấy phía sau chiếc xe chở lính, đầu họ bị đập nát bởi những báng súng tiểu liên đập vào, mọi loại vết thương do lê đâm trên người họ, và nhiều chỗ khác, tất cả đều bị cắt xé. Cậu ta đọc những chi tiết này với sự bình thản hoàn toàn. Cậu đọc tiếng Anh khá tốt, dù chúng tôi trao đổi bằng tiếng Pháp. Nhưng cậu không hiểu từ "bị đập nát", nên hỏi tôi bằng tiếng Pháp, "Bị đập nát tiếng Pháp nói sao?". Tôi đáp, "Ecrabouille". Tôi nói thêm, "Nó có nghĩa là bị đập nát, nhưng cháu không cần chú ý quá nhiều đến các chi tiết, bởi vì có thể các nhà báo thậm chí không nhìn thấy cảnh đó, và đó là cách họ viết mọi thứ". Và cậu ta đón nhận điều đó một cách bình tĩnh, tiếp tục trò chuyện và cuối cùng tôi đưa chúng đến Rome".

Ông bác của chúng, Tổng Giám mục Thục, đang đợi những đứa trẻ ở Rome. Bà Nhu vẫn còn ở Los Angeles. Flott cay đắng nhớ lại giây phút bàn giao những đứa trẻ cho ông Thục:

"Tổng giám mục Thục gặp chúng tôi ở đó, bên cạnh máy bay. Ông tỏ vẻ thù địch, vì ông biết tôi được [Đại sứ] Cabot Lodge cử đi hộ tống bọn nhỏ. Có khoảng 150 phóng viên Ý và các nhà báo khác ở đó. Tôi đến gần người Tổng Giám mục đó để tỏ ý tôn trọng, để chia buồn, và nói rằng tôi được Đại sứ Lodge yêu cầu giao những đứa trẻ này cho ông, để chúng có thể gặp lại mẹ, và để mẹ chúng được gặp lại chúng. Ông không nói gì với tôi, không bắt tay, không gì hết. Một hành xử hoàn toàn xa cách, lạnh lùng. Thu xếp bọn nhỏ lên xe hơi, không một lời cảm ơn, không gì hết...

Chúng tôi bảo vệ những đứa nhóc này khỏi mọi nguy cơ chấn thương tâm lý; đã không có tranh cãi gì,

không có ai xuất hiện và nói gì với chúng trong suốt chuyến đi. Nhưng không một lời cảm ơn đến Lodge, đến tôi, đến Pan Am, hay bất kỳ ai. Tổng Giám mục Thục sắp xếp chúng vào chiếc limousine to đùng của ông và phóng đi". ¹⁸

Khó có thể nghĩ rằng Flott cảm thấy được quyền đòi một lời cảm ơn từ gia đình họ Ngô. Suy cho cùng, ông đã góp phần dàn dựng việc lật đổ họ. Toàn bộ sách vở đều đã phân tích mức độ Hoa Kỳ trực tiếp gây ra cuộc đảo chính 1963 ở Nam Việt Nam và, nói rộng ra, sự sát hại hai anh em họ Ngô. ít người nói về điều đó cô đọng hơn Tổng thống Lyndon Johnson, khi ông cảm râm trong cuộc điện đàm ngày 1 tháng Hai, 1966 với Thượng nghị sĩ Eugene McCarthy, "Chúng ta giết ông ấy [ông Diệm]. Tất cả chúng ta xúm lại, tập hợp một lũ côn đồ rồi xông vào sát hại ông ta. Từ đó đến giờ chúng ta thật sự không có sự ổn định chính trị". Liệu sự sụp đổ của chế độ Ngô Đình Diệm có thực sự làm cho cuộc chiến tranh tồi tệ hơn nhiều so với giả định nếu ông Diệm còn cầm quyền? Cựu Giám đốc CIA William Colby nghĩ vậy. Ông nói, "Việc lật đổ ông Diệm là sai lầm tệ hại mà chúng ta mắc phải". Nếu Hoa Kỳ duy trì được sự hậu thuẫn cho ông Diệm, và nếu ông ta không bị giết, Colby nghĩ, người Mỹ "có thể đã tránh được hầu hết phần còn lại của cuộc chiến tranh này, đó mới là điều chúng ta mơ tới". ¹⁹

Rõ ràng, người Mỹ dính líu vào cuộc đảo chính ở Sài Gòn. Một số người ủng hộ, một số người chống đối, nhưng mọi người có thể đồng thuận rằng, ít nhất đã có một ngụ ý cho thấy Hoa Kỳ, từ Tổng thống Kennedy trở xuống, đều ủng hộ một cuộc đảo chính chống ông Diệm. Vì điều đó, Mỹ đã phải lãnh trách nhiệm.

Theo lời nhiều người kể lại, Tổng thống Kennedy đã rất hốt hoảng khi nghe tin hai anh em họ Ngô bị sát hại. Trong phòng nội các của Nhà Trắng, Tướng Maxwell Taylor nhớ lại "Kennedy nhảy dựng lên rồi lao ra khỏi phòng với vẻ mặt sững sốt và thất vọng, điều tôi chưa từng thấy trước đây". Nhà tình báo CIA Colby xác nhận phản ứng đó, nói rằng Tổng thống "mặt mày trắng nhợt, bước nhanh ra khỏi phòng để trấn tĩnh". ²⁰ Nhưng nhiều người khác thắc mắc làm sao mà Tổng thống có thể kinh ngạc đến như vậy. Ông thực sự đã không hiểu rằng một cuộc đảo chính thì sẽ có những hậu quả ghê gớm sao?

Như Red Faye, bạn của Kennedy nhớ lại, Tổng thống không chỉ tự trách mình vì hai cái chết của ông Diệm và ông Nhu. Ông còn đổ lỗi cho bà Nhu. "Đồ chó chết. Bà ta phải chịu trách nhiệm về cái chết của người đàn ông tử tế đó [Diệm]. Anh thấy đó, hoàn toàn không biện minh được khi để người đàn ông tử tế đó chết chỉ bởi con chó cái đó chĩa mũi vào và làm mọi thứ ở đó sôi sục lên hết". ²¹

Một ngày sau vụ đảo chính, Tổng thống Kennedy đọc một thông báo ngắn để ghi âm. Ông gọi hai cái chết của ông Diệm và ông Nhu là "hết sức ghê tởm" và nhận trách nhiệm vì đã "khuyến khích Lodge lao theo một tiến trình mà bất luận điều gì xảy ra ông ta vẫn không từ nan" ²² . Những suy nghĩ trên cương vị Tổng thống của ông về vụ thảm sát ở Sài Gòn sau đó bị gián đoạn vì cậu bé John Jr. ba tuổi và Caroline sáu tuổi, chúng vào văn phòng hò reo một lúc với bố. Phía sau những sợi băng nhãn nhũ, bạn có thể nghe thấy hai đứa bé nói "Hello" vào máy ghi âm của Kennedy. Ngay sau đó người bố hỏi hai đứa bé mọi thứ về sự chuyển mùa: Vì sao lá cây có màu xanh? Tuyết rơi trên mặt đất thì thế nào? Máy câu trao đổi này càng gây thêm xúc động nếu bạn nhớ rằng những đứa bé này sẽ không bao giờ thấy sự chuyển mùa với cha chúng lần nữa. Kennedy sẽ bị ám sát chỉ ba tuần sau đó.

Về chuyện bà Nhu ở Dallas vào ngày đến Mỹ, xem Peter Dale Scott, *Deep Politics and the Death of JFK - Đời Sống Chính Trị Khó Lường Và Cái Chết Của JFK* (Berkeley: University of California Press, 1996), 214. Về việc bà Nhu hiện diện trong những lý thuyết âm mưu, xem Bradley S. O'Leary và L. E. Seymour, *Triangle Of Death: The Shocking Truth about the Role of South Vietnam and the French Mafia in the Assassination of JFK - Bộ Ba Chết Chóc: Sự Thật Gây Sốc về Vai Trò Của Nam Việt Nam Và Mafia Pháp* Trong Vụ Ám Sát JFK (Washington DC: WND Books, 2003), và radio show của Michael Cohen về việc bà Nhu chủ mưu vụ ám sát

JFK trong "JFK Assassination Special IX" của ông, Coast to Coast AM with George Noory, 21 tháng 11 năm 2012, <http://www.coastto-coastam.com/show/2012/11/21>.

Về trò bắn bô câu đất ở nông trại Dougherty và những mô tả về Bruce Baxter là bạn trai của Lê Thủy, xem Life, ngày 8 tháng 11 năm 1963, và Victoria Advocate (Beesville, Texas), 28 tháng 10 năm 1963. Về lời trích dẫn của thống đốc California Pat Brown, xem Time, 1 tháng 11, 1963.

Quyết định hệ trọng loại bỏ Diệm và Nhu, với tất cả những hệ lụy của nó đối với cuộc chiến, đã được an bài trong vòng vài giờ chiều thứ bảy. Tổng thống nhận được bức điện tín ngụ ý Mỹ ủng hộ một cuộc đảo chính trong khi ông vẫn đang cùng vợ và hai con ở Cảng Hyannis, đang thương tiếc sự ra đi của đứa con trai còn đỏ hỏn Patrick của họ mới hai tuần trước đó. Trợ lý ngoại trưởng đặc trách Viễn Đông Roger A. Hilsman và Thứ trưởng Ngoại giao W. Averell Harriman đã viết bức điện. Bộ trưởng Quốc phòng Robert McNamara không liên lạc được, và Tổng thống Kennedy hỏi "Chúng ta không thể đợi tới thứ hai, khi mọi người trở về sao?". Nhưng khi báo các sĩ quan hầu cận cần giải quyết cho xong bức điện tín, JFK chốt hạ bằng câu nói, "Suy nghĩ xem các anh có thể làm gì để kết liễu chuyện đó". Ngoại trưởng Dean Rusk, Thứ trưởng Ngoại giao George Ball (người lúc bấy giờ đang ở trên sân gôn), và Trợ lý đặc trách Chống Bạo Loạn thuộc Hội đồng tham mưu trưởng liên quân Victor "Brute" Krulak, tất cả đều gật đầu đồng ý khi họ nghe thấy Tổng thống đang bật đèn xanh, cũng như Thứ trưởng Quốc phòng Roswell Gilpatric, người đã tóm tắt cái sức ì đã khiến ông ký, nói rằng, "Tôi cảm thấy không nên ngăn chuyện đó lại, vì thế tôi đồng ý với nó cũng như khi bạn ký xác nhận một chứng từ vậy thôi". (Jones, Death of a Generation, 315-316). Xem Thư viện John F. Kennedy, Kennedy Papers, National Security File: Meetings and Memoranda Series, box 316, folder "Meetings on Vietnam 8/24/63-8/31/63".

Về việc Nhu nghe lén trong sứ quán Mỹ ở Sài Gòn, xem Karnow, Vietnam, 311-312.

Thái độ hống hách của Lodge được mô tả chi tiết trong Cold War Mandarin: Ngo Dinh Diem and the Origins of America's War in Vietnam, 1950-1963 của Seth Jacobs, (Lanham, MD: Rowman & Littlefield, 2006), 158.

Những mô tả chi tiết về việc kết liễu sự nghiệp CIA của John Richardson ở Việt Nam, xem lời cáo phó trên New York Times của ông, 14 tháng 6 năm 1998; Blair, Lodge in Vietnam; và Richardson, My Father, 193.

Harold P. Ford, "CIA and the Vietnam Policymakers - CIA và các nhà làm chính sách ở Việt Nam, Episode 2, 1963-1965" Trung Tâm Nghiên Cứu Tình Báo, CIA Books and Monographs.

Ford, "CIA and the Vietnam Policymakers".

Những chi tiết về cuộc nói chuyện của Nhu với người miền Bắc, xem biên bản cuộc nói chuyện giữa Eisenhower và John McCone, ngày 19 tháng 9 năm 1963, Thư viện Dwight D. Eisenhower, Special Name Series, box 12. Xem thêm Margaret K. Gnoiska, "Poland and Vietnam, 1963: New Evidence on the Secret Communist Diplomacy and the Maneli Affair" (Working Paper 45, Cold War International History Project, Woodrow Wilson Center for International Scholars, Washington, D.C., 2005).

Những tình tiết về cuộc gặp gỡ với Lodge và Felt, xem Joseph Buttinger, A Dragon Embattled (Westport, CT: Praeger Publishing, 1967), 2:1005; và "Revolution in the Afternoon" Time, 8 tháng 11, 1963.

Về câu "Ồn cả thôi" của Nhu, xem Karnow, Vietnam, 44.

Về những kế hoạch đảo chính giả, xem Neil Sheehan, A Bright and Shining Lie: John Paul Vann and America in Vietnam (New York: Vintage Books, 1989), 367-369; và Karnow, Vietnam, 316-320.

Mô tả về sự phản bội của Đình, xem Buttinger, A Dragon Embattled, 2:1003-1004.

Về việc Diệm và Nhu lần cuối cùng được nhìn thấy bởi Mã Tuyên, xem Fox Butterfield, "Man Who Sheltered Diem Recounts '63 Episode", New York Times, ngày 4 tháng 11 năm 1971, 5.

Higgins, Our Vietnam Nightmare, 225.

"The Over throw of Ngo Dinh Diem - Lật đổ Ngô Đình Diệm, Tháng 5-11, 1963", trong The Pentagon Papers: The Defense Department History of United States Decision Making on Vietnam, ed. Mike Gravel (Boston: Beacon Press, 1971), 2:201-276.

Khánh đóng một vai trò trong vận động quân sự ngầm đưa đến vụ đảo chính năm 1963, nhưng ông đã không được chọn làm người thứ mười hai trong Hội đồng Quân sự Cách mạng dẫn đầu bởi Minh Lớn. Vào tháng 1 năm 1964, Khánh cầm đầu cuộc lật đổ Minh Lớn "mà không phải bắn một viên đạn" và trở thành lãnh tụ tiếp theo của Nam Việt Nam - nhưng triều đại của ông ta chỉ tồn tại vven vẹn một năm. Vào tháng Hai năm 1965, ông ta bị lật đổ bởi bốn vị tướng trẻ.

Fred Flott, The Foreign Affairs Oral History Collection of the Association for Diplomatic Studies and Training (Washington DC: Library of Congress, Manuscript Division, July 22 tháng 1984).

Về đánh giá của Colby rằng vụ đảo chính lật đổ Diệm là sai lầm tồi tệ nhất của Mỹ, xem "Transcript, William E. Colby Oral History Interview II, 3/1/82", by Ted Gittinger, Internet Copy, Thư viện Tổng thống LBJ, 32-33.

Về phản ứng của Kennedy với cái chết của Diệm và Nhu, xem Jones, Death of a Generation, 425-436.

Lời rửa của Kennedy "Đồ chó chết" được diễn giải lại bởi bạn thân của ông Red Fay; xem Thư viện John F. Kennedy, Paul B. Fay Jr., Oral History Interview - JFK #3, 11 tháng 11 năm 1970.

John F. Kennedy, Telephone Recordings: Dictation Belt 52.1. Dictated Memoir Entry, November 4, 1963, Papers of John F. Kennedy, Presidential Papers, President's Office Files, John F. Kennedy Library.

Chương 16

LƯU VONG

Bà Nhu và con gái vẫn còn nán lại ở California qua những ngày khủng khiếp đầu tiên sau vụ đảo chính. Ba đứa trẻ kia đã đến Rome, nhưng bà Nhu vẫn chưa thể theo chúng. Bà không thể chấp nhận được những tin tức đến từ Nam Việt Nam nói rằng ông Diệm và ông Nhu đã chết và quân đội đã kiểm soát chính quyền. Bà Nhu vẫn hy vọng vào một dấu hiệu nào đó cho thấy chồng bà và anh rể bà vẫn còn sống. Một cái chết ngụy tạo có thể là một phần trong những mưu tính tài tình của chồng bà. Những tấm ảnh chụp hai thi thể đổ gục không thuyết phục được bà. Hai cái xác đó bị dập nát quá mức để có thể nhận diện. Bà sẽ mất thêm ba năm nữa để hoàn toàn chấp nhận cái chết của họ và chấp nhận rằng bà sẽ không bao giờ còn là Đệ nhất Phu nhân của Việt Nam Cộng hòa nữa. Trong những ngày sau đảo chính, bà Nhu dựa vào sự tức giận và phần nộ để tiếp tục sống.

Vào ngày 5 tháng Mười Một, bốn ngày sau đảo chính, bà tổ chức họp báo tại một phòng cách xa sảnh khách sạn Beverly Wilshire. Bà Nhu mang kính đen, một chuỗi ngọc đơn giản, và chiếc áo dài sáng dịu, mà màu sắc của nó được nhà thơ Lawrence Goldstein mô tả là "màu của ánh trăng".

Giọng bà Nhu như nghẹn lại khi bà cố gắng đọc một bài phát biểu chuẩn bị sẵn. "Bất cứ ai có người Mỹ là đồng minh thì không cần kẻ thù nào nữa". Bà cáo buộc Hoa Kỳ phải nhận trách nhiệm về vụ đảo chính và, vò cái khăn giấy, trấn tĩnh đủ để đưa ra một lời dự báo kỳ dị: "Tôi có thể nói trước với các bạn rằng câu chuyện ở Việt Nam chỉ mới bắt đầu".

Cha bà, ông Trần Văn Chương, người đã không lúc nào chịu gặp bà trong chuyến đi dài cả tháng của bà đến Hoa Kỳ, leo cầu thang hậu lên phòng suite khách sạn của bà Nhu ở tầng tám. Cha và con gái gặp lại nhau trong khung cảnh riêng tư, và sau đó ông Chương nói với báo chí rằng không có "nhu cầu phải hòa giải"; họ đã xếp qua một bên những khác biệt khi cùng nhìn vào thảm kịch. Bà Nhu kể cho Clare Booth Luce một câu chuyện hoàn toàn khác, và đáng tin hơn nhiều. Cha bà đến thăm bà, bà nói, vì ông muốn trở về Việt Nam tham gia chính phủ mới, nhưng rõ ràng ông không thể làm điều đó mà không được sự cổ vũ của con gái. Không, ngay cả khi ông Chương có thể xoay sở nói về cách thức vượt qua xi-căng-đan chính trị loại đó. Ông không thể đơn giản gia nhập vào lực lượng của những người đã giết con rể ông mà không có vài lời giải thích hoặc sự giúp đỡ của bà Nhu. Ông đến khách sạn của bà ở Beverly Wilshire để hỏi liệu ông có thể nói với công chúng rằng người con gái góa chồng của ông đã tha thứ cho ông.

Nhưng bà Nhu không làm một việc như thế. Bà sẽ không tha thứ cho ông vì đã bỏ rơi chế độ hồi tháng Tám, và bà sẽ không tha thứ cho ông vì đã không tiếp bà và Lệ Thủy ở thềm nhà ông. Bà sẽ không bao giờ, không bao giờ tha thứ cho ông hoặc mẹ bà vì đã khiến tuổi thơ của bà, đứa con gái thứ bị bỏ bê, khốn khổ đến vậy.

Có lẽ bà Nhu biết rằng ông Chương và vợ ông đã làm xói mòn chính phủ ông Diệm trong nhiều năm, nhưng có thể bà không biết tất cả chi tiết. Wesley Fishel, người đứng đầu Nhóm Cố vấn Việt Nam của Đại học Michigan State về sau chỉ còn tư vấn cho chế độ ông Diệm, trở thành bạn thân của ông Diệm trong những năm đầu nhiệm kỳ Tổng thống của ông. Nhóm của ông khuyến bảo mọi thứ từ hành chính công và nhân sự đến kinh tế học và các quyết định thương mại, và nhiều đề xuất của họ đã định hình nên cách điều hành quốc gia của ông Diệm. Nhưng dường như ông Diệm không nói gì nhiều khi trả lời lá thư chân thành của Fishel năm 1960, một lời cảnh báo về "những tham vọng [rõ ràng] muốn leo lên

vị trí cao hơn" của ông Chương. Fishel bảo ông Diệm rằng ông Chương "gần như thành công trong việc phá hoại tổ chức những người bạn của ngài ở Mỹ" từ giây phút ông ta đến Washington với tư cách đại sứ. ¹ Không ai có thể trả lời tại sao ông Diệm giữ ông Chương ở lại, nhưng ít nhất sau đảo chính bà Nhu có thể cảm thấy ít nhiều an ủi khi biết rằng cha mẹ bà sẽ không giành được lợi ích gì từ sự phản bội của họ. Vụ đảo chính mà cha mẹ bà góp phần đặt nền tảng sẽ bắt họ phải sống cuộc sống lưu đày.

Bà Nhu không thể biết rằng cuộc sống của họ sẽ kết thúc vì bị sát hại hai mươi ba năm sau. Bà không thể biết rằng đứa con trai cưng quý mà vì nó họ đã bỏ rơi bà sẽ là người giết họ. Những vở kịch Shakespeare mà cả đời ông Chương rất thích lắng nghe, những chuyện kể về sự điên rồ, phản trắc, bị kịch gia đình, và báo thù, khi nhìn lại đều là những chuyện kể báo trước định mệnh của ông.

Đột nhiên bà Nhu thấy mình có những lo lắng thực tế - như tiền bạc. Phòng khách sạn của bà tốn 98 đô một đêm. Một người gần gũi với bà Nhu tiết lộ với tờ New York Times rằng bà đến Hoa Kỳ với 5.000 đô tiền mặt cho một chuyến đi dự kiến ba tuần. Người đó cũng thì thầm rằng gia tài của bà ở Nam Việt Nam đã được thổi phồng - tất cả tiền bạc đều chạy vào quỹ của đảng chính trị của chồng bà. Không có tiền tiết kiệm và chỉ có một ít cổ phần nước ngoài. "Tiền bạc chắc chắn là một mối lo", người thân cận đó nói riêng với New York Times. Trong khi liệt kê những việc phải làm sau đảo chính, bà Nhu tiếp tục mắc nợ - và bà không còn chính phủ đề gởi hóa đơn tính tiền về. Allen Chase, nhà kinh doanh tài chính ngụ ở cuối con đường riêng dài quanh co chạy vào tận nhà, đề nghị bà trả phòng khách sạn để đến làm khách của ông. Chase và vợ ông để bà Nhu sử dụng phòng ngủ của họ trong khi họ dời ra phòng khách.

James McFadden, chủ tạp chí bảo thủ National Review, là một trong số ít người đến thăm bà Nhu, và báo chí tường thuật rằng bà đã thương thảo với các nhà xuất bản và giới làm phim, dù đang ở Los Angeles, để bàn về việc bán câu chuyện của bà. Nhưng giá trị lớn nhất của bà Nhu có thể được nhìn ra nếu bà ở lại Hoa Kỳ đủ lâu để gây ảnh hưởng đến năm bầu cử sắp tới. Trong một cuộc trò chuyện qua điện thoại, Clare Booth Luce và Richard Nixon chia sẻ cảm tưởng rằng bà Nhu thực sự có khả năng gây tổn hại cho Tổng thống Kennedy. Luce nói với Nixon bà tin chắc "Jack Kennedy muốn có một nền hòa bình qua thương thuyết!" và một khi người Mỹ nhận ra những ý định thật của ông, một Việt Nam Cộng hòa trung lập, ông sẽ không được bầu lại. Bà Nhu, người góa phụ đang khổ đau, "vẫn là một khuôn mặt bí ẩn".

Nhưng rốt cuộc bà Nhu không có chọn lựa thực sự nào. Bà không có tiền, và những người bạn phe Cộng hòa cũng không thể giúp đỡ bà mãi. Bà để lại một nửa hóa đơn 1.000 đô chưa thanh toán ở khách sạn Beverly Wilshire, và bà rời Hoa Kỳ đến Rome để được đoàn tụ với ba người con của mình. Trước khi đi, bà Nhu đọc bài phát biểu từ biệt ở sân bay. "Giu-đa đã bán Giê-su để đổi lấy 30 đồng tiền vàng. Anh em nhà họ Ngô đã bị bán chỉ vì vài đô la".

Trong khi bà Nhu đổ trách nhiệm cho Hoa Kỳ về vụ đảo chính, những người khác cũng đổ tội cho bà. Tổng thống John F. Kennedy không phải là người duy nhất đổ lỗi cho bà Nhu về vụ đảo chính ở Sài Gòn. Viên chức Sở Thông tin Hoa Kỳ Everett Bumgardener gọi bà Nhu là "điềm va chạm" giữa người Mỹ và chế độ họ Ngô. Bà lập ra "đủ thứ mà tôi nghĩ là tai hại đối với chính quyền ông Diệm để rồi cuối cùng dẫn đến sự suy sụp của ông". ² Sử gia về Việt Nam Joseph Buttinger cũng không nhẹ nhàng hơn trong công trình lịch sử hai tập của ông về Chiến tranh Việt Nam: Ông mô tả bà Nhu như hòn đá tròng trên cổ người chết đuối. ³

Nhưng rốt cuộc, bà Nhu đúng về nhiều chuyện mà bà không bao giờ nhận được lời khen. Bà đúng khi nói rằng hàng triệu đô la đổ vào Nam Việt Nam gây tổn hại cũng nhiều như giúp ích trong cuộc chiến

chống Cộng sản. Sự "Mỹ hóa" Việt Nam Cộng hòa đã khiến nhiều người quốc gia hướng đến Cộng sản, những người cảnh báo rằng chủ nghĩa tư bản chỉ che đậy ý định thực dân của Mỹ. Bà Nhu từng nói rằng người Mỹ đang mưu tính chống lại chế độ này, và thực vậy, từ vị đại sứ ở Sài Gòn đến Tổng thống ở Nhà Trắng, họ đang làm vậy. Về việc Cộng sản "đầu độc" các tín đồ Phật giáo - chà, bà cũng lại đúng về chuyện đó. Các nguồn tin Cộng sản sau chiến tranh tiết lộ rằng các đặc vụ của họ thực sự đã xâm nhập vào Phật giáo và thúc đẩy cuộc nổi dậy mùa hè năm 1963. Bằng cách loại bỏ ông Diệm, người Mỹ hình như đã mắc mưu Cộng sản.

Bà Nhu cũng buộc tội báo chí đã bị Cộng sản "đầu độc", và một lần nữa bà đúng. Sau chiến tranh, một người đàn ông Việt Nam tên là Phạm Xuân Ẩn được chính quyền Hà Nội phong danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang, tặng thưởng bốn huân chương quân công, và thăng cấp lên thiếu tướng Quân đội Nhân dân Việt Nam. Ông Ẩn từng là điệp viên của Bắc Việt. Ông từng làm việc cho Reuters, Time, Christian Science Monitor, và New York Herald Tribune. Những người như David Halberstam của New York Times, Charlie Mohr của tạp chí Time, Robert Shaplen của New Yorkers, và ngay cả Stanley Karnow, tác giả của cuốn sách nhiều thẩm quyền Vietnam: A History, đã tìm đến ông Ẩn như một nguồn thông tin và nhà phân tích chính trị. Không nghi ngờ gì, ông Ẩn đã giúp những nhà báo này định hình quan điểm về Việt Nam, và những quan điểm của họ định hình ý kiến của người Mỹ và thậm chí - như trong trường hợp của ông Diệm và vợ chồng ông Nhu - định hình chính sách của chính quyền Mỹ.

Những lời nói từ biệt của bà Nhu tại buổi họp báo ở Beverly Wilshire - "Tôi có thể nói trước với các bạn rằng câu chuyện ở Việt Nam chỉ mới bắt đầu" - cũng trở thành sự thật. Tổng thống Hoa Kỳ John F. Kennedy muốn rút ra khỏi Việt Nam. Nhiều tư liệu cho thấy ông có ý định hủy bỏ những cam kết quân sự của Mỹ đối với Việt Nam Cộng hòa. Các học giả nghĩ rằng Kennedy có thể xúc tiến cuộc đảo chính chống ông Diệm và ông Nhu trong nỗ lực sai lầm muốn thúc đẩy sự rút lui đó, nhưng dĩ nhiên họ chỉ có thể suy đoán khi Kennedy bị ám sát ba tuần sau hai anh em họ Ngô. Vì chết sớm, Kennedy thoát được trách nhiệm tối hậu về Việt Nam.

Ngày 24 tháng Mười Một, 1963, bà Nhu gửi thư chia buồn từ Rome đến Jacqueline Kennedy, bày tỏ "niềm cảm thông sâu sắc đến bà và các con nhỏ của bà". Nhưng bà không thể không thêm vào một lời nhắc nhở nhức buốt về những thống khổ mà bản thân bà đang chịu đựng. "Những vết thương trên người Tổng thống Kennedy giống hệt những vết thương của Tổng thống Ngô Đình Diệm, và của chồng tôi, và chúng [đến] chỉ hai mươi ngày sau thảm kịch ở Việt Nam". Bà Nhu muốn nói rằng, cách nào đó bà thấy mình mạnh mẽ hơn hay được trang bị tốt hơn để đối mặt với thảm kịch so với bà Kennedy khi bà viết, "Tôi càng thông cảm hơn nữa vì tôi hiểu rằng thử thách này đối với bà có vẻ như không thể chịu nổi vì bà đã quen sống một cuộc sống được chở che an lành". Nói cách khác, giờ thì bà thấy nó như thế nào rồi đó.

Ngay sau khi tuyên thệ nhậm chức trên chiếc máy bay phản lực Air Force One vào tháng Mười Một, 1963, tân Tổng thống Mỹ, Lyndon Johnson, xem xét việc leo thang chiến tranh ở Việt Nam. Ông nói, ông sẽ không là "vị Tổng thống nhìn thấy Đông Nam Á đi theo con đường Trung Hoa đã đi"; ông cũng sẽ không để Hoa Kỳ thất bại trước Bắc Việt, "một quốc gia tiêu điều, xơ xác". Trong năm tiếp sau đó, Johnson bật đèn xanh cho các cuộc đột kích Bắc Việt, tăng sự hiện diện của quân đội Mỹ từ 12.000 đến 75.000 quân, và sử dụng các cuộc tấn công được nghe báo cáo lại vào một tàu Mỹ ở Vịnh Bắc bộ để biện minh cho việc gây chiến của Tổng thống. Mọi sự chỉ có tồi tệ thêm từ đó. Các đơn vị chiến đấu của Hoa Kỳ được triển khai vào năm 1965, và chiến tranh ở Việt Nam chuyển thành cuộc chiến tranh giữa Hoa Kỳ và phe Cộng; Trung Hoa và Liên Xô cũng bắt đầu gửi viện trợ giúp Bắc Việt. Đến trước năm 1969, có hơn 500.000 quân nhân Hoa Kỳ đồn trú ở Việt Nam, nhưng họ vẫn không thể cứu

quốc gia này thoát khỏi tay Cộng sản. Hoa Kỳ rút quân năm 1973, và ngày 30 tháng Tư, 1975, những chiếc xe tăng Cộng sản tiến vào Sài Gòn. Việt Nam cuối cùng đã được thống nhất, nhưng phải trả giá nhân mạng quá đắt. Có đến 2 triệu dân thường Việt Nam, 1,1 triệu quân Bắc Việt và quân Cộng sản ở Nam Việt Nam, cùng gần 250.000 quân nhân Việt Nam Cộng hòa thiệt mạng; năm 1982 Bia tưởng niệm Cựu chiến binh Việt Nam ở Washington, D.C, khắc tên hơn 58.200 thành viên của Quân lực Mỹ chết hoặc được ghi nhận mất tích trong chiến tranh. Những bài học tình ngộ về Việt Nam vẫn còn ám ảnh chính sách của Mỹ ở Iraq và Afghanistan.

Khi chiến tranh ở Việt Nam nổ ra và thế giới tập trung vào Vịnh Bắc bộ, rồi Tết Mậu Thân và Mỹ Lai, những trận ném bom Hà Nội mùa Giáng sinh, bà Nhu lủi dần vào hậu cảnh. Cuộc sống của bà ngày càng lạ lùng và buồn thảm. Bà được tặng, từ ai đó giấu tên sau đảo chính, một căn hộ chung cư ở Paris. Bà Nhu không thắc mắc về món quà; suy cho cùng, bà cho rằng người Mỹ nợ bà nhiều hơn một căn hộ, ngoài ra bà còn quá bận rộn trong việc chống lại những nỗ lực đòi dẫn độ bà. Chính quyền mới ở Nam Việt Nam đang kiến nghị chính phủ Pháp tuân thủ hiệp định về công ước tư pháp 1954 cho phép dẫn độ những người bị cho là tội phạm, và Hội đồng lãnh đạo quân nhân đã phát lệnh bắt giam bà. Họ muốn bà Nhu ra trước tòa ở Sài Gòn vì "hủy hoại nền kinh tế quốc gia" và "vi phạm các qui định về ngoại hối". Nếu người Pháp gọi bà về lại Nam Việt Nam, bà có thể dễ dàng biết được điều gì sẽ xảy ra sau đó. Em rể của bà, Ngô Đình Cẩn, vẫn còn ở Việt Nam sau đảo chính. Ông Cẩn tự mình chạy đến lãnh sự quán Mỹ tại Huế với hy vọng sẽ được bảo vệ. Nhưng người Mỹ đã giao nộp ông Cẩn cho Hội đồng quân nhân, họ kết án ông điều hành các hoạt động của ông Diệm ở Huế. Ông Cẩn bị giam trong khám Chí Hòa tại Sài Gòn mấy tháng trước khi bị kéo lê ra sân, đứng trước đội hành quyết. Ông Cẩn bị bệnh tiểu đường mà không được điều trị nên người ta phải tìm cách đỡ dựng ông lên để ông lãnh đạn.

Cho thuê căn hộ bốn phòng mới toanh, ánh sáng tràn ngập và hướng ra tháp Eiffel, là thu nhập tiềm năng duy nhất của bà Nhu - và nó sẽ giúp bà ra khỏi nước Pháp trước khi chính phủ mới quyết định liệu có dẫn độ bà hay không. Người Mỹ khuyên người Pháp nên đồng thuận với chính phủ mới ở Nam Việt Nam. Nóng lòng muốn ra đi, bà Nhu chấp nhận mức giá thuê nhà đầu tiên, thấp hơn nhiều mức 3.000 francs mà bà hy vọng nhưng cũng đủ trang trải những chi phí thiết yếu. Bà chuyển đến một mảnh đất khô cằn ở ngoại ô Rome, miếng đất mà chồng bà đã tậu với hy vọng ngày nào đó sẽ xây dựng một nơi ẩn dật Công giáo cho các công chức trong chính quyền Ngô Đình Diệm.

Người anh cả của họ Ngô, Tổng Giám mục Thục, giúp bà Nhu có được quyền lĩnh canh trên mảnh đất Rome trước khi ông chuyển sang công việc tu hành mới của ông ở xứ đạo miền Nam nước Pháp. Năm 1981, ông trở thành một người kỳ cục. Ông tách khỏi Giáo hội Công giáo chính thống và bắt đầu phong chức giám mục mà không được sự phê chuẩn của Vatican. Ông Thục dính líu đến một âm mưu chọn các giám mục vào một hội đồng ở Mexico, sau đó họ sẽ chọn giáo hoàng mới để lật đổ giáo hoàng ở Vatican. Khỏi phải nói là động thái đó không được giáo hội chuẩn thuận. Ông Thục chết năm 1984, không một đồng xu dính túi và ít người hay biết, thọ tám mươi bảy tuổi tại một tu viện ở Carthage, Missouri.

Mọi chuyện cũng không dễ dàng gì cho bà Nhu. Vào ngày 12 tháng Tư, 1967, đứa con gái yêu của bà, Lệ Thủy, chết vì tai nạn xe hơi ngoại ô Longjumeau, Pháp. Cô chỉ mới hăm hai tuổi. Bà Nhu luôn tin rằng con gái bà bị sát hại. Lệ Thủy đang học để lấy bằng cử nhân luật. Tâm hồn nhiều đam mê và cảm thức báo thù, Lệ Thủy viết trong nhật ký rằng cô sẽ giết những kẻ đã gây tổn hại cho đất nước cô và giết cha cô. Khi bà Nhu nói với tôi về những nghi vấn của bà xung quanh cái chết của Lệ Thủy, tôi thấy lý lẽ của bà thật khó hiểu, nhưng bà nói đến bốn chiếc xe tải cùng châu đầu xông vào chiếc xe của Lệ Thủy trên con đường làng nghèo nàn nghèo, một sự kiện khó xảy ra đến mức, trong tâm trí bà Nhu, nó phải

được sắp đặt. Chứng cứ kết tội rõ nhất của vụ án mạng Lê Thủy, và một âm mưu trùm lên nó, là việc luật sư riêng của bà Nhu sau đó đã xin bà tha thứ; nếu ông ta làm hết sức mình, bà Nhu lý luận, ông ta hẳn đã không cần điều đó. Những kết luận của bà về cái chết của Lê Thủy rất ghê gớm - tuy vậy có thể hiểu được. Dĩ nhiên bà Nhu nghĩ về cái chết của con gái như một tình tiết nữa trong một bi kịch trình thám đã tàn phá cuộc đời bà.

May thay, theo ý bà Nhu, ba đứa con còn lại của bà không quan tâm đến việc trải nghiệm lại lịch sử. Trác, Quỳnh, và Lê Quyên đang cố gắng tự tạo cho mình hình ảnh mới của những công dân châu Âu. Họ vào học các trường danh giá, và hai người có việc làm trong các tổ chức quốc tế: Quỳnh làm cho một tập đoàn sản xuất lớn của Mỹ ở Brussels, còn Lê Quyên làm cho tổ chức cứu trợ Caritas của Ý về các vấn đề người tỵ nạn và di trú. Có vẻ như sau vụ đảo chính ở Sài Gòn và cuộc thảm sát cha và bác của họ năm 1963, cái chết của người chị năm 1967, và vụ sát hại ông bà ngoại mà người cậu là thủ phạm năm 1986, ba đứa trẻ họ Ngô có thể vượt qua được di sản khủng khiếp của họ. Nhưng vào ngày 16 tháng Tư, 2012, đứa con gái út của bà Nhu, Lê Quyên, bị tử nạn trên một xa lộ ở Rome khi chiếc xe Vespa của cô đụng đầu với một xe buýt. Kênh thông tin Roma Uno của Ý đưa lên Youtube một đoạn băng video quay hiện trường tai nạn, máu vẫn rỉ ra từng dòng qua tấm vải trắng trải trên đường. Trong mấy tháng sau tai nạn đã có 50.000 lượt người xem đoạn băng này. Tôi không thể không so sánh với Lời nguyện Kennedy khét tiếng: Tôi nghĩ đến gia đình Kennedey, một danh gia vọng tộc duy nhất khác mà các thành viên của nó dường như phải gánh chịu những số phận bi thảm không tương xứng.

Bà Nhu tránh được nỗi thống khổ phải chôn cất thêm một đứa con. Bà thọ tám mươi sáu tuổi và ra đi nhẹ nhàng, con trai bà trấn an tôi, tự an ủi với niềm tin rằng bà sẽ được đoàn tụ với chồng bà và con gái trên thiên đàng.

Có lẽ là lần cuối cùng được là chính mình, bà Nhu thu hút sự chú ý của báo chí toàn thế giới. Những tấm ảnh của bà từ nửa thế kỷ trước nằm cạnh lời cáo phó; từ đó, chúng được tải lên blog và được ráp nối thành những đoạn phim mờ, nhiều hạt. Cái chết của người được mệnh danh là Rồng Cái của Việt Nam Cộng hòa được đưa lên trang nhất báo New York Times. Bà được "like" trên Facebook, Tweeted, và Tumblred. Mảnh dẻ, nham hiểm và đầy mưu mô - tất cả những từ ngữ sáo mòn cũ kỹ đó lại dậy lên âm ỉ. Truyền thông báo chí nấn ná với tính cách rồng cái gần như chế giễu của bà Nhu khoảng một tuần - một chung cuộc khá huy hoàng cho một người đã sống trong bóng tối bốn mươi năm qua. Nhưng sự trỗi dậy của bà Nhu không thể kéo dài. Cuộc đột kích ngoạn mục và sau đó là cái chết của Osama bin Laden đã chuyển sự chú ý từ những gì xảy ra ở Việt Nam năm 1963 trở lại với các cuộc chiến hiện thời của Mỹ.

Cảm thấy quá đơn độc khi trở lại góc căn hộ mà tôi vẫn gọi là văn phòng của mình. Tôi nghĩ đến bà Nhu mỗi lần chuông điện thoại đường dài reo lên. Tôi phải nhắc tôi đừng cuống lên tìm giấy bút - không phải điện thoại từ bà đâu. Đính trên tường là vô số tấm ảnh của bà Nhu. Tôi vẫn không thể bắt tôi lấy chúng xuống; tôi thậm chí không biết làm sao xử lý đồng báo nằm vương vãi trên sàn nhà. Những mẫu báo cắt ra và những thư báo nội bộ của Bộ Ngoại giao và những bức thư cá nhân vẫn còn trải ra theo thứ tự thời gian, và tôi cứ quay mặt đi để khỏi nhìn vào tập hồi ký của bà Nhu đè nặng lên mé tây bàn làm việc của tôi. Trước khi bà qua đời, tôi đã khởi sự một tiến trình nặng nhọc sắp xếp theo đề mục "ai, chuyện gì, và khi nào", gắn một cầu vòng màu sắc những miếng Post-it kèm theo. Không có bà, chồng giấy trắng kia trông như không thể giải quyết nổi.

Vậy mà, cảm thấy thật tệ hại và bất kính khi công khai nói ra điều này, cái chết của bà Nhu không hiểu sao lại có tính giải thoát. Tôi sẽ không làm tổn thương tình cảm của bà, và bà không còn ngồi đó nữa để phán xét những nỗ lực của tôi. Khi nhìn lại hiểu ra, thấy điều đó có vẻ hiển nhiên. Bà Nhu cứ từ

chối gặp tôi vì bà biết rằng làm vậy sẽ phá vỡ một phần bí ẩn - và sự bí ẩn đó sẽ khiến tôi trở lại với bà. Một khi bà bộc lộ tất cả, bà sẽ không còn làm chủ tình hình nữa. Và bà sẽ không bao giờ làm vậy - ít nhất là không, với chủ đích. Cho đến khi bà không còn giữ được cái bà muốn giữ.

Tôi trần trụi không biết phải làm gì đây. Bà Nhu đã tin tưởng giao cho tôi hồi ký và những tấm ảnh của bà, và sau khi bà qua đời, tôi nhận thấy rõ hơn trách nhiệm đó. Tôi không thể cứ thế để cho những lời nói sau cùng bà nói với riêng tôi bám bụi thời gian; suy cho cùng, bà từng nói đi nói lại với tôi rằng bà muốn có một cơ hội cuối cùng được lắng nghe. Tuy vậy, trong hồi ký của mình, bà chỉ muốn kéo dài phiên bản của riêng bà về huyền thoại Ròng Cái. Bà viết như thể bà đã xa rời hoàn toàn với hiện thực. Chẳng hạn, trong hồi ký của mình, bà Nhu tự cho mình là trung tâm và tự phóng đại mình khi viết, "Do đó đối với tôi, chính vì sự tò mò cá nhân muốn phơi bày cuộc đời dài đằng đẳng của mình mà tôi cố gắng nhớ lại, từng chút một, chặng đường của tôi với tư cách là đứa con nhỏ bé tiền định của Chúa cha... Tôi nghĩ tôi sẽ được thông cảm nhiều hơn, và có thể giúp người khác trên hành trình của họ, bằng cách nhớ lại hành trình của mình". Bà cũng tự tin nghĩ rằng mình hoàn toàn có thể định nghĩa lại khái niệm người phụ nữ Việt Nam hiện đại: "Tôi không bao giờ ngừng đổi mới suy nghĩ, dựa trên những qui luật của cái hiện đại, về cái được gọi là cuộc đời một người phụ nữ".

Bà Nhu lý tưởng hóa bản thân và lịch sử gia đình bà trong những trang hồi ký của mình, chưa bao giờ đặt câu hỏi về mặt tối nằm sau những ý định tốt của gia đình. Lỗi lầm duy nhất mà bà gần như thừa nhận với tôi thì bà chỉ nói thăm qua điện thoại: "Lẽ ra tôi nên khiêm tốn hơn một chút khi nói về sự cao cả của gia đình tôi".

Nhưng trong bối cảnh quan hệ của chúng tôi, điều mà tôi sẽ gọi là tình bạn, tôi thấy bà Nhu là người đàn bà phức tạp và nhạy cảm hơn cả những gì bà tự nguyện thể hiện qua những trang viết bà gởi cho tôi. Tôi đã tìm ra cách để tôn trọng bà vì sự kiên định của bà mà không bỏ qua lối xử tệ của bà, và giờ đây tôi cảm thấy như mình được trao cơ hội đánh thức một nơi chốn xa xôi, lạ lẫm trong lịch sử mà bà từng hiện diện.

Tôi nằm mơ thấy bà Nhu không lâu sau khi bà qua đời. Tôi ở trong một biệt thự ở Rome, đứng trước một mái ngói trông giống một thứ gì đó có trong cuốn sách chữ La-tinh năm lớp tám của tôi. Từ đó tôi được dẫn tới một cái ghế dài bọc nhung bên cạnh cô gái duyên dáng mà tôi cho là Lệ Thủy, đứa con đã chết từ lâu của bà Nhu. Cô ghẻ lạnh với tôi, và tôi chợt lo sợ sẽ phải nghe những lời mắng nhiếc từ bà Nhu. Tôi buộc phải đứng chờ, chờ mãi, cho đến khi một bà già tóc bạc gầy nhom hiện ra nơi ngưỡng cửa. Tôi cảm thấy một thôi thúc kỳ lạ muốn đi tới vòng tay ôm bà, nhưng bà phẩy tay bảo tôi về lại chỗ ngồi. Bà không bao giờ đi vào phòng, nhưng tôi có thể nghe rõ tiếng bà như thể bà đang nói vào tai tôi: "Giờ này tôi bận lắm, không tiếp cô được". Rồi người đàn bà già nua đó quàng vai cô gái, hai người đi khuất. Họ đang gần như biến mất vào một ngách tối của tiền sảnh thì người đàn bà nhỏ thó đó quay lại mỉm cười thật tự nhiên với tôi. Tôi thấy bà vui vẻ. Dĩ nhiên tôi biết rõ tất cả những trò tinh quái mà vô thức có thể bày ra, nhưng tôi thức dậy với sự tin chắc hết sức kỳ lạ rằng bà Nhu đã an nghỉ. Bà không còn quan tâm những gì tôi nói hay làm nữa.

Sau cái chết của bà Nhu, khi cuốn nhật ký của bà xuất hiện ở Bronx, tôi tìm thấy trong những trang viết đó sự xác nhận một tính cách hấp dẫn, đầy mâu thuẫn mà tôi đã biết đến qua điện thoại. Tôi chắc rằng bà không muốn cuốn nhật ký đó được khai thác. Tại sao, bà hẳn sẽ mắng mỏ, mọi người lại quan tâm đến những cuộc cãi cọ vặt vãnh của một cuộc hôn nhân không may? Ai còn muốn nghe những chuyện độc ác nhỏ nhặt này khi họ bị rúm ró trước bóng ma lù lù ngày càng lớn từ không khí chính trị Chiến tranh Lạnh và cuộc chiến chống Cộng sản. Bà không thể thấy rằng câu chuyện cực kỳ riêng tư về những bất hạnh trong hôn nhân của bà là cánh cửa mở ra thế giới tâm lý của một người phụ nữ có tham vọng

rèn đúc bản sắc cá nhân và tất cả những hệ lụy mà bà gây ra.

Ngay ở đoạn đầu cuốn nhật ký, viết ngày 28 tháng Một, 1959, bà Nhu, ba mươi bốn tuổi, vẫn còn trẻ trung và chưa bị mắc kẹt trong những thất vọng của một chế độ chịu số phận bi đát, dẫu vậy bà vẫn tự hỏi, chẳng phải ngay sau khi được rửa tội là thời điểm tốt nhất để chết hay sao? Sự phiền muộn sâu xa của bà trái ngược hoàn toàn với hình ảnh tự tin mà bà luôn thể hiện một cách rất cẩn thận trước mọi người. Vài ngày sau, bà viết rằng bà đã đi đến một quyết định khó khăn. Bà dứt khoát rằng bà sẽ không bao giờ là thứ gì khác ngoài chính bản thân bà. Những dòng mô tả về quyết định này khá mơ hồ, "từ bỏ những giấc mơ hồng tươi", có thể hiểu là chấm dứt những hy vọng và mơ tưởng trẻ con, nhưng đoạn khó hiểu mang tính dứt khoát rõ ràng. "Tôi không thể có gì hơn nữa, tôi sẽ không còn gì hơn nữa".

Trong nhật ký, bà Nhu tỏ ra là một phụ nữ lúc nào cũng lo nghĩ đến cuộc hôn nhân của mình. Bà viết rằng ông Nhu lại đi săn. Ông Nhu khó chịu vì đang cố gắng bỏ hút thuốc. Ông Nhu lỡ chuyến bay về nhà với bà - cố tình, bà nói bóng gió. Chỉ có một lần bà nhớ lại ông đã làm bà ngạc nhiên khi tỏ ra ân cần với bà - mua cho bà một chùm đèn treo thủy tinh nhân kỷ niệm ngày cưới của họ. Cho dù ông Nhu có thể vẫn nhìn bà đắm đắm hoặc đặt bàn tay lên làn da mát lạnh của bà, bà Nhu vẫn than thân trách phận: "Anh ấy không còn đủ trẻ để làm gì hơn". Khi ông tỏ ra biết nắm bắt cơ hội, ông lại không biết làm chuyện đó như thế nào và lúc nào như bà muốn. Bà Nhu cay đắng với ý nghĩ rằng ông Nhu đã xài hết thời trẻ trung theo ý mình, cho người nào ông thích, và ở tuổi ba mươi bốn, bà bị kẹt với chút ít còn lại của ông. Không khó để đoán bà muốn gì. Bà Nhu viết rằng bà phải tìm nhiều cách để "làm dịu ngọn lửa dục vọng".

Dù bà muốn tránh né bằng mọi cách, cuốn nhật ký vẫn cho thấy rõ những nhu cầu tình cảm của bà Nhu đã không được thỏa mãn cho đến khi bà tìm thấy một chỗ đứng trong chính trường. Tôi không thể không cảm thông với người đàn bà tự thổ lộ mình qua những trang viết riêng tư. Bà thất vọng bởi thời gian, bởi không gian, và những truyền thống xung quanh bà. Bà bị bóp nghẹt từ từ trong cuộc hôn nhân không đam mê và bị bao vây bởi những kẻ thiếu tinh thần và khát vọng. Tương lai hẳn là cô đơn khủng khiếp.

"Mình ngày càng bớt yêu anh ấy", bà đau khổ viết cho chính mình đọc. Song, như đã từng thể hiện trước đây trong những phút giây thất vọng, bà Nhu sẽ mạnh mẽ trở lại. Bà sẽ tìm thấy chỗ đứng cho chính mình bên cạnh chồng, là cách duy nhất bà có thể làm, bằng cách đòi hỏi bà phải được thừa nhận. Nhờ sự kiên gan của loài sư tử, bà Nhu đi lại một mình ở Hoa Kỳ suốt trong thời gian đảo chính. Bà không sụp đổ khi anh em họ Ngô ngã xuống; bà không bao giờ bỏ cuộc khi những người chung quanh đào thoát, và bà sống lâu hơn tất cả bọn họ: Những ông tướng phản bội, những quan chức Mỹ lá mặt lá trái, và ngay cả những kẻ âm mưu giả trang ẩn nấp trong bóng tối.

Thậm chí dường như bà đã ném mùi vị tình yêu ít nhiều qua vài cuộc ngoại tình. Trong nhật ký bà viết về ba người đàn ông chỉ bằng tên viết tắt của họ: L, K, và H. Lời lẽ mơ hồ đủ để tôi phải tự hỏi bà có lần nào thực sự làm theo thôi thúc của mình không: "Thật sung sướng là chưa gặp ai có tất cả những cái đó", "những cái đó" là kết hợp mong muốn của sự ngay thật, ngưỡng mộ, và tôn sùng - những phẩm chất xứng với những phẩm chất của bản thân bà. Nhưng H có vẻ là gần gũi nhất, với những gì bà mô tả như là động lực và cách ve vãn khác thường, mặc dù bà không cung cấp chi tiết nào khác mà chỉ nói ông là một Don Juan thú vị. Bà rụt rè hỏi H, "Anh lúc nào cũng như vậy với phụ nữ à?" và câu trả lời của ông làm bà vui sướng không dứt: "Em có thực sự nghĩ mọi phụ nữ đều giống em không? Anh đã phải vượt qua cả đại dương mới tìm ra em".

Người đàn ông H ẩn danh hiểu bà Nhu. Tôi phần nào thông cảm với ông ta, mặc dù tôi không biết, đằng sau chữ viết tắt đó, ông là ai. Ông yêu Lê Xuân, bà Nhu, bởi vì con người của bà: Đẹp đến sững

sờ, kiêu hãnh, ngang ngạnh, một người đàn bà sẽ không bị nhốt vào một chỗ mà những người đàn ông chung quanh bà ngăn ra cho bà. Bà tranh đấu với các đế chế, những kẻ cướp, và các thế lực của lịch sử trước khi đời bà hoàn tất. Bà sẽ đứng giữa câu chuyện, là trung tâm của thiên sử thi mà bà được ném vào, và sẽ không ai có thể quên được bà. Quả thực, bà xứng đáng để vượt qua đại dương tìm kiếm, và tôi vui sướng vì mình đã làm điều đó.

LỜI CẢM TẠ

Lòng tri ân sâu sắc nhất của tôi xin gửi, tất nhiên, đến bà Nhu, vì đã sống cuộc đời lạ thường như vậy và đã chia sẻ với tôi câu chuyện đời bà. Nhưng quyển sách này sẽ không thể có được nếu không có sự giúp đỡ của nhiều người khác.

Bà Nhu ắt hẳn sẽ còn xa lạ với chúng ta biết mấy nếu không nhờ sự hiếu khách của ông John Phạm và tấm lòng hào hiệp của Đại úy James Văn Thạch, những người mà tôi muốn gửi đến lời cảm ơn chân thành.

Tôi đã học tập với nhiều giáo sư và nhà giáo lỗi lạc trong nhiều năm qua. Giáo sư Jack Harris ở Đại học Hobart and William Smith đã dẫn dắt tôi trong chuyến thăm Việt Nam lần đầu tiên, và giáo sư Hồ Tài Huệ Tâm tại Đại học Harvard nổi bật với sự uyên bác lỗi lạc của bà về lịch sử Việt Nam. Ngô Như Bình, người hướng dẫn tiếng Việt của tôi tại Harvard, là người thầy tận tâm nhất tôi có may mắn được học. Xin cảm ơn giáo sư Edward Miller tại Dartmouth đã cho tôi những lời khuyên sáng suốt về học thuật của ông, mặc dù không phải là một giáo sư trực tiếp hướng dẫn tôi.

Tôi đã được hưởng lợi ích to lớn từ sự chân thật và rộng lượng của những người mà tôi phỏng vấn. Nhiều người trong số họ đã sống qua một cuộc chiến mà tôi chỉ có thể viết về nó, và tôi thấy mình kém cỏi so với sự hiểu biết của họ. Cảm ơn ngài đại sứ Jim Rosenthal, bà Mauterstock, Phạm Ngọc Lan, Lan Dai Do, bà Bourdillion, và Dominique Matthieu. Xin gửi lời tri ân vô cùng đến nhiều nhà văn và ký giả đã viết về chiến tranh Việt Nam - và những người đã qua đời khi tôi đang viết quyển sách này, bao gồm Stanley Karnow và Malcolm Browne. Là một lính mới, tôi thấy mình may mắn được coi là thành viên của một nhóm mệnh danh là "Old Hacks". Cảm ơn các bạn đã cho phép tôi tham gia vào những cuộc trò chuyện của các bạn.

Tôi nợ ơn nhiều vị quản thủ thư, chuyên viên lưu trữ văn thư, và những nhân viên đã làm cho cuộc nghiên cứu của tôi trở nên hữu ích hơn tại các cơ sở sau: Thư viện Tổng thống John F. Kennedy và thư viện Tổng thống Dwight D.Eisenhower, Học viện Hoover, Đại học Virginia, Đại học Syracuse, Đại học Tiểu bang Michigan, Thư viện Quốc hội, và Văn khố Quốc gia tại College Park ở Maryland. Xin gửi những lời cảm ơn đặc biệt đến Steve Denneye tại Đại học California, Berkeley, đã chụp và gửi rất nhiều tấm hình và Margaret Harman tại Thư viện Tổng thống LBJ đã định vị những bức ảnh chụp da hổ của bà Nhu. Cảm ơn các chuyên viên lưu trữ văn thư Pháp ở Trung tâm Văn khố Hải ngoại của Pháp ở Aix và Văn khố SHAT ở Vincennes.

Xin đặc biệt cảm ơn MalgorzataLabno và Jessica Martino vì đã đào sâu cuộc nghiên cứu và những bài viết. Và cảm ơn người bạn tài năng của tôi JessicaTampas đã chụp tấm hình tác giả cho tôi. Với Abby Lewis và Laura Phạm Lewis, cảm ơn các bạn đã biến thế giới trở thành một nơi dường như nhỏ bé hơn. Xin gửi lời cảm kích bao la đến Suzanne Santos, Marjorie Elliott, và Sue Kelly vì đã đọc bản thảo kỹ lưỡng và Ted Moore vì cách diễn đạt phù hợp.

Cảm ơn Katherine Sanford và song thân của cô, Peter và Susan Osnos, những người đã khuyến khích tôi trong những nỗ lực đầu tiên. Tôi vô cùng may mắn đã gặp được đại diện Lindsay Edgcombe ở Levine Greenberg Literary Associates. Chị đã đưa tôi đến với một đội ngũ tuyệt vời tại Public Affairs, và tôi chân thành cảm ơn mọi người ở đó đã ra sức cho quyển sách này, nhất là Rachel King và Jen Kelland. Biên tập viên của tôi và là chủ bút của Public Affairs, Clive Priddle, xứng đáng với lời cảm tạ sâu sắc nhất của tôi với việc đã chăm chút từ đầu đến cuối quá trình và cải thiện từng trang viết.

Công việc nhiều năm nghiên cứu và viết lách của tôi sẽ không bao giờ hoàn thành nếu không có sự giúp đỡ của bạn bè và gia đình tôi. Xin tri ân mọi người, đặc biệt là cha mẹ: mẹ tôi, Marie Catherine, và chồng bà, Richard; cha tôi, Gary, và vợ ông, Suzann; và bố mẹ chồng tôi, Carol và Tom. Tôi mang ơn họ, cùng với các em tôi, Tally và Tama, và gia đình họ, vì lòng kiên nhẫn và tình yêu dành cho tôi xuyên suốt dự án này. Tôi mắc nợ một lời cảm ơn đặc biệt đến đôi mắt tinh tường của mẹ; cảm ơn mẹ đã dành thời gian. Trên hết, tôi cảm ơn tình yêu và sự sáng tạo của các con tôi, Tommy và CC, và người chồng tuyệt vời của tôi, Tom; cảm ơn những người đã luôn tin tưởng và truyền cảm hứng cho tôi.

TÓM LƯỢC CÁC BIẾN CỐ LỊCH SỬ

1802: Hoàng đế Gia Long thống nhất một nhóm lãnh thổ gắn kết lỏng lẻo với nhau thành một quốc gia với tên gọi Việt Nam và chọn Huế làm kinh đô.

1859-1880: Pháp chiếm Việt Nam, Campuchia, và Lào - những quốc gia lúc bấy giờ được gọi là Đông Dương - làm thuộc địa.

1910: Ngô Đình Nhu chào đời ở ngoại ô thành phố Huế.

1924: Trần Lệ Xuân sinh ra ở Hà Nội.

1940: Chính quyền Vichy ra lệnh cho chính quyền thực dân ở Đông Dương cộng tác với người Nhật.

1943: Trần Lệ Xuân kết hôn với Ngô Đình Nhu và trở thành bà Nhu.

1945: Nhật đầu hàng, và Thế chiến thứ hai kết thúc. Hồ Chí Minh tuyên bố Việt Nam là một quốc gia độc lập nhưng ngay lập tức gặp phải sự kháng cự của Pháp đang có ý định tái chiếm thuộc địa của họ.

1946-1954: Chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất, một cuộc chiến giành độc lập của Việt Minh, có tầm chiến lược quan trọng trong suốt Chiến tranh Triều Tiên và phân chia sự ủng hộ quốc tế theo các bên trong Chiến tranh Lạnh; Trung Hoa và Liên Xô ủng hộ Việt Minh, Hoa Kỳ ủng hộ Pháp.

1954: Pháp bại trận tại Điện Biên Phủ. Hiệp định Genève chia Việt Nam thành hai quốc gia dọc theo vĩ tuyến mười bảy. Thủ đô của miền Bắc Cộng sản ở Hà Nội; thủ đô của miền Nam, Việt Nam Cộng hòa, ở Sài Gòn.

1954-1963: Ngô Đình Diệm đứng đầu chính quyền Việt Nam Cộng hòa mới thành lập. Em dâu ông, bà Nhu, được ban cho địa vị và quyền lực của Đệ nhất Phu nhân Việt Nam Cộng hòa.

1960: Chính quyền Cộng sản ở Hà Nội thành lập Mặt trận Giải phóng Dân tộc, một lực lượng quân sự du kích chống ông Diệm, chống Mỹ ở Nam Việt Nam, mà về sau người Mỹ gọi là Việt Cộng.

1963: Tổng thống Việt Nam Cộng hòa Ngô Đình Diệm và em trai Ngô Đình Nhu bị sát hại trong một cuộc đảo chính do Mỹ bật đèn xanh. Bà Nhu bắt đầu cuộc đời lưu vong.

1964: Biến cố Vịnh Bắc bộ xảy ra. Quốc hội Mỹ trao cho Tổng thống Hoa Kỳ Lyndon Johnson quyền khai chiến, và sự can dự của quân đội Mỹ ở Việt Nam chính thức bắt đầu.

1973: Hoa Kỳ rút quân khỏi Việt Nam.

1975: Sài Gòn thất thủ vào tay người Cộng sản, và quốc gia Việt Nam được tái thống nhất.

1995: Quan hệ ngoại giao giữa Hoa Kỳ và Việt Nam được bình thường hóa, và lệnh cấm vận của Hoa Kỳ đối với Việt Nam được dỡ bỏ.

2011: Bà Nhu qua đời trong một bệnh viện ở Rome, Ý.

LỜI BẠT

của Peter Osnos, Nhà sáng lập và Biên tập viên độc lập

Chuyến đi đầu tiên của Monique Brinson Demery đến Việt Nam năm 1997 như một phần của chương trình du học của hai đại học Hobart và William Smith. Cô đã nhận được học bổng VASI của Bộ Giáo dục Hoa Kỳ để theo học tiếng Việt tại Hà Nội, và năm 2003, cô nhận bằng Thạc sĩ về Đông Á học của Đại học Harvard. Những cuộc phỏng vấn khởi thủy của Demery với bà Nhu năm 2005 là lần đầu tiên cựu Đệ nhất Phu nhân Việt Nam Cộng hòa dành cho một người phương Tây trong gần hai mươi năm. Demery sống ở Chicago.

Public Affairs là một nhà xuất bản được thành lập năm 1997. Nó là hiện thân của những chuẩn mực, giá trị, và sự tinh tế của ba con người đã phụng sự như những vị cố vấn thông thái của vô số ký giả, nhà văn, biên tập viên, và tất cả mọi người trong giới sách vở, trong đó có tôi.

I.R Stone, chủ sở hữu I.E Stones Weekly, kết hợp sự tận tâm với Tu chính án thứ nhất và lòng nhiệt thành doanh nhân và kỹ năng tường thuật. Ông trở thành một trong những ký giả tự do vĩ đại trong lịch sử Hoa Kỳ. Ở tuổi tám mươi, Izzy cho ra mắt tác phẩm The Trial of Socrates, vốn là một quyển sách best-seller toàn quốc. Ông đã viết quyển sách sau khi tự học tiếng Hy Lạp cổ.

Benjamin C. Bradlee trong gần ba mươi năm là tổng biên tập đầy uy tín của The Washington Post. Chính Ben là người đã mang lại cho Post một tầm vóc và sự can đảm để theo đuổi những vấn đề lịch sử như Watergate. Ông ủng hộ các phóng viên của mình với sự kiên định khiến họ dần dần một cách không sợ hãi và chẳng phải ngẫu nhiên mà rất nhiều người trong số họ đã trở thành tác giả những quyển sách best-seller đầy thanh thế.

Robert L. Bernstein, giám đốc điều hành của Random House trong gần một phần tư thế kỷ, đã dẫn dắt một trong những nhà xuất bản hàng đầu quốc gia. Bản thân Bob có công cho ra đời nhiều quyển sách bất đồng quan điểm và tranh luận chính trị để thách đố những chính thể bạo ngược trên toàn cầu. Ông cũng là nhà sáng lập và chủ tịch lâu đời của Human Rights Watch, một trong những tổ chức bên vực nhân quyền được kính trọng nhất trên thế giới.

Trong năm mươi năm, ngọn cờ của Public Affairs Press đã được giương cao bởi chủ nhân Morris B. Schnapper, người đã xuất bản Gandhi, Nasser, Toynbee, Truman, và khoảng 1.500 tác giả khác. Năm 1983, Schnapper đã được The Washington Post mệnh danh là "một kẻ châm chọc đáng gờm". Di sản của ông sẽ còn tồn tại trong những quyển sách sắp ra mắt.

Peter Osnos, Nhà sáng lập và Biên tập viên độc lập

¹ "Thư giáo sư Wesley R. Fishel của MSU gửi Tổng thống Việt Nam Cộng hòa, (Diện", FRUS, 1958-1960, 1:426-433. Xem thêm về tính cách ông Chương trong Hammer, A Death in November, 303.

² "Phỏng vấn Everett Bumgardener [2], 1982", 24 tháng 8 năm 1982, WGBH Media Library & Archives.

Buttinger, A Dragon Embattled, 2:956-957

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

.

Table of Contents

[Madam Nhu Trần Lê Xuân Quyền Lực Bà Rong - MoniqueBrinson Demery](#)

- [1. Paris, 2005](#)
- [2. Những Năm Mò Bị Bỏ Quên](#)
- [3. Một Gia Đình Quyền Quý](#)
- [4. Chân Dung Một Tiểu Thự](#)
- [5. Cú Điện Thoại Đường Dài](#)
- [6. Ôm Con Chạy Loạn](#)
- [7. Một Nơi Ẩn Lánh Trên Núi](#)
- [8. Người Đàn Ông Kỳ Lạ Ở Đông Nam Á](#)
- [9. Đệ Nhất Phu Nhân Trong Dinh Độc Lập](#)
- [10. Những Tấm Da Cọp](#)
- [11. Trai Trẻ Và Lão Làng](#)
- [12. Những Nhà Sư Tự Thiêu](#)
- [13. Quá Đẹp Để Có Thể Làm Ngơ](#)
- [14. Cửa Đóng](#)
- [15. Đảo Chính](#)
- [16. Lưu Vong](#)